*"Này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai **nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai**." (D.29)*

*"Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta **chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ**." (M.22)*

*"Cũng vậy,này các Tỷ-kheo, khi các **học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử**, các đệ tử của Ta, **dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua**." (Ud 51)*

*"Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất. Ở đây, khi nào các **người ngu có mặt**, chính họ **làm diệu pháp biến mất**." (S.ii,223)*

*"Có năm nghịch tội này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa xứ, **đưa đến địa ngục**, không thể chữa trị. Thế nào là năm? Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, **phá hòa hợp Tăng**." (A.5.129)*

*"Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.*

*Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta **mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác**. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "**Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa**"." (S.v,420)*

*"Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua**? Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già, chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt." (S.ii,104)*

*"Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể phá hòa hợp Tăng, sự kiện này không xảy ra.*

*Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, **kẻ phàm phu có thể phá hòa hợp Tăng, sự kiện này có xảy ra**." (A.1.15.8)*

Bhikkhu Esika PHÁP & PHI PHÁP: Đối Chiếu Theo Kinh Điển Pāḷi

# PHẬT GIÁO THERAVĀDA

**Bhikkhu Esika**

# PHÁP & PHI PHÁP

## ĐỐI CHIẾU THEO KINH ĐIỂN PĀḶI

*Không thân cận kẻ ngu,*
*Nhưng gần gũi bậc trí,*
*Đảnh lễ người đáng lễ,*
*Là điềm lành tối thượng.*
*(Sn.46)*

*Được khen bởi kẻ ngu,*
*Bị chê bởi người trí,*
*Được người trí chê bai,*
*Hơn được kẻ ngu khen.*
*(Thera. 67)*

*Người ngu biết mình ngu,*
*Nhờ vậy thành có trí.*
*Người ngu tưởng có trí,*
*Thật xứng gọi chí ngu.*
*(PC.63)*

*"Này các Tỷ-kheo, trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhất. Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si có thuyết như sau; có kiến như sau: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn".*

*Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình." (A.3.135)*

*"Này Ānanda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi." (D.16)*

*"Như vậy, này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai là vị nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.*

*Này Cunda, Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai." (D.29)*

**PHẬT GIÁO THERAVĀDA**

**Bhikkhu Esika**

# PHÁP & PHI PHÁP

## ĐỐI CHIẾU THEO KINH ĐIỂN PĀḶI

Có chỉnh sửa, bổ sung

19-10-2025

***Sabbadānaṃ Dhammadānaṃ jināti***

***Pháp thí thắng mọi thí!***

***Sabbaṃ rasaṃ dhammaraso jināti***

***Pháp vị thắng mọi vị!***

***Sabbaṃ ratiṃ dhammaratī jināti***

***Pháp hỷ thắng mọi hỷ!***

***Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti.***

***Ái diệt dứt mọi khổ!***

***(PC 354)***

**Quà Pháp, Không Bán!**

Địa chỉ tải tài liệu: ***https://rebrand.ly/PhapVaPhiPhap***

# Ước Nguyện

Cầu mong tất cả thân bằng quyến thuộc đang còn hiện tiền hay đã quá vãng cùng tất cả chúng sanh được tiến hóa trong Chánh Pháp và mau chóng giải thoát khổ sinh tử luân hồi.

*Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.*

*Cầu mong phước thiện này thành tựu đến tất cả quyến thuộc. Cầu mong tất cả quyến thuộc được an lạc lâu dài.*

*Mama puñña-bhāgaṃ sabba-sattānaṃ bhājemi;*

*Te sabbe me samaṃ puñña-bhāgaṃ labhantu*

*Xin chia phước thiện này đến tất cả chúng sanh. Cầu mong tất cả thọ nhận phước thiện này đều nhau cả thảy.*

*Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.*

*Mong phước thiện này trợ duyên chứng đạt Đạo-Quả Arahant, đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân.*

*Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.*

*Mong phước thiện này là duyên lành sớm chứng ngộ Nibbāna, chấm dứt khổ sinh tử luân hồi.*

**Tài Liệu Dành Riêng Cho Phật Giáo Theravāda**

Tài liệu mang tính chất nội bộ, trình bày theo quan điểm Phật giáo Theravāda với Kinh điển Pāḷi và không nhằm tranh biện với các cá nhân hay tổ chức, tôn giáo nào.

# Mục Lục

Lời Nói Đầu....1

Pháp và Phi Pháp....3

*Từ Bi và Kính Trọng....5*

*Kẻ Ngu - Người Trí....6*

*Khen - Chê....13*

*"Không Chỉ Lỗi Người"?....15*

*"Pháp Môn" Thắng Lợi Tinh Thần AQ....18*

*Quy Y - Nương Tựa....20*

*"Năng Lực Tự Giải Thoát"?....22*

*"Con Người Tự Mình Làm Chủ Mình"?....23*

*"Hoàn Toàn Tự Do"?....24*

*Chân Lý, Sự Thật....25*

*Chân Lý Bốn Thánh Đế Thuộc về Ai?....28*

*Tin Gì?....33*

*Tà Tín và U Mê....35*

*Tín và Nghi....38*

*Trí Tuệ và Sự Thật....40*

*Mạt Pháp....43*

*Pháp và Phi Pháp....46*

*Chọn Duyên hay Để Tùy Duyên?....53*

"Đạo Phật Phát Triển".....63
*"Tông Phái".....64*
*Tốt Gỗ Hơn Tốt Nước Sơn.....66*
*Sự Tu Tập và Giác Ngộ.....81*
*"Hình Ảnh Phật".....86*
*Vô Ngã và Sự Tác Ý về Vô Ngã.....88*
*"Duy Ngã Độc Tôn".....97*
*Đấng Sáng Tạo.....99*
*"Ngón Tay Chỉ Trăng" & "Pháp Phương Tiện".....100*
*"Phiền Não tức Bồ-đề".....102*
*"Ba Thừa" và "Duyên Giác Phật" Giác Ngộ Tập Đế.....103*
*Cùng Lúc Có Hai "Phật".....105*
*Mục Đích.....105*
*Thú Cái "Chạy Cúng" "Thành Phật".....106*
*"Thường Còn Chẳng Mất".....108*
*Pāḷi và Sanskrit.....110*
*"A-di-đà".....113*
*"Sắc Tức Thị Không".....119*
*"Không Có Khổ - Tập - Diệt - Đạo".....119*
*Hạt và Hư Không.....120*
*"Duy-ma-cật".....123*
*"Tứ Diệu Đế".....128*
*Chay - Mặn.....136*
*Tổ Sư và Pháp Môn Đóng Tuồng Câm.....140*
*"Các Pháp Phi Nhân Duyên, Phi Tự Nhiên".....146*

*"Tánh Không"*.....151
*"Mở Miệng là Sai"*.....153
*"Tánh Biết"*.....155
*Không Thành Có và Có Thành Không*.....161
*"A-lại-da Thức"*.....162
*"Bình Đẳng"*.....166
*Makkhali, Kẻ Ngu Si*.....169
*Kiến Điên Đảo*.....172
*"Không Có Ai Sanh, Chẳng Có Ai Chết"*.....174
*"Vạn Pháp Duy Thức"*.....176
*"Tâm Vật Vốn Nhất Như"*.....178
*"Trụ Xứ"*.....181
*"Niết-bàn"*.....182
*"Thực Tính"*.....184
*Tâm Được Tu Tập*.....185
*"Thường Còn" và "Vô Thường"*.....186
*"Tự Tịnh - Tự Định"*.....187
*"Niệm Sau Tu Niệm Trước"*.....189
*Tham*.....191
*Sân*.....194
*Giới Luật*.....196
*Ước Mơ*.....201
*"Phẩm Chất Con Người"*.....202
*"Đạo Sống"*.....205
*"Tham Phước"*.....209

*"Lợi Ích" Của Tà Kiến.....214*
*Không - Vô tướng - Vô tác.....216*
*Tinh Thần AQ "Thành Phật".....218*
Đạo Phật và Con Đường Diệt Khổ.....220
*Mục Đích Của Đạo Phật.....220*
*Tỷ Dụ Về Sự Khổ.....221*
*Đức Phật Thuyết Giảng Những Gì?.....222*
*Nguồn Gốc Của Sinh Tử Luân Hồi.....223*
*Sự Chấm Dứt Sinh Tử Luân Hồi.....224*
*Bốn Thánh Đế.....225*
*Khổ Diệt Đạo Thánh Đế (Đạo Đế).....226*
*Phạm Hạnh và Mục Đích Của Phạm Hạnh.....229*
*Đạo Đế là Tam Học Giới - Định - Tuệ.....231*
*Chánh Định Là Định Học.....232*
*Định Học là Duyên Của Tuệ Học.....233*
*Khổ Đế - Năm Thủ Uẩn.....233*
*Tâm Thanh Tịnh và Năm Chướng Ngại.....238*
*Cỗ Xe Tịnh Chỉ & Cỗ Xe Thuần Quán.....240*
Danh Sách Chữ Viết Tắt.....246

**Namo Tassa Bhagavato Arahato**
**Sammā-Sambuddhassa**

# Lời Nói Đầu

Tài liệu được biên soạn với mục đích hướng dẫn nội bộ, hộ trì Giáo Pháp, theo quan điểm truyền thống Theravāda. Mọi nhận định đều dựa trên quan điểm Kinh điển Pāḷi, không nhằm tranh biện với tôn giáo, tổ chức, cá nhân nào.

Tài liệu được biên soạn là dành riêng cho những người quy y đúng chân Tam Bảo, thật sự mong cầu giải thoát theo con đường chánh do đức Phật chỉ dạy, theo Kinh điển Pāḷi được kết tập từ các vị Thánh Tăng Arahant thuộc Tăng Bảo. Tài liệu này sẽ góp phần làm sáng tỏ con đường thực hành chân chánh, trợ giúp việc tu học đúng theo Kinh và Luật.

Theo truyền thống Theravāda, Kinh và Luật là nền tảng để người học Phật nương theo và thực hành. Lời Phật dạy là để nhằm đưa đến đoạn tận khổ đau. Và ý nghĩa danh xưng Như Lai của đức Phật còn là chỉ nói lời chân chánh. Do vậy, phân biệt giáo lý tương ưng với Kinh Luật và các quan điểm không tương ưng là điều cần thiết, để có sự hiểu biết và thực hành đúng chân lý mà Phật giác ngộ để giải thoát khổ.

Việc so sánh với các quan điểm khác được thực hiện trên cơ sở học thuật. Người đọc cần đối chiếu lời người khác với Kinh và Luật. Lời nào tương ưng thì nên học hỏi, thực hành,

lời nào không tương ưng thì nên từ bỏ, như lời Phật dạy trước khi diệt độ trong Kinh Đại Bát-Niết-bàn (D.16).

Tài liệu làm rõ truyền thống Theravāda. Bốn Thánh Đế là chân lý được Phật giác ngộ và tuyên thuyết, và Đạo Đế là con đường duy nhất đưa đến đoạn tận khổ đau. Đệ tử của Phật cần dựa vào Kinh và Luật, thực hành Giới - Định - Tuệ đúng lời Phật dạy để đi đến an lạc và giải thoát khổ.

Theo Kinh điển, chánh kiến là điều kiện đầu tiên trong Thánh Đạo Tám Ngành, đưa đến sự giác ngộ, giải thoát khổ. Bám víu vào các quan điểm sai lạc thì sẽ đưa đến tổn hại.

Tài liệu phân tích các vấn đề liên quan đến sự hiểu sai về từ bi, chỉ lỗi,... là nhằm thể hiện tinh thần phân minh trong giáo lý Theravāda. Ở đây, sự phân biệt pháp và phi pháp không nhằm tạo sự chia rẽ mà là để giữ sự thuần tịnh của Giáo Pháp.

Tài liệu tham khảo, trích dẫn Kinh điển Pāḷi được dịch bởi ngài Thích Minh Châu và ngài Indacanda với mục đích minh họa và củng cố lập luận, giúp người đọc thuận tiện trong việc kiểm chứng và nghiên cứu.

Nếu có những điều chưa phù hợp, chúng tôi mong được các bậc thiện trí chỉ dẫn để tài liệu được hoàn thiện hơn. Mọi góp ý xin liên hệ qua email: esika.bhikkhu@gmail.com.

# Pháp và Phi Pháp

Thực tế, nhiều người có đòi hỏi sai khi tìm hiểu đạo Phật, muốn biết về đạo Phật nhưng lại không tin vào kinh điển, mặc nhiên xem kinh điển là *tam sao thất bổn không đáng tin*, chỉ muốn tin vào sự *"thấu hiểu"* đạo Phật từ người nào đó. Quả là có tam sao thất bổn đối với các tác phẩm nghệ thuật, nhưng nó không đúng đối với những người có học hành và tôn trọng sự thật, lời Phật. Với họ, dù chép bao nhiêu lần thì 1+1 luôn =2 và Bốn Thánh Đế là không thay đổi hay mất đi.

Trước khi tịch diệt, đức Phật dạy ***Pháp và Luật là Đạo Sư***[1] và chỉ nên theo lời nào tương ưng với Kinh và Luật.[2] Vì vậy, kinh điển là thầy của các Phật tử. Và *"thấu hiểu đạo Phật"* là phải có sự tương đồng với kinh điển, nếu không thì đó là sự hiểu biết sai Phật Pháp. Thứ trái với kinh điển Phật Pháp thì không phải là Phật Pháp. Ai nói ra thứ đạo Phật trái với kinh điển thì đó không phải là đạo Phật mà đó chỉ là thứ trái với đạo Phật.

---

[1] *"Này Ananda, **Pháp và Luật**, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính **Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư** của các Ngươi" (D.16)*

[2] *"Không tán thán, không hủy báng, **mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng** và **đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật**. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, **nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật**, thời các Ngươi có thể **kết luận**: **"Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"**. Và này các Tỷ kheo, các Ngươi **hãy từ bỏ chúng**. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, **nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật**, thời các Ngươi có thể **kết luận**: **"Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh"**." (D.16)*

Thực chất, danh xưng Như Lai của đức Phật còn có nghĩa là *"đến bằng sự chân thật"*, nói và làm chân chánh, đúng như sự thật.[3] Phật không có cái gọi là *"pháp phương tiện"*, nói lời đảo ngược để đạt mục đích. Đạo Phật không có *"pháp môn"* nói dối, bất nhất, mâu thuẫn. Đạo Phật có thiện xảo trong thiện pháp chứ không có thiện xảo trong nói dối, hại người. Người thiếu trí thì hay có mục đích sai trái và lời nói dối. Phật chỉ trích nói dối và có đủ trí tuệ để dạy bằng lời lợi ích, chân thật. Như thứ *"Phật"* trong Tây Du Ký, *"Phật"* có *"pháp phương tiện"* nói đảo ngược thì không liên can gì đến Phật. Tuy vậy, nhiều người không biết có sự vô lý. Họ không để ý có thật - giả, phải - trái, họ dễ tin vào những gì thỏa mãn tham sân si, ngã mạn. Đạo Phật là không hợp với những ai chỉ biết tìm cách thỏa mãn tham sân si ngã mạn, bất chấp sự giả dối, không biết chấp nhận sự thật không hợp ý.

Đạo Phật là của Phật. Đạo Phật không phải là đạo của những người bác bỏ, đối nghịch Phật Pháp. Những ai theo thứ đạo đó thì không phải là đệ tử Phật. Và người trí thì theo lời Phật chứ không theo lời những *"đệ tử"* còn vô minh. Trái lại, người thiếu trí thì dễ chọn theo những thể loại trái lời Phật dạy, chê người học và hành đúng theo lời Phật.

---

[3] *Này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai nói phải thời,* ***nói chơn chánh, nói như thật****, nói có lợi ích,* ***nói đúng Pháp, nói đúng Luật****. Do vậy* ***mới gọi là Như Lai****. ...những gì Như Lai nói trong khi* ***thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy, chớ không gì khác****. Do vậy* ***mới gọi là Như Lai****. Này Cunda, Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy.* ***Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy*** *nên được* ***gọi là Như Lai****.(D.29)*

Đệ tử Phật không chỉ cần không tin Tây Du Ký dù truyện hấp dẫn, hợp với tham ái, trí tưởng tượng của con người, mà còn cần biết theo sự thật, từ bỏ sự giả dối, không tin vào những sự mâu thuẫn, giả dối, bất nhất, trái lời Phật dạy.

### *Từ Bi và Kính Trọng*

Thực chất, từ bi không có nghĩa là kính trọng. Tuy vậy, có người đã đánh tráo khái niệm, biến sự từ bi bố thí cho mọi người thành sự kính trọng, ủng hộ các thầy tà kiến, những người dạy các tri kiến sai trái, tai hại, sai sự thật. Điều đó trái với tinh thần của đạo Phật là phân biệt trí-ngu, thiện-ác, thật-giả, lợi-hại, tránh xa sự ngu ác, giả dối, tai hại.

Trong khi đức Phật từ bi dạy ông Upāli là hãy bố thí các vật thực cho những ai cần,[4] và vị Upāli cũng chỉ bố thí chứ không kính trọng gì các thầy tà kiến chống Phật cũ,[5] thì có người xuyên tạc, bóp méo lời Phật thành nên kính trọng và ủng hộ các thầy tà kiến: *"đức Phật khuyên ông hãy tiếp tục **kính trọng** và **ủng hộ** những vị **thầy cũ** của ông ta **như trước**".*[6]

[4] *"Này gia chủ, đã từ lâu gia đình ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. **Hãy bố thí các món ăn cho những ai đến với ông!**"(M.56)*

[5] *"-Từ nay trở đi, này người gác cửa, **ta sẽ đóng cửa đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha**. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu có vị Nigantha nào đến, Ông hãy nói vị ấy như sau: "Tôn giả hãy đứng lại, chớ bước vào! Từ nay trở đi, Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. **Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha**. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. **Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Và có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả**"." (M.56)*

[6] *Đức Phật Đã Dạy Những Gì - Walpola Rahula*

Quả thật là biết đọc, biết viết không có nghĩa là có trí tuệ đọc hiểu. Thực tế, có học sinh đã đưa Kiều vượt không gian, thời gian, từ thơ xưa tiến lên hiện đại, sông Tiền Đường bị di dời, tạo ra các sự kiện và nhân vật một cách *"khéo léo"*,[7] tức là làm kẻ thù của Nguyễn Du. Ở đây, vị ấy đã bóp méo, chế ra lời Phật một cách tài tình, làm kẻ thù của Phật Pháp.

***Kẻ Ngu - Người Trí***

Thật ra, đức Phật xác định thế gian là có kẻ ngu, người trí và dạy chỉ nên thân cận, kính lễ những bậc thiện trí.

*Không thân cận kẻ ngu,*
*Nhưng gần gũi bậc trí,*
*Đảnh lễ người đáng lễ*
*Là điềm lành tối thượng. (Sn 46)*

Như vậy, Phật dạy từ bi với chúng sinh chứ không dạy đối xử bình đẳng với chúng sinh. Quả thật *"gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*, trí và ngu là không bình đẳng. Ai muốn tốt đẹp thì cần biết chọn thầy nói và hành đúng theo kinh điển.

Vì chỉ bậc trí mới giác ngộ đúng *bản chất thế gian*, diệt tận phiền não, giải thoát khỏi khổ sinh tử luân hồi nên cái nhìn nhân duyên là chừng nào còn có tri kiến trái với chân lý mà bậc trí giác ngộ thì chừng đó còn có tri kiến sai. Chừng nào biết chấp nhận đúng chân lý thì chừng đó có chánh kiến.

[7] *"Thúy Kiều là 1 người con gái tài sắc vẹn toàn, song nàng đã bị chế độ phong kiến vùi vào đống bùn nhơ. Đến nỗi, chịu không nổi, nàng đã nhảy xuống sông Tiền giang tự vẫn. May thay lúc đó có một bà đảng viên đi công tác về, bà liền nhảy xuống sông cứu nàng. Sau đó, Kiều giác ngộ và đi theo con đường Cách Mạng." (Một học sinh lớp 9 PTCS T.A, Huế)*

Và thế gian cũng xác định có kẻ ngu và chê trách kẻ ngu:

*"Kẻ ngu có học thì ngu dốt hơn người vô học." (Benjamin Franklin)*

*"Tôi không tin vào tập hợp trí tuệ chung của những cá nhân ngu dốt." (Thomas Carlyle)*

*"Không có gì nguy hiểm hơn bạn bè ngu dốt; thà có kẻ thù khôn ngoan thì còn tốt hơn." (La Fontaine)*

*"Nhiệt Tình + Ngu Dốt = Phá Hoại" (Lenin)*

Do đó, ủng hộ kẻ ngu, đánh đồng họ với bậc trí là làm hại Giáo Pháp. Ở cùng một hoàn cảnh, người trí thì xây, kẻ ngu thì phá. Chính ý thức trí/ngu có trước quyết định cách xây hay phá. Và 9 người 10 ý, *9 kẻ ngu hợp lại là 10 sự phá*. Chấp hiện thực khách quan quyết định ý thức là *đánh đồng tất cả*, không biết có trí-ngu, thiện-ác, sự học tập, tư duy sáng tạo.

Quả thật là có kẻ thù thì còn tốt hơn là có thầy, bạn ngu. Vì ai cũng biết đề phòng kẻ thù nên bạn ngu dễ gây tai họa bất ngờ hơn kẻ thù. Chuyện tiền thân đức Phật số 268 có kể con trai một người làm vườn đã *"động não" "sâu xa"* về lượng nước tưới hợp với mỗi cây con bằng cách *nhổ cây lên* để biết độ dài rễ, rồi trồng lại và tưới. Chuyện tiền thân số 45 kể về cô con gái đập ruồi đậu trên người bà mẹ bằng cái chày, khiến bồ-tát nghĩ: *"Trên đời này, một kẻ thù có trí còn tốt hơn"*.

Dù có ý tốt thì kẻ ngu vẫn có thể hại mình và đời bằng sự ngu ngốc, thiếu hiểu biết. Dù có mục đích *"độ"* người thì kẻ tà kiến vẫn là hại người bằng sự dạy tà kiến, khiến người có nghiệp tà kiến, đưa đến quả khổ, cõi khổ súc sinh, địa ngục.

Và người thiếu trí là còn có thể tự hại mình. Bất kể có các vị thầy theo Chánh Pháp, có nhiều tín đồ tự hại mình bằng cách chấp chặt u mê không bỏ thứ thầy mà họ biết đó là kẻ trái lời Phật vì các thầy giúp họ thỏa mãn tham dục sân si ngã mạn. Họ xem các thầy ấy là *"thần tượng"*, là thứ *"hay ho"*, *"chân lý"*. Trong khi người trí chỉ ra và bác bỏ sự ngụy biện, tri kiến sai thì có nhiều người chán ghét và bài xích sự thâm sâu, khó hiểu, khó hành của Phật Pháp nhưng lại mê *"động não"* không phải là để phản biện mà là để hiểu và chấp nhận những hý luận điên đảo phi lý. Họ nghĩ ra sức hiểu, tiếp nhận và chấp chặt hý luận điên đảo là *"trí tuệ"*.

Và người thiếu trí thì ít bận tâm đến cốt lõi thật-giả, phải-trái, họ thích tỏ ra nguy hiểm bằng sự nông cạn vội vã *"nhìn mặt mà bắt hình dong"*. Tên tuổi, hình thức dáng vẻ bên ngoài và những điều thỏa mãn tham sân si ngã mạn là mấu chốt để họ đặt lòng tin.

Người thiếu trí dễ đặt niềm tin nhầm chỗ, ưa quý trọng, ủng hộ các thầy tà kiến, mê nghe thầy phỉ báng, xuyên tạc, bôi nhọ Phật nhưng ghét ai chỉ lỗi, chê trách các thầy ấy.

Si là gốc rễ của mọi bất thiện. Không có si thì không có tham sân. Và si chấp chặt tà kiến là tự hại mình nhiều nhất.

> *Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị* ***rơi vào địa ngục****. Thế nào là với bốn pháp?*
>
> ***Tự mình có tà kiến, khích lệ người khác có tà kiến, chấp nhận tà kiến và tán thán tà kiến****. (A.4.270)*

Và đức Phật từ bi với chúng sinh không có nghĩa là Phật che giấu sự thật, không dám chỉ trích, chê trách kẻ ngu. Phật chê trách Makkhali trước chư Tăng thì đó không phải là đào huyệt chôn đạo Phật, làm hại tôn giáo khác mà đó là làm gia tăng trí tuệ, sự hiểu biết cho Tăng chúng, làm rõ Pháp và phi pháp, giúp Giáo Pháp vững bền.

> *- Này các Tỷ-kheo, trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhất. Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si có thuyết như sau; có kiến như sau: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn".*
>
> *Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình. (A.3.135)*

Ở đây, vì sự thật và lợi ích chư Tăng, không vì sân si mà Phật gọi kẻ ngu là kẻ ngu.[8] Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là Phật sẽ đi thuyết pháp cho kẻ ngu. Những lời chân thật với từ tâm và lợi ích chẳng thể giúp gì cho chúng. Chúng chẳng thể tiếp thu mà có thể còn thêm sân si tức giận.[9]

---

[8] *"Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời **là thiện thuyết**, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích. Thế nào là năm? **Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm**." (A.5.198)*

[9] *Người ác tuệ, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến trí tuệ liền tức tối, phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ trí tuệ, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, **nói về trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết**.(A.5.157)*

Người thiếu trí dễ dị ứng với lẽ phải vì lẽ phải là dẫn đến phơi bày sự sai trái của họ. Họ không bận tâm đến sự thật, lẽ phải. Họ cố chấp, chỉ biết hành động vì tham dục sân si, ngã mạn. Họ *ưa sự bình đẳng, bất phân biệt trí-ngu, đúng-sai, thật-giả* vì có như thế thì họ mới *tự do nói và làm điều sai trái*. Để tránh bị chê trách, họ quy kết người nói ra sự thật về họ là sân si phỉ báng, để từ đó họ xem sự thật ấy là vô nghĩa.

Và Phật đã dạy về trưởng lão ngu và trưởng lão hiền trí.[10] Thật ra, các vị trưởng lão được tôn kính là vì có thâm niên hiểu biết, thực hành và bảo vệ Giáo Pháp chứ không phải vì có thâm niên thiếu hiểu biết, bóp méo Giáo Pháp.

Với đạo Phật, một người được xem là thầy dạy Phật Pháp không phải vì người đó có thâm niên, danh tiếng, đồ chúng hay bằng cấp mà là vì người đó có hiểu biết, có chấp nhận và thực hành theo lời Phật. Những ai dù có nhiều bằng cấp, danh tiếng, đồ chúng nhưng chỉ dạy và hành những điều trái với Phật Pháp thì vẫn bị xem là sai pháp.

---

[10] ***Nếu trưởng lão**, này các Tỷ-kheo, là **80 tuổi, hay 90 tuổi, hay 100 tuổi đời**, và nếu vị ấy nói phi thời, **nói phi chân, nói phi nghĩa, nói phi pháp, nói phi luật**, nói những lời không đáng giữ gìn, lời nói không hợp thời cơ, **không hợp lý**, không có giới hạn, **không có liên hệ đến mục đích**, thời vị ấy chỉ được gọi **là vị trưởng lão ngu**.*

***Nếu là một vị tuổi trẻ**, này các Tỷ kheo, một thanh niên còn non trẻ, tóc đen nhánh, trong tuổi hiền thiện của đời, còn trong tuổi thanh xuân, vị ấy **nói lời đúng thời, nói lời chân thực, nói lời có nghĩa, nói lời đúng pháp, nói lời đúng luật, nói những lời đáng giữ gìn, lời nói hợp thời cơ, hợp lý, có giới hạn, liên hệ đến mục đích**, thời vị ấy chỉ được gọi **là vị trưởng lão hiền trí**. (A.iv.ii.22)*

Thực tế, đức Phật đã có lời chê trách những vị Tỷ-kheo cao thâm niên nhưng thiếu hiểu biết.

*Người ít nghe kém học,*
*Lớn già như trâu đực.*
*Thịt nó tuy lớn lên,*
*Nhưng tuệ không tăng trưởng. (PC 152)*

Tuy vậy, ngày nay có nhiều Tỷ-kheo còn tệ hơn vị đã bị đức Phật chê trách ở trên. Người bị Phật chê trách chỉ là thiếu hiểu biết Phật Pháp chứ không hại người khác bằng sự chỉ dạy sai trái. Ngày nay, có nhiều người nổi tiếng là nhờ vào việc thuyết và làm những điều trái lời Phật dạy nhưng thỏa mãn tham dục ngã mạn của đồ chúng.

Phật tử được gọi là đệ tử của Phật là vì họ quy y Tam Bảo. Không phải vì quy y, nương tựa vua hay các cư sĩ, tiến sĩ mà họ là đệ tử Phật. Tuy vậy, có người lại y cứ lời vua A-dục mà kính trọng, nghe lời ngoại đạo *có tri kiến trái với Phật Pháp*,[11] trái với điều Phật dạy là *"Không thân cận kẻ ngu" (Sn.46)*.

[11] *"Người ta không nên chỉ kính trọng tôn giáo của riêng mình và bài bác những tôn giáo của kẻ khác, mà* ***phải kính trọng tôn giáo kẻ khác*** *vì lý do này hay lý do khác. Như thế ta có thể làm cho tôn giáo mình phát triển và giúp đở các tôn giáo khác nữa. Nếu không, tức là ta* ***đã đào huyệt chôn chính tôn giáo của mình, và còn làm hại các tôn giáo khác****. Kẻ nào chỉ kính trọng tín ngưỡng của mình và bài xích những tín ngưỡng khác, thực ra họ đã làm thế vì sùng kính tín ngưỡng của riêng mình, nghĩ rằng: "Tôi sẽ làm rạng danh tôn giáo của tôi". Nhưng trái lại, khi làm thế họ* ***đã làm tổn thương tôn giáo mình một cách trầm trọng hơn nữa****. Bởi thế sự hòa hảo là tốt đẹp:* ***mọi người nên lắng nghe, và có thiện chí lắng nghe những lý thuyết mà người khác đề xướng****." (Đức Phật Đã Dạy Những Gì)*

Và Phật dạy từ bi không có nghĩa là Phật dạy kính trọng, nghe lời hay phải đi luận chiến, gây bất hòa với ngoại đạo. Từ-bi-hỷ-xả, *"nước sông không phạm nước giếng" là giữ hòa khí giữa các tôn giáo.* Với tư cách là vua,vua A-dục có thể yêu cầu dân kính trọng, lắng nghe mọi tôn giáo nhưng với tư cách là Phật tử, vua *không thể dạy Tăng kính trọng, nghe lời ngoại đạo*. Vị ấy nên nghe lời Phật hơn là dựa hơi vua để hại Phật tử.

Thực tế có nhiều người ưa phỉ báng Phật nhưng lại muốn được tôn trọng. Người trí không tôn trọng kẻ phỉ báng Phật, tôn trọng chúng là bất kính với Phật. Phật dạy từ bi với chúng sinh chứ không dạy tôn trọng kẻ có tà kiến phi pháp.

Có nhiều tôn giáo thờ các con vật như bò... Họ kính trọng các con vật đó nhưng điều đó không có nghĩa con người cần kính trọng loài vật. Người đời không tôn trọng loài vật là vì sự ngu dốt của nó. Có nhiều người tôn thờ, ca ngợi các thầy có tri kiến sai trái và điều đó không có nghĩa đệ tử Phật cần tôn trọng, nghe lời thứ thầy ấy. Như *vị Thánh Nhập Lưu Upāli* đối xử với thầy tà kiến cũ,[5] người trí không tôn trọng Hitler và các thầy tà kiến vì sự tai hại mà chúng đem lại cho đời. Trái lại, kẻ thiếu trí không chỉ biết chấp thủ tà kiến mà còn biết tham ái, dính mắc, tưởng niệm những thứ thầy tà kiến.

Thế gian có vô số sự thật lẫn sự giả dối, tai hại. Không ai chê trách hết nổi mọi sự giả dối, tai hại. Tuy vậy, đệ tử Phật cần tạo phước thiện trí tuệ là làm thẳng tri kiến, nhớ Pháp, chỉ ra sự sai trái, phi pháp, quả khổ của tà kiến. Đó là cách tạo thiện nghiệp hợp trí, bảo vệ và giúp Giáo Pháp vững bền.

Thật ra, tâm thanh tịnh là do lìa 5 triền cái là tham dục, sân, hôn trầm-thụy miên, trạo-hối và nghi. Không phải vì không biết lỗi người hay vì không khen chê mà thanh tịnh.

Phật dạy người trí thì biết khen kẻ đáng khen, biết chê kẻ đáng chê,[12] kẻ ngu thì khen kẻ đáng chê, chê kẻ đáng khen.[13]

Phật không còn vô minh tham ái, không còn tạo nghiệp không có nghĩa Phật không còn phân biệt thiện-ác, trí-ngu. Phật khen kẻ đáng khen, chê kẻ đáng chê. Phật gọi kẻ ngu là kẻ ngu, gọi Makkhali là kẻ ngu. Phật không xem Devadatta bình đẳng với ngài Ānanda mà Phật khen bậc trí Ānanda, chê kẻ ngu Devadatta. Không khen kẻ đáng khen, không chê kẻ đáng chê, để kẻ ngu lộng hành là mạt pháp. *Đức Phật và chư Tăng luôn nói sự thật Devadatta là ác dục* bất kể trước mặt hay sau lưng, còn sống hay đã chết, có hại họ hay không.[14]

---

[12] *Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo,* ***bậc hiền trí, khôn khéo****, bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như một vật mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách và* ***tạo nên nhiều phước đức****. Thế nào là hai?* ***Sau khi suy tư và thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán, và chỉ trích người đáng bị chỉ trích****. (A.2.xii.6)*

[13] *Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo,* ***kẻ ngu, vụng về****, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quở trách và* ***tạo nên nhiều vô phước****. Thế nào là hai?* ***Không suy tư, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán, và chỉ trích người xứng đáng được tán thán****. (A.2.xii.5)*

[14] *- Này các Tỷ-kheo,* ***các Ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?***

*- Thưa có, bạch Thế Tôn.*

***- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là ác dục.*** *(S.ii,155)*

Vì vận động theo quy luật tự nhiên, không có khả năng *chọn hành động* nên không thể nói sự vận động của vật chất là đúng hay sai. Tùy theo nhu cầu mà mỗi người đánh giá sự vận động của vật chất là lợi hay hại, tốt hay xấu. Người trồng lúa hay làm muối xem cơn mưa là lợi, hại khác nhau.

Và thế gian không phải chỉ có vật chất mà còn có ý thức. Ý thức tiếp thu thông tin qua 5 giác quan và quyết định sự hành động bằng thân hay lời *theo kinh nghiệm, sự hiểu biết, căn tánh, nhu cầu, sở thích*, qua đó tác động lại thế giới. Khác vật chất không có đúng/sai, ý thức có sự lựa chọn, đúng/sai. Ý thức *1+1=2 là đúng, 1+1=5 là sai*. Vật chất không quyết định kẻ ngu biết 1+1=2 hay bậc Thánh nói láo. Hợp pháp là đúng, phi pháp là sai. Các nhu cầu hợp pháp khác nhau về mưa không có nghĩa là không có đúng/sai hay nhu cầu tà dâm là đúng. Đạo Phật xem biết nghiệp quả, biết vì lợi lâu dài là trí, tham sân si chấp ngã vì lợi trước mắt mà khổ lâu dài là ngu. Kẻ ngu thì bác bỏ, bất phân hay phân biệt đúng-sai, tốt-xấu dựa trên tham sân si, ngã mạn, nhu cầu, sở thích. Người trí đánh giá đúng-sai, tốt-xấu dựa trên sự thật, lời Phật, lẽ phải.

Vì kẻ ngu thường ưa ác, ghét thiện nên bị người trí chê thì tốt hơn được kẻ ngu khen. Nhờ người trí chê để biết sai mà sửa còn hơn được kẻ ngu khen để lún sâu vào sự tai hại.

*Được khen bởi kẻ ngu,*
*Bị chê bởi người trí,*
*Được người trí chê bai,*
*Hơn được kẻ ngu khen. (Thera. 67)*

*Nếu thấy bậc hiền trí,*
*Chỉ lỗi và khiển trách,*
*Như chỉ chỗ chôn vàng*
*Hãy thân cận người trí!*
*Thân cận người như vậy,*
*Chỉ tốt hơn, không xấu. (PC76)*

*Những người hay khuyên dạy,*
*Ngăn người khác làm ác,*
*Được người hiền kính yêu,*
*Bị người ác không thích.*
*(PC77)*

Như vậy, Phật đã dạy về lợi ích khi được người trí chỉ lỗi. Phật còn dạy về thiện thuyết nói đúng thời, đúng sự thật, nhu hòa, lợi ích, từ tâm.[8] Phật dạy từ bi, chớ sân si ngã mạn, chứ không dạy đừng chỉ lỗi, bất từ bi, bỏ mặc sai trái tai hại.

Và để các đệ tử tiến bộ, Phật không để mặc họ sai trái mà dùng lời mềm mỏng lẫn cứng rắn để nhiếp phục.[15] Tuy vậy, nếu đã nói đủ lời mà họ vẫn không nghe thì Phật *“giết”* họ. Ở đây, *“bị giết”* trong Giáo Pháp có nghĩa là bị cả thầy và bạn bỏ mặc, thấy không đáng để giáo giới, chỉ dạy hay nói đến.[16]

---

[15] *Này Kesi, Ta nhiếp phục người đáng được nhiếp phục với **lời nói mềm mỏng**, Ta nhiếp phục với **lời nói cứng rắn**, Ta nhiếp phục với **lời nói vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn**.(A.4.111)*

[16] *Nhưng người đáng được điều phục ấy **không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn**, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Và các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. **Bị giết hại**, này Kesi là con người này, **trong giới luật của bậc Thánh**, bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới, **bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới**. (A.4.111)*

Tuy vậy, các tông phái lại tạo ra *"bồ-tát giới"* là *"không nói lỗi người" (Giới Nói Lỗi Của Tứ Chúng)*. Hơn thế, Pháp Hoa còn dạy không nói lỗi, bất kể họ gây hại đến mình và đời.[17]

Vì người thiếu trí thì thường nói sai, bất phân thật-giả, tốt-xấu nên *"giới không nói lỗi"* ấy chỉ nên dành cho họ, chứ không dành cho người có trí nghe lời bậc Toàn Giác. Nếu ai cũng dùng *"giới"* ấy thì kẻ thiếu trí sẽ thoát khỏi bị chê trách, khiến họ tự do gây bất thiện, tự hại họ và đời, gây mạt pháp. Phật không có ba-la-mật hành giới ấy và không dạy giới đó.

Và khi nói đúng lỗi thì lỗi là lỗi. Dù người chỉ lỗi nói với tâm sân thì lỗi cũng không trở nên đúng, hết lỗi. Tuy vậy, chỉ lỗi với tâm sân là không tốt. Và vì từ bi, vì sự thật lợi ích, không vì hơn thua với ý thức về sự vô ngã, do duyên sinh là trí chỉ lỗi mà không sân si, kiêu mạn. Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là có thể tùy tiện chỉ lỗi. Như Phật đã dạy,[9] chỉ lỗi cho kẻ ngu là ác thuyết vì vô ích, chỉ khiến họ sân si.

Ở đời ai cũng có sai lầm. Người trí bận tâm về sự thật hơn cái tôi nên biết nghe chỉ lỗi, sửa sai. Kẻ thiếu trí bận tâm về cái ngã chứ không bận tâm về sự thật, lẽ phải. Họ ưa bảo vệ cái sai, ưa *"chỉ lỗi"* người trí và ngăn người trí chỉ lỗi mình, muốn người trí vì hòa bình mà để cho họ lộng hành gây hại.

[17] ***Sau khi đức Như Lai diệt độ**, ở trong đời mạt pháp **muốn nói kinh này, phải trụ nơi hạnh An lạc**, hoặc miệng tuyên nói hoặc lúc đọc kinh đều **chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển**; cũng chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, **chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác**. Ở nơi hàng Thanh văn cũng **chẳng kêu tên nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng kêu tên khen ngợi điều tốt của người đó**. (Pháp Hoa-An Lạc Hạnh)*

Và vì nếu để những kẻ phá giới làm loạn thì sẽ mạt pháp nên chư Arahant thuộc Tăng Bảo đã tiến hành tranh tụng, bác bỏ giới của họ, kết tập kinh điển lần hai. Trái lại, những kẻ phá giới chế luật, chia rẽ Tăng,[18] không quy y Tam Bảo, lập ra Đại Chúng Bộ. Với đạo Phật, những ai không quy y chân Tam Bảo thì chỉ có thể là đệ tử Phật tự nhận và đạo đó cũng là đạo Phật tự nhận. Tuy vậy, chỉ có ai lập tông phái mới phạm chia rẽ Tăng chứ những ai theo đạo ấy thì không.

Vì đạo Phật của Phật thì chỉ có một nên chấp nhận có tông phái là chấp nhận có chia rẽ. Cái nhìn nhân duyên là chừng nào còn chưa quy y Tam Bảo thì chừng đó chưa phải đệ tử Phật. Chừng nào quy y đúng chân Tam Bảo và có giữ 5 giới thì chừng đó mới thật là đệ tử Phật. Đạo Phật từ bi, khoan dung, độ lượng không có nghĩa là đạo Phật bao che sai trái, cứ mặc người lầm lạc, chịu quả khổ lâu dài về sau.

Và để hộ trì Giáo Pháp, củng cố chánh kiến, tránh để bị mạt pháp thì cần chỉ lỗi trên thế gian cho nhau biết nhưng không cần dạy hay cố gắng thay đổi những người ngoài đạo.

[18] *Ở đây, này Upàli, các Tỷ-kheo thuyết **phi pháp là pháp**; thuyết **pháp là phi pháp**; thuyết **phi luật là luật**; thuyết **luật là phi luật**; thuyết **điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai nói, Như Lai thuyết**; thuyết **điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết**; thuyết điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết **điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai chế đặt**; thuyết **điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt**. Chính do mười sự này, **họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất động yết-ma, họ tuyên đọc giới bổn Pàtimokkha khác biệt**. Cho đến như vậy, này Upàli, là chúng Tăng bị phá hoại. (A.10.35)*

### *"Pháp Môn" Thắng Lợi Tinh Thần AQ*

Thực tế, nhiều người thích dùng *"pháp môn"* thắng lợi tinh thần AQ, tự huyễn hoặc để thấy mình hơn người, ai chê họ là còn tệ hơn tự chê mình.

Và dòng Huyền Giác có pháp môn là *"vô sai biệt trí"*,[19] tức mất trí phân biệt. Đó là sự hợp nhất, lẫn lộn các khái niệm, đối tượng khác nhau. Tuy hô vô ngã nhưng họ lại chấp thêm đại ngã, có tà kiến hơn người. Họ lẫn lộn mọi người, vũ trụ là một, là họ.[20] Ai nói họ sai là tự người đó sai, ai chê đạo họ là tự hại đạo mình,[21] họ ảo tưởng mình là đại ngã. Họ đi từ điên đảo này đến điên đảo khác. Từ sự mất trí phân biệt, họ chấp đại ngã, từ sự chấp đại ngã, họ bác bỏ sinh tử.[20] Từ sự chấp đại ngã, họ ngăn người khác chỉ lỗi, phản bác, từ đó họ thấy mình không có gì sai để từ bỏ. Họ theo sự tham sân si, thiếu hiểu biết của mình chứ không theo ý người khác. Họ không từ bỏ ăn mặc khi đã có người khác ăn mặc. Họ không để ý đến đúng hay sai thực tế, hay họ sai, người khác đúng, họ chấp những gì họ hý luận, ảo tưởng ra là *"chân lý"*.

---

[19] *Mỗi mỗi có sự sai biệt mới là vô sai biệt. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[20] *Trong mê lầm thì thấy mình là cá thể độc lập, sự sống của mình độc lập đối với các sự sống khác, mình với thế giới vạn hữu là riêng khác* ***mà không thấy rằng cảnh đối tượng chính là tâm của mình, sự sống của người cũng chính là sự sống của mình, mình và thế giới vạn hữu không hai****. Nếu thấy được vậy thì* ***mê lầm sinh tử chấm dứt****.(Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[21] *Người nào chỉ kính trọng tín ngưỡng của mình mà bài xích những tín ngưỡng khác, khi làm thế, họ đã làm tổn thương tôn giáo của mình một cách trầm trọng. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Do mất trí phân biệt các thực thể, duyên-quả, trước-sau, lẫn lộn vật chất và phi vật chất, dòng Huyền Giác ảo tưởng các duyên là quả, biến các duyên sinh tâm cũng là tâm, biến thế giới thành tâm mình và có thứ ngộ là sự chấp ngã *"cảnh đối tượng chính là **tâm của mình**" (LL1DT)*.

Ví như kẻ mất trí chấp nước là một với chuối, cũng vậy, do không biết đến các thực thể 5 uẩn khác nhau sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên dòng Huyền Giác chấp tất cả các thực thể khác nhau trong thế giới đều là họ.

Thực tế, vì tưởng làm chủ thân tâm nên con người chấp thân tâm là của họ. Với *"cảnh đối tượng chính là tâm của mình" (LL1DT)*, dòng Huyền Giác chấp vô số thứ chẳng liên can gì đến họ cũng là họ, chấp cát là tâm họ và tâm họ cũng là cát.

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác chấp có đại ngã *"mình và thế giới vạn hữu không hai"*. Họ ngỡ *"sự sống của người cũng chính là sự sống của mình"* dù mỗi ngày đều có người tử. Họ có hiểu biết điên đảo về sinh tử, trái ngược với đạo Phật. Trong khi sinh tử là sự thật tự nhiên do duyên 5 uẩn thì họ dùng chủ quan mất trí phân biệt để thấy không có sinh tử.

Thực tế, người trí ý thức sự vô ngã còn là để không sân si ngã mạn phủ nhận sự thật. Trái lại, tuy hô hào vô ngã nhưng dòng Huyền Giác lại chấp cả tiểu ngã lẫn đại ngã. Thay vì dựa vào sự thật, lẽ phải để biết đúng hay sai thì họ dựa vào sự chấp đại ngã để hô người khác tự hại mình khi chê trách họ, và không chịu nhận sai khi trái ý người khác.

### *Quy Y - Nương Tựa*

Quy y nương tựa Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng chính là bước đầu tiên để trở thành Phật tử và đức Phật cũng dạy là *"tự mình y chỉ (nương tựa) mình" (PC 160)* và điều đó không có gì mâu thuẫn. Quy y Tam Bảo là để biết con đường và tự mình chứ không ai khác phải đi trên đó. Không ai có ba-la-mật như Phật, không ai có thể tự biết con đường đó, trừ Phật là không cần thầy chỉ dạy mà tự tìm ra con đường giác ngộ thành Phật, còn lại thì đều cần phải có Tam Bảo chỉ đường.

Phải tự mình đi trên con đường đó không có nghĩa là không cần ai giúp đỡ. Nhờ y tựa Giáo Pháp, sự chỉ dạy của người thầy mà các vị đệ tử mới có thể đi đúng con đường giải thoát. Do vô minh, thiếu ba-la-mật nên nếu không có ai giúp cho biết Chánh Pháp thì họ không biết đạo lộ hay ngỡ tà đạo là chánh đạo, đi đến khổ cảnh, không giải thoát khổ.

Có lần ngài Ānanda nói *"Một nửa Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, là thiện bạn hữu, thiện bạn đãng, thiện thân tình"* nhưng đã bị Phật bác bỏ *"Chớ có nói vậy, này Ananda! Chớ có nói vậy, này Ananda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ananda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đãng, thiện thân tình. Với Tỷ-kheo có thiện bạn hữu, thiện bạn đãng, thiện thân tình, này Ananda, thời được chờ đợi Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho viên mãn"(S.v,2).* Thật vậy, nếu không có thiện bạn hữu với Phật là thiện bạn hữu tối thắng thì không ai biết thực hành Phạm hạnh đưa đến giải thoát.

Hơn nữa, bất kỳ ai sau khi xuất gia Tỷ-kheo thì đều được dạy về bốn vật nương nhờ là vật thực, y phục, cốc liêu, thuốc men. Và hằng ngày, các vị ấy đều cần phải thực hiện giới quán tưởng là *"Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác"*.

Thực chất, phải tự mình tu tập, không ai giải thoát giùm không có nghĩa là không cần ai chỉ dẫn Pháp, không cần sự giúp các vật dụng, không cần ăn, mặc, trú xứ, thuốc men. Tuy vậy, có người bảo: *"không bao giờ nên tìm nơi nương tựa hay sự giúp đỡ của bất cứ người nào khác"*.[6]

Và Phật dạy nên quy y Pháp[22] nhưng đừng chấp Pháp là của ta.[23] Tuy vậy, người thiếu trí ngỡ không chấp thủ Pháp là không nương tựa Pháp. Với tư tưởng vô chấp ấy, họ chấp tham sân si, thiếu học, *không theo Pháp*. Vì lấy lạc làm cơ sở đánh giá đúng-sai, không biết có *lạc từ trí học-hành Pháp* và *lạc từ 5 dục tham sân ly trí tà kiến* nên *họ ngỡ không theo Pháp*, bất phân biệt Pháp và phi Pháp là đúng vì nhờ đó mà có lạc.

---

[22] *Vậy này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn,* ***dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác****. Này Ananda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Ananda,* ***như vậy là*** *Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình,* ***tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một điều gì khác****, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn,* ***dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa****, không nương tựa một điều gì khác.(D.16)*

[23] *Chư Tỷ-kheo, các Ông* ***cần hiểu ví dụ cái bè****. Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp. (M.22)*

### *"Năng Lực Tự Giải Thoát"?*

Thế gian không phải chỉ có người trí. Phật chỉ tế độ được người hữu duyên có trí, không độ được người vô duyên hay thiếu trí. Số người chấp nhận Phật Pháp luôn là thiểu số.

Chúng sinh luân hồi là vì không giác ngộ Bốn Thánh Đế. Và người vô nhân hay nhị nhân thì không có nhân trí tuệ để có thể giác ngộ trong kiếp ấy. Hơn nữa, không ai có trí như Phật là không thầy, tự phát hiện và tu tập Đạo Đế mà giác ngộ. Dù biết vô số điều, Phật chỉ dạy Bốn Thánh Đế vì đó mới đưa đến giải thoát (S.v,437). Phật dạy là để đệ tử biết pháp đi đến giải thoát, không phải đi tìm sự giải thoát từ con số 0, đi sai đường vì thiếu ba-la-mật. Tuy vậy, có người nói vì có trí tuệ, năng lực tự giải thoát nên con người cứ *tự mở mang tìm giải thoát: "Ngài giảng dạy, khuyến khích và* ***cổ võ mỗi người tự mở mang*** *và* ***tìm sự giải thoát*** *cho chính mình, vì con người* ***vốn có năng lực tự giải thoát*** *khỏi mọi ràng buộc* ***bằng trí tuệ*** *và* ***nỗ lực*** *của chính mình".*[6]

Thực chất, bồ-tát mất vô số kiếp tích lũy ba-la-mật mới không thầy, tự tìm ra con đường giải thoát khổ. Tuy vậy, có nhiều người ngỡ vô duyên, không cần nhiều ba-la-mật vẫn có thể *"tự mở mang và tìm sự giải thoát"*. Do không biết mình vô minh, phàm phu nên họ chế ra những con đường trái với lời Phật dạy và dắt theo người khác. Ai có trí tuệ, lòng tin, hiểu biết về Tam Bảo thì chỉ tin bậc Toàn Giác, không tin *"trí"* tìm sự giải thoát của các đệ tử còn vô minh, phàm phu.

### *"Con Người Tự Mình Làm Chủ Mình"?*

Thật ra, Phật chỉ ra đời ở cõi người là vì như vậy sẽ lợi ích cho nhiều chúng sinh nhất. Số chư thiên và Phạm thiên chứng quả giải thoát là hơn rất nhiều lần so với con người.

Hơn nữa, *"tất cả pháp vô ngã" (PC 279)*, không phải chỉ có con người mà chư thiên, Phạm thiên đều do duyên tạo, đều không có quyền tự do, tự chủ, đều không chịu quyền năng nào định đoạt số phận, định đoạt sự giác ngộ giải thoát khổ.

Tuy vậy, có người tâng bốc hoàn cảnh con người, chấp con người là ngã, có quyền làm chủ mình: *"Theo Phật giáo, **hoàn cảnh con người thật tuyệt**. **Con người tự mình làm chủ mình**, không có một thực thể hay quyền năng nào cao hơn có thể định đoạt số phận nó".*[6] Nếu thật như vậy thì con người đừng già chết, đừng cần duyên tu tập mà cứ giác ngộ Niết-bàn đi.

Phật không dạy *"con người tự mình làm chủ mình"*. Phật bác bỏ ngã, bác bỏ cái gọi là *"có quyền làm chủ"*.[24] Phật dạy chúng sinh là *"chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp", "nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình",*[25] chứ Phật không dạy có cái ngã mình nào làm chủ mình.

---

[24] *-Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Sắc là tự ngã (atta) của ta", ông **có quyền hành gì** đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi **phải như thế này**, sắc của tôi **không phải như thế này**" không?*

*- Thưa không, Tôn giả Gotama. (M.35)*

[25] *- Này Thanh niên, các loài hữu tình là **chủ nhân của nghiệp**, là **thừa tự của nghiệp**. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, **nghiệp là điểm tựa**, **nghiệp phân chia các loài hữu tình**; nghĩa là **có liệt, có ưu**. (M.135).*

***"Hoàn Toàn Tự Do"?***

Thực chất, Phật giáo huấn chư Tăng bằng Pháp và Luật. Luật đặt ra là để tuân thủ, là để ngăn sự tự do nói và làm. Tỷ-kheo thì phải biết Giới Luật, biết không được tự do, nếu hành dâm, trộm cắp, giết người, khoe pháp thượng nhân đắc thiền, đạo-quả không thật thì sẽ bị trục xuất khỏi Tăng. Sau khi thiết lập xong Pháp và Luật, không còn Pháp gì trong tay thì Phật mới *"không nghĩ rằng: "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo""* và dạy *"sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi" (D.16)*. Tuy vậy, có người lại bảo rằng: *"đức Phật **cho các môn đệ hoàn toàn tự do**", "Ngài **không bao giờ nghĩ** mình điều khiển Tăng già (Sangha)"*.[6]

Đạo Đế là con đường duy nhất để giác ngộ Bốn Chân Lý Cao Thượng, giải thoát khổ sinh tử luân hồi *mà không có con đường nào khác(S.v,437)*. Không cần thần linh ban ân huệ không có nghĩa là có thể tự do giác ngộ Bốn Thánh Đế. Sự giải thoát chỉ có thể đạt được với sự ràng buộc là phải hành đúng Đạo Đế Giới-Định-Tuệ ở cả kiếp quá khứ lẫn hiện tại, không thể vô duyên, bất cần ba-la-mật mà tự do trực nhận Bốn Thánh Đế. Thực tế, thấy các sự thật như có bò, có gà... còn cần có duyên, nói gì đến sự giác ngộ Bốn Thánh Đế. Tuy vậy, không đếm xỉa gì đến sự ràng buộc tu tập Đạo Đế, có người bảo rằng *"sự trực nhận chân lý"* là cần có sự tự do: *"**Sự tự do này thật cần thiết**, vì theo đức Phật, **sự giải thoát của con người tùy thuộc vào chính sự trực nhận chân lý**"*.[6]

Thực tế, dù ai cũng có thể nói lên các sự thật như *có gà, có bò*... thì điều đó không có nghĩa là ai cũng biết, chấp nhận và nói đúng sự thật. Ai nói quả táo bay lên, 1+1=6 thì đó là nói sai sự thật. Ở đây, do Newton không giữ riêng cho mình hiểu biết vạn vật hấp dẫn mà người có học biết đến điều ấy.

Thực tế, có 2 loại sự thật là sự thật khách quan và sự thật chủ quan. Sự thật chủ quan thì tùy vào sở thích, nhu cầu, khả năng của mỗi người, là sự thật đúng với người này mà không chắc đúng với người khác, đúng hay sai là tùy người. *"Hồng là màu đẹp nhất"* là sự thật đúng với người này nhưng không chắc đúng với người kia và chúng là có thể thay đổi tùy theo tâm tình. Và sự đánh giá *lợi-hại, tốt-xấu, thiện-ác* là cũng tùy quan điểm, nhu cầu của mỗi người; người giác ngộ, kẻ vô minh, người trí nhìn xa, kẻ ngu thiển cận sẽ có những sự đánh giá khác nhau. Trái lại, sự thật khách quan thì không tùy thuộc vào sở thích, căn tánh mỗi người. Sự thật 1+1=2 không tùy thuộc vào ý thích, có biết hay không biết, ai chấp nhận 1+1=2 thì người đó đúng, là có trí, ai không chấp nhận thì người đó sai, là dốt. Do có vô số sự thật và sự giả dối nên trí-ngu có nhiều cấp độ và tùy từng trường hợp.

Thế gian có vô số sự thật, không phải chỉ có một sự thật. Thực tế, tôn giáo nào cũng tự cho mình là *"chân lý"* nhưng đó có thật là chân lý hay không thì lại là chuyện khác. Đạo Thiên chúa có người tên Jesus, đó là sự thật nhưng đó

không có nghĩa là các tôn giáo khác để tâm đến sự thật ấy cũng như không có nghĩa tất cả giáo lý của đạo ấy là sự thật.

Khác với vật chất, *một khi đã lan truyền* thì không ai có thể độc quyền sở hữu hay sử dụng sự thật. Với các sự thật như có gà, có bò thì không cần gắn nhãn hiệu là của Ấn giáo hay Hồi giáo. Nhưng vì các tôn giáo có *"chân lý"* mâu thuẫn, khác nhau về cùng một đề tài mà sự thật về đề tài thì chỉ có một nên theo quy tắc logic thì tất cả đều sai sự thật hoặc chỉ có duy nhất một tôn giáo nói đúng sự thật về đề tài ấy. Cụ thể, đạo Chúa nói có đấng Sáng Tạo nhưng đạo Phật phủ định điều đó, do vậy, cả hai không thể cùng nói đúng sự thật về đề tài ấy. Tuy vậy, nếu một bên nói có bò, một bên nói có gà thì cả hai bên đều đúng do đã nói về hai sự thật khác đề tài.

Do có sự mâu thuẫn, khác nhau về từng đề tài giữa các tôn giáo, do tôn trọng cốt lõi, không để các tôn giáo nhận vơ mình là chân lý nên người trí gán nhãn *"chân lý"* của riêng từng tôn giáo và không xem tất cả đều là chân lý. Và do không tôn trọng cốt lõi nội dung, bị vỏ bọc tên gọi *"chân lý"* của các tôn giáo đánh lừa nên có người đã xem các giáo lý mâu thuẫn nhau về cùng một đề tài của các tôn giáo đều là *"chân lý"* và bảo *"**chân lý không cần nhãn hiệu**, nó không là Phật giáo, Kitô giáo, Ấn giáo, hay Hồi giáo. **Chân lý không là độc quyền của ai**. Những **nhãn hiệu tông phái là một trở ngại cho sự hiểu biết chân lý một cách tự tại**, và chúng làm phát sinh những thành kiến tai hại trong tư tưởng con người."*[6]

Sự thật tự nhiên là thứ để phát hiện, không phải thứ để phát triển. Sự thật là sự thật, sự thật không thể *"phát triển"*. Sự thật về một vấn đề *thì chỉ có một*. Sự thật 1+1=2 không thể phát triển thành 1+1=5, 1+1=6. Chân lý bị đóng khung trong sự thật, chỉ có sự giả dối là vô hạn không có gì ràng buộc. Bóp méo, phủ định, tạo ra thứ trái sự thật là *tạo ra sự giả dối*, không phải sự thật. Thực tế, có tổ của một dòng thiền ưa nghĩ ra những điều mà Phật bảo là tà kiến rồi nó gọi đó là *"chân lý phát triển"*, như phát triển máy bay từ ô-tô. Thật ra, ô-tô và máy bay đều là đồ vật, không phải là chân lý, đồ vật là có thể được phát minh. Ví như kẻ mất trí không biết gì về ô-tô gọi đập nát ô-tô là phát triển máy bay, cũng vậy, tổ mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, không biết có trí-ngu, vô minh đã tâng bốc gọi các hý luận trái với sự thật mà Phật giác ngộ, bị Phật gọi là tà kiến của nó là *"phát triển chân lý"*, là hơn Phật.

Ví như có nhiều người mê thế giới quan của Tây Du Ký, cũng vậy, có nhiều người mê thế giới quan của thứ *"đệ tử"* còn vô minh, thiếu học, không hành Đạo Đế để giải thoát, không làm thiện để có lạc luân hồi, ngã mạn bài xích Phật, tạo nghiệp tham, tà kiến khiến tái sinh ở các cõi súc sinh...

Ví như cái bát đầy thứ hổ lốn thì không thể có nước sạch cho đến khi đổ và rửa cái bát, cũng vậy, sự thật không thể được tiếp thu cho đến khi nào biết từ bỏ sự chấp thủ vào những điều mâu thuẫn, giả dối, không thể có chánh kiến cho đến khi nào biết đứng về phía chánh kiến, từ bỏ tà kiến.

### *Chân Lý Bốn Thánh Đế Thuộc về Ai?*

Có vô số sự thật trên thế gian. Các sự thật là có vai trò và giá trị khác nhau trong cuộc sống, biết sự thật là có bò, gà... thì không thể đem so với hiểu biết về Bốn Thánh Đế.

Đời không phải chỉ có thứ sự thật như có bò mà còn có các sự thật không phải ai cũng biết như Tứ Diệu Đế, $E=mc^2$. Ai cũng muốn biết chân lý. Tuy vậy, chân lý không phải thứ ai cũng có trí biết và chấp nhận. Người đời tin nhà khoa học. Phật tử thì tin sự giác ngộ của đức Phật và chư Thánh Tăng.

Tứ Diệu Đế là chân lý cao thượng vì chỉ có trí cao thượng mới giác ngộ và sự giác ngộ đó đem lại lợi ích cao thượng là đoạn tận sự khổ. Vì Bốn Thánh Đế không phải là sự thật dễ thấy biết nên chúng sinh vô minh, luân hồi vô số kiếp.

Do thiếu học, có người không biết có minh và vô minh, sự thật chân đế và tục đế, họ ngỡ *"trải nghiệm, chiêm nghiệm"* các thực tại tục đế dễ thấy thì *"vẫn có thể giác ngộ Chân Lý, đơn giản chỉ vì Chân Lý ở khắp mọi nơi"*.[26] Thực chất, thứ *"giác ngộ"* tục đế, thấy gà là gà... chỉ là thấy sự thật quy ước, chứng tỏ vô minh có ở mọi nơi. Nó chẳng liên can gì đến sự hành Giới Định Tuệ giác ngộ, minh pháp chân đế 5 uẩn và Niết-bàn. Đó chỉ là sự *"giác ngộ"* của vô minh, giới cấm thủ không đưa đến giải thoát khổ sinh tử luân hồi. Thật ra, đó

[26] ***Bất cứ ai**, dù **có Tôn giáo hay không theo chủ thuyết nào**, mà biết trở về **trải nghiệm, chiêm nghiệm và thấy ra thực tại như nó đang là ngay nơi thân tâm và cuộc sống này thì người ấy vẫn có thể giác ngộ Chân Lý, đơn giản chỉ vì Chân Lý ở khắp mọi nơi**. (Chân Lý Đâu Của Riêng Ai)*

là sự nâng tầm những sự thật tục đế lên thành *"chân lý"*, biến sự nhận biết các sự thật tục đế lên thành *"giác ngộ"*, là sự thực hành giới cấm thủ, tức sự thực hành không đưa đến mục đích giải thoát khổ sinh tử luân hồi.

Và thời đức Phật là có kẻ hành giới cấm thủ hạnh con bò, con chó, và nghĩ đó là cách để sinh thiên. Và Phật chỉ rõ đó là tà kiến, ai chấp chặt tà kiến thì *"có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh"*.[27] Do đó, *"tĩnh tại"* thấy *pháp tục đế* đúng như nó là, ngỡ *sự thấy của vô minh đó* là sự tu tập đưa đến giải thoát khổ thì đó là sự thực hành giới cấm thủ, không liên can gì đến giác ngộ Tứ Thánh Đế, giải thoát khổ.

Do ngỡ chân lý chỉ là sự thật dễ thấy, ai cũng chấp nhận như có bò... không biết chân lý là thứ mà kẻ thiếu trí bác bỏ, không phải là thứ mà ai cũng có trí biết và chấp nhận nên có người nói chân lý là kho báu chung, không của riêng ai.[28]

Ví như loài ruồi xem phẩn uế là kho báu, cũng vậy, người thiếu trí xem các pháp tục đế, thứ là duyên sinh vô minh, tham sân si, ngã mạn, khổ đau luân hồi, là kho báu.

---

[27] *Nếu Ông ấy có tà kiến như sau: "Do giới này, hạnh này, khổ hạnh này, hay phạm hạnh này, ta sẽ sanh thành chư Thiên này, hay chư Thiên khác", thời này Punna,* ***đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh****. (M.57)*

[28] ***Chân Lý không thuộc về ai****, không phải là sở hữu của Tôn giáo hoặc Tông môn, Hệ phái nào, cũng không thuộc hệ tư tưởng triết học hoặc chủ thuyết chính trị nào.* ***Chân Lý ở khắp mọi nơi, là kho báu chung của mọi người, vấn đề ở chỗ ai thấy được hay không mà thôi****. (Chân Lý Đâu Của Riêng Ai - Viên Minh)*

Người trí phải là người muốn đoạn tận mọi sự khổ. Cái mấu chốt giúp chấp nhận, giác ngộ chân lý, giải thoát khổ thì cần được coi là báu vật. Báu vật là báu vật không chỉ vì vai trò mà còn vì sự hiếm hoi khó có. Vô minh và thứ có ở khắp nơi thì không quý báu. Và đức Phật xem tuệ là báu vật: *"Tín là tốt trường cửu, Tuệ, vật báu loài Người" (S.i,36)*, chứ không xem duyên gây tham sân si có ở mọi nơi là báu vật.

Thực chất, chân lý thuộc về người phát hiện và những ai biết tiếp thu. Phật không giữ riêng chân lý mà dạy cho đời không có nghĩa chân lý có thể thuộc về kẻ bác bỏ chân lý. Tuy Tứ Thánh Đế là sự thật tự nhiên về hiệp thế và siêu thế nhưng điều đó không có nghĩa là ai cũng biết và chấp nhận đó là chân lý. Chỉ đạo Phật biết và chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý. Do không thể ép ai ngoài đạo Phật chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý nên chân lý Bốn Thánh Đế là của riêng đạo Phật. Tuy vậy, có kẻ hý luận chân lý không thuộc về ai, rồi bảo chân lý là kho báu chung. Nó không biết rằng vì chân lý là thứ bị kẻ thiếu trí bác bỏ, chân lý không phải thứ dễ thấy biết hay dễ hiểu biết và chấp nhận nên chân lý chỉ thuộc về người trí, chân lý không phải là tài sản chung.

Ví như trẻ nhỏ vì không biết có sự giả dối, sai sự thật nên dễ bị dụ, cũng vậy, có người ngây thơ ngỡ các tôn giáo nói đến *"chân lý"* thì đó đều là chân lý, bất kể các *"chân lý"* ấy mâu thuẫn, không thể cùng là sự thật. Họ không biết rằng có vô số sự thật, nhưng sự thật về một vấn đề thì chỉ có một.

Họ không biết rằng vì giáo lý các tôn giáo mâu thuẫn nhau về Đạo, Pháp, Thượng Đế... nên không thể cùng là sự thật.

Vì thiếu học, có người không biết giác ngộ trong đạo Phật có nghĩa là giác ngộ chân lý Bốn Thánh Đế. Nó ngỡ giác ngộ chỉ như là thấy biết sự thật có gà,... Do vậy, nó quy chụp các giáo chủ ngoại đạo là giác ngộ bất kể họ không chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý.[29] Nó không biết Bốn Thánh Đế của Phật là sự phủ định những tôn giáo khác, chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý đồng nghĩa với việc bác bỏ giáo lý của những tôn giáo khác. Nó không biết 5 uẩn Khổ Đế[30] sinh diệt trong sát-na là sự phủ nhận có cái ngã thường còn, và 12 nhân duyên Khổ Tập Đế thì chỉ rõ nghiệp quả tạo ra chúng sinh, bác bỏ cái gọi là Thượng Đế tạo ra chúng sinh. Nó không biết Phật dạy *"trong Pháp Luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đấy không có đệ nhất Sa-môn, ở đấy cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn"(D.16)*, tức không có các bậc Arahant, Bất Lai, Nhất Lai, Nhập Lưu, tức các tông phái tôn giáo khác không liên can gì đến sự giác ngộ của đạo Phật. Thực chất, nếu chỉ chấp nhận Phật có dạy Thánh Đạo Tám Ngành thì

[29] *Chân lý chỉ là một và nó không thuộc độc quyền của riêng ai, nên **những bậc giác ngộ** như **Đức Phật, Lão Tử, Krishna hay Chúa Jesu thì đều nói đến Đạo, Pháp, Thượng Đế**... Tuy dụng ngữ khác nhau nhưng chúng tôi nghĩ chỉ là "**đồng xuất nhi dị danh**" mà thôi. (Tư Tưởng Lão Tử Qua Quan Điểm Phật Học - Viên Minh)*

[30] *Đúng ra là 5 thủ uẩn. Vì để ngắn gọn nên tài liệu xin ghi là 5 uẩn.*

không đủ để giác ngộ. Chỉ có sự thực hành đúng Thánh Đạo Tám Ngành mới có thể đạt sự giác ngộ. Tuy vậy, cốt lõi sự thực hành của tông phái là trái với Thánh Đạo Tám Ngành.

Đệ tử Phật được gọi là Thanh Văn là vì cần nghe lời Phật. Đạo Phật không có pháp môn câm, câm là pháp môn của ngoại đạo, không phải của đạo Phật.[31] Do vậy, đạo Phật không có cái gọi là *"đôi lúc họ giác ngộ không cần qua ngôn từ, ngữ nghĩa nào" (Chân lý đâu của riêng ai)*. Hơn thế, chấp ngã, không có trí nghe - hành, thấy biết 5 uẩn, 12 nhân duyên thì dù có nghe lời Phật hàng tỷ lần cũng vẫn sẽ không giác ngộ.

Thực tế, đức Phật giác ngộ và chỉ thuyết Bốn Thánh Đế. Tùy căn cơ, ba-la-mật mà mức độ nghe và hành để giác ngộ của các đệ tử là khác nhau. Không có cái gọi là không biết, không chấp nhận Tứ Diệu Đế là chân lý mà có sự giác ngộ.

Thật ra, nó hý luận chân lý có ở khắp nơi, ai cũng có thể giác ngộ, rồi quy kết giáo chủ ngoại đạo đều là bậc giác ngộ bất kể họ không biết chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý là có ý đồ của nó. Nó bóp méo ngoại đạo là để tạo điểm chung về *"giác ngộ"* giữa nó với các tín đồ ngoại đạo, từ đó nó có thể lôi kéo thêm được tín đồ. Vì thứ *"chân lý", "sự giác ngộ"* của nó chẳng liên can gì đến pháp chân đế, 5 uẩn, 12 nhân duyên, Bốn Thánh Đế của Phật nên họ sẽ là các tín đồ của riêng nó.

[31] - *Này các tỳ khưu,* ***vì sao những kẻ rồ dại này lại thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bắt chước kẻ câm****. Này các tỳ khưu,* ***không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bắt chước kẻ câm****; vị nào thọ trì thì* ***phạm tội dukkaṭa****. (Vin.Mv.4)*

### *Tin Gì?*

Với những người ngoài đạo Phật, khi gặp phải các giáo lý khác nhau thì đâu là phương hướng nên theo, nên bỏ?

Và Phật dạy họ hướng tiếp cận thực tế là không tin vào truyền thống, kinh điển truyền tụng, lý luận suy diễn...[32] mà cần y cứ vào người trí và lợi ích lâu dài để biết nên theo hay bỏ. Pháp nào bất thiện, đáng chê, đưa đến bất hạnh, bị người trí chỉ trích thì nên bỏ.[33] Pháp thiện, không đáng chê, không bị người trí chỉ trích, đưa đến an lạc thì nên theo.[34]

Và Phật đã đặt các câu hỏi về tâm tham sân si khởi lên là hạnh phúc hay bất hạnh? Bị tham sân si chế ngự, sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như thế thì có đưa đến bất hạnh khổ đau lâu dài? Từ đó, đức Phật giúp họ xác định được pháp bất thiện, đáng chê, đem đến khổ đau lâu dài, bị người trí chỉ trích. (A.3.65)

---

[32] - *Này các Kàlàmà, chớ có tin vì **nghe báo cáo**, chớ có tin vì **nghe truyền thuyết**; chớ có tin vì theo **truyền thống**; chớ có tin vì được **kinh điển truyền tụng**; chớ có tin vì **lý luận suy diễn**; chớ có tin vì **diễn giải tương tự**; chớ có tin vì **đánh giá hời hợt những dữ kiện**; chớ có tin vì **phù hợp với định kiến**; chớ có tin vì phát xuất **từ nơi có uy quyền**, chớ có tin vì vị Sa-môn **là bậc đạo sư của mình**. (A.3.65)*

[33] - *Nhưng này các Kàlàmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kàlàmà, hãy từ bỏ chúng! (A.3.65)*

[34]- *Nhưng này các Kàlàmà, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kàlàmà, hãy tự đạt đến và an trú! (A.3.65)*

Và Phật đã đặt các câu hỏi về tâm không tham không sân không si khởi lên là hạnh phúc hay bất hạnh? Không bị tham sân si chế ngự, không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói láo, biết khích lệ người khác cũng như thế thì có đưa đến hạnh phúc an lạc lâu dài? Từ đó, Phật giúp họ xác định được pháp thiện, không đáng chê, đem lại an lạc lâu dài, không bị người trí chỉ trích. (A.3.65)

Thật ra, câu hỏi mà Phật đặt ra là liên hệ đến chánh trí và giới hạnh.[35] Nếu vì cái ngã, lợi ích nhỏ trước mắt mà tham sân si, ích kỷ, ác giới thì đó là thiển cận, tà trí-tà hạnh. Sở dĩ dân Kālāmā trả lời đúng được các câu hỏi của Phật là do họ có trí, nếu ngu si thì không thể trả lời đúng câu hỏi.

Vì các đối tượng của *"chớ có tin..."* không liên can gì đến Tam Bảo cũng như bản chất Giáo Pháp là thiện, hướng đến ly tham sân si, diệt khổ, được người trí ca ngợi nên lời Phật dạy cho dân Kālāmā không trái với lời Phật dạy về lòng tin vào Tam Bảo *"Lòng tin ở đời này, Là tài sản tối thượng" (S.i,42)*. Hiểu thiện - ác, khổ - lạc, làm thiện, tránh ác, sự ca ngợi hay chê trách của người trí là những hiểu biết cơ bản, nền tảng của đạo Phật, đem lại lợi ích lâu dài cho bất kỳ ai có trí.

Và lời đức Phật dạy cho dân Kālāmā là đặc biệt hữu ích với đạo Phật trong thời mạt Pháp. Ngày nay, có nhiều người không chỉ cố bác bỏ kinh điển mà còn bóp méo Giáo Pháp, cổ vũ tham ái nhằm chiều lòng tín đồ và thu hút đồ chúng.

[35] *Chỗ nào có giới hạnh,chỗ ấy có trí tuệ;chỗ nào có trí tuệ,chỗ ấy có giới hạnh.(D.4)*

Người thường không ai có thể tự biết được mọi điều, chỉ số ít là tự phát hiện, còn phần nhiều là được tiếp nhận từ người khác. Từ sự có hay không có lòng tin, từ kinh nghiệm, suy tư cá nhân mà họ xem đó là thật hay giả, đúng hay sai.

Sự học, nhớ, suy nghĩ bất kể là đúng hay sai sự thật thì đều thuộc về ý thức, không phải là 5 giác quan, 5 giác quan đều chỉ là duyên, 5 giác quan không biết 1+1=2, nhờ duyên ý thức học tập mới biết 1+1=2. Đức Phật thành Đạo, là bậc Thế Gian Giải, Thông Suốt Thế Gian, không phải do nhân là 5 giác quan vật chất mà do nhờ tâm định và ý thức trí tuệ sau quá trình làm viên mãn 10 ba-la-mật qua vô số kiếp. Và giữa thế gian có vô số sự thật trừu tượng như 1+1=2 hoặc nằm ngoài hiểu biết của những ai thất học, có ý thức hạ liệt, thiếu tu tập thì có nhiều người hô chỉ tin vào các hý luận, các nhận thức qua 5 giác quan như loài vật, bác bỏ sự tu tập trí tuệ thấy biết cao thượng như đức Phật và các đệ tử.

Vì thế gian có cả người trí lẫn thiếu trí, người thì 1+1=2, kẻ thì 1+1=5, 1+1=11 nên có 2 loại *"chân lý"*, chân lý đúng đắn của người trí và *"chân lý"* sai trái do người thiếu trí đặt ra.

Và tư duy ý thức thì không chỉ có sự khẳng định như 1+1=2, bác bỏ như 1+1=5 mà còn có sự nghi ngờ, chưa rõ. Có vô số điều con người chưa biết. Không thể tùy tiện xem một điều gì đó là mê tín dị đoan mà cần giữ nó ở mức nghi ngờ, chưa rõ cho đến khi tìm được cách khẳng định hay bác bỏ.

Ví như không phải ai có học lớp 1 đều có thể học đại học, cũng vậy, không phải ai cũng có duyên, căn cơ tu tập đúng theo đạo Phật, đạt những điều mà các đệ tử khác chứng ngộ. Không thể cậy không tu tập theo lời Phật mà bảo không có 5 uẩn, nghiệp quả, thần thông, địa ngục, ngạ quỷ, chư thiên.

Thế giới không chỉ có vật chất mà còn có *ý thức*. Khoa học vật chất và 5 giác quan không phải là vạn năng biết được mọi điều. Khoa học còn phát triển là vì còn vô số điều mà khoa học chưa biết. Và đạo Phật thì không cần phát triển vì những gì cần biết đều đã được Phật chỉ dạy, vấn đề là cần thực hành đúng Giáo Pháp để có ý thức trí tuệ giác ngộ những gì Phật giác ngộ, để chấm dứt khổ sinh tử luân hồi. Bóp méo Phật Pháp để có thêm tín đồ thì đó không phải là phát triển đạo Phật. Bóp méo Phật Pháp, tạo ra thứ trái với lời Phật thì đó không phải là Phật Pháp, cũng không phải là *"Phật Pháp phát triển"* mà đó là tà kiến gây hại Phật Pháp.

Và đánh vào lòng tham không cần duyên học hành tu tập trí tuệ mà dễ dàng nhanh chóng làm ít hưởng nhiều là một bí kíp để lừa gạt thành công. Lòng tham khiến nhiều người mê tín mù quáng, bất chấp những sự giả dối điên đảo, một nhảy vào đất Ma vương mà hý luận, ảo tưởng đó là đất Phật.

Nhờ lòng tham u mê mù quáng, bất phân thật-giả mà có nhiều người bỏ thật theo giả, cuồng tín tin vào thứ thầy mà đã biết đó là kẻ lừa dối, giả đệ tử Phật. Rõ ràng, mê tín tin kẻ giả dối thì dại dột hơn là tin vào điều có người nghi ngờ.

Như Tây Du Ký, các tôn giáo là có thế giới quan riêng. Tùy mức độ tham ái sân si mà con người ưa thích loại nào. Và tín đồ mê *"làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu"* thì ngỡ họ có thể *"an nhiên tự tại"*, không còn tham sân si nhờ có một thế giới quan nào đó. Họ có thể nghĩ là Phật có thứ lời *"khai thị"* giúp họ *"an nhiên tự tại"*, đột nhiên hết tham sân si trong cuộc sống. Do thiển cận, họ ưa thế giới quan đơn giản, nhìn đời theo khía cạnh vật chất, chỉ biết hiện tại, quy hết về đại ngã *"thể tánh"*... quyết định sự vận động của thế gian. Họ không biết đến nhân duyên, sự đoạn tận tham sân si chỉ đến từ duyên viên mãn trí ly tham qua sự thấy biết và quán đúng bản chất thế gian là 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã.

Ví như con nghiện có thể có trải nghiệm sung sướng, cũng vậy, người mất trí phân biệt có thể có *"trải nghiệm" "chứng đạo", "thành Phật"*, thơ ca tự khoe mình. Dĩ nhiên, họ chỉ là phàm phu ảo tưởng vì theo Giới Luật, Tỷ-kheo khoe pháp thượng nhân có thật đến cư sĩ thì phạm tội Pācittiya và bậc Thánh thì không bao giờ cố ý phạm giới, hơn nữa, kẻ đối nghịch *Thánh Đạo Tám Ngành* thì không thể đắc Thánh (D.16). Điểm chung giữa con nghiện và kẻ mất trí phân biệt là mê ảo giác, ảo tưởng, *không biết đúng hiện thực và quả khổ*. Vì tham sân si là do duyên sinh nên đá đít là pháp môn thức tỉnh kẻ đầy tham sân si ngã mạn tà kiến nhưng có thơ *"chứng đạo", "an nhiên tự tại"*. Điếc thì không sợ súng, kẻ mê hý luận *"không"* thì không sợ sinh tử cho đến khi bị đá đít.

### *Tín và Nghi*

Ví như ở đời yếu tố đầu tiên để đi học là lòng tin vào sự chân thật và sự hiểu biết đúng của người thầy trong việc dạy học, cũng vậy, với những ai muốn theo đạo Phật thì lòng tin vào Tam Bảo, Phật-Pháp-Tăng là nền tảng cơ bản, trong đó Phật là bậc Giác Ngộ, Pháp là các chân lý mà Phật giác ngộ, chỉ dạy, Tăng là các vị Thánh Tăng giác ngộ Pháp mà Phật giác ngộ và thuyết dạy. Nếu không có lòng tin vào Tam Bảo thì không thể nỗ lực học tập, thực hành, thấy biết những điều khó biết, khó làm, khó thấy mà Phật đã dạy, tức không đạt được mục đích an lạc lâu dài hay giải thoát khổ.

Lòng tin chỉ là nền tảng cho sự tiếp cận, học và hành Phật Pháp, chỉ có trí hiểu biết và thực hành đúng Phật Pháp mới đạt được lợi ích mong muốn. Đổi lại, khi đạt định thì sẽ có hiện tại lạc trú, khi hành thiền Tuệ thì sẽ thấy biết 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai. Do đó mà càng củng cố lòng tin.

Hoài nghi là sự mê mờ do nghi hoặc, phân vân, lưỡng lự, không rõ ràng. Hoài nghi Pháp là tâm bất thiện thuộc về si, tội lỗi.[36] Hoài nghi về Pháp là một trong năm chướng ngại cho sự chứng thiền. Hoài nghi thông thường thì không phải là triền cái. Hoài nghi về Pháp là hoài nghi phẩm chất Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi Tam Học Giới Định Tuệ, hoài nghi quá khứ, vị lai, hiện tại, hoài nghi về nhân quả duyên khởi.

---

[36] *"Tham là tội nhỏ, nhưng ly tham là chậm chạp. Sân là tội lớn, nhưng ly sân là mau chóng.* ***Si là tội lớn****, và* ***ly si là chậm chạp****." (A.3.68)*

Không chỉ hoài nghi về Pháp là có tội, là chướng ngại cho thiền, là nghiệp si bất thiện mà trong Giới Luật, có nghi ngờ bình thường mà vẫn cố ý phạm thì vẫn là có tội. Hơn thế, nếu nghi ngờ Tam Bảo thì không thật sự là quy y Tam Bảo. Tuy vậy, có người bảo: *"**nghi không phải là một "tội lỗi"**, bởi vì trong Phật giáo không có những "tín điều". Quả thế, **trong đạo Phật không có "tội lỗi"** hiểu theo nghĩa "tội lỗi" trong vài tôn giáo khác"*.[6] Họ không biết rằng dù không có tín điều thì nghi ngờ mà phạm giới là có tội theo Giới Luật và hoài nghi về Pháp là nghiệp si bất thiện, tội lỗi xét theo nghiệp quả. Họ không biết rằng đạo Phật không có *"tội lỗi"* theo kiểu các tôn giáo khác vì có tội lỗi theo nghiệp quả và Giới Luật.

Thực chất, thế gian là trí ít-ngu nhiều, từ thời đức Phật, tham sân si ngày càng tăng và trí trong đạo Phật liên hệ đến *ba-la-mật, Phật Pháp, Giới Định Tuệ*, không phải trí thế gian. Đệ tử Phật cần học hành, truyền bá đúng Phật Pháp, giúp Chánh Pháp vững bền, chứ không nên vì thu hút đồ chúng mà bóp méo Giáo Pháp, làm Giáo Pháp hư hoại.

Và trí-ngu là vô thường, do duyên sinh, ai cũng từng có sai lầm, nghi ngờ, thiếu hiểu biết, chỉ khác ở chỗ là nhiều-ít, nặng-nhẹ khác nhau. Người trí thì không bác bỏ, bóp méo sự thật, lẽ phải. Dù có lừa được người thì cũng không lừa được mình. Trái lại, do tham sân si ngã mạn, kẻ thiếu trí ưa bịa đặt, bóp méo sự thật, lẽ phải, đi từ sai này đến sai khác, từ sai ít đến sai nhiều, mỗi ngày một thêm sai trái, tổn hại.

### *Trí Tuệ và Sự Thật*

Có hai loại sự thật là phổ thông và cao thượng. Sự thật phổ thông như có gà, có vịt... thì ai cũng biết nhưng đó không phải là đối tượng quan tâm của tôn giáo. Chỉ có các sự thật cao thượng, bản chất sự vận động của thế gian mới là đối tượng quan tâm của tôn giáo và người tìm chân lý.

Và tuy ai cũng có quyền nói ra sự thật nhưng điều đó không có nghĩa là ai cũng có thể hiểu biết, chấp nhận và nói đúng chân lý. Việc vị Pukkusāti muốn tìm Phật, đã gặp Phật nhưng lại không nhận ra Phật, sau khi nghe Phật thuyết thì chứng quả Bất Lai và tới lúc đó mới nhận ra Phật (M.140) không có nghĩa là ai cũng có trí giác ngộ chân lý như bậc trí Pukkusāti, không có nghĩa ai cũng biết và nói đúng chân lý như Phật, không có nghĩa vị ấy vẫn giác ngộ nếu nghe thứ phi Phật Pháp. Điều đó có nghĩa là nhờ nghe lời Phật mà có giác ngộ, chứ không phải biết Phật thuyết là giác ngộ. Nhờ *nghe Phật Pháp*, nhiều ngoại đạo giác ngộ mà chưa gặp Phật, như ngài Sāriputta chứng quả nhờ nghe Pháp từ vị Assaji. Trong khi Tứ Thánh Đế không phải là điều mà các tôn giáo khác biết thì có người làm như thể ai cũng có thể nói đúng chân lý và vị Pukkusāti vẫn giác ngộ Tứ Thánh Đế nếu thay Phật Pháp bằng giáo lý phi Phật Pháp: *"Qua câu chuyện trên ta thấy rõ là khi Pukkusāti lắng nghe đức Phật và lãnh hội được lời dạy của Ngài, anh ta* ***không biết người đang nói với mình là ai, hay đấy là giáo lý của ai. Anh ta tìm thấy chân lý****."*[6]

Và qua câu chuyện về vị Pukkusāti, cũng như không biết đời là có trí-ngu, dòng Huyền Giác nghĩ ai cũng là *"chân lý"*. Từ đó, nó kêu gọi đừng phân biệt tông phái.[37] Thật ra, đừng nghe nó nói không phân biệt tông phái mà hãy nhìn nó chê sự tu tập, giác ngộ các sự thật mà Phật đã giác ngộ chỉ dạy.[38] Nó không biết ba-la-mật tu tập thiền Tuệ trực tiếp thấy biết 5 uẩn *vô thường, khổ, vô ngã* trong từng sát-na làm viên mãn trí ly tham, *giác ngộ Niết-bàn*, đoạn tận khổ sinh tử luân hồi.

Vì chỉ bậc Toàn Giác mới có trí giác ngộ đúng bản chất thế gian nên nguồn gốc tư tưởng là rất quan trọng. Và Phật là ca ngợi lòng tin *"Lòng tin ở đời này, Là tài sản tối thượng" (S.i,42)*. Đó là vì lòng tin Tam Bảo sẽ giúp có chánh tri kiến. Có lòng tin Tam Bảo, tư tưởng từ Phật giúp có tri kiến đúng, tránh tri kiến sai, tránh nghiệp tà kiến đưa đến khổ cảnh. Do không dựa vào người trí như lời Phật dạy dân Kālāmā nên có người có quan điểm là: *"Đối với người đi tìm chân lý, một tư tưởng do từ đâu đến là điều không quan hệ"*.[6]

---

[37] *"**Học Phật không nên chấp tông phái**. Bài pháp mà đức Phật thuyết **cho dân xứ Kalama** và cuộc đối thoại giữa Phật và **một vị sa môn trong xưởng** của người thợ gốm **là bài học cho những ai cố chấp tông phái**." (LL1DT)*

[38] ***Dòng thiền này** chỉ ra cho bạn thấy cái mê lầm của bạn, cái ngộ nhận của bạn, **cái ngu si của bạn, để chính bạn ngộ ra sự thật, ngộ ra chân lý**. Ngộ rồi thì bạn có đủ sức sáng tỏ, không lầm lẫn **không bị các tông phái tôn giáo dối gạt, hứa hẹn một cứu cánh hạnh phúc ở thì vị lai kèm theo phải đáp ứng những điều kiện gì đó**.*

*Vậy mà trong giới tu hành hiện nay, **có người chẳng có tý hiểu biết nào về Ngã mà cũng dáo dác đi tu**, tu như thế thì **càng tu càng mê lầm, càng tu, xin lỗi, càng ngu**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Đời không chỉ có trí tuệ mà còn có ngu dốt, có quyền nói sự thật không có nghĩa có trí biết đúng sự thật. Vì nghĩ rằng tất cả đều có trí hiểu biết đúng sự thật, không biết đời là có hiểu biết sai và nói sai nên có người cho rằng ai cũng có thể nói ra chân lý như Bốn Thánh Đế,... điều cần làm chỉ là *"thấy rõ vấn đề, hiểu nó"*: *"Quả vậy, **để hiểu sự thật**, chúng ta **không cần biết đến ngay cả lời dạy đến từ đức Phật** hay từ một người nào khác. Điều thiết yếu là **thấy rõ vấn đề, hiểu nó**"*.[6]

Thật ra, dù có nghe được sự thật thì người thiếu trí vẫn hay hiểu sai. Dù không có ý xấu thì họ vẫn hay nói điều sai, không nói đúng được sự thật. Để hiểu đúng lời nói, biết đó là thật hay giả, đúng hay sai thì người nghe cũng phải có trí. Dù có nghe lời Phật, tự cho là *"thấy rõ, hiểu rõ"* thì ông ấy một mặt không hiểu đúng lời Phật dạy bố thí, mặt khác nói sai ý Phật, tưởng là cần kính trọng, ủng hộ các thầy tà kiến.

Thế gian có vô số tri kiến sai, đời là có thuốc độc. Không phải cái gì cũng là thuốc hay. Không ai tìm hiểu được hết các tôn giáo. Không ai chịu làm *"chuột bạch"* hít bừa đủ loại thuốc để bị chết trước khi gặp *"thuốc hay"* là Chánh Pháp. Do đó, có lòng tin Tam Bảo và tư tưởng từ Phật cũng như có trí hiểu đúng lời Phật là rất quan trọng. Và ông ấy cho rằng *"**Nếu vị thuốc hay thì bệnh sẽ lành**. Không cần thiết phải biết **ai làm** nên vị thuốc ấy, hay nó **từ đâu lại**"*.[6] Thật ra, ở đời là cần biết có thầy trí và thầy ngu, cần tránh lang băm, nếu không thì tiền mất tật mang, chết trước khi gặp thuốc hay.

### *Mạt Pháp*

Và đức Phật đã nói rõ Giáo Pháp sẽ không bị hủy hoại bởi động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, gió bão hay do có nhiều đệ tử, mà Giáo Pháp chỉ bị hủy hoại bởi các đệ tử bất kính Tam Bảo, Giới và Định (S.ii,223).

Thực tế, những ai bị tham dục u mê dễ duôi, ngã mạn chế ngự thì dù có biết đúng Giáo Pháp, vẫn sẽ bất kính, không tùy thuận Tam Bảo, Giới và Định, bỏ Tam Bảo, tạo ra tà pháp trái lời Phật mà Devadatta và Đại Chúng Bộ là ví dụ.

Và ở đời không phải ai cũng chấp nhận từ bỏ sự giả dối. Ví như con nghiện xem ma túy là chân lý, là lẽ sống, có người bất cần lẽ phải, họ xem những gì họ thích chính là *"chân lý"*. Có người lừa mình, gạt người, gọi những hý luận mâu thuẫn ảo tưởng của mình là *"trí tuệ" "thấy biết" "sự thật"*. Thầy cũ của ngài Sāriputta và Moggallāna thì chọn cố chấp tri kiến sai để tiếp tục làm thầy những kẻ ngu, để duy trì danh lợi chứ không chấp nhận làm đệ tử Phật:

> *- Nầy các hiền đồ, hiện tại **trong đời nầy có nhiều kẻ ngu hay người trí?***
>
> *- Bạch Thầy, **kẻ ngu thì nhiều, người trí thì hiếm**.*
>
> *- Nếu vậy, nầy các hiền đồ, những người trí hãy đi nhập chung với những người trí là Sa Môn Cồ Đàm, **còn những kẻ ngu hãy ở lại đây, làm bạn với những kẻ ngu như ta**. Các hiền đồ hãy đi đi, ta sẽ không đi đâu. (Chú giải Pháp Cú 11-12)*

So với thời Phật, thời nay, số đông là không ưa và thiếu khả năng học kinh điển. Họ ưa dành thời gian để đọc báo, xem phim, nghe nhạc, ưa nghe các hý luận nói hay, nói giỏi, thỏa mãn tham sân si, ngã mạn hơn là hành Giới Định Tuệ.

*"Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã"*, những người ưa thỏa mãn cái tôi tham dục sân si sẽ *"tìm ra chân lý" ở* kẻ giả đệ tử Phật. Họ ưa phóng dật, không thực hành Đạo Đế Giới Định Tuệ theo lời Phật, đố kỵ trí tuệ thấy biết như Phật. Để tự trấn an, thỏa mãn cái tôi, họ đề cao sự hý luận, nhận thức mù 5 uẩn, khi dễ trí thấy biết cao thượng được Phật chỉ dạy.

Người thiếu trí thì hay có mục đích tai hại, đạt mục đích bằng sự sai trái, giả dối. Họ ưa sự giả dối hợp với thỏa mãn tham sân si ngã mạn hơn là chấp nhận sự thật không hợp ý.

Những ai có lòng tham mù quáng, không bận tâm đến thật-giả thì sẽ không thể phân biệt thật-giả, dễ bị lừa gạt, xem giả là thật, mất lý trí từ bỏ sự phi pháp, giả dối.

Đệ tử Phật nên xem kinh điển mâu thuẫn, bất nhất, được sáng tác về sau mà mình thích như những truyện giả tưởng hấp dẫn, như Tây Du Ký, chứ không nên xem đó là sự thật.

Vì Giáo Pháp chỉ có một vị là vị giải thoát,[39] gây hại cho tham sân si nên nhiều người chán ghét, không thích. Họ ưa bài xích, chê sự học và hành theo lời Phật nhưng *"bao dung"* tiếp thu những tri kiến tự mâu thuẫn nhau và trái lời Phật.

[39] *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,* ***pháp này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát****. (Ud 51)*

Họ ngỡ sự hấp thu bất phân đúng/sai lời Phật là *"khí lượng" "bao dung vĩ đại"*. Họ không rảnh để học-hành đúng lời Phật. Họ ưa tìm hiểu, tiếp thu đủ loại tri kiến ngoại lai. Do tự tạo và tiếp thu những tri kiến mâu thuẫn, trái ngược nhau và trái lời Phật dạy để thỏa mãn tham dục sân si ngã mạn nên họ như tiệm thuốc độc bán đủ loại độc dược, đối nghịch với Giáo Pháp chỉ có một vị là vị giải thoát khổ của đức Phật.[39]

Thật ra, trí hay ngu đều có thể vô thường và có nhiều mức độ. Ai cố chấp thủ, cuồng tín tin vào những hý luận giả lời Phật rồi tưởng là có *"trí tuệ"* thì đó là mù quáng, u mê, ngu muội. Và ai sáng suốt từ bỏ sự giả dối, sai lầm để đến với sự thật lẽ phải thì đó lại là người trí. Người trí thì biết trung thành với lý trí, sự thật, đạo lý, lẽ phải, còn người thiếu trí trung thành với tình cảm tham ái sân si ngã mạn.

*"Người ngu biết mình ngu,*
*Nhờ vậy thành có trí.*
*Người ngu tưởng có trí,*
*Thật xứng gọi chí ngu." (PC 63)*

Trong khi người trí xem sự cố chấp ngu dốt là chí ngu thì kẻ thiếu trí có thể ảo tưởng rằng sự cố chấp sẽ khuất phục được người trí, khiến người trí *"nhận ra là"* họ đúng.

Khi phạm sai lầm, người trí muốn mau chóng nhận sai để tránh phải xấu hổ, dây dưa nghe chỉ lỗi, trái lại, kẻ ly trí dù biết mình sai thì vì cái tôi ngã mạn mà không nhận sai.

Và đức Phật cũng chỉ dạy cho người hữu duyên có trí, xem thuyết cho kẻ ngu là ác thuyết.[9]

*"Tất cả hành vô thường" (PC277)*. Xu hướng của Giáo Pháp là đi đến tiêu hoại, vô thường. Phận sự đệ tử Phật là gìn giữ Pháp Học ở cả ba tạng Kinh, Luật, Vi Diệu Pháp cũng như thực hành Pháp Hành Giới Định Tuệ để gìn giữ Giáo Pháp, giúp bản thân có lợi ích lâu dài, không uổng kiếp người.

Đức Phật đã chỉ rõ rằng bởi người ngu trong Giáo Pháp chứ không phải bởi động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão tố mà Diệu Pháp bị tiêu hoại.[40] Đó là những đệ tử không tôn kính, không tùy thuận Tam Bảo, Giới và thiền Định.

Và trí trong đạo Phật là liên hệ đến ba-la-mật, Phật Pháp, Giới Định Tuệ chứ không liên can đến biết chữ, bằng cấp học vị, trí thế gian. Vì hướng đến ly tham nên đạo Phật không dành cho số đông. Thực tế, thế gian có nhiều loại bằng cấp về tà kiến và sự *"mở rộng", "phát triển"* đạo Phật ngày nay chủ yếu là gia tăng người hiểu sai Phật Pháp.

---

[40] *Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.*

*Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất**.*

*Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.*

*Này Kassapa, có năm thối pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?*

*Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ **sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư**, sống không tôn kính, không tùy thuận **Chánh pháp**, sống không tôn kính, không tùy thuận **chúng Tăng**, sống không tôn kính, không tùy thuận **học giới**, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với **Thiền định**. (S.ii,223)*

Cụ thể, để thu hút nhiều đồ chúng cũng như để hợp với khả năng của mình, có nhiều người đã làm đúng điều Phật nói về kẻ ngu đó là không tôn kính Tam Bảo và thiền Định. Bất chấp các bậc Thánh hành thiền Định cũng như Phật dạy Đạo Đế Giới Định Tuệ, họ bác bỏ vô số lời Phật dạy và ca ngợi thiền Định, khiến Pháp hành bị tiêu hoại. Trong khi thiền Tuệ theo cỗ xe tịnh chỉ cần nền tảng định an chỉ và thiền Tuệ theo cỗ xe thuần quán cần nền tảng cận định của thiền tứ đại thì họ dùng *"sát-na định" triền cái*. Trong khi thiền Tuệ có đối tượng là các pháp chân đế thì *"thiền Tuệ"* của họ có đối tượng là tục đế. Trong khi ngoại đạo còn có thiền Định thì họ ngỡ hành thiền Định khó hơn thiền Tuệ. Họ nghĩ Phật dạy thiền Định là để làm hại sự giác ngộ của đệ tử. Do bất cần lời Phật dạy, suy diễn Phật Pháp ngược với thiện pháp có trong thế gian nên họ phủ nhận Giới và Định, họ nghĩ đạo Phật là ác giới, không có thiền Định như họ và loài vật. Họ ngỡ sự hạ liệt sẽ đưa đến giác ngộ cao thượng.[41] Họ nghĩ pháp thượng nhân đắc Định tai hại hơn 5 triền cái. Họ hý luận ra thứ *"thiền"* là giới cấm thủ, không phải Định, chẳng phải Tuệ, không lìa 5 triền cái, nhìn đời bằng con mắt vô minh tục đế, mù 5 uẩn, 12 nhân duyên. Thực chất, cái họ gọi là *"thiền"* chỉ thỏa mãn cái tôi muốn có cái để tu, dễ tu, dễ lạc của họ và người đời, không liên can gì đến đạo Phật.

[41] *Này các Tỷ-kheo,* ***không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng****. Này các Tỷ-kheo,* ***phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng****. (S.ii,27)*

Bước đầu tiên để thành Phật tử chính là quy y, nương tựa Tam Bảo. Và Tăng Bảo là chư Thánh Tăng chứ không phải phàm Tăng, các vị phàm Tăng thì không có đủ chín ân đức, phẩm chất của Tăng Bảo. Bước tiếp theo để thành Phật tử là học Giới và giữ Giới. Nếu không có Giới hay không quy y Tam Bảo thì không phải là Phật tử. Giới chính là nền tảng của đạo Phật và cũng là nền tảng cho Định và Tuệ. Cụ thể, Tạng Luật chỉ rõ dù mất tạng Kinh và tạng Vi Diệu Pháp thì Giáo Pháp vẫn tồn tại nếu còn Luật.[42]

Vì không quy y Phật Bảo, Pháp Bảo, chủ yếu là do không nương tựa Tăng Bảo mà nhiều người bác bỏ Vi Diệu Pháp.

Và người thiếu học thì không biết rằng Phật dạy quy y Tam Bảo chứ không phải quy y chỉ Phật Bảo. Họ không biết ý nghĩa lời Phật dạy về ân đức Tăng Bảo. Họ không biết rằng rất nhiều lần đức Phật có thời pháp rất ngắn gọn mà nhiều vị Tỷ-kheo không hiểu, khi đó các vị ấy đến gặp các ngài *Ānanda*... để nhờ giảng rộng, sau đó khi có dịp, các vị ấy trình bày với Phật điều giảng ấy và không phải vô cớ Phật hay tán thán các ngài.[43] Họ không biết rằng những lời hợp với lời Phật dạy của các vị Thánh đệ tử cũng là Phật Pháp.

---

[42] *Cho đến khi* ***Kinh và Vi Diệu Pháp bị quên lãng mà Luật chưa bị tiêu hoại thì Giáo Pháp vẫn còn tồn tại****. (Vin.Mv.1)*

[43]*- Này các Tỷ-kheo,* ***Mahakaccana là bậc Hiền trí. Này các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Đại trí tuệ****. Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này,****Ta cũng giải thích cho các Ông như vậy****,****như Mahakaccana đã giải thích****. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy.(M.133)*

Và không phải tự nhiên Vi Diệu Pháp có tên gọi như vậy. Ai có trí cũng đều thấy Vi Diệu Pháp thâm sâu vi diệu hơn tạng Kinh. Vi Diệu Pháp không phải phạm trù mà các vị Thanh Văn đệ tử có thể tự sáng tác ra. Ví như nhà bác học khám phá ra quy luật tự nhiên còn thầy giáo là người dạy quy luật, cũng vậy, chỉ bậc Toàn Giác mới có thể phát hiện và chỉ dạy còn các vị Thánh đệ tử thì giảng rộng, truyền lại cho thế hệ sau. Do không biết ân đức Tăng Bảo, không biết Thánh đệ tử là người có trí học, hành, thực chứng lời Phật trong đó có Vi Diệu Pháp nên có nhiều người có quan điểm Vi Diệu Pháp là do các vị Thanh Văn đệ tử tạo ra.

Và có nhiều người không biết thẩm quyền kết tập sắp xếp kinh điển, trí tuệ thực chứng và xác thực lời Phật của chư vị Arahant. Họ suy diễn Vi Diệu Pháp không do Phật thuyết với lý do Vi Diệu Pháp có nội dung và sự trình bày khác với tạng Kinh. Họ không biết đạo Phật là đạo của trí phân tích[44] với các bậc Thánh có Tứ Tuệ Phân tích và tạng Kinh nhất là trong Tăng Chi có lối trình bày phân tích, Phật đặt câu hỏi và rồi tự trả lời giống Vi Diệu Pháp. Họ không biết nội dung Vi Diệu Pháp là phân tích Bốn Thánh Đế, giúp thiền Tuệ thông đạt Tứ Thánh Đế, chỉ rõ quy luật vận động do duyên, làm rõ *"tất cả hành vô thường", "tất cả pháp vô ngã"* đề cập trong tạng Kinh. Họ không biết không chỉ Chú giải Phật sử

[44] *Này Thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta* ***chủ trương pháp phân tích****; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.(M.99)*

nói chư Phật quá khứ đều đã dạy Vi Diệu Pháp ở cõi trời mà tạng Kinh cũng nêu Phật thuyết Vi Diệu Pháp ở cõi trời.[45]

Thật ra, thế gian có ba bản Vi Diệu Pháp. Bản thứ nhất là bản đức Phật thuyết Vi Diệu Pháp ở cõi trời Ba Mươi Ba để tế độ Phật mẫu. Bản thứ hai là bản Phật thuyết lại cho ngài Sāriputta. Bản thứ ba là bản ngài Sāriputta dạy cho đệ tử và Tăng chúng. Tạng Vi Diệu Pháp ngày nay là bản thứ ba gồm Phật ngôn và *sự giảng rộng của vị tướng quân Chánh Pháp, sự bác bỏ tà kiến của ngài trưởng lão Arahant Moggaliputta-Tissa*.

Thực chất, cái mà nhiều kẻ cần không phải là Phật Ngôn, Phật Pháp, hay thẩm quyền thực chứng và truyền thừa của chư Thánh Tăng. Cái họ cần là bác bỏ những gì khiến họ khó chịu do không đủ trí để hiểu, không thể thể hiện sự kiêu mạn. Đừng nghe họ đòi chỉ chấp nhận Phật Ngôn hay tạng Kinh mà hãy nhìn họ hùa theo các thứ thầy phàm phu bôi nhọ Giới, Định, không theo lời Phật ở tạng Kinh tu tập thiền Định. Quả như lời Phật, *thuyết cho kẻ ngu là ác thuyết*.[9]

Do thiếu học, nhiều người không biết Phật đã đặt ra các điều luật liên hệ đến Vi Diệu Pháp, phân biệt Vi Diệu Pháp với Kinh và Luật. Họ không biết rằng Tỷ-kheo-ni sẽ phạm pācittiya nếu thỉnh ý trước về tạng này mà hỏi tạng khác.[46]

[45] *Ngài thuyết Thắng pháp (Abhidhamma) siêu phàm cho chư Thiên.(Ja.483)*

[46] *Sau khi đã thỉnh ý trước về **Kinh**, vị ni hỏi **Luật** hoặc **Vi Diệu Pháp** thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị). Sau khi đã thỉnh ý trước về **Luật**, vị ni hỏi **Kinh** hoặc **Vi Diệu Pháp** thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị). Sau khi đã thỉnh ý trước về **Vi Diệu Pháp**, vị ni hỏi **Luật** hoặc **Kinh** thì phạm tội pācittiya. (Phân Tích Giới Tỳ-khưu Ni-Chương Pācittiya-Điều thứ 95)*

Vì thiếu học, nhiều người bác bỏ Vi Diệu Pháp với lý do là Vi Diệu Pháp không có mở đầu *"Như vầy tôi nghe..."*. Họ không biết tạng Luật và rất nhiều kinh không có mở đầu ấy.

Nhiều người dùng sự *thiếu hiểu biết* để bác bỏ Phật Pháp. Ví như kẻ ít trí có thể nói vì tạng Kinh không có từ *Pārājika* nên tạng Luật là sản phẩm của chư Tăng, cũng vậy, thực tế, có nhiều người hý luận vì tạng Kinh không có từ *Bhavaṅga*... nên Vi Diệu Pháp là do người đời sau sáng tác. Người ít học thì không biết có mối liên hệ chặt chẽ, sự giải thích chi tiết 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới của Vi Diệu Pháp cho tạng Kinh.

Và Phật dạy là do không giác ngộ, không thông đạt 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Khổ Tập Đế nên *chúng sinh luân hồi sinh tử*.[47] Tuy vậy, lời Phật dạy ở tạng Kinh nói rất tóm lược *sắc-thọ-tưởng-hành-thức, các chi 12 nhân duyên*.[48] Như vậy là không đủ để hiểu để từ đó giác ngộ Khổ Đế, Khổ Tập Đế. Và Phật đã giải thích chúng chi tiết đầy đủ trong Vi Diệu Pháp.

Ví như trẻ nhỏ không hiểu, không ưa và không biết toán tích phân dùng để làm gì, cũng vậy, nhiều người không có trí hiểu, không ưa, không biết Vi Diệu Pháp dùng để làm gì.

---

[47] *Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ, này các Tỷ–kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.*

*...Thánh đế về Khổ tập...*

*...Thánh đế về Khổ diệt...*

*...Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt... (S.v,431)*

[48] Ví dụ: *"Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc."(S.ii,2)*

Hơn nữa, do không theo Phật Ngôn hành thiền Định, có thứ *"thiền"* không phải Định, chẳng phải Tuệ, mù 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Khổ Tập Đế, quá khứ-vị lai nên nhiều người thấy không cần hiểu biết Vi Diệu Pháp.

Chỉ có người trí mới biết đúng giá trị lời Phật. Chỉ có các bậc Thánh mới có đủ trí hiểu, thực chứng và đánh giá đúng Vi Diệu Pháp. Người thiếu học thì không thể đánh giá đúng.

Thay vì nhận ra sự thật rằng mình có nhiều tham sân si, chưa nỗ lực thực hành tối đa lời Phật dạy thì có nhiều người tìm cách bóp méo Phật Pháp để hợp với tham sân si. Và hơn thế, họ tưởng mình có trí tuệ hiểu lời Phật dạy hơn các vị Thánh Tăng Arahant kết tập kinh điển. Do không có trí biết mình là vô văn phàm phu nên họ nghĩ sự suy diễn, pháp hành của họ là đúng, còn các chú giải, sự giảng rộng được chư Thánh Tăng xác nhận là không đúng. Không phải vô cớ mà họ bác bỏ Thanh Tịnh Đạo, Phân Tích Đạo. Chính vì các lời dạy ấy phù hợp với Kinh và Luật, trái với tham dục sân si nên họ ra sức bác bỏ. Không phải vô cớ mà họ mê các hý luận phủ nhận thiền Định, Vi Diệu Pháp của các thầy còn vô minh, phàm phu. Chính vì các hý luận ấy hợp với tham dục sân si, 5 triền cái nên họ ra sức ca ngợi. Tuy vậy, họ rất biết tiếp thu tri kiến từ các tông phái và ngoại đạo. Không phải vô cớ mà họ chấp nhận đại ngã như *"tánh biết", "tánh không", "chân như", "A-lại-da thức"*... Vì các ngã kiến ấy diễn tả hợp ý nhiều thứ nên họ ra sức thể hiện sự hiểu biết.

Thực chất, lòng tin chỉ là bước đầu đến với đạo Phật, giúp các Phật tử chấp nhận các sự thật nền tảng như nghiệp quả, thiện-ác... Tuy vậy, lòng tin không thể giúp các đệ tử Phật tránh khỏi những quan điểm trái ngược với Kinh điển Pāḷi. Chỉ có lý trí sáng suốt, sự hiểu biết kinh điển, trung thành với sự thật, lẽ phải mới có thể biết và hành đúng Kinh điển.

Và bản chất con người là tham sân si, do vậy mà đã phải luân hồi qua vô số kiếp. Tuy vậy, Giáo Pháp là sự thực hành tuần tự, viên mãn dần ba-la-mật,[49] sự thực hành trước là nhân gần cho sự thực hành sau,[50] nếu không có bước trước thì không thể đạt bước sau.[51] Giáo Pháp vốn dĩ không thể thỏa mãn mong muốn dễ tu, dễ chứng, tu nhanh, chứng lẹ, đi tắt đón đầu, làm ít, hưởng nhiều của con người.

---

[49] *Cũng vậy này các Tỷ-kheo,* ***trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thình lình****. (Ud 51)*

[50] *Với người có giới, này các Tỷ-kheo, với người* ***gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ****. Do chánh định có mặt, với người* ***chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu****. Do như thật tri kiến có mặt, với người* ***như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu****. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người* ***nhàm chán ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu****. (A.5.24)*

[51] *Với người ác giới, này các Tỷ-kheo, với người* ***phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại****. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại,* ***như thật tri kiến do vậy bị phá hoại****. Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại,* ***nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại****. Khi nhàm chán ly tham không có mặt, với người nhàm chán ly tham bị phá hoại,* ***giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại****.(A.5.24)*

Do thiếu học, không biết Phật dạy phải nương tựa mình và Pháp,[52] nhưng không chấp thủ,[53] nên có người cho rằng *"Cho nên đức Phật mới dạy* ***sống không nương tựa, không bám víu bất cứ điều gì ở đời****" (Sống tùy duyên thuận pháp).* Do không quy y nương tựa Pháp và Tam Bảo nên họ tạo ra và chấp thủ nhiều sự phi pháp, tự hủy hoại mình, mọi người và Giáo Pháp, không phải là Phật tử.

Và để có nhiều đồ chúng, họ nghĩ ra cách *"khắc phục" "điểm yếu"* khó tu, khó chứng của Giáo Pháp. Họ chế ra các pháp môn *"dễ tu, dễ chứng"*. Họ tạo ra thứ *"thiền"* là sự thấy của vô minh, có tác dụng tâm lý trị liệu, thỏa mãn cái tôi muốn tu tập *"Phật Pháp"*. Do thiếu học, họ không biết rằng do mù 5 uẩn nên họ chỉ có sự thấy của vô minh, chấp ngã. Với *"pháp môn" "sống tùy duyên thuận pháp",* không theo duyên Phật dạy, không thuận theo Phạm hạnh là Đạo Đế Giới Định Tuệ, họ củng cố thứ thiền của sự vô minh, ngăn đệ tử Phật tìm đến các duyên học và hành theo lời Phật dạy.

---

[52] *Vậy này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn,* ***dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác****. Này Ananda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Ananda,* ***như vậy là*** *Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình,* ***tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một điều gì khác****, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn,* ***dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa****, không nương tựa một điều gì khác.(D.16)*

[53] *Chư Tỷ-kheo, các Ông* ***cần hiểu ví dụ cái bè****. Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp. (M.22)*

Thật ra, sự giác ngộ trong đạo Phật là sự giác ngộ các pháp chân đế như 5 uẩn, Niết-bàn... Tuy vậy, họ cho rằng sự thấy của vô minh, *"tĩnh tại"* ngộ những sự thật tục đế trong đời sống mới là *"thiền"*. Thực chất, *"tiền nào của đó"*, thấy pháp tục đế thì không phải là sự giác ngộ, không đưa đến đoạn tận vô minh, tham ái. Ai chấp sự thấy của vô minh ấy là pháp tu giác ngộ, giải thoát sinh tử thì đó là chấp vào giới cấm thủ, không đưa đến mục đích giải thoát khổ.

Họ cho rằng thiền là phải *ở* trong sinh hoạt đời sống.[54] Họ không biết thiền là tạm dừng đời sống sinh hoạt tham sân si để thay vào đó là sự an lạc, trí tuệ. Thực chất, họ đang tự hủy hoại mình và tín đồ bằng tri kiến sai pháp, không có ai bị hủy hoại vì thiền khi chọn duyên thiền nơi thanh vắng theo lời Phật dạy. Họ không biết thiền Định có công thức là định tâm trên đối tượng thiền, thiền Tuệ có công thức là *quán sự vô thường, khổ, vô ngã* của pháp chân đế 5 uẩn bất kể ở xa-gần, quá khứ, hiện tại, vị lai, bất kể thân-thọ-tâm-pháp có thế nào thì cũng *đều là đối tượng thiền Tuệ*. Họ không biết thiền Định là diệt trừ 5 triền cái, là nhân gần của thiền Tuệ. Thiền Tuệ thấy biết bản chất thế gian đúng như nó là, nhờ đó duyên sinh Lậu Tận Trí, đoạn tận tham ái đối với mọi đối tượng ở mọi thời gian và không gian, giác ngộ Niết-bàn.

[54] *Thân - Thọ - Tâm - Pháp luôn biến động vô cùng vi tế, sự vận hành của thân tâm nơi sát-na này không còn đúng với sát-na ngay sau đó.* ***Muốn hành thiền bằng cách áp dụng một công thức y khuôn nào đó chẳng khác nào bắt sự sống phải dừng lại để mình cân đo khám xét, như vậy thì có khác gì tự hủy hoại mình****! (Sống tùy duyên thuận pháp - Viên Minh)*

Để xiển dương thứ thiền ấy, họ bác bỏ thiền Định là Chánh Định.[55] Họ cho rằng tâm *"tĩnh tại"*, không thấy 5 uẩn, 12 nhân duyên phóng đến các đối tượng ở khắp mọi nơi là *"đại định", "chánh định"*.[56] Bằng sự bóp méo Chánh Định, là một trong tám chi của Thánh Đạo Tám Ngành, họ thực chất đã tạo ra giới cấm thủ, tạo ra thứ *"thiền"* của sự vô minh, phóng dật, mù 5 uẩn, 12 nhân duyên, không phải Định mà cũng chẳng phải Tuệ, chẳng liên can gì đến Phật Pháp.

Thật ra, tuy sự *"tĩnh tại"* ấy không thể so với thiền Định nhưng như vậy vẫn có thể *đem lại cảm giác dễ chịu* cũng như thỏa mãn nhu cầu tu tập *"Phật Pháp"* của những ai không rõ Phật Pháp. Và tuy *"pháp môn"* ấy không có hại nhưng nếu chấp thứ đó đưa đến giác ngộ giải thoát thì đó lại là tà kiến.

Thực tế, con người luôn phải sống với các duyên và có quả tốt hay xấu. Và không phải duyên nào cũng như nhau. Có cái là thuận duyên có điều kiện thuận lợi, có cái là nghịch duyên cần phải nỗ lực vượt qua hoặc tránh đi.

---

[55] *Này các Tỷ kheo, **thế nào là Chánh định**? Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú **thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú **thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú **thiền thứ ba**. Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.(D.22)*

[56] *Chánh định là tâm **tĩnh tại ở khắp mọi nơi**, tức là luôn luôn trọn vẹn với thực tại thời - vị - tính, thì **đó mới là đại định của Phật giáo**.*

***Nhầm lẫn giữa tứ thiền bát định thế gian với chánh định quả là một sai lầm to lớn**. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

Con người không thể sống chỉ bằng *thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm duyên* mà còn cần có hành động thay đổi duyên. Con người không chỉ cần thấy cây chổi và nhà dơ mà còn cần biết quét nhà, thay đổi chướng duyên ấy. Đó là đạo lý bình thường. Con người thực hành đạo lý đó không ngoài việc làm cho cuộc đời bản thân và mọi người tốt đẹp hơn.

Khi gặp nghịch duyên, người trí không cố chấp bấu víu duyên ấy. Gặp lũ, thiếu tài liệu... thì không cần giương mắt *"tĩnh tại"* nhìn mà cần *mau thoát khỏi duyên ấy*. Khi có quả là điểm thấp thì *không cần "tĩnh tại" nhìn điểm thấp, thích nghi với điểm thấp* mà cần phải biết thay đổi bản thân và duyên hiện tại, cần biết tìm thầy bạn sách vở, nỗ lực học hỏi thêm.

Thực ra, người trí là người biết tìm và tạo duyên lành cho mình và đời, đúng thời, đúng nơi, họ *thuyết dạy, hành thiền, quét rác*... Trái lại, người *"sống tùy duyên"* thì thích xúi dại, bác bỏ việc làm cải thiện, tốt cho mình và đời,[57] chấp thủ nghịch duyên, ***đòi thích ứng***, *không tránh hỏa hoạn, lũ quét*...[58] Trong khi Phật chỉ dạy vì lợi ích, sự tốt đẹp cho chúng sinh thì họ muốn hại người, tự trói họ trong vô minh, phi pháp, nghịch duyên, chỉ trích thay đổi duyên làm lợi mình và đời.

---

[57] ***Chính những người luôn muốn cải thiện cho mọi thứ tốt hơn là người đau khổ nhất trên đời***. *(Sống tùy duyên thuận pháp)*

[58] *Có người* ***không chịu sống tuỳ duyên*** *mà luôn* ***cố tạo ra điều kiện cho hợp ý mình***. ***Đạo Phật không khuyến khích như vậy***, *mà dạy* ***nên sống thích ứng với duyên đến tự nhiên hơn là thay đổi hoặc tạo tác thêm duyên tự tạo khác***. *(Sống tùy duyên thuận pháp)*

Thực chất, *"pháp môn" "sống tùy duyên thuận pháp"* là sự tự mâu thuẫn, có bản chất bác bỏ sự học và hành theo lời Phật.

Ví như ai muốn học tiếng Anh thì cần phải học ở nơi dạy tiếng Anh, cũng vậy, ai muốn tu tập giải thoát thì cần đến nơi có thầy và chỗ để hành đúng theo lời Phật dạy. Tuy vậy, để cổ xúy thứ thiền vô minh sai pháp, không phải Định, chẳng phải Tuệ, họ dùng cái gọi là *"tùy duyên"* để bác bỏ các duyên liên hệ đến sự thực hành Đạo Đế Giới Định Tuệ.[59]

Đừng nghe họ nói *"tùy duyên", "tùy theo đó mà sống cho thích hợp"* mà hãy nhìn cái *"thuận pháp"* không chấp nhận *"tùy duyên"*. Do không chấp nhận *"tĩnh tại" "thích ứng"* vui vẻ nhìn điểm thấp,[60] nên họ mong điểm cao, đòi *"học ra cách điều chỉnh việc học hành"* để có điểm cao. Một mặt họ bác bỏ *"cải thiện cho mọi thứ tốt hơn"*,mặt khác *vì muốn cải thiện điểm*, không chấp nhận điểm thấp mà họ tạo tác thêm duyên, *"điều chỉnh việc học hành"* để có điểm cao thì mới cam lòng. Điều chỉnh học hành là liên hệ đến tạo tác, thay đổi duyên, cần tìm duyên học nơi thầy bạn thì không còn là *"tùy duyên"*. Theo *"sống tùy duyên"*, họ cần dùng nhân *"tĩnh tại"* bên trong nhìn điểm thấp *thay cho duyên học bên ngoài, để có điểm cao.*

[59] ***Thay vì phải tìm cho ra trường thiền nào có điều kiện tốt nhất**, phải chọn cho được thiền sư và pháp môn nào thích hợp nhất, tức là **tìm duyên bên ngoài** cho vừa ý mình, thì người thực sự biết tu cứ **ngay nơi thực tại thân-tâm-cảnh mà thấy**, dù là đang đi ngoài chợ hay đang ở trong chùa, **duyên đâu thì cũng tu đúng pháp là được**. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

[60] *Đã học dở thì phải nhận điểm thấp để ngay đó còn **học ra cách điều chỉnh việc học hành** chứ mong điểm cao thế nào được.*

Trong khi đời là *có bản thân và xã hội* thì họ thấy cuộc đời chỉ như tự nhiên, thay đổi cuộc đời, để đời tốt hơn thì sẽ như thay đổi quy luật tự nhiên, do vậy họ ***bác bỏ ý muốn thay đổi cuộc đời***. Thay vì làm cho cuộc đời tốt hơn, họ muốn làm điều *"thích hợp"*[61] *là thấy vẻ đẹp thiên nhiên.*[62] Họ áp đặt tham sân, nhị nguyên thích và ghét cho người khác,[63] còn họ *chọn ái, thấy vẻ đẹp tự nhiên*. Do ít học, họ không biết bản chất thiên nhiên chỉ là sắc uẩn vô thường, khổ, vô ngã. Họ tự mâu thuẫn khi có sự nhị phân, không thấy vẻ đẹp của điểm thấp, đòi tạo tác duyên để có điểm cao mới cam lòng. Họ thấy *đời là màu hồng*, không biết đến *"vẻ đẹp"* thiên nhiên khi hỏa hoạn... Trong khi người trí muốn thay đổi cuộc đời, tránh thiên tai lũ lụt, đói khổ thì họ bám víu nghịch duyên, muốn hỏa hoạn, lũ lụt, đói khổ làm thay đổi cuộc đời họ.[61]

---

[61] *Con người nhỏ bé đang sống trong vũ trụ bao la* ***luôn vận hành theo quy luật tự nhiên lại đòi thay đổi vũ trụ này theo ý mình hoặc muốn nó trở thành của mình***. *Đó phải chăng là tham vọng quá lớn? Lẽ ra mình nên xem cho kỹ mọi biến đổi của nó như thế nào để* ***tùy theo đó mà sống cho thích hợp****, thì mình lại muốn thiên nhiên làm theo ý mình.* ***Lẽ ra cuộc đời giúp chúng ta thay đổi, thì chúng ta lại muốn tự ý thay đổi cuộc đời, nên hậu quả là chỉ chuốc lấy khổ đau****. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

[62] ***Tại sao mình lại không thấy vẻ đẹp của ánh nắng ban mai****? Vẻ đẹp của ánh nắng mặt trời đã lên cao, của* ***mặt trời đứng bóng****...?* ***Tại sao mình không thấy được những vẻ đẹp khác nhau ấy*** *mà cứ* ***phải chờ hoàng hôn tới mới cam lòng****. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

[63] ***Mình muốn thiên nhiên theo ý mình****, vô tình giữa mình và hoàn cảnh sống xung quanh đã xuất hiện mâu thuẫn tâm lý. Mình đã* ***rơi vào cách sống nhị nguyên, tức là chọn ra một cái mình thích, những cái còn lại bỏ hết****. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

Thật ra, nói đến nghiệp quả là nói đến *nhân, duyên và quả*. Nếu thiếu nhân hoặc thiếu duyên thì đều là không có quả. Không thể chỉ biết có nhân mà bỏ qua vai trò của duyên. Duyên tuy có biên độ dao động và dễ đạt được hơn nhưng không thể vì thế mà *"tùy tiện duyên"*. Cụ thể, dù đói một chút thì vẫn có thể tu tập, giác ngộ nhưng không ai sắp chết đói mà có thể tu tập giác ngộ. Thực tế, bồ-tát đã từ bỏ khổ hạnh nhịn ăn để có sức tu tập giác ngộ. Duyên vật thực, sức khỏe dù dễ đạt được hơn nhưng *không thể vì thế mà có thể bỏ qua*, bỏ qua chúng thì *không thể* có nhân tu tập và quả giác ngộ.[64]

Trong *Kinh Sống Theo Pháp (A.5.74)*, Phật đã dạy *"Này các Tỷ-kheo, điều gì bậc Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên, các điều ấy, Ta đã làm cho các Thầy. Này các Tỷ-kheo, đây là những **gốc cây**, đây là những **căn nhà trống**. Này các Tỷ-kheo, **hãy tu Thiền**, chớ có phóng dật, chớ có để về sau phải hối tiếc"*. Như vậy, ***sống theo Pháp*** của đức Phật là ***thiền nơi duyên thanh vắng***.

---

[64] *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc**. Thế nào là năm?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo **có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai**: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Tỷ-kheo ấy **ít bệnh, ít não**, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn. Tỷ-kheo ấy **không lừa đảo, dối gạt**, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Tỷ-kheo ấy **sống tinh cần tinh tấn**, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu với các thiện pháp. Tỷ-kheo ấy **có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt các pháp**, Thành tựu sự thể nhập thuộc bậc Thánh, đưa đến chân chánh đoạn diệt khổ đau.(A.5.135)*

Người trí là người *biết không tự làm khó mình*, biết *bỏ ngu tìm trí, bỏ hại tìm lợi, bỏ lợi nhỏ tìm lợi lớn*. Trừ khi bất khả thi, họ không chọn nơi bất lợi. Và Phật dạy chọn duyên *"Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc trí" (Sn.46)*. Vì không chịu duyên bất lợi nơi đời sống tại gia mà bồ-tát và các đệ tử đã xuất gia, không có cái gọi là tùy tiện duyên như họ hý luận.

Thực chất, tác ý thấy đề mục thiền Định mới là sự hành thiền Định, thấy biết và quán sự vô thường, khổ, vô ngã của *5 uẩn, 12 nhân duyên* mới là thiền Tuệ. Vì vậy, Phật tử có thể dành nhiều thời gian để thiền nhưng không thể sống chỉ bằng thiền. Lại nữa, con người cũng không thể sống chỉ bằng sự thấy, nghe, ngửi... Khác với vật chất vô tri không có trí nhớ lẫn sự lựa chọn, con người có sự lựa chọn trong các nghiệp thân, khẩu, ý *sau khi thấy, nghe*... Tùy theo nghiệp có nhân tham sân si hay không mà đó là thiện hay bất thiện. Con người cần biết phải làm gì khi gặp các duyên. Và Phật dạy là *có trí-ngu, thiện-ác* và thuận Pháp chính là làm thiện-tránh ác, cần có trí tạo thiện nghiệp, tránh bất thiện. Và tham sân si đều do duyên sinh. Do *khéo hay không khéo tác ý* đối với duyên mà con người tạo thiện hay bất thiện nghiệp. Ví dụ, do khéo tác ý mà không khởi tham sân si hoặc nếu đã khởi thì chấm dứt, do khéo tác ý đến *nghiệp hay quả bất kể là thiện hay bất thiện, ở quá khứ hay hiện tại* mà người trí tạo thiện nghiệp mới, ngăn bất thiện sinh lên. Do khéo tác ý, họ không lệch sang tham hay sân mà thẳng hướng thiện pháp.

Và người trí thì thường tác ý phân biệt thiện - bất thiện và nghĩ đến Pháp. Nhờ hay khéo tác ý đến thiện pháp, họ linh hoạt tạo thiện nghiệp tùy theo các duyên họ gặp. Ví dụ như khi gặp đối tượng khả ái thì họ nghĩ đến 32 thể trược, sự vô thường, gặp kẻ khó ưa thì họ khéo tác ý đến từ bi, nghiệp quả, sự vô thường, gặp duyên bất kể là lành hay dữ thì họ khéo tác ý đến sự vô thường và nghiệp quả, nhớ đến thiện nghiệp đã làm thì họ khéo tác ý hoan hỷ, lỡ nhớ đến bất thiện quá khứ thì họ nguyện không tái phạm.

Hơn nữa, người trí còn biết cách chặn đứng tham sân si tăng trưởng bằng sự thay đổi đối tượng. Thay vì tiếp tục hướng tâm đến đối tượng của tham sân si thì họ hướng tâm quan sát đối tượng là các tâm tham sân si, nhờ đó họ ngăn tham sân si tiếp diễn. Thực chất, theo quy luật của tâm thì trong một sát-na thì chỉ có một tâm, một tâm thì chỉ biết một cảnh, do vậy, khi có tâm trí thấy tâm tham sân si thì không có tâm tham sân si. Thật ra, tâm trí thấy biết tâm tham sân si chỉ có nghĩa là *tâm ấy không hướng đến đối tượng của tham sân si* chứ không có nghĩa là có trí ly tham sân si. Để có trí ấy thì cần tác ý đến *vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*.

Tóm lại, nhờ sự hiểu biết, tôn kính Pháp, với từ bi hỷ xả, sự hiểu biết vô thường, nghiệp quả, người trí sống tùy Pháp bằng cách tránh duyên gần kẻ ngu, tạo thiện nghiệp hợp trí, có trí ly tham sân si trước các duyên. Họ hành thiện pháp Giới Định Tuệ để giải thoát khổ, chấm dứt sinh tử luân hồi.

# “Đạo Phật Phát Triển”

Đạo Phật là của Phật. Đạo Phật không phải là đạo của các đệ tử vô minh, phàm phu có *“chân lý”* trái lời Phật, thứ đệ tử có sự hiểu biết và mục đích sai pháp, ảo tưởng, có kết quả ngược với mục đích, sống trong giả dối, làm hại Giáo Pháp.

Đức Phật không ép ai làm đệ tử cũng như không yêu cầu đệ tử *“phát triển”* sự bài xích, bóp méo, phủ nhận lời Phật. Tuy vậy, nhờ sự sáng tác, bóp méo, phủ nhận lời Phật của các văn sĩ mà nhiều tín đồ đã *“phát triển”* thành quy y đệ tử, văn sĩ còn vô minh, phiền não, đối nghịch với Tam Bảo.

Quả có thể sáng tác văn thơ, phát minh đồ vật, phát hiện chân lý nhưng không thể có cái gọi là sáng tác phát triển chân lý; sự thật 1+1=2 là không thể phát triển thành 1+1=5,...

Ví như 1+1=2 và 1+1≠2 là *mâu thuẫn nhau*, không thể cùng là sự thật, cũng vậy, những thứ do các đệ tử tạo ra trái với chân lý mà Phật giác ngộ thì đều là tà kiến. Đó không phải là chân lý hay *“đạo Phật phát triển”*, cũng không phải hoa lá mọc trên gốc đạo Phật mà đó là dây leo ký sinh siết chết cây đạo Phật của bậc Toàn Giác vốn toàn hảo đủ hoa lá cành. Chỉ kẻ mất trí mới xem những sự mâu thuẫn đều là sự thật. Trái lời Phật là phi Pháp, gây tổn hại Giáo Pháp, không phải Phật Pháp. Thứ đệ tử phàm phu, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, không có trí tuệ như Phật thì không thể hơn Phật,không thể tạo ra cái gọi là *“đạo Phật phát triển”*. Thứ đệ tử còn vô minh, lậu hoặc, chưa giác ngộ lẫn các thứ *“Phật”* hư cấu, bất nhất, mâu thuẫn *chỉ có thể "phát triển" ra những sự phi pháp, tà kiến*.

## *"Tông Phái"*

Đạo của Phật chỉ có một, *không có tông phái*. Phật dạy với bàn tay mở, *không có mật giáo*[190] và không dạy lập tông phái. Chỉ phàm phu mới chia rẽ Tăng còn bậc Thánh thì không.[65] Chia rẽ Tăng là phạm giới trọng, *thuộc ngũ nghịch trọng tội*.[66] Vì có sự bất đồng với Giáo Pháp, không thật quy y Tam Bảo nên nhiều phàm phu chia rẽ Tăng, chế Giới Luật, bóp méo Giáo Pháp, tạo ra thứ trái với Pháp và Luật mà có tông phái.

Vì không có Tăng sự xuất gia đúng Giới Luật nên các tông phái không có sự xuất gia Tỷ-kheo thành tựu.[67] Ai chưa quy y chân Tam Bảo thì đó là đệ tử Phật tự nhận. Đạo không dựa vào chân Tam Bảo thì đó là đạo Phật tự nhận.

*Cùng với sự hướng tới mạt pháp, hạng độn căn, tham sân si giả dối theo phi pháp ngày càng đông* là sự *xuất hiện* những kẻ phàm phu có các kinh vô căn cứ *tiếng Sanskrit* ra đời sau khi Phật diệt độ vài trăm năm. *Như Tây Du Ký*, thứ kinh ấy nói về Phật và các đệ tử với lời nói, việc làm trái với kinh tiếng Pāḷi do chư Arahant thuộc Tăng Bảo truyền miệng và kết tập.

---

[65] *"**Sự kiện này không xảy ra**, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người **thành tựu chánh kiến có thể phá hòa hợp Tăng**, sự kiện này không xảy ra. Và **sự kiện này có xảy ra**, này các Tỷ-kheo, **kẻ phàm phu có thể phá hòa hợp** Tăng, sự kiện này có xảy ra." (A.1.15.8)*

[66] *Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, **phá hòa hợp Tăng**. Này các Tỷ-kheo, năm pháp ngũ nghịch này, đưa đến **đọa xứ**, đưa đến **địa ngục**, không thể chữa trị.(A.5.129)*

[67] *- Bốn loại **hành sự** này bị **hư hỏng** vì năm nguyên nhân: hoặc là **vì sự việc**, hoặc là **vì lời đề nghị**, hoặc là **vì lời thông báo**, hoặc là **vì ranh giới (sīmā)** hoặc là **vì tập thể**. (Tạng Luật - Tập Yếu - Năm Phần)*

Các kinh ấy tạo ra tông phái ngược với Phật Pháp. Trong khi Phật dạy phẩm chất Như Lai là chân thật thì Pháp Hoa bảo Phật có *"pháp phương tiện"* là đảo lộn lời đã nói. Trong khi Phật dạy *"tất cả pháp vô ngã"*, không ca ngợi sự hiện hữu,[126] tuyên bố diệt độ, chấm dứt hiện hữu thì tuy hô *"không"*, các tông phái rốt ráo tham chấp thủ đại ngã *"Phật tánh"*, trái với quy luật nghiệp quả, phủ nhận sự diệt độ, gây sự kiêu mạn, tà kiến chấp ngã,đưa tới cõi khổ,thiện xảo trong mâu thuẫn, hại đời, không có từ bi trí tuệ, không đưa tới giác ngộ. Họ có *"pháp môn" tu "thành Phật"* trái với lời Phật tuyên bố do tu tập Đạo Đế mà giác ngộ thành Phật.[87] Trong khi Phật tuyên bố do *giác ngộ Tứ Diệu Đế* mà thành Phật[86] thì họ gọi sự tu tập, giác ngộ Tứ Diệu Đế là thuộc về *Hīnayāna (Hạ Liệt Thừa)*, là chưa thành Phật, bác bỏ sự giác ngộ của Phật. Sự *"phát triển" "triết lý sâu sắc"* của các tông phái có *"giá trị tư tưởng"* là tự mâu thuẫn, trái lời Phật. Vì không giác ngộ Tứ Diệu Đế nên các tông phái vô minh, không có sự giác ngộ như Phật và các đệ tử.[91] Người trí thì không tin kinh điển *"phát triển"* bởi các phàm phu phá giới, chia rẽ Tăng, không quy y Tam Bảo.

Ví như Hồi giáo dù có công nhận Bốn Thánh Đế là cốt lõi đạo Phật thì điều đó không khiến họ là đạo Phật. Cũng vậy, vì chấp đại ngã, khác mục đích, giáo lý, sự tu tập, y, lối sống nên dù công nhận Tứ Diệu Đế, duyên khởi, nghiệp, vô ngã, trữ kinh như thư viện thì các tông phái vẫn chỉ là đạo Phật tự nhận. Tam Bảo, Niết-bàn, Giới Định Tuệ của họ trái với đạo Phật, *không được đạo Phật chấp nhận*, chỉ là sự trùng tên.

Thực chất, đạo Phật là của đức Phật và đức Phật không ép buộc ai phải theo đạo Phật. Tuy vậy, những ai đã chọn xuất gia làm tu sĩ đạo Phật thì cần phải theo Giới Luật mà đức Phật đã đặt ra. Nếu không theo Giới Luật của đức Phật mà tự nhận là Tỷ-kheo đệ tử của Phật thì đó là sự lừa dối và *nuôi mạng bằng sự lừa dối* thì đó là tà mạng. Ví như quốc gia tồn tại nhờ có luật pháp, cũng vậy, đạo Phật tồn tại là nhờ có Giới Luật và sự gìn giữ Giới Luật. Đạo Phật không tồn tại nhờ sự lừa dối, không theo Giới Luật. Sự lừa dối không giúp đạt mục đích thoát khổ của đạo Phật, trái lại còn khiến phải chịu quả khổ do nghiệp lừa dối, tà mạng.

Tuy vậy, có nhiều người phá bỏ cốt lõi Giới Luật để có danh, vỏ bọc Tăng, Ni.

Và đức Phật đã đặt ra bốn giới Pārājika Bất Cộng Trú đối với các Tỷ-kheo, ai phạm các giới này thì phải bị trục xuất, không được là Tỷ-kheo và cũng không được phép xuất gia lại làm Tỷ-kheo. Đó là các giới cấm không được hành dâm, trộm cắp, giết người, khoe pháp thượng nhân không có thật.

Tuy vậy, dù Phật không ép ai xuất gia nhưng có nhiều người làm *"Tăng"* nhưng lấy sự giết người làm cách *"gìn giữ" "phát dương quảng đại" "Phật Pháp"*. Cụ thể, *"Phật giáo"* Nhật thời xưa từng xuất hiện thể loại *"Tăng binh"* là những thứ *"Tăng"* chuyên sử dụng vũ khí để chống cướp, bảo vệ *"chùa"*, giết người và tiêu diệt các *"tông phái"* khác.

Thực tế, đức Phật cũng không cấm ai xả y, từ bỏ đời sống xuất gia, *quay lại đời sống thế tục*. Chỉ cần *xả y, từ bỏ học giới* là thành cư sĩ có thể lập gia đình, có vợ con, khi nào muốn thì quay lại xuất gia. Đời sống xuất gia thì phải khác với tại gia. Tuy vậy, *"Giáo đoàn Tân Tăng"* của Phật giáo Nhật Bản lại cho phép lấy vợ để có con. Họ duy trì dòng giống của mình, đi ngược Phật Pháp và bảo đó là để gìn giữ đạo Phật.

Phật chế định Giới Luật còn là vì tín tâm của người trí. Người thiếu trí thì không biết lẽ phải và không chấp nhận tham sân si là bất thiện, họ ưa tìm cách thỏa mãn tham sân si. Vì Phật Pháp, Giới Định Tuệ là hướng đến ly tham sân si nên họ không chấp nhận và không có tín tâm với đạo Phật.

Thực chất, Phật thuyết dạy là vì những người trí có ít bụi trong mắt. Và trí về Phật Pháp lẫn trí giải thoát thì chẳng liên can gì đến trí thế gian. Thời đức Phật, rất nhiều người tầng lớp thấp chứng quả giải thoát và nhiều bà-la-môn là những thầy tà kiến. Do vậy, dù trí thế gian ngày nay hơn thời xưa thì điều đó vẫn là vô nghĩa trong đạo Phật. Thực tế, thay vì bắt chước người xưa nỗ lực hành Giới Định Tuệ để đạt mục đích giải thoát, nhiều người thời nay hay có đòi hỏi sai pháp, bóp méo Pháp và Luật để thỏa mãn tham sân si.

Thế gian là có trí-ngu, thiện-ác, tốt-xấu, lợi-hại. Do vậy, Phật từ bi như nhau với tất cả chúng sinh chứ không xem chúng sinh là bình đẳng. Người ác giới là không bình đẳng với bậc thiện trí có giới. Trong *kinh Phân Biệt Cúng Dường*

*(M.142)*, đức Phật chỉ rõ phước cúng dường, bố thí cho những loại người đó là khác nhau chứ không như nhau.[85]

Vì Phật vẫn là tồn tại do duyên nên có chấp nhận một số văn hóa Ấn Độ. Điều đó không có nghĩa là Phật chấp nhận văn hóa phi pháp. Phật phủ định nhiều tri kiến bà-la-môn, tà kiến trong xã hội. Phật bác bỏ tế lễ bằng sát sinh, bác bỏ bà-la-môn do *huyết thống, thọ sinh*. Phật gọi Arahant mới là bà-la-môn. Phật theo sự thật, lẽ phải, gọi kẻ ngu là kẻ ngu, không bóp méo Pháp để chiều lòng kẻ ngu, không hùa theo hay thu hút kẻ ngu. Phật không thuyết Pháp vì người ngu. Phật xem thuyết Pháp cho những người ngu là ác thuyết.[9] Không có cái gọi là vì *"tuân theo chuẩn mực xã hội"* mà bậc Thiên Nhân Sư đặt Ni phụ thuộc và thấp hơn Tăng.

Do không biết thế gian là có trí-ngu, thiện-ác, không bình đẳng, không biết đạo Phật là học và hành theo lời Phật *chứ không phải là chạy theo xã hội* nên có nhiều người thay vì tu tập Giới Định Tuệ để giải thoát khổ thì họ đấu tranh cho tự do dân chủ, bình đẳng giới. Thay vì xấu hổ vì có nhiều phiền não tham sân si, chưa giác ngộ Niết-bàn thì họ tự hào ngày nay là thời của *"giác ngộ", "giác ngộ tự do, bình đẳng"*.[68]

[68] ***Thời đại của chúng ta được tạo hình bởi những ý tưởng của thời kỳ giác ngộ**, một sự vận động đã khẳng định phẩm giá vốn có trong mỗi con người, đưa đến sự sinh khởi của dân chủ, đánh dấu sự khởi đầu trong các khái niệm như là nhân quyền và quyền bỏ phiếu, và đưa đến sự **đòi hỏi bình đẳng trong chính trị**, công bằng cho tất cả mọi người dưới pháp luật. (Sự Phục Hồi Của Hội Chúng Tỳ-Khưu-Ni Trong Truyền Thống Nguyên Thủy - Bhikkhu Bodhi)*

Thực tế, để gia nhập một tổ chức thì cần phải đáp ứng các điều kiện và thủ tục nhất định. Tùy tiện mặc cảnh phục và tự nhận là cảnh sát thì đó là sự lừa gạt, bất hợp pháp. Và khác với cư sĩ tại gia có thể thành đệ tử Phật chỉ bằng cách quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, người muốn xuất gia theo đạo Phật cần tuân theo nhiều quy định về xuất gia. Tuy vậy, vì danh lợi, ngã mạn, có nhiều người phá vỡ Giới Luật về xuất gia, thành *"Tỷ-kheo-ni"* sai pháp từ các tông phái.

Và sự ra đời Hội chúng Ni thì không phải là điều tốt đẹp với Giáo Pháp. Phật đã dứt khoát ba lần từ chối lời xin cho người nữ xuất gia trong Giáo Pháp của dì mẫu Gotamī[69] và ba lần từ chối lời xin như vậy với ngài Ānanda.

Chỉ khi ngài Ānanda tìm cách xin cho người nữ xuất gia trong Giáo Pháp theo phương thức chỉ liên hệ đến lợi ích và khả năng của người nữ nếu được xuất gia trong Giáo Pháp, cũng như nhắc đến công đức của bà Gotamī với Thế Tôn thì khi đó đức Phật mới chấp nhận có Tỷ-kheo-ni với điều kiện là bà Gotamī chấp nhận Tám Trọng Pháp.[70]

---

[69] *- Bạch ngài, **tốt đẹp thay** người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Như Lai công bố.*

*- Này Gotamī, **thôi đi**! Bà chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Như Lai công bố nữa.(Vin.Cv.x)*

[70] *- Bạch ngài, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ có khả năng chứng đạt quả vị Nhập lưu hoặc quả vị Nhất lai hoặc quả vị Bất lai hoặc quả vị A-la-hán hay không?*

*- Này Ānanda, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật*

Do cách thỉnh cầu cho rằng Tỷ-kheo-ni là sự tốt đẹp cho Giáo Pháp mà Phật từ chối 6 lần. Do lần thứ 7 xin vì lợi ích và khả năng chứng đắc của họ, vì công đức của bà Gotamī mà Phật chấp nhận có Ni với điều kiện là Tám Trọng Pháp chứ *không phải là vô điều kiện*. Phật từ chối hay chấp nhận là có lý do. Tuy vậy, có nhiều kẻ coi 6 lần từ chối là còn do dự.

---

*đã được đức Như Lai công bố, **nữ nhân có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị A-la-hán**.*

*- Bạch ngài, nếu sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ **có khả năng** chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị A-la-hán nữa; bạch ngài, **bà Mahāpajāpati Gotamī có nhiều công đức đối với đức Thế Tôn**, là dì ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời. Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.*

*- Này Ānanda, **nếu bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà**:*

*Tỳ khưu ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hiện **sự đảnh lễ**, sự đứng dậy chào, sự chắp tay, (và) hành động thích hợp đến **vị tỳ khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy**. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.*

*Tỳ khưu ni **không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỳ khưu**. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.*

*Tỳ khưu ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng tỳ khưu là việc hỏi ngày lễ Uposatha và việc đi đến (để nghe) giáo giới. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.*

*Tỳ khưu ni đã trải qua mùa (an cư) mưa nên yêu cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.*

Điều kiện Tám Trọng Pháp chỉ ra quan hệ giữa Tăng-Ni, giúp Giáo Pháp tồn tại tốt đẹp. Ni tồn tại nương nhờ Tăng, chứ không bình đẳng với Tăng. Thực tế, Giáo Pháp tồn tại mà không cần có Ni từ hơn 2000 năm trước. Tuy vậy, có nhiều người cho rằng Tỷ-kheo-ni ngang hàng với Tỷ-kheo.

Hơn ai hết, đức Phật biết rất rõ *"Tất cả hành vô thường" (PC.277)*. Phật biết Hội chúng Tăng-Ni sẽ vô thường từ trước khi thiết lập. Thực tế, do không giữ được truyền thừa theo Giới Luật mà Ni chúng vô thường từ hơn 2000 năm trước.

Khi Ma vương thỉnh Phật diệt độ, Phật bảo *sẽ chưa diệt độ* khi chúng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ *"chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh,sáng suốt,có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp..." (D.16)* dù lúc đó chưa có Tứ chúng chỉ có nghĩa là Phật sẽ thành lập Tứ chúng theo cách tốt nhất. Việc đức Phật sẽ

---

*Tỳ khưu ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hành phạt mānatta nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.*

*Cô ni tu tập sự (sikkhamānā) **đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng**. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.*

*Tỳ khưu ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi nói xấu tỳ khưu. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.*

*Kể từ hôm nay, việc khuyên bảo của các tỳ khưu ni đến các tỳ khưu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các tỳ khưu đến các tỳ khưu ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kỉnh, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời. (Vin.Cv.x)*

thành lập Tứ chúng không có nghĩa Ni chúng là trụ cột, bình đẳng với Tăng chúng, Ni phải thường còn, phải tồn tại bằng mọi giá, bất chấp phạm giới, vi phạm điều kiện Tám Trọng Pháp, điều kiện cho sự thành lập Tỷ-kheo-ni.

Phật cho phép có Ni là vì lợi ích của người nữ, không phải vì sự tốt đẹp của Giáo Pháp. Phật đặt ra Trọng Pháp là để bảo vệ Giáo Pháp, giúp Ni chúng tồn tại cho đến khi còn có ích với người nữ. Bằng quy định học nữ phải xuất gia trước hai hội chúng trong Tám Trọng Pháp, Phật ngăn Ni tái lập sau khi vô thường, tránh gây hại cho Giáo Pháp và người nữ.

Và do đức Phật đã phòng xa, đặt ra Tám Trọng Pháp mà *Diệu Pháp, tức pháp chứng Arahant với lục thông và bốn tuệ phân tích, vẫn tồn tại 1000 năm như khi không có Ni chúng*.[71]

Thời xưa, con người ít tham sân si hơn, dễ giải thoát hơn nhưng sự xuất hiện Ni chúng là gây ảnh hưởng xấu đến Giáo Pháp. Do vậy mà đức Phật 6 lần từ chối và chỉ đồng ý với điều kiện là bà Gotamī chấp nhận Tám Trọng Pháp.

---

[71] - *Này Ānanda, nếu nữ nhân không đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài,* ***Diệu Pháp (saddhamma) có thể tồn tại một ngàn năm****. Này Ānanda, bởi vì nữ nhân đã xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda,* ***giờ đây Diệu Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm****.*

*Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông* ***chính vì phòng xa*** *nên củng cố bờ đê của cái hồ lớn để không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, cũng tương tợ như thế,* ***tám Trọng Pháp do ta chính vì phòng xa đã quy định cho các tỳ khưu ni*** *cho đến trọn đời không được vi phạm. (Vin.Cv.x)*

Người nữ xưa ít tham sân si hơn còn không giữ nổi giới, khiến bị đứt truyền thừa. Vậy nên người nữ thời sau nhiều tham sân si hơn thì hay đứt giới. Do đứt giới, họ không có Định và Tuệ, không thể đắc Đạo-Quả như điều ngài Ānanda nêu ra để Phật chấp nhận có Tỷ-kheo-ni. Do đứt giới, họ sẽ đến khổ cảnh. Như vậy, Tám Trọng Pháp giúp Ni tồn tại cho đến khi còn có ích với người nữ và ngăn tồn tại vô ích một khi đã đứt truyền thừa, tránh để người nữ vị lai tổn hại. Họ được bảo vệ bởi trọng pháp chứ không phải khinh pháp.

Vì Tám Trọng Pháp liên hệ đến cả Pháp và Luật nên đã được kết tập trong cả *Tạng Kinh (Tăng Chi-Mahāpajāpati Gotamī (A.8.51))* và *Tạng Luật (Tiểu Phẩm-Chương Tỳ-kheo-ni)*. Cả hai đều thuộc về Chánh Tạng. Tuy vậy, có nhiều người cho rằng Tám Trọng Pháp là *"còn đang tranh cãi"*.

Và đức Phật đã tiến hành thành lập Ni chúng qua 2 bước.

1) Bà Gotamī tu lên bậc trên bằng sự thọ nhận Bát Trọng Pháp. Lúc đó chưa có Ni chúng. Bà là Tỷ-kheo-ni đầu tiên.[72] Bà là người không có và chưa có khả năng làm Ni sư tế độ.

2) Vì một mình bà Gotamī thì không phải là Ni chúng nên đức Phật chỉ định 500 nữ Sakya đi theo bà được tu lên bậc trên trước Tăng chúng. Khi đó mới có Ni chúng. Sau khi có Ni chúng thì phải theo Trọng Pháp, phải tu lên bậc trên trước hai hội chúng cũng như phải có Ni sư tế độ.

[72] - *Này Ānanda, **kể từ lúc bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, chính vào lúc ấy bà đã được tu lên bậc trên**. (Vin.Cv.x)*

Vì đây là sự thiết lập Ni nên trừ Phật không ai có thể làm hay làm lại khi đã có Ni chúng. Trừ họ, không ai có thể nhận Tám Trọng Pháp như bà Gotamī hay trực tiếp tu lên bậc trên trước Tăng chúng như 500 nữ Sakya mà thành Tỷ-kheo-ni. Khi đã có Ni chúng thì cần phải theo đúng Trọng Pháp, không thể như sự thiết lập Ni chúng của Phật.

Do sự thành lập Ni chúng chỉ xảy ra một lần nên Phật ra chỉ thị cho sự việc mà không ra điều luật gì. Tạng Luật cũng không nói trình tự, thủ tục, đề nghị, thông báo của Tăng sự cho các nữ Sakya xuất gia. Dù có muốn bắt chước thì cũng không biết Tăng sự ấy phải làm thế nào để thành tựu.

Sau đó, Phật quy định cho chư Tăng được phép ban phép tu lên bậc trên đến các Tỷ-kheo-ni.[73] Nhờ đó, Trọng Pháp mới có thể hoạt động. Các Tỷ-kheo-ni đó là những người đã tu lên bậc trên một bên trước Ni chúng. Phật không hề cho chư Tăng quyền ban phép tu lên bậc trên đến các nữ giới tử. Do đó, ngày nay, nếu chư Tăng cho người nữ giới tử tu lên bậc trên thì đó là sai quy định, trái với điều được phép.

Thực chất, Phật cho phép có Ni là vì lợi ích và khả năng giác ngộ của họ, vì công đức của bà Gotamī, với điều kiện là *Trọng Pháp* chứ không phải là khinh pháp hay vô điều kiện. Phật không cần có *"hậu chiêu"* mờ ám nào để bỏ điều kiện Trọng Pháp, tái lập Ni, gây hại cho Giáo Pháp và người nữ.

---

[73] *- Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các tỳ khưu ni. (Vin.Cv.x)*

Thật ra, không phải chỉ khi xuất gia Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni thì mới có thể giác ngộ giải thoát khổ. Đức Phật dạy Đạo Đế Giới Định Tuệ là con đường đưa đến giải thoát khổ chứ không dạy hình tướng tỷ-kheo hay tỷ-kheo-ni mới đưa đến giải thoát. Thực tế, có rất nhiều cư sĩ chứng quả giải thoát còn vô số Tăng, Ni thì đi đến khổ cảnh vì phá giới, tà mạng.

Và người xuất gia thì có nhiều thuận duyên hơn để tu tập Giới Định Tuệ, giác ngộ, giải thoát khổ. Vì có môi trường thuận lợi, có nhiều Giới phải giữ nên dễ ly tham, giải thoát hơn. Tuy vậy, nếu không giữ giới, thì họ sẽ không đạt được mục đích giải thoát khổ mà trái lại, họ sẽ đi đến khổ cảnh.

Và người tại gia thì khó có môi trường thuận lợi để hành Giới Định Tuệ, có ít Giới để giữ hơn nên họ khó giác ngộ, giải thoát hơn. Tuy vậy, họ sẽ không mắc nợ thí chủ, không phạm các giới liên quan đến lừa dối tà mạng của Tỷ-kheo, những giới mà khi vi phạm sẽ cho quả đưa đến khổ cảnh.

Thực tế, có nhiều cư sĩ và nữ tu sĩ Phật giáo đã học tập và giảng dạy Phật Pháp ở nhiều trường Phật Học trên thế giới. Nói cách khác, việc học tập và thuyết dạy Phật Pháp cho mọi người không phải là độc quyền của các vị Tỷ-kheo.

Tuy vậy, thay vì nỗ lực thực hành Đạo Đế Giới Định Tuệ để chứng quả giải thoát hoặc hoằng Pháp dưới hình tướng cư sĩ hay nữ tu sĩ Phật giáo thì vì danh lợi, ngã mạn mà nhiều người đã cố phá giới để thành Tỷ-kheo-ni sai pháp, gây nghiệp bất thiện, không thoát khỏi khổ.

Thật ra, các nữ tu Phật giáo và Tỷ-kheo-ni chỉ khác nhau ở Giới và bộ y. Để giải thoát, họ đều cần hành Giới Định Tuệ chứ không cần phá giới. Tuy ít giới và bộ y ít ấn tượng hơn nhưng các nữ tu *vẫn đủ điều kiện tu tập*, phát triển tâm linh, giác ngộ, giải thoát khổ. Trái lại, do trộm Ni tướng, tà mạng nên các *"Tỷ-kheo-ni"* ngày nay chỉ thỏa mãn được cái tôi và danh lợi chứ không thể giải thoát khổ được như các nữ tu. Thực tế, vì bị đứt truyền thừa, người nữ ngày nay không thể học được gì từ Ni chúng. Dù có là *"Tỷ-kheo-ni"* thì họ vẫn là học từ chư Tăng ở nơi các chùa vốn vẫn dạy cho cư sĩ, nữ tu.

Thực chất, Phật cho lập Ni là vì lợi ích và khả năng tu tập giác ngộ, giải thoát khổ của họ chứ không phải vì khả năng phá giới, lý do bình đẳng, tham gia hoạt động xã hội của họ. Tuy vậy, hiện tại, những người cần Ni tướng bất kể phá giới là để thỏa mãn danh lợi, ngã mạn và để hoạt động xã hội.

Trong khi đức Phật dạy rõ *"Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta,* ***dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua****"(Ud 51),* thì có người suy diễn ý Phật muốn họ làm gì ở thời mạt pháp và tâm tư nghĩ cách phá giới xuất gia *"một cách thành tựu"*.[74] Thực chất, cái gọi là *"thiện ý tái lập Tỷ-kheo-ni"* chỉ là ác tâm phá giới, phá Trọng Pháp, lừa đời, gạt mình, đi đến cõi khổ.

[74] *Khi chúng ta dự tính làm cách nào để thích hợp nhất cho việc này, chúng ta* ***không nên hỏi đức Phật đã làm gì 2500 năm trước****, mà nên nghĩ Ngài* ***muốn chúng ta làm gì*** *trong điều kiện hiện tại của chúng ta.*

*Trong bài khảo luận này, tôi không quan tâm đến các giới luật qui định mối quan hệ giữa Tăng và Ni, mà* ***chỉ chú trọng vào vấn đề thọ giới – xuất gia****.*

Để tái lập Ni chúng, nhiều người có các quan điểm và cách đặt vấn đề khác nhau. Thay vì đi tìm hiểu kinh điển, lời Phật dạy về vấn đề xuất gia, đóng khung trong chân lý, lời dạy trí tuệ của bậc Toàn Giác, Thiên Nhân Sư thì họ lại mở ra các con đường, không gian của những thứ sai Pháp, sai Luật, những thứ được tạo ra từ các giả định, có tính chất bóp méo, trái lời Phật dạy.

Thực tế, tiến trình tái lập Ni chúng là tiến trình phá giới. Có người cho rằng vì Phật không cấm Tăng ban phép tu lên bậc trên cho nữ giới tử nên chư Tăng có thể làm điều ấy.[75] Họ không biết rằng điều Phật chưa cấm mà trái với điều Phật cho phép thì đó là điều không được phép.[76] Vì Phật chỉ cho chư Tăng được phép ban phép tu lên bậc trên đến các Tỷ-kheo-ni,[77] nên nếu chư Tăng ban phép tu lên bậc trên đối với các nữ giới tử thì đó là sự sai trái. Hơn nữa, đó còn là sự vi phạm Trọng Pháp, điều quy định phải tu lên bậc trên trước hai hội chúng. Hơn thế nữa, do bởi Tạng Luật không đề cập gì đến Tăng sự cho nữ giới tử tu lên bậc trên nên

[75] *Tuy nhiên, chúng ta nên đặt vấn đề là nếu một vị Tỳ khưu làm lễ xuất gia cho nữ giới thì có phạm luật không. Mặc dù không có một giới luật nào ngăn cấm việc này, những người bảo thủ trong truyền thống Nguyên thủy lại khăng khăng cho rằng nó phải được làm bởi Tỳ khưu ni.*

[76] *-Này các tỳ khưu,* ***điều nào ta chưa cấm*** *rằng: "Điều này không được phép," và điều ấy phù hợp với điều không được phép và* ***trái nghịch với điều được phép****, đối với các ngươi* ***điều ấy là không được phép****.(Vin.Mv.vi)*

[77] *- Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các tỳ khưu ni. (Vin.Cv.x)*

*"Tăng sự"* cho nữ giới tử tu lên bậc trên còn bị hư hỏng do phải chế ra các thủ tục, lời đề nghị, thông báo Pāḷi.[78]

Vì đạo Phật là của Phật nên đạo Phật dùng Pháp Bảo là Phật ngôn tiếng Pāḷi trong Tăng sự. Tăng sự chỉ thành tựu khi dùng đúng Phật ngôn. Vì có xuất xứ từ những Tỷ-kheo chia rẽ Tăng, không quy y Pháp và Tăng với các khác biệt về giới bổn, nghi thức Tăng sự, sīmā, y phục, giáo lý, mục đích, nhất là vì đề nghị, thông báo của Tăng sự xuất gia quy định bằng tiếng Pāḷi mà các tông phái chưa thành tựu xuất gia Tỷ-kheo, chưa quy y đúng Tam Bảo, là đạo Phật tự nhận.

Và lần truyền giới tái lập Ni chúng đầu tiên đã diễn ra tại Bồ Đề Đạo Tràng bởi chư Tăng Đại Thừa theo truyền thống Tàu, tức khác với đạo Phật.[79] Do xuất gia với Đại Thừa nhưng lại đắp y Tỷ-kheo-ni, không chịu đắp y Ni Đại Thừa và còn tự nhận mình là Tỷ-kheo-ni trước chư Tăng nên đó là sự trộm Ni tướng. Sau đó, những người trộm Ni tướng ấy đã được chư Tăng cho *"tu lên bậc trên"* ở vườn Lộc Uyển.[80]

---

[78] *- Bốn loại hành sự này **bị hư hỏng vì năm nguyên nhân**: hoặc là **vì sự việc**, hoặc là **vì lời đề nghị**, hoặc là **vì lời thông báo**, hoặc là **vì ranh giới (sīmā)** hoặc là **vì tập thể**. (Vin.Par.xix)*

[79] *Lễ truyền thọ giới pháp hoành tráng này tập hợp Chư Tăng từ nhiều truyền thống khác nhau – Đại thừa của Trung quốc, Nguyên thủy và Tây tạng – cùng với các Tỳ khưu ni Đài loan và Tây phương để **tạo ra lễ thọ giới kép theo truyền thống Trung quốc**.*

[80] *các vị ni đó đã đến Sarnath (vườn Lộc uyển, nơi Phật lần đầu tiên thuyết pháp đến 5 vị tu khổ hạnh), nơi họ được Chư Tăng Sri Lanka **truyền giới (Upasampadā) lại theo truyền thống Nguyên thủy bằng ngôn ngữ Pāli**. (Sự Phục Hồi Của Hội Chúng TỳKhưuNi Trong Truyền Thống Nguyên Thủy)*

Và sự ban phép tu lên bậc trên cho người trộm Ni tướng là phạm giới, bất thành tựu, kẻ trộm tướng cần bị trục xuất.[81]

Có người rất biết cách tự mâu thuẫn, một mặt họ nói đó là Đại Thừa, mặt khác họ gọi đó là tông phái Pháp Tạng.[82] Họ không biết rằng sở dĩ được gọi là Đại Thừa là vì có sự khác biệt cốt lõi với đạo Phật, không thể vì có giữ các bộ luật như thư viện thì đó là đạo Phật. Và họ cũng nói rõ là trong tông phái đó, *"Tỷ-kheo"* sẽ trực tiếp cho các nữ giới tử tu lên bậc trên.[83] Trong khi đạo Phật không cho phép làm điều ấy thì thứ tông phái *"tuân theo bộ luật có nguồn gốc rất sớm"*, *"đặc biệt Tạng Luật phần lớn là giống nhau"* lại được làm. Trong khi chư Tăng trực tiếp ban phép tu lên bậc trên cho nữ giới tử là phi pháp, không thành tựu, phải chế ra những thủ tục, lời đề nghị, thông báo Pāḷi, thì họ nghĩ rằng nếu do Đại Thừa tiến hành thì sẽ thành tựu Tỷ-kheo-ni đạo Phật.

---

[81] - *Này các tỳ khưu,* ***kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất****. (Vin.Mv.i)*

[82] *Trong lúc Chư Tăng và Ni của Đại thừa thực hành theo truyền thống phát triển nhưng họ* ***vẫn tuân theo một bộ luật mà nó có nguồn gốc rất sớm****, một chi nhánh của* ***phái truyền thừa Dharmaguptakas rất gần với Nguyên Thủy*** *hay Nam truyền vì cùng xuất phát từ phái Vibhajjavāda. Họ thực sự là* ***chi nhánh Tây – Bắc của Ấn độ****, một* ***bản sao của Theravāda****, với một hệ thống kinh điển, và Luận (Abhidharma),* ***đặc biệt Tạng Luật phần lớn là giống nhau****.*

[83] *Trong quá trình* ***Phật giáo truyền thừa ở Trung Quốc****, trong dòng truyền thừa của* ***phái Pháp tạng****, lễ thọ giới Tỳkhưu-ni thường* ***chỉ có một hội chúng của Tỳ-khưu truyền giới hơn là lễ truyền giới kép****. (Sự Phục Hồi Của Hội Chúng Tỳ-Khưu-Ni Trong Truyền Thống Nguyên Thủy)*

Đức Phật không ép ai xuất gia trong Giáo Pháp. Do vậy, xuất gia với Đại Thừa, không thành tựu phép xuất gia theo Giới Luật nhưng lại trộm ni tướng, sống bằng danh xưng và bộ y *"Tỷ-kheo-ni", "học nữ", "sadini"* thì đó là lừa dối, tà mạng,[84] đi đến khổ cảnh, không đạt được mục đích giải thoát khổ.

Thật ra, người lừa dối, trộm ni tướng, của đàn na tín thí thì không có tư cách truyền Tam Quy, Ngũ Giới cho người cư sĩ. Người có 3 giới thì không có tư cách truyền 5 giới. Người lừa dối thì không có tư cách được Phật tử chắp tay. Bố thí cho người ác giới thì không bằng cho Phật tử 5 giới.[85]

Sống ở trên đời thì ai cũng từng có sai lầm. Và ai có trí thì sẽ biết sám hối Tam Bảo và quay về lại với Chánh Pháp. Người đời đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại.

*Người ngu biết mình ngu,*
*Nhờ vậy thành có trí.*
*Người ngu tưởng có trí,*
*Thật xứng gọi chí ngu.(PC 63)*

*Những người hay khuyên bảo,*
*Ngăn người khác làm ác,*
*Được người hiền kính yêu,*
*Bị người ác không thích.(PC 77)*

---

[84] *Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là tà mạng? Lừa đảo**, nói lời mê ly, hiện tướng, **gian trá**, lấy lợi cầu lợi; như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà mạng.(M.117)*

[85] *Tại đây, này Ananda, sau khi bố thí cho **các loại bàng sanh**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức.*

*Sau khi bố thí cho những **phàm phu theo ác giới**, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức.*

*Sau khi bố thí cho các **phàm phu gìn giữ giới luật**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức.*

*Sau khi bố thí cho các người ngoại học đã **ly tham trong các dục vọng**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức. (M.142)*

### *Sự Tu Tập và Giác Ngộ*

Thực tế, đức Phật tuyên bố là do giác ngộ Bốn Thánh Đế mà thành Phật, chừng nào còn chưa giác ngộ Bốn Thánh Đế thì chừng đó còn chưa là Phật.[86] Do nhờ đi theo đạo lộ cũ mà chư Phật quá khứ đều đi qua là Thánh Đạo Tám Ngành mà bồ-tát giác ngộ Bốn Thánh Đế, thành Phật.[87] Kinh điển tiếng Pāḷi của Phật, do chư Thánh Tăng Arahant thuộc Tăng Bảo kết tập, không đề cập gì đến "*pháp Đại thừa*" hay "*kiến tánh thành Phật*". Đó là các pháp môn chỉ có ở các kinh tiếng Sanskrit của các tông phái hay lời tổ phát sinh về sau.

---

[86] *"Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo,* ***trong bốn Thánh đế này****, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật* ***<u>không</u> khéo thanh tịnh ở nơi Ta****; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người,* ***Ta <u>không</u> chứng tri đã chánh giác*** *vô thượng Chánh Đẳng Giác.*

*Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo,* ***trong bốn Thánh đế này****, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy,* ***tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta****; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta* ***mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác****. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta.* ***Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa"****. (S.v,420)*

[87] *"Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua****?* ***Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành****, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già, chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt." (S.ii,104)*

Và đức Phật đã nói rõ sự thực hành trong đêm giác ngộ. Bồ-tát không lấy an tịnh của hai thiền vô sắc làm mục đích như hai vị thầy cũ mà thực hành thiền nhớ đến các kiếp quá khứ, đạt Túc Mạng Minh trong canh đầu, quán sinh tử, nghiệp quả của chúng sinh, thấy ***nghiệp thiện cho quả lành, nghiệp ác cho quả dữ***, đạt Sinh Tử Minh trong canh giữa,[88] và hướng tâm đến đoạn tận lậu hoặc, đạt Lậu Tận Minh, giác ngộ Bốn Thánh Đế, thành Phật vào canh cuối.[89]

[88] *"Với **tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng**, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **trí tuệ về sanh tử của chúng sanh**. Ta với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, **thấy sự sống và chết của chúng sanh**. Ta biết rõ rằng chúng sanh, **người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp** của họ. Những chúng sanh làm những **ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến**; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải **sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục**. Còn những chúng sanh nào làm những **thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến**; những vị này sau khi thân hoại mạng chung, được **sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này**. Này Vương tử, đó là **minh thứ hai** Ta đã chứng được trong đêm **canh giữa**" (M.85)*

[89] *"Ta dẫn tâm, **hướng tâm đến Lậu tận trí**. Ta biết như thật: "**Đây là Khổ**", biết như thật: "**Đây là Nguyên nhân của khổ**", biết như thật: "**Đây là sự Diệt khổ**", biết như thật: "**Đây là Con đường đưa đến diệt khổ**", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta **thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu**. Đối với **tự thân đã giải thoát như vậy**, Ta khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát" Ta đã biết: "**Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa**". Này Vương tử, đó là minh thứ ba mà Ta đã chứng được trong canh cuối" (M.85)*

Tham là gốc rễ của khổ sinh tử luân hồi.[90] Tham được huân tập trong vô số kiếp nên không vô duyên mà đoạn tận. Chỉ có *duyên ba-la-mật thiền Tuệ* thấy biết bản chất thế gian là 5 uẩn, 12 nhân duyên vô thường, khổ, vô ngã trong từng khoảnh khắc sát-na từ quá khứ đến vị lai với sự nhàm chán, ly tham mới là cách bào mòn tham, viên mãn trí ly tham, duyên sinh Lậu Tận Trí, đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn.

Vì thấy biết *bản chất thế gian* là 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên đạo Phật bác bỏ ngã thường còn quyết định sự vận động của thế gian, cũng như bác bỏ có đấng Sáng Tạo tạo ra chúng sinh, vũ trụ. Do thấy biết chỉ có tiến trình tâm thiền Tuệ sinh diệt do duyên mà đạo Phật bác bỏ ngã linh hồn quyết định sự hành thiền, sự giác ngộ hay sự *"hiện diễn"* giác ngộ, tức đạo Phật không chấp nhận có *"tánh biết"*... thứ có vai trò là đại ngã quyết định sự vận động và giác ngộ, thứ là *"cội nguồn thế gian"* của các tông phái.

Và Phật dạy vô minh là không thấy biết Bốn Thánh Đế.[91] Với đạo Phật, không thấy biết 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Tập Đế thì còn vô minh, chưa thấy biết bản chất thế gian. Không có cái gọi là vì không *"ngộ" "tánh biết"* mà là vô minh. Thực chất, vì vô minh mà chấp có đại ngã *"tánh biết"*...

---

[90] *Này các Tỷ-kheo, thế nào là cội gốc của đau khổ? Chính là khát ái này hướng tới tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia; tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. (S.iii,32)*

[91] *"Này các Tỷ-kheo,* ***thế nào là vô minh****? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết* ***Khổ****, không rõ biết* ***Khổ tập****, không rõ biết* ***Khổ diệt****, không rõ biết* ***Con đường đưa đến Khổ diệt****." (S.ii,2)*

Thật ra, đạo Phật chỉ có pháp tuần tự, để giác ngộ thì cần có duyên tu tập tuần tự.[92] Đạo Phật không đi trong đui mù, không có cái gọi là từ sự mù 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Tập Đế, suy tư về thế gian mà *"hoát nhiên đại ngộ"* Niết-bàn.

Ví như người đời dùng phương tiện là vì phương tiện đưa đến mục đích, vì cái họ cần là đạt mục đích chứ không phải phương tiện nên sau khi đạt mục đích, họ rời phương tiện. Cũng vậy, Phật dạy xem Pháp như chiếc bè, là phương tiện để có trí thấy biết đúng bản chất thế gian, từ đó ly tham, giác ngộ Niết-bàn, đạt bờ đoạn tận khổ luân hồi. Hơn thế, Phật dạy rõ không nên chấp thủ bất kỳ cái gì là của mình.[93]

Khác với người đời chỉ bỏ phương tiện sau khi đạt được mục đích, dòng Huyền Giác cho là *"phương tiện chỉ dẫn đến phương tiện, phương tiện không bao giờ đưa đến cứu cánh"*[94] và thấy *"muốn lên bờ bến thì phải bỏ thuyền bè"*. Do đó, họ bác bỏ việc dùng phương tiện, bác bỏ việc dùng phương tiện là sự dụng công tu tập để thấy biết đúng bản chất thế gian 5 uẩn.

---

[92] *Này Pahàràda, vì rằng trong pháp và luật này,* ***các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình****, nên này Pahàràda, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. (A.8.19)*

[93] *Chư Tỷ-kheo, các Ông* ***cần hiểu ví dụ cái bè****. Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp. (M.22)*

[94] *Tu hành chỉ là phương tiện,* ***phương tiện chỉ dẫn đến phương tiện, phương tiện không bao giờ đưa đến cứu cánh****. Thuyền bè chỉ là thuyền bè, còn chấp dùng,* ***yên vị trụ vững bền lâu trên thuyền bè thì không bao giờ là bờ bến, vì thuyền bè không phải là bờ bến, muốn lên bờ bến thì phải bỏ thuyền bè****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Vì không biết có vô minh và sự ngộ của vô minh nên họ ngỡ có thể trực tiếp *"ngộ"*.[95] Họ không biết rằng là thiếu học, không thấy biết 5 uẩn thì chỉ có con mắt vô minh, chỉ có thể *"trực chỉ vô minh ngộ ra tà kiến"*. Thực chất, họ chỉ là ở bên bờ sinh tử luân hồi với con mắt u mê, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, không thấy biết sinh tử, từ vô minh mà đạt tà kiến, đi đến khổ cảnh, *trái với sự tu tập trí thấy biết đúng bản chất thế gian, đi đến ly tham, giác ngộ Niết-bàn, đến bờ kia của đạo Phật*.

Và dòng Huyền Giác bác bỏ sự dụng công tu tập Đạo Đế Giới Định Tuệ, nghĩ rằng hý luận từ sự vô minh, thiếu học, không có trí thấy biết 5 uẩn, quá khứ-vị lai là *"thiền"*, là *"ngộ"*, là *"có nhận thức đúng", "phá mê lầm", "rõ biết sinh tử"*.[96] Thực chất, họ chấp thủ nhận thức vô minh, sự dụng công làm ăn,chứ không chấp sự tu tập trí thấy biết đúng bản chất thế gian là 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã trong từng sát-na, viên mãn dần trí ly tham, giác ngộ Niết-bàn theo lời Phật.[97]

---

[95] *Ngay nơi ta đang đứng chính là đường chân trời, đừng đi tìm đường chân trời ở nơi xa xôi nào.* ***Ngộ thì ngay đây mà ngộ, đừng tầm cầu, đừng dụng công****, đừng chờ đợi ở một kiếp sau xa xôi diệu vợi nào.(LL1DT)*

[96] *Nếu đến với dòng thiền này để mong đắc thánh, để chứng thoát tục, để đạt cao siêu, để có quyền năng và huyền năng khác người thường,* ***để sở đắc một trạng thái tâm thù thắng nào đó, thì tôi e rằng bạn sẽ thất vọng****. Đơn giản,* ***thiền là giác ngộ, không ngộ thì chẳng có thiền, giác ngộ là không lầm nhận về thân phận tự ngã, không lầm nhận về hiện tượng sanh tử****, đây là cốt tủy của thiền.(Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[97] *"Tu phật cũng vậy,* ***chỉ cần nhận thức đúng, không cần dụng công****,* ***nếu dụng công thì không khác gì người chạy về phương tây mà vật cần tìm lại ở phương đông, càng chạy càng xa, càng nhanh càng trễ****."(LL1DT)*

## *"Hình Ảnh Phật"*

Thực tế, đức Phật đặt ra các điều luật cho Tăng chúng là nhằm đạt mười lợi ích. Trong đó có nhiều điều quy định về diện mạo, y phục, tức dấu hiệu của đạo Phật, là để *"nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật" (Vin.Vi.1.22)*.

Trái lại, do chấp thế gian là *"không thật"*, chỉ có *"thể tánh"*, *"Phật tánh"*... mới là *"thật có"* nên các tông phái không chấp y Phật. Họ chỉ chấp hình Phật mặc y ngoại đạo theo ý họ. Đặc biệt, có kẻ mặc y ngoại đạo nhưng lại nhận là *"tổ y bát"*, là *"đệ tử Phật"*. Tuy hô hào thế giới, sinh tử là không thật có, không chấp Giới, y, lời Phật nhưng thực chất là họ kẹt chấp vào ăn mặc, tham sân, tà kiến, y của mình, chưa biết lõa thể.

Như các tổ chức quy củ, đạo Phật dùng diện mạo, y phục làm biểu tượng, dấu hiệu nhận dạng. Phật có các điều luật quy định chi tiết về y, cách may, cách đắp y lẫn cạo râu tóc không phải là để đệ tử phá bỏ. Hình ảnh các tông phái và *"Phật"* của các tông phái mặc y ngoại đạo chứng minh họ dựa hơi Phật, không quy y nương tựa Tam Bảo hay lời Phật. Họ xem giữ giới là bảo thủ còn phá Giới Luật là *"phát triển"*.

Và ngày nay có nhiều người không chấp trí tuệ, kinh điển và bằng chứng. Nhiều người tin rằng trong bảo tàng Anh có một bức hình là hình Phật nhưng thực tế là không ai có thể tìm ra.

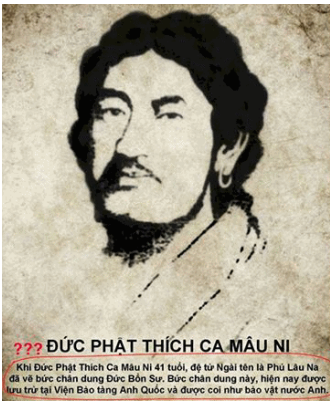


Đó là hình một anh râu tóc bù xù, mắt hí một mí, mắt to, mắt nhỏ, đeo bông tai, mặc y ngoại đạo. Trên hình không có chữ cổ gì nhưng có chữ hiện đại *"xác định"* đó là *"Phật"* năm 41 tuổi và tên tác giả là *"Phú-lâu-na"*. Thực chất, vẽ hình không khó, chỉ có làm giả giấy và giả chữ cổ mới là khó.

Thực tế, bồ-tát đã thực hành 10 ba-la-mật qua vô số kiếp với tâm tái sinh kiếp chót là đệ nhất đại quả tâm, dư nghiệp từ bi và phước báu để không có quả xấu xí. Và hình người xấu xí ấy thật sự khiến nhiều người có nghiệp sân bất thiện.

Và ai thiếu học, không biết *Phật dạy 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp (D.30)* thì mới tin đó là *"hình Phật"*. Vì không chấp kinh điển, trí tuệ nên nhiều người không biết rằng bồ-tát cắt tóc từ khi xuất gia và ngoại đạo thấy Phật là *"Đầu vị này trọc" (S.i,167)*. Họ nghĩ *"Phật"* chấp bông tai chứ không chấp râu tóc bù xù. Thật ra, cư sĩ giữ giới bố-tát thì đã không trang điểm đeo bông tai và Phật đã dạy *"bậc xuất gia nên thường quán tưởng: "ta có tướng mạo khác kẻ thế"" (A.10.48)*. Ở đây, người trí tin Tăng Bảo, chứ không tin thứ sai pháp, có nguồn gốc vu vơ.

### *Vô Ngã và Sự Tác Ý về Vô Ngã*

Thế nào là vô ngã? Thực tế, đức Phật đã đặt ra 5 câu hỏi tương ứng với 5 uẩn để giúp cho Saccaka (tức Aggivessana) là một bậc thầy về chấp ngã, hiểu được 5 uẩn là vô ngã.

*-Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?*

*- Thưa không, Tôn giả Gotama.*

*-Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, ông hãy trả lời. Lời nói cuối của ông không phù hợp lời nói đầu của ông, lời nói đầu của ông không phù hợp lời nói cuối của ông.*

*...thọ...tưởng...hành...thức... (M.35)*

Vậy là do không gì có quyền làm chủ sự tồn tại của sắc, không thể làm sắc trở nên đẹp đẽ hay to lớn hay thường còn mà sắc là vô ngã. Nói cách khác là do không có thứ gì có quyền hành làm chủ sắc nên sắc là vô ngã. Nếu có cái gì có quyền hành làm chủ sắc thì sắc là tự ngã của cái đó. Do không nghĩ thân tâm này là tồn tại do duyên, cứ nghĩ là có quyền hành làm chủ thân tâm này nên có tri kiến chấp ngã.

Các tông phái hiểu khác nhau về ngã và vô ngã. Đạo Phật *không cần cùng quan điểm với họ* về cái họ coi là ngã/vô ngã.

Thực ra, 5 uẩn là vô ngã nhưng vô ngã là vô ngã. Vô ngã không phải là 5 uẩn và vô ngã cũng không phải là Niết-bàn. Vô ngã nghĩa là không có cái gì có quyền làm chủ sự tồn tại

Trong khi vô ngã là không có quyền làm chủ sự tồn tại và vận động thì có người cho vô ngã có tính chất là do duyên. Họ không biết *"tất cả pháp vô ngã"(PC279),* Niết-bàn là pháp, cũng là vô ngã nhưng khác 5 uẩn, Niết-bàn là thường còn, không liên can gì đến 5 uẩn và cũng không do duyên nào.[98] Do không có chuyển vận, không có thứ gì có quyền thay đổi sự bất động của Niết-bàn nên Niết-bàn là vô ngã. Tóm lại, cái gì tồn tại và vận động do duyên thì cái đó là vô ngã nhưng pháp vô ngã thì không cần phải là do duyên, đặt ra tính chất do duyên cho vô ngã là sai trái.

Ví như vì không có ngã nên câu hỏi *"ngã có trí hay vô trí?"* là sai pháp, cần phải bị bác bỏ, không nên trả lời. Cũng vậy, vì không có ngã nên Phật đã không trả lời *(ngã) có/không có tồn tại sau khi chết* với kẻ chấp ngã, mặc định có ngã.

> - ***Như Lai**, này Vaccha, **là bậc A-la-hán**, **Chánh Đẳng Giác**, **quán sắc không phải là tự ngã**, hay tự ngã không phải có sắc, hay sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai **quán thọ không phải tự ngã**... quán tưởng... quán các hành... quán thức... **Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy,***

[98] *"Này các tỷ kheo, có xứ này, tại đấy không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có hư không vô biên xứ; không có thức vô biên xứ; không có vô sở hữu xứ; không có phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này; không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các tỷ kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, **không có diệt**, **không có sinh**, không có an trú, **không có chuyển vận**, **không có sở duyên**. **Đây là sự đoạn tận khổ đau**." (Ud 80)*

***lại không trả lời**: "Thế giới là thường còn. Hay thế giới là vô thường. Hay thế giới là hữu biên. Hay thế giới là vô biên. Hay sinh mạng và thân thể là một. Hay sinh mạng và thân thể là khác. Hay Như Lai **có tồn tại sau khi chết**. Hay Như Lai **không có tồn tại sau khi chết**. Hay Như Lai **có tồn tại và không tồn tại sau khi chết**. Hay Như Lai **không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết**". (S.iv,395)*

Vì 5 uẩn là vô ngã nên tập hợp 5 uẩn cũng vô ngã. Vũ trụ, chúng sinh vô ngã vì đó là tập hợp 5 uẩn vô ngã. Vô ngã là lẽ tự nhiên, chỉ cần ý thức đúng sự thật, không cần làm hay không làm gì để vô ngã. Trong khi không trả lời có/không có tồn tại sau khi chết thì điều Phật trả lời là Bốn Thánh Đế.

*- Bạch Thế Tôn, vậy **Thế Tôn trả lời những gì?***

*- Này Potthapàda, **Ta trả lời**: "Đây là khổ". **Ta trả lời**: "Đây là khổ tập". **Ta trả lời**: "Đây là khổ diệt". **Ta trả lời**: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".*

*- Bạch Thế Tôn, **vì sao Thế Tôn trả lời?***

*- Này Potthapàda, trả lời này thuộc về đích giải thoát, **thuộc về Pháp**, thuộc căn bản của phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy Ta trả lời. (D.9)*

Bốn Thánh Đế thật sự là câu trả lời của đạo Phật vì đó là sự thật về cả pháp hiệp thế lẫn siêu thế, trong đó bao gồm sự thật tột cùng cũng như sự vận động của chúng sinh và không có liên hệ gì đến ngã. Không có cái ngã nào mà chỉ có

các thực thể tột cùng là *5 uẩn (Khổ Đế)*. Có sự sinh lên 5 uẩn sau duyên chết đối với ai còn *tham ái (Khổ Tập Đế)*. Không có sự sinh lên 5 uẩn sau duyên chết với ai đã *đoạn tận tham (Khổ Diệt Đế)*. *Tham (Khổ Tập Đế)* là nhân của sự hiện hữu, khổ sinh tử luân hồi. Đạo Đế Giới Định Tuệ là con đường đưa đến đoạn tận tham ái chấm dứt sự khổ sinh tử luân hồi.

Vì không biết lý do Phật không trả lời *có/không có tồn tại sau khi chết*, không biết câu trả lời của Phật là Tứ Thánh Đế, không biết *ý nghĩa tên gọi Như Lai* nên dòng Huyền Giác hô *"Như Lai nghĩa là khi sinh không từ đâu sinh, sau khi nhập diệt không đi về đâu"*.[99] Nó không biết rằng đồng ý trả lời câu hỏi ngầm chấp ngã là đồng nghĩa với việc đồng ý chấp có ngã.

Và chấp ngã hay không chấp ngã là do duyên khéo hay không khéo tác ý. Khéo tác ý, ý thức đúng sự thật thì là thấy vô ngã. Không khéo tác ý, ý thức sai sự thật thì ngỡ có ngã.

Sự khéo tác ý *"tôi", bà A...* là pháp vô ngã, là tập hợp 5 uẩn tồn tại do duyên, không có quyền làm chủ sự tồn tại, phải bị sinh tử là ý thức đúng sự vô ngã. Tuy vậy, ý thức sự thật không có ngã, chỉ có pháp vô ngã tồn tại do duyên lại là điều xa xỉ đối với các tông phái. Do đó, họ mới có pháp môn *"diệt ngã", "phá chấp ngã", "phá chấp sở cầu, sở đắc"*.

---

[99] *"Ngày Đức Phật còn tại thế, Ngài nói:* ***Sau khi Như Lai nhập diệt, nếu ai nói Như lai diệt tận, thì đó là kẻ ngoại đạo****, nhưng* ***nếu ai nói Như Lai thường còn,thì đó cũng là kẻ ngoại đạo****. Phật thường tự xưng mình là Như Lai khi Ngài đối thoại.* ***Như Lai nghĩa là khi sinh không từ đâu sinh, sau khi nhập diệt không đi về đâu****-Vạn pháp như lai, bạn cũng như lai"(LL1DT).*

Vì 5 uẩn Khổ Đế và duyên khởi Khổ Tập Đế là pháp của *"Hīnayāna Hạ Liệt Thừa"* nên các tông phái vẫn chấp có ngã, không biết ý thức có pháp vô ngã. Vì chấp ngã nên họ hay có câu hỏi chấp ngã như Potthapàda là ai cầu, ai tu, ai đắc...

Vì 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường chỉ trong sát-na, 5 uẩn ở sát-na trước là duyên sinh ra 5 uẩn ở sát-na sau nên không có cái ngã nào quyết định sự tồn tại và vận động của 5 uẩn, chúng sinh, vũ trụ, thứ tồn tại và vận động do duyên.

Vì thấy biết 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na, không có quyền làm chủ sự tồn tại nên đạo Phật chỉ chấp nhận *"không tánh"*, tức không có tánh ngã và bác bỏ cái gọi là *"tánh biết", "tánh thể", "a-lại-da thức",...* thứ có vai trò là đại ngã thường còn quyết định sự vận động, *"cội nguồn"* của thế gian 5 uẩn. Vì thế gian không có ngã tánh nên không có cái gọi là *"quay về với tự tánh thanh tịnh"*.

Tuy hô vô ngã nhưng thay vì ý thức không có ngã tu, đắc, sinh tử... mà chỉ có pháp vô ngã tồn tại do duyên gây nên sự cầu, tu, đắc... những sự vận động ở thế gian thì các tông phái không lìa chấp ngã, chấp con người là ngã, chấp chỉ có ngã mới tu, đắc... coi vô ngã là không có người, không có tu, đắc... Họ không biết vô ngã nghĩa là chỉ có pháp vô ngã, có duyên tu, đắc, có con người là pháp vô ngã do duyên tập hợp 5 uẩn

Trong khi ngoại đạo tạo ra cái ngã như *"linh hồn", "đại ngã phạm thiên"* thì các tông phái tạo đại ngã *"tánh biết"*... Vì chấp có đại ngã thường còn quyết định mọi sự vận động mới là thật có nên họ bác bỏ có sinh-tử, thiện-ác, trí-ngu, tốt-xấu.

Trong khi Phật dạy *"nghiệp là điểm tựa"*[100] chứ không dạy ngã là điểm tựa thì các tông phái chấp có đại ngã *"tánh biết"* quyết định sự tồn tại, vận động của thế gian lẫn sự giác ngộ.

Và thay vì biết chỉ có sự vô ngã, bỏ ích kỷ chấp ngã, sống vì duyên vô ngã thì dòng Huyền Giác không lìa chấp ngã, chỉ biết ích kỷ chấp ngã và hành động vì ngã. Nó cố chấp ngã tu, ngã chứng.[101] Nó không biết rằng do bởi vô ngã, không có quyền quyết định sự đắc nên cần có duyên tu. Nó chấp có cái ngã *"tánh biết"* quyết định sự vận động làm ăn, tu, đắc, không biết có pháp vô ngã là duyên 5 uẩn tu, đắc.

Con người thì không phải là vật chất vô tri, vô ý thức, không biết lựa chọn hành động. Con người hành động theo duyên ý thức quá khứ và hiện tại. Do duyên quá khứ là có học chữ mà có biết đọc, không có *"tánh biết"* nào quyết định kẻ mù chữ biết đọc. Tương tự, do duyên tu tập trí ly tham mà có sự đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn, không có ngã *"tánh biết"* nào quyết định đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn. *"Tánh biết"* là thứ có giá trị phi lý *"Có tu thì mới có ngộ, nhưng ngộ không phải do tu mà ngộ" (LL1DT)*. Người trí thì bác bỏ thế giới quan mất trí phân biệt và hệ quả *"thể - tướng - dụng"*.

---

[100] *"Này Thanh niên, các loài hữu tình **là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp**. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, **nghiệp là điểm tựa**, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu" (M.135).*

[101] *"Hành trì tu tập, vậy thì **ai hành trì? ai tu tập?** Có phải đó chính là **ngã tu, ngã hành trì, kết quả là ngã thành tựu, ngã chứng, ngã đắc** và cuối cùng **ngã Niết bàn?**" (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Tuy hô vô ngã nhưng thật ra là các tông phái chấp thêm đại ngã. Do cố chấp ngã nên họ chấp chỉ đại ngã *"tánh biết" "thường còn"* mới là thật có và xem thế giới tồn tại do duyên là giả dối, không thật có và bác bỏ thật có sinh tử. Do chấp ngã mới là thật có nên họ là sống trong ngã tưởng.

Và Phật gọi thứ có tồn tại là có, không tồn tại là không,[102] gọi sự chấp ngã là điên đảo.[103] Vì không có quyền làm chủ sự tồn tại, phải bị sinh tử mà chúng sinh là vô ngã. Do vì thật có sinh tử nên bác bỏ sinh tử là điên đảo, tà kiến.

Ví như không ai có thể giết Cuội vì đó là nhân vật hư cấu, cũng vậy, không ai có thể diệt ngã vì ngã là thứ ảo tưởng. Và đạo Phật có mục đích là diệt khổ chứ không phải diệt ngã. Tuy vậy, si mê chấp có ngã là có thật và chỉ có thể diệt bằng ý thức biết đúng sự thật. Thời điểm ý thức đúng sự thật là thời điểm không có si. Và sự tu tập, trực tiếp thấy biết 5 uẩn *sinh diệt vô thường, khổ, vô ngã* ở từng sát-na là để viên mãn dần trí ly tham sân, tà kiến, đạt Lậu Tận Trí chứ không phải để diệt ngã. Vì có thói quen chấp ngã trong luân hồi mà cần có duyên tuệ quán lâu dài thì mới đoạn tận được phiền não.

---

[102] *Và **cái gì không có mặt ở đây**, vị ấy xem **cái ấy là không có**. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "**Cái kia có, cái này có**". Như vậy, này Ananda, **cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo**, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, **không tánh**. (M.121)*

[103] ***Trong vô thường, nghĩ là thường**, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. **Trong khổ nghĩ là không khổ**, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. **Trong vô ngã, nghĩ là ngã**, này các Tỷ-kheo, đó là **tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo**. (A.4.49)*

Người trí *thì tôn trọng sự thật, tư duy để ý thức đúng sự thật*. Họ ý thức đúng vô ngã là không có cái gì có quyền làm chủ sự tồn tại. Họ hiểu là không có ngã, chấp ngã là tà kiến, cần bỏ ngã kiến, cần tác ý đúng sự thật để thoát khỏi ngã kiến. Do ý thức *"tôi"*, chúng sinh là những tập hợp 5 uẩn sinh diệt vô thường, tồn tại và vận động do duyên, không có quyền làm chủ sự tồn tại nên họ biết đó là pháp vô ngã, không cần bày trò *"phá chấp ngã"*. Và họ biết rõ do không thể làm chủ sự tồn tại, phải bị sinh tử, là sự tồn tại do nhiều duyên nên con người là pháp vô ngã, do không thể làm chủ sự giác ngộ nên cần có duyên tu tập. Hơn nữa, do biết không có ngã nên họ cũng không có trò *"diệt ngã"*. Do ý thức thế gian chỉ là các *duyên vô ngã, duyên tu tập, duyên giác ngộ*, họ hết ngã tưởng, thấy *không có ngã sở cầu, ngã sở đắc*, không có ngã *"thể tánh", "linh hồn"...* nào quyết định sự vận động, tu tập, giác ngộ. Do thấy chủ thể lẫn khách thể đều là các tập hợp 5 uẩn tồn tại, vận động do duyên, họ không vì ích kỷ chấp ngã mà làm ác. Họ biết là không có cái ngã nào quyết định vị lai mà chỉ có các duyên vô ngã trước đó. Khác với kẻ ích kỷ chấp ngã, họ làm thiện vì đó là thiện, là duyên lành cho lợi ích lâu dài, và vì thứ vô ngã do duyên sinh, chứ không phải vì cái ngã nào.

Thật ra, Phật dạy sống theo thiện pháp chứ không dạy sống chỉ vì người, không được vì mình. Phật chê ai vì mình mà làm ác chứ không trách ai vì mình mà hành đúng pháp. Phật ra đời vì lợi ích chúng sinh chứ không phải để làm hại.

Vì vô ngã là lẽ tự nhiên nên Phật dạy cho biết vô ngã chứ không dạy phải làm gì để vô ngã. Bất kể là làm thiện hay ác, vì mình hay vì người thì đều cần biết đó là sự vận động do duyên 5 uẩn vô ngã. Nếu không biết tác ý đến duyên thì dù cho có vì người, không phải vì mình thì đó vẫn là chấp ngã.

Chỉ có bậc Lậu Tận Trí mới hết tham sân si. Vì Phật cũng không đòi hỏi Phật tử triệt để hết tham sân si nên Phật tử chỉ cần làm thiện, đừng để vì tham sân si mà ác giới tà kiến.

Vì tham sân si là bất thiện nên cần tránh. Và sự hiểu biết, khéo tác ý đến Pháp, nỗ lực thực hành Pháp là cách tránh tham sân si bất thiện, thứ sinh do duyên không khéo tác ý.

Vì một tâm không thể có hai đối tượng nên nếu suy tư, nghĩ đến thiện pháp thì lúc đó không có bất thiện. Phật đã dạy về Bốn Chánh Cần và đó cũng là Chánh Tinh Tấn. Và đệ tử Phật thì cần tinh tấn trong thiện pháp, tránh ác pháp.

Người thường thì ai cũng tham lợi. Và các Phật tử thì cần nỗ lực có tài sản không phải chỉ vì mình mà còn vì nhiều thiện pháp cần đến tài sản. Chừng nào việc đạt lợi ích là đúng pháp, không phi pháp làm hại ai thì cần phải nỗ lực.

Thiện nghiệp có hai loại là hợp trí và ly trí. Ai làm thiện mà nghĩ đến nghiệp quả thì đó là hợp trí, nếu nghiệp ấy cho quả tái sinh thì đó là làm người tam nhân. Và thiện nghiệp hợp trí có 2 bậc. Làm thiện vì duyên lành giải thoát sinh tử luân hồi thì thù thắng hơn làm thiện vì lạc trong luân hồi.

### *"Duy Ngã Độc Tôn"*

Do thiếu học nên dòng Huyền Giác không biết phân biệt bồ-tát với Phật, một bên là phàm phu vô minh và một bên đã giác ngộ giải thoát, không biết lúc mới sinh, bồ-tát chỉ là một đứa bé vô minh, chỉ sau khi giác ngộ Bốn Thánh Đế thì bồ-tát mới thành Phật, Bậc Giác Ngộ. Nó không biết rằng đạo Phật chỉ có vô ngã, và chỉ có Đạo Đế Giới Định Tuệ mới đưa đến minh, giác ngộ, đạo Phật không có cái gọi là *"những ai muốn giác ngộ giải thoát thì Ngã là cái phải ưu tiên số 1"*.[104]

Dòng Huyền Giác không biết chữ *"ngã"* trong *"duy ngã độc tôn"* của Tàu dịch chỉ có nghĩa là *"tôi"*, *"ta"* theo cách nói quy ước chế định chứ không phải là cái *"ngã"* của triết học. Thực tế, đức Phật đã dạy là:

> *Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vị Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thăng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: "**Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa**". Pháp nhĩ là như vậy. (D.14)*

[104] *Truyền thuyết kể lại rằng, sau khi ra đời, bảy bước chân đầu tiên, Đức Phật chỉ tay lên trời, chỉ tay xuống đất và tuyên bố: Thiên thượng, thiên hạ,* ***duy Ngã độc tôn****. Ý Phật muốn dạy cho* ***những ai muốn giác ngộ giải thoát thì Ngã là cái phải ưu tiên số 1****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Vì thiếu học, dòng Huyền Giác không biết thế nào là ngã, không biết rằng *"ngã"* là thứ có quyền làm chủ sự tồn tại.[105] Nó nghĩ *"ngã"* là một cái thường còn, bất biến vô dụng.[106] Sau khi chấp ngã là số một, nó chỉ trích những ai thực hành Giới Định Tuệ, trực tiếp thấy biết 5 uẩn sinh diệt vô thường, khổ, vô ngã trong từng sát-na theo lời Phật dạy.[107]

Dòng Huyền Giác chỉ biết cố chấp ngã, hành động vì ngã, không biết lìa ngã tưởng. Nó chỉ nghĩ đến ngã tu tập, ngã giác ngộ,[108] tưởng có cái ngã *"tánh biết"* có quyền quyết định sự giác ngộ.[109] Nó không biết có pháp vô ngã, không biết hành động vì quả vô ngã. Nó không biết đến sự tồn tại và vận động do các duyên vô ngã, không biết rằng vì vô ngã nên không có cái ngã nào có quyền quyết định sự giác ngộ, mà chỉ do duyên tu tập thì mới có quả giác ngộ.

---

[105] *Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo,* ***nếu sắc là ngã, thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn*** *và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!" Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã. Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!" Thọ...tưởng...hành...thức... (S.iii,66)*

[106] *- Ngã:* ***là một cái gì đó thường hằng, bất biến, luôn luôn như thế*** *và* ***không bao giờ thay đổi, không tương tác với một cái gì khác****, ngã là tôi, là ta, là mình, là linh hồn hay sự tinh anh. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[107] *Vậy mà trong giới tu hành hiện nay, có người* ***chẳng có tý hiểu biết nào về Ngã mà cũng dáo dác đi tu****, tu như thế thì* ***càng tu càng mê lầm, càng tu, xin lỗi, càng ngu****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[108] *"Hành trì tu tập, vậy thì* ***ai hành trì? ai tu tập?*** *Có phải đó chính là* ***ngã tu, ngã hành trì, kết quả là ngã thành tựu, ngã chứng, ngã đắc*** *và cuối cùng* ***ngã Niết bàn?****" (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[109] ***chỉ có Tánh Biết mới đủ thẩm quyền chuyển mê khải ngộ****. (LL1DT)*

### *Đấng Sáng Tạo*

Như giáo lý Vệ-đà, Diệu Pháp Liên Hoa có vẽ ra một đấng Đại Phạm Thiên sáng tạo mọi loài chúng sinh:

> *Lại như **trời Đại phạm thiên vương là cha của tất cả chúng sanh**, kinh này cũng thế, là cha của tất cả Hiền Thánh: bậc hữu học, vô học cùng hàng phát lòng Bồ-đề. (Pháp Hoa – Dược Vương Bồ-tát Bản Sự)*

Thật ra, đức Phật bác bỏ đấng Sáng tạo, chỉ có Ma vương mới nói Phạm thiên Baka là *"Thượng đế, Sáng tạo chủ"*.[110]

Phật thường dùng tỷ dụ nhưng điều đó không có nghĩa là Phật tỷ dụ dựa trên sự phi pháp. Do giác ngộ 12 nhân duyên nên Phật bác bỏ thứ liên hệ đến cội nguồn đấng Sáng Tạo. Tỷ dụ liên hệ đến cội nguồn ấy là phi pháp, đưa đến tà kiến.

Như sự trình bày của giới khoa học, đức Phật trình bày sự thật về thế giới là theo nghĩa đen. Đệ tử Phật không cần hý luận ra thứ nghĩa bóng, sự ẩn dụ bất đồng với nghĩa đen.

---

[110] *Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Phạm thiên Baka:*

*"Thật sự **Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, cái không thường hằng lại nói là thường hằng, cái bị biến hoại lại nói là không biến hoại, và tại chỗ có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi; có một giải thoát khác hơn lại nói là không có một giải thoát nào khác hơn**."*

*Này các Tỷ-kheo, rồi **Ác ma** nhập vào một Phạm thiên quyến thuộc và nói với Ta như sau:*

*"- Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chớ có can thiệp vào đây! Chớ có can thiệp vào đây! Này Tỷ-kheo, **Phạm thiên này là Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng đế, Sáng tạo chủ**, Hóa sanh chủ, Đại tôn, **Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh**..." (M.49)*

### *"Ngón Tay Chỉ Trăng" & "Pháp Phương Tiện"*

Thật ra, danh xưng *Như Lai* của Phật còn có nghĩa là *"đến bằng sự chân thật"*, nói lời chân chánh, đúng như sự thật.[111] Phật không có *"pháp phương tiện"*, pháp đảo ngược lời đã nói bằng các câu như *"nhưng thiệt ra thì..."*. Chỉ người thiếu trí mới tìm cách đạt mục đích bằng lời bất nhất, sai sự thật.

Sở dĩ chúng sinh luân hồi lâu dài là vì tham sự hiện hữu. Chẳng có ai không ưa hiện hữu ở cõi Phật thanh tịnh với thọ mạng vô lượng. Tuy vậy, Pháp Hoa lại cho là chúng sinh ưa thoát khỏi sinh tử luân hồi,[112] nên *"Phật" "phương tiện"* ra cỗ xe Thanh Văn cần phải tu tập Đạo Đế, đoạn tận tham ái hiện hữu để rồi từ đó mới dạy đi cỗ xe Phật gắn chặt với sự hiện hữu và châu báu bằng tỷ dụ có lão trưởng giả giàu có dụ đàn con thoát khỏi nhà lửa bằng đồ chơi xe dê, xe trâu, xe hươu và khi đàn con đã thoát khỏi nhà lửa thì lão chỉ cho xe châu báu. Thật ra, có ai chê châu báu, sự hiện hữu đâu mà cần *"phương tiện"* là lừa dụ bằng xe dê hay Thanh Văn? Lừa gạt ngu ngốc thì vẫn là lừa dối, không phải là chân thật.

---

[111] *Này Cunda,* ***đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại****, Như Lai* ***nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật****. Do vậy* ***mới gọi là Như Lai****.*

*Này Cunda, Như Lai* ***nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy*** *nên* ***được gọi là Như Lai****. (D.29)*

[112] *Các thiện nam tử! Như Lai thấy những chúng sanh* ***ưa nói pháp Tiểu thừa, đức mỏng tội nặng****. Phật* ***vì người đó nói****:* ***Ta lúc trẻ xuất gia được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng thiệt****, từ ta* ***thành Phật nhẫn lại, lâu xa dường ấy, chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến vào Phật đạo, nên nói như thế****. (Pháp Hoa-Như Lai Thọ Lượng)*

Và Niết-bàn là pháp xuất thế gian 5 uẩn.[113] Niết-bàn được giác ngộ do đoạn tận tham,[114] không thể chứng được bằng tham. Sự đoạn tận tham đến từ trí thấy biết sự thật chân đế 5 uẩn, 12 nhân duyên với sự nhàm chán, ly tham chứ không phải đến từ sự vô minh hay tham cái gì. Dụ bằng thứ liên hệ đến 5 uẩn, cõi, châu báu, xe dê... như Pháp Hoa là gây tham ái. Hơn nữa, vì không liên can gì đến 5 uẩn nên Niết-bàn không phải là *"tánh biết", "tri kiến Phật"* thường còn gắn chặt với sự hiện hữu 5 uẩn. Lại nữa, chừng nào chỉ biết thế gian theo sự thật tục đế, thấy *châu báu, đàn ông, đàn bà...* thì chừng đó còn là vô minh, chưa thể giác ngộ Niết-bàn.

Tham hiện hữu không phải là sự vi diệu, căn cơ cao mà thế gian vốn là thế. Đoạn tận tham không thể là phương tiện để có tham hiện hữu. Tuy vậy, Pháp Hoa coi Arahant là *"phương tiện"*, sau khi đoạn tận tham ái chấp ngã, thành bậc *"sinh đã tận, phạm hạnh đã thành,* ***việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa****"* thì Arahant có việc cần làm là tham sự hiện hữu, quay lại đời này, chấp đại ngã, tiếp tục luân hồi, hành *"pháp Đại thừa"* tu tiếp *"thành Phật"*.

---

[113] *Này các tỷ kheo,* ***có xứ này****, tại đấy* ***không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió****; không có hư không vô biên xứ; không có thức vô biên xứ; không có vô sở hữu xứ; không có phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này; không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các tỷ kheo, Ta tuyên bố* ***không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau.*** *(Ud 80)*

[114] *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt? Chính là sự* ***đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước****. (S.v,420)*

Trong khi Phật nói về diệt độ, chấm dứt sinh tử luân hồi, không khen sự hiện hữu dù chỉ trong sát-na,[126] thì *"Phật"* của Đại Thừa tuy hô *"không"* nhưng tham chấp sự hiện hữu như thế gian. Thật ra, lời nói sau trái với lời trước, sự thật một đàng mà nói một nẻo đều là sự sai trái, là sự lừa dối hay ngu si, mất trí. Ai có *lòng tin mù quáng* thì không biết lẽ phải là theo sự thật, bỏ sự giả dối. Như nhiều thiếu nữ đang yêu, không thể nói lý với người có tham ái, lòng tin mù quáng.

Trong khi Phật *đi theo đạo lộ cũ*[87] là Đạo Đế như chư Phật quá khứ mà giác ngộ Tứ Diệu Đế, thành Phật,[86] coi việc tạo ngã kiến là tạo tà kiến,[103] đi đến khổ cảnh, không phải từ bi trí tuệ thì Đại Thừa một mặt phủ nhận giác ngộ Tứ Diệu Đế là thành Phật, mặt khác tạo ra cái ngã Phật tánh và coi đó là mục đích giác ngộ, là *"trăng"* trong *"ngón tay chỉ trăng"*.

Đại thừa không phải thứ hay ho cần *phương tiện* là chứng Arahant. Đó là cỗ xe dành cho số đông tham hiện hữu, khiến họ chấp có cái ngã Phật tánh, có *nghiệp tà kiến* đi tới cõi khổ. Đó là sự hại đời, không phải là căn cơ cao, từ bi trí tuệ độ đời.

### *"Phiền Não tức Bồ-đề"*

Phiền não tham sân si là nhân của khổ, *diệt tận phiền não* là diệt tận khổ. Đạo Trí là trí đoạn tận phiền não, giác ngộ bồ-đề. Vì muốn giải thoát khổ nên người trí không cần phiền não mà cần trí ly phiền não, thấy đúng sự thật, bồ-đề. Vì không biết phiền não ngăn trí thấy biết đúng sự thật, cản trí giác ngộ, ngỡ nhờ phiền não mà có trí giác ngộ nên có nhiều người bất cần ly phiền não, ngỡ *"phiền não tức bồ-đề"*. Họ nghĩ phiền não có thể cùng tồn tại với bồ-đề, là bồ-đề.

### *"Ba Thừa" và "Duyên Giác Phật" Giác Ngộ Tập Đế*

Thật ra, Phật có nghĩa là bậc Giác Ngộ và sự giác ngộ đó là giác ngộ Bốn Thánh Đế. Tùy chí nguyện, trí tuệ, thời gian hành ba-la-mật mà có sự phân biệt *bậc Giác Ngộ (Buddha)*. Còn bồ-tát thì chỉ là phàm phu có chí nguyện giác ngộ thành Phật, bồ-tát không phải thần linh, trước khi giác ngộ thì còn tham, có vợ con. Trừ phi biết rõ chí nguyện của họ, không thể tùy tiện bảo ai đó là bồ-tát chỉ vì họ đã làm thiện.

Đạo Phật *không có cái gọi là 3 thừa hay 3 cỗ xe* tương ứng với 3 loại pháp môn nào. Đạo Phật chỉ có một pháp môn đó là tu tập Đạo Đế, giác ngộ thành Phật. Nếu do duyên nghe Pháp Phật Toàn Giác mà giác ngộ thì đó là *Phật Thanh văn (sāvaka-buddha)*. Phật Thanh văn có thể tế độ chúng sinh từ sự dạy lại Phật Pháp. Phật Độc Giác *(pacceka-buddha)* là bậc không cần thầy chỉ dạy, tự mình giác ngộ Bốn Thánh Đế mà thành Phật. Vì không biết chế định ngôn ngữ để có thể chỉ dạy cho chúng sinh giác ngộ nên các vị ấy được gọi là Phật Độc Giác. Phật Độc Giác chỉ xuất hiện ở thời không có Phật Toàn Giác và Phật Pháp. Phật Độc Giác tạo duyên lành cho các chúng sinh biết hành thiện cung kính, cúng dường, phục vụ bậc vô lậu. Và Phật Toàn Giác là bậc không cần thầy dạy, tự mình giác ngộ Bốn Thánh Đế mà thành Phật. Vì biết chế định ngôn ngữ để chỉ dạy chúng sinh giác ngộ nên các vị được gọi là Phật Toàn Giác. Các vị ấy cần hành 10 ba-la-mật trong ít nhất 4 a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp.

Vì vậy, do nghe, hành theo lời Phật mà giác ngộ thì chỉ là Thanh Văn đệ tử, không phải Phật Toàn Giác hay Độc Giác. Ví như học trò biết định luật do nhà bác học phát hiện ra không có nghĩa là họ có trí như nhà bác học, cũng vậy, đệ tử giác ngộ Bốn Thánh Đế như Phật không có nghĩa là họ có trí tuệ và khả năng khác như Phật. Riêng những ai bài xích Phật thì không phải đệ tử Phật. Vì có tri kiến sai trái đi đến khổ cảnh nên họ không liên can gì đến Phật và sự giác ngộ.

Vì các bậc Arahant, Phật Độc Giác, Phật Toàn Giác đều có tham sân si=0 nên đều tịch diệt, giải thoát khổ như nhau.[115]

Kinh điển do các vị *Thánh Tăng Arahant* kết tập không có Phật Duyên Giác, không có chuyện giác ngộ 12 nhân duyên mà thành Phật Duyên Giác như Pháp Hoa đề cập,[116] cũng không có cái gọi là Phật Toàn Giác là thầy dạy trực tiếp giúp bồ-tát giác ngộ thành Phật Toàn Giác hay Độc Giác.

Do không biết 12 nhân duyên chỉ là Khổ Tập Đế,[117] chỉ là

---

[115] *Ở đây, này Sumanā, Ta nói* ***không có sự sai khác nào****, tức là* ***so sánh giải thoát với giải thoát****. (A.5.31)*

[116] *"Phật,* ***vì người cầu đạo Thanh văn, nói pháp Tứ đế*** *thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết cứu cánh Niết-bàn.* ***Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp Mười hai nhân duyên. Vì hàng Bồ-tát nói Sáu pháp ba-la-mật*** *làm cho chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành bậc Nhứt thiết chủng trí." (Pháp Hoa - Phẩm Tựa)*

[117] *- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***Thánh đế về Khổ tập****?*

*Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vầy* ***là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này****. (A.3.61)*

một trong Bốn Thánh Đế nên các văn sĩ đã sáng tác ra thứ *"Phật Duyên Giác"* chỉ *"giác ngộ"* 12 nhân duyên Khổ Tập Đế, thực chất còn phàm phu, chưa phải bậc Thánh. Thực chất, các văn sĩ đã dùng sự thiếu học để *"phát triển"* sự phi pháp.

### *Cùng Lúc Có Hai "Phật"*

Hơn nữa, truyện Pháp Hoa còn tạo ra chuyện có hai vị Phật Toàn Giác xuất hiện cùng lúc, cùng nơi.[118]

Thật ra, Phật đã tuyên bố không thể cùng lúc, cùng một thế giới có hai Phật Toàn Giác cùng xuất hiện.[119] Thực tế, vì có sự diệt độ nên thế gian không có vô số Phật Toàn Giác cùng tồn tại cũng như vắng bóng vô số vị Arahant thuở xưa.

### *Mục Đích*

Và truyện Pháp Hoa còn cho rằng chư Phật ra đời là nhằm để "*chúng sanh tỏ ngộ Tri Kiến Phật*".[120] Thật ra, Phật ra đời là chỉ để dạy chúng sinh biết sự khổ và diệt khổ.[121]

---

[118] *Bấy giờ, hàng đại chúng* ***thấy hai đức Như Lai ngồi xếp bằng trên tòa sư tử trong tháp bảy báu*** *thời đều nghĩ rằng: 'Đức Phật ngồi trên cao xa, cúi mong đức Như Lai dùng sức thần thông làm cho bọn chúng con đều được ở trên hư không.'" (Pháp Hoa - Hiện Bảo Tháp)*

[119] ***Sự kiện này không xảy ra****, này các Tỷ-kheo,* ***không có được****:* ***Trong một Thế giới, hai vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần****, sự kiện này không xảy ra. (A.1.15.10)*

[120] *Xá-lợi-phất! Sao nói rằng các đức Phật Thế Tôn* ***chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời****? Các đức Phật Thế Tôn* ***vì muốn cho chúng sanh khai Tri kiến Phật*** *để được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời; vì muốn* ***chỉ Tri kiến Phật*** *cho chúng sanh mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh* ***tỏ ngộ Tri kiến Phật*** *mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh* ***chứng vào đạo Tri kiến Phật*** *mà hiện ra nơi đời. (Pháp Hoa - Phương Tiện)*

[121] *Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.(M.22)*

### *Thú Cái "Chạy Cúng" "Thành Phật"*

Các loài thú như rồng, kim sí điểu... thì đều là những loài vô nhân, không có nhân vô tham, vô sân, vô si khi tục sinh, dù cho có giả làm người thì cũng không thể chứng thiền, Đạo-Quả. Do đó, Phật đã trục xuất con rồng biến làm người để xuất gia, không cho chúng xuất gia trong Giáo Pháp. Và Phật dạy nó cách tái sinh làm người là hành giới bố-tát.[122]

Và truyện Pháp Hoa thì có thú cái là long nữ không cần nghe hiểu, tu tập, giác ngộ mà chỉ cần *"chạy" "cúng Phật"* viên châu báu giá trị rất lớn thì liền *"thành Phật"*.[123] Thật ra, bố thí chỉ là duyên lành chứ không phải là nhân giác ngộ. Bố thí là thiện nghiệp cho quả lớn nếu người cho và nhận đều thanh tịnh, chứ không do giá trị vật thí lớn *(M.142)*. Và

---

[122] *- Các ngươi là **loài rồng không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này**. Này rồng, **ngươi hãy đi đi**. Và hãy **tiến hành Uposatha vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng** ở ngay nơi ấy, như thế ngươi sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và sẽ thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng.*

*Này các tỳ khưu, **loài thú chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất**. (Vin.Mv.I)*

[123] *Lúc đó, Long nữ **có một hột châu báu, giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dưng lên đức Phật. Phật liền nhận lấy**. Long nữ nói với Trí Tích Bồ-tát cùng Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:*

*- Tôi hiến châu báu, đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?*

*- Rất mau.*

*- Lấy sức thần của các ông **xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó**.*

*Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy **Long nữ thoạt nhiên biến thành nam tử**, đủ hạnh Bồ-tát, liền qua cõi Vô cấu ở phương Nam **ngồi tòa sen báu thành bậc Đẳng chánh giác**. (Pháp Hoa – Đề-bà-đạt-đa)*

để thành Phật thì phải hành 10 ba-la-mật qua vô số kiếp và kiếp chót phải hành Đạo Đế mới giác ngộ thành Phật chứ không phải chỉ bố thí mà thành Phật. Đạo Phật không có *pháp môn cúng* mà thành Phật. Phật xuất gia, từ bỏ vương vị, diệt tận tham không phải để có châu báu. Phật cấm tỷ-kheo dùng tiền, xem được dùng tiền như được tự do hưởng dục, là *"phi Sa-môn pháp"(S.iv,325).*[124] Lại nữa, từ khi được thọ ký đến khi giác ngộ thành Phật thì bồ-tát không là người nữ. Người nữ còn không thể thành Phật thì nói gì đến *thú cái*.[125]

Ở đời không thiếu các Phật tử chỉ đau lưng mệt mỏi mà *không muốn nghe Pháp, hành thiền* thì nói gì đến chúng sinh ngạ quỷ, địa ngục đang bị đói khổ. Hơn thế, đó là loại người khổ, không có nhân giác ngộ, không thể hành thiện Pháp. Thực tế, những ai bị thọ khổ thì khó kham nhẫn, quân bình các căn để nghe và hành thiện pháp, tu tập giác ngộ.

Tuy vậy, các văn sĩ đã tạo ra *"Địa tạng vương bồ-tát"*, thứ bồ-tát như thần linh bẻ gãy quy luật tự nhiên, làm thầy dạy chúng sinh địa ngục giác ngộ thành Phật. Mà thực chất thì Phật là không cần thầy chỉ dạy. Và nhiều tông phái ca ngợi *"Ta không vào địa ngục thì ai vào?"* Thật ra, dù muốn hay không muốn thì những ai chấp chặt si tà kiến đến lúc chết đều bị rơi vào địa ngục. Dĩ nhiên, họ rơi vào địa ngục là để chịu quả khổ do nghiệp tà kiến chứ không thể tế độ ai ở đó.

---

[124] *Đại Chúng Bộ đã phá giới, dùng tiền, theo phi sa-môn pháp, chia rẽ Tăng.*

[125] ***Sự kiện này không xảy ra**, này các Tỷ-kheo, **không có được**: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra.(A.1.15.12)*

Và vì thấy thế gian và thân 5 uẩn là vô thường, khổ trong từng sát-na nên Phật không tham hiện hữu, không khen sự hiện hữu dù chỉ chút ít.[126] Do không còn tham nên Phật diệt độ, bất hiện hữu. Vì Phật diệt độ, không được gặp Phật mà có nhiều người buông lung, thiếu lòng tin, Giáo Pháp bị chia rẽ, suy vong. Nếu Phật còn tại thế thì không bị như thế.

Tuy vậy, Pháp Hoa cho rằng *"Phật"* là thường còn và các đệ tử mà thấy Phật thường còn, dễ gặp thì sẽ lười nhác, không kính Phật.[127] Nó không biết Phật tử nỗ lực tu tập là vì để thoát khổ sinh tử luân hồi cũng như họ kính Phật, thấy Phật cao quý vì trí tuệ, giới hạnh, sự chân thật, phẩm chất của Phật chứ không phải là vì khó gặp Phật mà kính Phật. Khó gặp không có nghĩa là kính trọng. Con người khó gặp Hitler không có nghĩa họ kính trọng Hitler. Việc nói diệt độ nhưng rồi bảo thường còn, việc nói thường còn và dạy từ bi nhưng lại không tiếp tục từ bi tế độ sẽ khiến người trí mất lòng tin, không kính trọng, không nghe lời người như thế. Thực chất, Phật luôn biết cách dạy, sách tấn, đạt mục đích bằng lời chân thật, không làm điều lừa dối, ngu ngốc.

---

[126] *Ví như, này các Tỷ-kheo,* ***một ít phân có mùi hôi thúi****. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta* ***không tán thán hiện hữu dầu cho có ít thôi****, cho đến* ***chỉ trong thời gian búng ngón tay****." (A.1.18.13)*

[127] *Nếu thấy đức Như Lai* ***thường còn chẳng mất****,* ***bèn sanh lòng buông lung*** *nhàm trễ,* ***chẳng có thể sanh ra ý tưởng khó gặp gỡ cùng lòng cung kính****, cho nên đức Như Lai dùng* ***phương tiện*** *nói rằng:"Tỳ-kheo phải biết, các đức Phật ra đời khó có thể gặp gỡ." (Pháp Hoa - Như Lai Thọ Lượng)*

Vì đã diệt tận tham nên Phật hành động theo từ bi trí tuệ không bị ô nhiễm bởi tám ngọn gió đời, không mê danh lợi, cung kính.[128] Như Tây Du Ký, Pháp Hoa cho *"Phật" mê danh*, cung kính, vì muốn được cung kính nên không từ bi tế độ lâu dài, để Giáo Pháp diệt vong, để đệ tử thấy khó gặp mà biết cung kính. Nó đã tạo ra *"phương tiện"* là lời thiểu năng *"chẳng phải thiệt diệt độ, mà bèn xướng nói sẽ diệt độ"*, tức là phủ nhận tuyên bố diệt độ và sự diệt độ của đức Phật.[129]

Và Pháp Hoa còn tạo ra cái gọi là *"Diệu Quang Bồ-tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải tám mươi tiểu kiếp vì người mà diễn nói" (Phẩm Tựa)*. Tuy hô hào *"thường còn"* nhưng *"Phật"* không từ bi thuyết Pháp Hoa dù chỉ 80 năm.

Trong khi Phật đoạn tận tham ái hiện hữu, tịch diệt Niết-bàn thì Pháp Hoa tuy hô hào *"không"* nhưng cho *"Phật"* chấp chặt hiện hữu, *"thường còn chẳng mất"*, bác bỏ diệt độ.

*Đêm dài cho kẻ thức,*
*Đường dài cho kẻ mệt,*
*Luân hồi dài, kẻ ngu,*
*Không biết chơn diệu pháp*
*(PC 60)*

*Nhiều lần và nhiều lần,*
*Kẻ ngu nhập bào thai.*
*Nhiều lần và nhiều lần,*
*Lại sanh rồi lại chết.*
*Bậc đại trí, đại tuệ,*
*Không sanh đi, sanh lại. (S.i,173)*

---

[128] *Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác* ***cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai****, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai* ***không có hoan hỷ, sung sướng, tâm không thích thú****. (M.22)*

[129] *"Như thế, từ ta thành Phật nhẫn lại, thật là lâu xa,* ***thọ mạng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thường còn chẳng mất****." (Pháp Hoa - Như Lai Thọ Lượng)*

Ví như một người nhà giàu có thể chọn mua các món đồ, cũng vậy, từ phước thiện thù thắng, bồ-tát chọn dòng họ, người mẹ, nơi tái sinh ở kiếp chót tốt nhất cho việc giáo hóa chúng sinh và đó là vùng Ấn Độ. Với đạo Phật, Tàu và các nước khác là xứ biên địa, tiếng Tàu và tiếng các nước khác thì không thể trình bày tốt Giáo Pháp.

Chính phước báu khiến bồ-tát có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Và dòng dõi cao quý, hình tướng cao đẹp là các duyên lành để người thường, các dòng quý tộc, bà-la-môn tìm đến Phật để nghe thuyết Pháp. Thế gian là luôn có những người không tin vào trí tuệ của một người thiếu phước tướng hay có dòng dõi hạ liệt. Chỉ những ai *"trực chỉ vô minh"*, mất trí phân biệt, không có Tam Minh, không biết quá khứ, vị lai, căn cơ chúng sinh, không phải là Phật, không nên dạy ai thì mới không cần dòng dõi hay tướng tốt.

Thực tế, Sanskrit là thứ tiếng chuyên được các bậc thầy bà-la-môn ngoại đạo sử dụng. Nếu Phật dùng Sanskrit thì sẽ tiện cho các bà-la-môn hay chống Phật xuyên tạc, bịa đặt kinh điển. Và Phật không thuyết Pháp bằng tiếng Sanskrit của giới bà-la-môn. Hơn thế, Phật thuyết Pháp cho Đại Phạm Thiên, đấng Tối cao của bà-la-môn, bằng tiếng Pāḷi.

Thực tế, do đức Phật dạy bằng tiếng Pāḷi mà đã ngăn trở, tách bạch phần nào sự chế đặt, bóp méo Giáo Pháp. Cụ thể, các văn sĩ bà-la-môn chỉ dùng Sanskrit để tạo ra Kinh, Luật.

Ví dụ, họ đã xem Đại Phạm Thiên vương là Đấng Sáng Tạo muôn loài,[130] đúng với giáo lý bà-la-môn, trái với đạo Phật. Do đó, để biết đó là đúng Pháp hay không thì cần đối chiếu với kinh điển Pāḷi được các vị Thánh Tăng Arahant kết tập.

Thật ra, bà-la-môn thời cổ là những người biết giữ giới, thiền định. Tuy vậy, thời đức Phật, có nhiều bà-la-môn theo kinh Veda làm nghề tà mạng không thể nói lời chân thật.[131] Do đó, khi nghe đức Phật nhắc có 5 hạng bà-la-môn xưa thì bà-la-môn Dona, người tự nhận là bà-la-môn chính tông, lại xem mình không xứng là hạng bà-la-môn thấp nhất.[132]

---

[130] *Lại như trời **Đại phạm thiên vương là cha của tất cả chúng sanh**, kinh này cũng thế, là cha của tất cả Hiền Thánh: bậc hữu học, vô học cùng hàng phát lòng Bồ-đề. (Pháp Hoa – Dược Vương Bồ-tát Bản Sự)*

[131] *- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chị, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **địa lý**; này Chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chị, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **thiên văn**; này Chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn ngưỡng mặt lên. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chị, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **đưa tin tức, làm trung gian môi giới**; này Chị, các vị ấy được gọi các Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương chính. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chị, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **bói toán**; này Chị, các vị ấy được gọi những Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ. (S.iii,238)*

[132] *- Thưa Tôn giả Gotama, **nói về tôi**, **nói một cách chơn chánh là nói như vầy**. Thưa Tôn giả Gotama, **tôi là Bà-la-môn**, thiện sanh cả từ mẫu hệ đến phụ hệ, **huyết thống thanh tịnh** cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề **huyết thống thọ sanh; là nhà phúng tụng, nhà trì chú**, **thông hiểu ba tập Vedà** với **danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống** là thứ năm, **thông hiểu ngữ pháp và văn phạm**, **biện tài về thuận thế và tướng của vị Đại nhân**.*

Phật có quan điểm về bà-la-môn khác với giới bà-la-môn. Phật nói bậc Arahant mới là bà-la-môn, khác với quan điểm của giới bà-la-môn là dựa vào *huyết thống, thông hiểu Veda...*

| | |
|---|---|
| *Người không còn tham ái,* | *Đoạn hết các kiết sử,* |
| *Có trí, không nghi hoặc,* | *Không còn gì lo sợ* |
| *Thể nhập vào bất tử,* | *Không đắm trước buộc ràng* |
| *Ta gọi Bà-la-môn. (PC 411)* | *Ta gọi Bà-la-môn (PC 397)* |

Thực tế, có rất nhiều bà-la-môn là đệ tử Phật, như ngài Sāriputta, Moggallāna là hai vị Thượng Thủ Thanh Văn. Thật ra, vì không học, hành theo Kinh-Luật chứ không phải vì có lý lịch bà-la-môn mà một người không phải là tỷ-kheo. Và kẻ ly trí thì ưa tham sân si, không ưa Kinh-Luật. Vì vậy, họ ưa các lời dạy trái với Kinh-Luật của các thầy phàm phu, nhưng bác bỏ các chú giải, sự giảng rộng hợp với Kinh-Luật, được các vị Arahant xác thực từ các vị Tỷ-kheo có xuất thân bà-la-môn như ngài Sāriputta, Buddhaghosa...

---

*- Này Dona, có phải các **Bà-la-môn thời xưa**, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay, những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ấy tên là Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamadaggi, Angìrasa, Bhàradvàja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu. **Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn này**: "Vị đồng đẳng với **Phạm thiên**, vị đồng đẳng với **chư Thiên**, các vị có giới hạn, các vị vượt lên giới hạn và **thứ năm là Bà-la-môn Chiên-đà-la**". Này Dona, **Ông là ai giữa các vị ấy?***

*- Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng con **chưa thành tựu đầy đủ Bà-la-môn Chiên-đà-la**. (A.5.192)*

Thực tế, có nhiều tôn giáo dựng lên các loại thần linh giúp những ai thờ cúng thần linh. Và quy luật nghiệp quả đã phủ định vai trò của thần linh. Dù chư thiên là có thật, nhưng cũng như con người, sự trợ giúp chẳng thể đi ngược lại quả bất thiện chín muồi. Không có thần linh, cái ngã hay ý nguyện nào có thể bẻ gãy quy luật nghiệp quả.

*“Tất cả pháp vô ngã” (PC279)*. Do đó, chỉ có nghiệp lực chứ không có cái ngã hay quyền lực, thần thông, đại nguyện nào có quyền quyết định sự tái sinh. Chấp vào một cái ngã hay một nhân vật có quyền hành quyết định sự tái sinh thì đó là tà kiến. Khi nghiệp tà kiến cho quả thì đó là quả khổ.[133]

Trong luân hồi, ai cũng đều có thiện và bất thiện nghiệp, khác nhau là ở chỗ số lượng và chất lượng. Và quả trổ sinh không chỉ cần có nhân mà còn cần có duyên. Vì không biết nhân quá khứ, chỉ biết quả hiện tại nên khi thấy người hiền gặp dữ, kẻ ác gặp lành thì người còn vô minh rất dễ khởi lên tà kiến. Do sự thật nghiệp quả rất thâm thúy, khó thấy biết mà chúng sinh vô minh và luân hồi lâu dài.[134]

---

[133] *Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy **tương xứng bị rơi vào địa ngục**. Thế nào là với bốn pháp? **Tự mình có tà kiến, khích lệ người khác có tà kiến, chấp nhận tà kiến và tán thán tà kiến**. (A.270)*

[134] *"Này Ananda, **giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy**, thật sự thâm thúy. Này Ananda, **chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này** mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la) không thể nào ra khỏi khổ*

Khác với ngũ nghịch trọng tội nhất định cho quả tái sinh ở địa ngục ngay kiếp sau,[135] hay đại thiện nghiệp đắc Thánh ngăn tái sinh ở cõi khổ, thời điểm các nghiệp khác cho quả là bất định. Trong vòng luân hồi không có điểm bắt đầu, chúng sinh luôn có làm cả hai nghiệp là thiện và bất thiện, chỉ khác ở chỗ nhiều-ít, lớn-nhỏ, cho quả hay chưa. Do vậy, trừ khi có *cực thiện/bất thiện nghiệp*, không dễ để chắc chắn ai đó sẽ tái sinh vào cõi lành hay khổ. Dĩ nhiên, những ai thường tạo 3 nghiệp thân-khẩu-ý thiện lành hay lúc cận tử được người hay chư thiên nhắc nhở cho nhớ các thiện pháp đã làm thì có nhiều khả năng tái sinh vào cõi lành hơn.

Riêng lúc cận tử, khác với các nghiệp bình nhật, ý nghiệp lúc mệnh chung có thể cho quả ở ngay kiếp kế. Cụ thể, nếu chấp thủ một tà kiến vào lúc mệnh chung thì sẽ tái sinh vào cõi khổ bất kể lúc bình nhật thường hành thiện pháp.[136] Và ngược lại, nếu biết chấp nhận và chấp chặt một chánh kiến

---

*xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử." (D.15)*

[135] *Có năm nghịch tội này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không thể chữa trị. Thế nào là năm? Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng. (A.5.129)*

[136] *Ở đây, này Ananda, người nào* ***từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến****; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau,* ***hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt****. Do vậy,* ***sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ****, ác thú, đọa xứ, địa ngục. (M.136)*

vào lúc mệnh chung thì sẽ tái sinh vào cõi lành bất kể lúc bình nhật thường làm ác pháp.[137]

Do đó, lúc cận tử, ai chấp giữ tà kiến như có thứ thần linh có quyền hành đưa họ tái sinh ở cõi lành thì họ sẽ tái sinh vào khổ cảnh, dù trước đó họ ưa bố thí, giữ giới.[138] Dĩ nhiên, nếu hằng ngày họ chuyên tâm nghĩ có thứ thần linh ấy thì khi cận tử họ dễ bám chặt tà kiến ấy mà tái sinh vào *cõi khổ*.

Ví như không có gì ngăn Ngô Thừa Ân tưởng tượng ra truyện Tây Du Ký không liên can gì đến sự thật và đạo Phật, cũng vậy, không có gì ngăn các văn sĩ tham ái, mơ về một cõi an lạc thiên đường, nơi mọi chúng sinh không chịu quả tái sinh ở các cõi súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục bởi các nghiệp bất thiện tham sân si. Cụ thể, các văn sĩ sáng tác *"Vô Lượng Thọ kinh"*, tạo ra nhân vật "*A-di-đà*" ở cõi *"tây phương cực lạc"* có quyền năng bẻ gãy quy luật nghiệp quả Khổ Tập Đế, khiến chúng sinh không chịu quả của bất thiện nghiệp.[139]

---

[137] *Ở đây, này Ananda, người nào **sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến**; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này... Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, **hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt**. Do vậy **sau khi thân hoại mạng chung**, người ấy **sanh vào thiện thú, Thiên giới**, cõi đời này. (M.136)*

[138] *"thời này Punna, đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh." (M.57)*

[139] *"Nếu con được thành Phật mà trong **cõi nước con còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh** thì con **chẳng trụ ở ngôi Chính Giác**." (Nguyện 1)*

Và các văn sĩ đã cho nhân vật *"A-di-đà"* tham chấp sự hiện hữu và cõi của nó, nguyện làm cho cõi của nó mất đi quy luật nghiệp quả thì nó mới chịu *"trụ ở ngôi Chính Giác"*.

Thật ra, chừng nào còn tham, chừng đó chưa thành Phật. Bồ-tát thành Phật vì đã đoạn tận tham, không có cái gọi là còn tham mà thành Phật hay dùng ý nguyện, thần thông mà bẻ gãy được quy luật nghiệp quả. Vì *"A-di-đà"* tham ái, không phải là Phật nên không cần đặt điều kiện là phải thành tựu nguyện gì đó thì mới chịu *"trụ ở ngôi Chính Giác"*.

Hơn nữa, các văn sĩ còn cho *"A-di-đà"* ích kỷ, phân biệt cõi ta, cõi người. Dù biết ai cũng sợ khổ, *"A-di-đà"* chỉ nguyện cõi mình không có súc sinh, ngạ quỷ... mà không có vô lượng tâm từ bi với tất cả chúng sinh.

Do chấp thủ sự hiện hữu, các văn sĩ đã tạo ra chuyện không tham chấp thân hình[140] nhưng lại tham có thọ mạng vô lượng ở cõi *"cực lạc"*,[141] không ly tham, tịch diệt 5 uẩn. Trong khi Phật không ca ngợi sự hiện hữu,[142] thì như loài ruồi mê phẩn, *"A-di-đà"* và cõi của nó mê hiện hữu lâu dài.

---

[140] *Nếu con được thành Phật mà trời, người trong cõi nước con* ***còn có ý niệm tham chấp thân hình*** *thì con* ***chẳng trụ ở ngôi Chính Giác****. (Nguyện 10)*

[141] *Nếu con được thành Phật mà* ***thọ mệnh còn có hạn lượng****, chỉ được trăm ngàn ức na do tha kiếp thì con* ***chẳng trụ ở ngôi Chính Giác****. (Nguyện 13)*

[142] *Ví như, này các Tỷ-kheo,* ***một ít phân có mùi hôi thúi****. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta* ***không tán thán hiện hữu dầu cho có ít thôi****, cho đến* ***chỉ trong thời gian búng ngón tay****." (A.1.18.13)*

Do thiếu học, các văn sĩ cho bồ-tát làm chuyện vô ích và sai pháp là thuyết Nhất Thiết Trí,[143] thuộc Phật giới, là điều bất khả tư nghì, không thể nghĩ bàn.[144] Họ không biết rằng bồ-tát chỉ là phàm phu chưa có trí tuệ giác ngộ Niết-bàn.

Hơn nữa, các văn sĩ không biết Phật Toàn Giác là bậc không thầy chỉ dạy, tự mình giác ngộ thành Phật và trong một thế giới không thể cùng lúc có hai vị Phật Toàn Giác hay do học Giáo Pháp mà thành Phật Toàn Giác.[145] Vì vậy, các văn sĩ cho *"A-di-đà"* có rất nhiều *"bồ-tát"* ở cõi nước nó.

Do thiếu học nên các văn sĩ đã tạo ra *"Phật Duyên giác"*.[146] Thực chất, đạo Phật không có cái gọi là Phật Duyên Giác.

---

[143] *Nếu con được thành Phật mà các Bồ Tát trong cõi nước con không diễn thuyết được Nhất Thiết Trí thì con chẳng trụ ở ngôi Chính Giác.(Nguyện 25)*

[144] *Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn?*

***Phật giới của các đức Phật**, này các Tỷ-kheo, **không thể nghĩ đến được**, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ **có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ**.*

*Thiền giới của người ngồi Thiền, này các Tỷ-kheo,...*

*Quả dị thục của nghiệp, này các Tỷ-kheo,...*

*Tâm tư về thế giới, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. (A.4.77)*

[145] ***Sự kiện này không xảy ra**, này các Tỷ-kheo, **không có được**: **Trong một Thế giới, hai vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần**, sự kiện này không xảy ra. (A.1.15.10)*

[146] *Nếu con được thành Phật mà **hàng Thanh Văn trong cõi nước con còn có thể tính đếm được** và chúng sinh trong ba ngàn Đại Thiên thế giới ở trong trăm ngàn kiếp **thành bậc Duyên Giác hết, rồi tính đếm mà biết được số đó là bao nhiêu** thì con **chẳng trụ ở ngôi Chính Giác**. (Nguyện 14)*

Thật ra, 12 nhân duyên là Tập Đế,[117] là 1 trong 4 Thánh Đế, nếu chỉ giác ngộ có một Thánh Đế thì vẫn còn là phàm phu, chẳng liên can gì đến Phật. Các văn sĩ nghĩ là vì 12 > 4 nên 12 nhân duyên hơn 4 Đế, đi từ chế đặt này đến chế đặt nọ.

Các văn sĩ còn cho *"bồ-tát"* theo *"pháp môn Tịnh độ"* trên trái đất này là đều không bị già cả, bệnh tật kém sắc.[147] Phật còn già bệnh, kém sắc nhưng *"bồ-tát tụng A-di-đà"* thì chỉ có trẻ đẹp. Dù biết ai cũng muốn trẻ đẹp như chư thiên nhưng *"A-di-đà"* hám danh chỉ *"độ"* bồ-tát nào có nghe tên mình.

Và đạo Phật chỉ rõ thế gian là có 31 cõi là 11 cõi dục giới, 16 cõi phạm thiên sắc giới, 4 cõi phạm thiên vô sắc giới. Và cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên là thuộc cõi Phạm Thiên tứ thiền. Đó là nơi chỉ có các bậc Thánh Bất Lai, không có phàm phu hay các bậc Thánh khác, không liên can gì đến cái gọi là *"tây phương cực lạc"*. Các vị Bất Lai thường tái sinh ở cõi ấy và thiền cho đến khi chứng quả Arahant, tịch diệt Niết-bàn.

Và trong *Kinh Người Đất Phương Tây (S.iv,311)*, đức Phật tái khẳng định chỉ có nghiệp quyết định sự tái sinh, không thể dùng sự gọi tên mà giúp người chết tái sinh cõi lành.

Thực chất, sự định tâm niệm tên của một người vừa ý là có thể đem lại cảm giác dễ chịu, thậm chí có thể phát sinh ánh sáng. Tuy vậy, nếu chấp có kẻ có quyền quyết định sự tái sinh, tức phủ nhận nghiệp quả thì đó lại là tà kiến. Nếu chấp thủ tà kiến vào lúc cận tử thì sẽ tái sinh vào cõi khổ.[138]

[147] *Nếu con được thành Phật mà* ***các chúng Bồ Tát ở thế giới khác nghe danh hiệu con****, từ đó đến khi thành Phật* ***mà các sắc căn còn thiếu kém*** *thì* ***con chẳng trụ ở ngôi Chính Giác****. (Nguyện 41)*

### *"Sắc Tức Thị Không"*

Ví như 0+0=0, cũng vậy, chỉ hư không tạo ra hư không, hư vô không tạo ra sắc và sắc cũng không tạo ra hư không. Hư không có trong vật không có nghĩa hư không là vật hay vật là hư không. Giữa các sắc có hư không chứ trong sắc là không có hư vô. Giữa hư vô có thể có sắc nhưng trong hư vô thì không có sắc. Chỗ nào có sắc thì chỗ đó không phải là hư vô, chỗ thật hư vô thì không có sắc. Nơi nào có cả sắc và hư vô thì nơi đó không phải chỉ có sắc và cũng không phải chỉ có hư vô. Hư vô là trống rỗng. Hư vô không phải sắc. Bỏ sắc đi thì chỉ có hư vô, không có thế gian. Ví như kẻ mất trí bảo vì có người trong nhà nên nhà là người và người là nhà, cũng vậy, vì mất trí phân biệt, mù thực thể tột cùng 5 uẩn, ưa quy kết về một, dựa trên việc hai đối tượng có quan hệ cùng tồn tại, các văn sĩ hợp hai đối tượng là một, chế ra *"Sắc tức thị không, không tức thị sắc"(Bát-nhã-ba-la-mật-tâm-kinh)*.

### *"Không Có Khổ - Tập - Diệt - Đạo"*

Và các văn sĩ sáng tác Bát-nhã là không thấy biết 5 uẩn, mất trí phân biệt, bác bỏ chân lý do Phật và các thánh đệ tử giác ngộ, trái với trí tuệ con người và đạo Phật. Trong khi bồ-tát đi theo con đường Thánh Đạo Tám Ngành giác ngộ chân lý Bốn Thánh Đế, thành Phật,[87] thì các văn sĩ chế ra *"không có khổ, tập, diệt, đạo"*, bác bỏ Bốn Thánh Đế và cả *tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, già, chết, minh, vô minh*. Để thức tỉnh kẻ ngủ mê trong hý luận thì cần dùng *"tánh biết"* đá đít vô tội.

### *Hạt và Hư Không*

Đối nghịch với khoa học và đạo Phật, dòng Huyền Giác hý luận biến hư không là bản thể của mọi vật. Nó không biết đến sắc và các hạt hạ nguyên tử. Nó nghĩ hư không gây ra các dao động sóng và hạt.[148] Nó không biết hiếm mới quý, nhà không thể là nhà nếu không có các hạt vật chất, sắc uẩn tạo ra tường. Để thức tỉnh tổ, cần gõ vào hư vô trong đầu tổ.

Ví như 0 + 0 +... + 0 = 0, cũng vậy, hư không chỉ tạo ra hư không chứ không tạo ra sự hiện hữu 5 uẩn, hư không không phải là 5 uẩn hay vật chất, ý thức. Tương tự, epsilon dù nhỏ đến đâu thì epsilon cũng không phải là 0, các hạt vật chất dù nhỏ đến đâu thì cũng không phải là hư không. Hư không xen giữa các hạt chứ hư không không phải là hạt. Trong hư vô thì chỉ có hư vô, chứ trong hư vô không có hạt. Nơi nào có các hạt thì nơi đó không thuần là hư vô. Hư vô chỉ tạo ra hư vô, còn các hạt tạo ra sự hiện hữu. Bỏ 5 uẩn đi thì chỉ có hư vô. Hiếm mới quý, các hạt tuy nhỏ nhưng quyết định sự hiện hữu. ***Bản chất thế gian là 5 uẩn và hư vô***, không có cái gọi là *"bản thể của mọi vật là hư không"* hay *"Thực tướng của tất cả các pháp là không tướng"*. Tuy vậy, ***kẻ mất trí phân biệt thì chỉ biết quy chụp về 1, không biết đến 2***.

[148] *Ngũ căn của chúng ta chỉ có thể nhận thức được trong một tần số giới hạn, trong một kích thước giới hạn, nếu khả năng nhận thức của ngũ căn tinh tế hơn hàng vạn hàng triệu lần thì khi nhìn vào môt vật ta chỉ nhìn thấy trong đó những khoảng không bao la với những dao động sóng và* ***hạt****. Vậy* ***khoảng không mới là bản thể của bất kỳ mọi sự vật****, cho nên nhà Phật khẳng định "****Thực tướng*** *của tất cả các pháp là* ***không tướng****" (LL1DT)*

Và Phật dạy là có các pháp tồn tại do duyên, gọi pháp nào có tồn tại là có, không tồn tại là không có.[149] Tuy vậy, dòng Huyền Giác không biết thế giới là không tánh, trống không đối với tánh ngã *"tánh biết",...* chứ không trống vắng đối với các sự thật chế định hợp thành, các thực thể 5 uẩn vô ngã. Nó không biết xe Honda là sự thật chế định hợp thành do nhiều bộ phận tạo ra và tận cùng là các thực thể sắc uẩn.[150] Nó không biết rằng do các bộ phận hợp lại mà gọi là xe Honda. Nó biết chuối tồn tại do nhiều yếu tố như nước...[203] nhưng nó lại không biết xe Honda tồn tại do nhiều bộ phận. Nó biết yên xe không phải là xe, nhưng chấp nước là chuối, sau khi ăn chuối thì chuối là nước đi mọi nơi.[204] Con người thì thấy có xe Honda, sau khi ăn chuối thì mất chuối. Dòng Huyền Giác bác bỏ xe Honda nhưng chấp chuối không mất.

---

[149] *Và **cái gì không có mặt ở đây**, vị ấy xem **cái ấy là không có**. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "**Cái kia có, cái này có**". Như vậy, này Ananda, **cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo**, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, **không tánh**. (M.121)*

[150] *Toàn bộ thế giới vạn hữu đang hiện diện đây đều **phi nhân duyên**, **phi tự nhiên**, đều bất khả tư nghì vì không thể chỉ ra được nó là cái gì. Ví dụ, bạn có chiếc xe honda, vậy cái gì là xe honda? ghi đông chăng? không phải! yên xe chăng? không phải! sườn xe chăng? máy xe chăng? cũng không phải! **honda chỉ là một tên gọi**, **một giả danh**, nó được phối hợp lại từ những cái giả danh khác, **những cái giả danh khác lại được phối hợp từ những cái giả danh khác nữa**, **tất cả là một chuỗi dài những cái giả danh**, không có cái gì để gọi là honda. Nhà Phật gọi: "thực tướng tất cả các pháp là không tướng" nên "Pháp pháp hà tằng pháp" (pháp pháp mà chưa từng pháp) hay "**Bổn lai vô nhất vật**" (xưa nay không một vật). **Thế gian này là trống vắng hoàn toàn**, các pháp đang diễn ra ầm ì **mà thực sự trống rỗng**, nó **không có nguồn cội xứ sở**, **không có tự thể, tự tính**, tự ngã. (LL1DT)*

Ngược với trí tuệ con người, dòng Huyền Giác cho rằng xưa nay chưa từng có dù chỉ một vật, *"bổn lai vô nhất vật"*. Nó thật sự không biết đến sự tồn tại hợp thành từ 5 uẩn, không biết con người là tập hợp nhiều phần tử với tột cùng là các thực thể 5 uẩn, không biết xe Honda là một tập hợp sắc uẩn. Con người dựa vào thực tế có vật do nhiều bộ phận tạo thành mà có sự đặt tên cho vật, *từ vật mà có danh tên gọi*. Trái lại, nó dùng danh để tạo ra danh, nó dựng ra giả danh để phủ nhận thực tế có sự tồn tại của vật do nhiều bộ phận hợp thành, từ đó nó nghĩ *xưa nay chưa từng có dù chỉ một vật, "bổn lai vô nhất vật"*. Với hý luận về *"không"*, nó sống trái với cái mà nó coi là sự thật. Để thức tỉnh tổ khỏi hý luận thì cần gõ vô thứ *"chưa từng là đầu tổ"* bằng thứ *"chưa từng là cây gậy"*.

Ngoài bác bỏ nghiệp quả,[151] chấp hư không là bản thể,[148] xem gõ đầu tổ là do *"tánh biết"*, mạng người là mạng ta,[152] dòng Huyền Giác còn có cái gọi là *"trời tru đất diệt"*.[153] Do đó, ngoài đại ngã *"tánh biết"*, nó còn có cái ngã *"trời đất"*.

---

[151] *"Vì vô ngã nên vạn pháp như lai, muôn pháp vô sở bất tại,* ***không có biệt nghiệp, không có cộng nghiệp****, nghiệp chính là dòng sống đang hiện diễn.*

[152] *Trong mê lầm thì thấy mình là cá thể độc lập, sự sống của mình độc lập đối với các sự sống khác, mình với thế giới vạn hữu là riêng khác* ***mà không thấy rằng cảnh đối tượng chính là tâm của mình, sự sống của người cũng chính là sự sống của mình, mình và thế giới vạn hữu không hai****. Nếu thấy được vậy thì mê lầm sinh tử chấm dứt. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[153] *Người* ***không biết yêu thương chính bản thân mình*** *sẽ* ***bị trời tru đất diệt****. Người vì yêu mình mà* ***chà đạp lên mạng sống của người khác cũng sẽ bị trời tru đất diệt*** *(MQĐ). (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Và Phật dạy là chỉ có giác ngộ Tứ Thánh Đế mới đoạn tận lậu hoặc.[154] Và người tại gia lẫn xuất gia đều có thể giác ngộ Tứ Thánh Đế. Sự khác biệt giữa họ là mức độ thuận duyên cho sự tu tập. Giác ngộ dễ hay khó, nhanh hay chậm là do ba-la-mật, căn tánh, sự nỗ lực, duyên lành. Do hành Đạo Đế Giới Định Tuệ mà vô số cư sĩ đạt quả giải thoát. Vì ngỡ cư sĩ không hành được Giới Định Tuệ, ngỡ tạo ra thứ phi Đạo Đế, *hợp với tham sân si của số đông* là bản ý của Phật, ngỡ không giác ngộ Tứ Diệu Đế vẫn có thể đoạn tận lậu hoặc nên các văn sĩ chế kinh điển, *mở ra cánh cửa phi pháp, giới cấm thủ*.[155]

---

[154] *Này các Tỷ-kheo, Ta **thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy**. Và này các Tỷ-kheo, **cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?***

*Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ tập"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là khổ diệt"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy, "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. (It. 103)*

[155] *Quả thật chúng ta thấy lộ trình tu tập giải thoát trong Kinh tạng Nguyên thủy chỉ dành cho những người buông bỏ đời sống thế tục. Pháp môn cao nhất của người cư sĩ là tu tập Bát quan trai giới,còn hành **thiền** thì gần như **chỉ dành cho đệ tử xuất gia**. Chủ trương như vậy không có gì sai, nhưng đó **không phải là bản ý của Đức Phật; Đức Phật đã nhiều lần xác định người tại gia nếu đoạn trừ các lậu hoặc vẫn giải thoát**. Tuy nhiên, **các thời kỳ Phật giáo Bộ phái đã đóng bít cánh cửa cơ hội giải thoát của người cư sĩ, đạo Phật như là dành riêng cho thiểu số**. Điều đó đã đưa đạo Phật vào chỗ bế tắc vì mục đích của đạo Phật là cứu độ chúng sinh thoát khổ. (Khái Quát Tư Tưởng Kinh Duy Ma Cật - Thích Viên Giác)*

Hơn nữa, vì Phật chỉ trích tham ái, ca ngợi thiền tịnh,[156] nên nhiều người tham dục đã làm văn sĩ tạo ra kinh điển, nghịch đảo lời Phật. Cụ thể, để thỏa mãn cái tôi cư sĩ, họ sáng tác ra *"Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh"* nói về nhân vật cư sĩ tên *"Duy-ma-cật"* ưa giả dối, ngạo mạn cũng như cho *"Phật"* nói và làm những điều phi lý vô ích. Tác phẩm đề cao cư sĩ, khi dễ người xuất gia, kể cả Phật và các đại đệ tử của Phật.

Tác phẩm tả *"Duy-ma-cật"* là người *"biện tài vô ngại, du hí thần thông, cho đến tổng trì, được vô sở úy, hàng phục ma oán, nhập pháp môn thâm diệu,* ***khéo dùng trí huệ***, ***thông đạt phương tiện***, *đại nguyện thành tựu,* ***thấu rõ tâm chúng sanh***, *hay phân biệt các căn lợi độn, nơi Phật đạo tâm đã thuần thục,* ***quyết định Đại Thừa***, *việc làm chẳng cần tác ý, tâm lượng như biển, oai nghi đồng Phật,* ***chư Phật khen ngợi***, *các vua chúa trời người thảy đều kính trọng"*. Thực tế, trong số các nam cư sĩ được Phật tuyên dương không có ai tên Duy-ma-cật. (A.1.14)

Trong khi người trí luôn biết cách đạt mục đích bằng sự chân thật và tử tế thì *"Duy-ma-cật"* dùng giả bệnh để gặp và *"dạy dỗ"* các vị Thánh đệ tử của đức Phật. Nó ngạo mạn, thiếu giáo dục khi lừa dối giả bệnh, không có trí thỉnh mời. Và *"Phật"* bị mắc lừa. Vì không biết *"Duy-ma-cật"* ngạo mạn, đóng kịch giả bệnh nên *"Phật"* yêu cầu các đệ tử đi thăm nó.

---

[156] *Này Tỷ-kheo,* ***đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống****. Này Tỷ-kheo, hãy tu Thiền, chớ có phóng dật, chớ có để về sau sẽ phải hối tiếc. Đấy là lời giáo giới của Ta cho các Thầy. (A.v.73)*

Và các văn sĩ cho *"Duy-ma-cật"* hưởng dục, có vợ con nhưng lại là có Sa-môn hạnh.[157] Họ không biết hành dâm không phải là Sa-môn hạnh, Tỷ-kheo mà hành dâm là bị trục xuất. Họ không biết rằng khác với phụ nữ, người nam nếu không có dục thì không thể hành dâm. Ví như người trí không đi quậy phá, cũng vậy, người thật sự không mê dục thì không hành sự dâm dục. Vì dục mà hành dâm nhưng cho là có giới hạnh Sa-môn nên đó là sự điên đảo, lừa dối.

Thực tế, các Phật tử dù tìm đến nghe Pháp còn chưa chắc hiểu đúng Pháp. Và người trí thì chỉ được tôn trọng, được lắng nghe từ người trí chứ không phải kẻ ngu. Phật không chủ trương ác thuyết, dạy cho kẻ ngu.[9] Tuy vậy, các văn sĩ cho *"Duy-ma-cật"* đến chỗ cờ bạc,... những nơi dễ bị ăn dép khi nói Pháp, để *"độ"* người đang cuồng tham sân si. Thật ra, chỉ khi hùa theo tham sân si thì kẻ ngu mới nghe. Hùa theo phi pháp là cổ vũ phi pháp, hại người chứ không phải là độ.

Trong khi Phật *không tán thán sự hiện hữu* dù trong sát-na thì như các tôn giáo khác vẽ ra thiên đàng vĩnh cửu, truyện Duy-ma-cật vẽ ra thứ *"cõi Phật" "thanh tịnh" "thường còn"*, đáp ứng sự tham ái hiện hữu, mở ra cánh cửa phi pháp.

[157] *Dù hiện thân bạch y mà **giữ giới hạnh trong sạch của Sa Môn**, dù ở tại gia mà không đắm nhiễm cõi đời, **thị hiện có vợ con quyến thuộc mà thường tu thanh tịnh hạnh**, dù mặc đồ quí báu mà dùng tướng tốt để trang nghiêm, dù ăn uống theo người đời mà **lấy Thiền duyệt làm mùi vị**, hoặc **đến chỗ cờ bạc, xướng hát vẫn tùy cơ độ người**, **dù thọ pháp ngoại đạo mà chẳng hoại chánh tín**, dù hiểu rõ thế pháp mà thường ưa Phật pháp. (Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh)*

Đừng nghe các văn sĩ hý luận về *"không"*, mà hãy nhìn họ rốt ráo tham chấp thủ sự hiện hữu *"cõi Phật"*.[158] Thực chất, hý luận *"không"* của họ chỉ là những sự phủ nhận hiện thực và lời Phật. Do ác ý, không có từ bi, trí tuệ, *"Phật"* của truyện không cho *"chúng sinh bình đẳng"* thấy *"cõi Phật"*.[158]

Ví như 1+1=2 là sự thật khách quan không tùy thuộc vào chủ quan có học hay thất học, cũng vậy, sự thật tột cùng không phải thứ thay đổi tùy theo tâm tịnh hay bất tịnh. Với tâm thanh tịnh, *không tham ái chấp thủ*, Phật thấy bản chất thế gian là *5 uẩn sinh diệt vô thường, khổ, vô ngã ở từng sát-na*, và *không khen sự hiện hữu thế gian* dù chỉ sát-na.[159] Vì ***thấy thế gian là khổ*** nên Phật *mới tế độ chúng sinh*. Còn Niết-bàn, đối tượng của Thánh Quả Định được Phật ca ngợi, là pháp xuất thế gian, không liên can gì đến 5 uẩn lẫn *"cõi Phật"* đầy châu báu của các tông phái. Do đó, tùy đối tượng mà Phật thấy đó là khổ hay bất khổ. Phật luôn *phân biệt 5 uẩn Khổ Đế* với *Niết-bàn Diệt Đế* và không có cái gọi là *"tâm tịnh, độ tịnh"*. Tuy vậy, truyện Duy-ma-cật hý luận thấy thế giới khổ hay lạc là do tâm chủ quan có/không có phân biệt chấp thủ.[160]

---

[158] *"Phật bảo Xá Lợi Phất:* ***Cõi Phật ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ người thấp kém, nên thị hiện cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh*** *đó thôi." (Duy-ma-cật - Phật Quốc Thứ Nhất)*

[159] "*Ví như, này các Tỷ-kheo,* ***một ít phân có mùi hôi thúi****. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta* ***không tán thán về hiện hữu dầu cho có ít thôi****, cho đến chỉ trong* ***thời gian búng ngón tay****." (A.1.18.13)*

[160] *Thế giới bản chất là pháp giới (Dhamadattu),* ***khi tâm phân biệt chấp thủ thì thế giới đầy đau khổ và biến động*** *nhưng* ***khi tâm không còn chấp thủ nữa thì thế giới trở nên an bình vô ngại****.*

Trong khi Phật không khen sự hiện hữu dù chỉ chút ít,[159] thì do ảo tưởng có cái đại ngã gọi là *"thể tánh"* nên truyện Duy-ma-cật xem mọi biểu hiện trên đời là mầu nhiệm.[161]

Thực chất, không phải vô cớ, chính vì tham sân si mà chúng sinh luân hồi vô số kiếp. Và tất cả tham sân si đều có đối tượng của nó, và đối tượng đó là thế gian. Nói cách khác thì mọi sự trên thế gian này là duyên gây ra tham sân si, trói buộc chúng sinh trong khổ đau luân hồi. Chỉ khi có đức Phật và Giáo Pháp thì chúng sinh mới biết sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi ba giới, bốn loài. Và để giải thoát, chúng sinh cần thực hành theo lời Phật chứ không cần theo thói quen tham ái thế gian, nhờ đó mới có thể viên mãn trí ly tham, giác ngộ Niết-bàn, chấm dứt sinh tử luân hồi. Các văn sĩ không biết mọi sự thế gian là duyên gây tham sân si và chỉ nhờ hành theo lời Phật thì mới có thể ly tham thế gian. Vì chấp có *"thể tánh thanh tịnh"* và có *"biểu hiện mầu nhiệm" của "thể tánh"* nên họ xem duyên gây tham sân si, trói buộc vào luân hồi là có *"tác dụng giáo dục con đường giải thoát"*.[162] Họ không biết trí học, hành theo lời Phật mới đưa tới giải thoát.

---

[161] *Tất cả những gì được biểu hiện trên cõi đời này* ***đều là biểu hiện của thể tánh thanh tịnh, do đó chúng là mầu nhiệm, là không thể nghĩ bàn****. (Khái Quát Tư Tưởng Kinh Duy Ma Cật)*

[162] *Điều này rất có ý nghĩa: một là tất cả,* ***những biểu hiện của thế giới hiện tượng*** *như gió thổi, mây bay, hoa nở, hoa tàn, cho đến kẻ cướp giật, trộm cắp, ma quỷ cám dỗ...* ***đều là tác dụng giáo dục con đường giải thoát****, tu tập giải thoát không ra ngoài thế giới tầm thường phàm tục ấy, do vậy* ***chẳng có hiện tượng nào là không mầu nhiệm****. (Khái Quát Tư Tưởng Kinh Duy Ma Cật)*

## *"Tứ Diệu Đế"*

Thực chất, Phật (Buddha) có nghĩa là người Giác Ngộ. Sự giác ngộ đó là giác ngộ, thấy biết trực tiếp Bốn Thánh Đế. Sự giác ngộ đó không phải là sự suy tư, tìm tòi, hý luận. Và Bốn Thánh Đế là Bốn Chân Lý Cao Thượng không phải chỉ để biết mà là để thấy. Do không biết Bốn Thánh Đế là những sự thật cần được tu tập, giác ngộ nên có người xem Bốn Thánh Đế chỉ như thứ để tìm tòi, suy tư, hý luận.[163]

Do vô minh, thiếu học, không biết bản chất của thế gian là 5 uẩn sinh diệt vô thường, chịu khổ trong từng sát-na, không biết bất kể lạc hay khổ thì đều là khổ hay hướng đến sự khổ, không biết đến sự khổ trong bốn đường ác đạo do các nghiệp tham sân si nên có người tham ái tìm lạc trong luân hồi, bác bỏ Khổ Đế, Sự Thật Cao Thượng về Khổ.[164] Họ không biết trái với sự thật là giả dối, sai sự thật. Đời thường không biết có khổ *cho đến khi lạc kết thúc hay khi khổ hiện rõ*.

---

[163] *Nếu có ai hỏi, thầy Nhất Hạnh đã hiểu hết Tứ Diệu Đế chưa? - tôi sẽ trả lời, chưa! Tôi hiểu đã khá, nhưng chưa hiểu hết.* ***Sang năm tôi có thể hiểu về Tứ Diệu Đế sâu hơn năm này****. Cứ như vậy cái hiểu của mình càng ngày càng sâu hơn, cao hơn nếu mình có tu, có học, nếu mình không nghĩ rằng mình đã hiểu rồi. Sự thật là mình chưa hiểu hoàn toàn, mình chỉ hiểu một ít thôi. Cái này cũng đúng với Bát Chánh đạo, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phận, Bát Thánh đạo phần. (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)*

[164] *Đời chỉ là khổ thôi chứ không là cái gì khác, đó không phải là sự thật toàn vẹn.* ***Giảng sự thật thứ nhất đời là khổ****, life is illbeing là* ***chỉ đúng phân nữa sự thật*** *vì đời cũng có thể rất vui, có thể thoải mái, thông thoáng, nhẹ nhàng, không phải chỉ bế tắc sầu khổ mà thôi.* ***Cho nên sự thật thứ nhất không phải đời là khổ****. (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)*

Vì không biết lạc là sinh diệt vô thường, cũng vẫn là khổ nên có người nghĩ lạc là Khổ Diệt Đế, Sự Thật Cao Thượng thứ ba.[165] Thực chất, Khổ Diệt Đế là sự đoạn tận tham,[166] là pháp xuất thế gian,[113] chẳng liên can gì đến lạc ở thế gian.

Để biến khổ thành lạc, có người đã đánh tráo đối tượng. Ví như thấy bị giết là lạc vì có sự vui của kẻ thù, cũng vậy, họ thấy sinh là lạc vì có sự vui của người khác.[167]

Để biến khổ thành lạc, có người hý luận nói sai sự thật. Họ biến sự khổ do già lão, răng rụng, chân yếu, tay run, nặng nề chậm chạp về thân, lẫn sự lú lẫn hay quên về tâm của tuổi già thành tâm *"sâu sắc"* và thân *"nhẹ nhàng"*.[168] Cái *"có thể"* của họ là không dành cho hầu hết con người.

Hơn nữa, có người còn xem chết là không khổ vì nhờ đó có thân tươi trẻ.[169] Thật ra, nếu thấy khổ là lạc thì đó là điên

---

[165] *Sự thật thứ nhất xác định sự có mặt của khổ đau.* ***Sự thật thứ ba xác định sự có mặt có thể có của hạnh phúc****. Hai sự thật đó đối đãi với nhau.*

[166] *Này các Tỷ kheo, và* ***thế nào là Khổ diệt Thánh đế?*** *Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm. (D.22)*

[167] ***Ngày xưa định nghĩa khổ thì có sanh, có già, có bệnh, có chết. Bây giờ chúng ta không hẳn phải định nghĩa giống như ngày xưa****.* ***Tại vì sanh ra một đứa con có thể mang lại niềm vui cho rất nhiều gia đình****. Mình có thể ăn mừng khi có những đứa con sinh ra,* ***vì thế sinh chưa hẳn đã là khổ****.*

[168] ***Già có thể nhẹ nhàng, có thể ung dung, có thể sâu sắc hơn nên già chưa hẳn là khổ****.*

[169] ***Chết không hẳn chỉ là khổ****. Với một người đã sống lâu, đã mệt mỏi, đã có những khó khăn trong cơ thể thì* ***chết là một cái rất tốt cho họ để họ có thể tiếp tục dưới dạng khác trẻ hơn, tươi hơn, mát hơn****.*

đảo, tà kiến.[170] Và nghiệp tham sân tà kiến khi cho quả tái sinh thì đó là cõi khổ súc sinh, ngạ quỷ, asura... chứ không cho quả là người để mà có thân tươi trẻ.

Đối với bệnh tật, thay vì biến khổ thành lạc như đối với sinh-già thì có người thấy lợi ích và sự cần thiết của khổ, bệnh tật. Họ thấy nhờ có khổ đau mà họ trưởng thành và biết thế nào là hạnh phúc: *"Vì vậy cho nên cái khổ rất là cần"*.

Thật ra, ai thiếu trí mới nghĩ nhờ khổ thì mới biết có hạnh phúc và trưởng thành.[171] Ai ít trí mới nghĩ chỉ có thể trưởng thành trong chiến tranh và khổ đau, mới không ưa và không biết trưởng thành trong hòa bình và hạnh phúc. Trái lại, người trí không ưa khổ, không cần trưởng thành trong khổ. Họ biết hạnh phúc và muốn trưởng thành trong hạnh phúc. Họ không cần có khổ thì mới biết có hạnh phúc. Trong khi chư thiên biết thương yêu và biết có hạnh phúc mà không cần có khổ thì người chưa trưởng thành muốn biết thương yêu qua khổ đau, thấy khổ đau là rất cần thiết.

---

[170] ***Trong khổ nghĩ là không khổ, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo**. (A.4.49)*

[171] *Bệnh cố nhiên là khổ rồi. Nhưng **nếu không có bệnh thì mình không có cơ hội để thấy được, không bệnh là hạnh phúc**. **Chính khổ đau làm cho mình thành người. Nơi nào không có khổ đau, nơi đó con người không lớn lên được, không biết thương, không biết hiểu, hai điều làm cho người ta hạnh phúc**. Nhất là hiểu biết và thương yêu, hai cái đó chỉ có thể un đúc được khi có khổ đau. Hiểu được cái khổ thì mình mới chấp nhận thương yêu. **Vì vậy cho nên cái khổ rất là cần**. Mỗi người cần có một ít khổ đau, vấn đề là liều lượng của khổ đau.*

Thực chất, vì tham ái mà chúng sinh mới có sự hiện hữu, luân hồi. Tham là *phiền não ngủ ngầm* của tất cả chúng sinh, chỉ cần có duyên và sự không khéo tác ý là tham ái khởi lên. Và người trí xem bốn vô lượng tâm từ bi hỷ xả là thiện chứ không xem tham ái là thứ gì cao quý cần phải đạt được. Hơn thế, người trí *quán vô thường, khổ, vô ngã* là để ly tham, giải thoát khổ. Tuy vậy, có người xem tham ái là điều tốt cần phải có. Họ không biết nghiệp tham ái cho quả tái sinh nơi khổ cảnh. Và để biết ái, họ thấy cần phải có khổ đau.

Có vô số sự thật trên thế gian. Tuy vậy, *giá trị và vai trò của chúng* là khác nhau. Vì nếu giác ngộ Tứ Thánh Đế thì sẽ giải thoát khổ nên đó là *Bốn Sự Thật Cao Thượng*. Và Khổ Đế, *Sự Thật Cao Thượng về Khổ* có nghĩa đó là sự thật cao thượng chứ không có nghĩa khổ là cao thượng. Tuy vậy, có người cần khổ, nghĩ khổ là cao quý vì có thể học từ khổ.[172] Từ khổ, họ học ra bài học về ái, tạo nghiệp tham ái để có quả khổ. Kẻ ly trí thì thích khổ, tự hại mình, không muốn thoát khổ. Họ không biết trí học Phật Pháp để thoát khổ mới cao quý.

Do chưa trưởng thành, họ cần khổ và không biết rằng Phật không tán thán sự khổ và Phật Pháp là để thoát khổ. Và lạc của người trí thì khác với dục lạc của người thiếu trí: "*Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng nhờ lạc và hỷ mà bốn Thánh đế được chứng ngộ." (S.v,440)*

[172] *Nếu mình* ***chỉ là nạn nhân của khổ đau, không học hỏi được từ khổ đau, sợ hãi trốn tránh khổ đau, thì cái khổ đó không còn cao quý nữa***.

Trong khi Phật dạy *"cầu bất đắc là khổ"* thì có người chế ra cái gọi là *"cầu đắc cũng khổ"*, và xem đó là thâm thúy sâu sắc hơn lời Phật dạy.[173] Thực tế, con người có nhiều mong cầu, không cần cầu này đắc thì mới có cầu khác. Và cầu là khổ khi bất đắc chứ cứ cầu là đắc thì không phải là khổ. Họ không biết rằng có cầu mới không có nghĩa đắc cũ là khổ, không biết rằng bất đắc mới khổ chứ cứ đắc thì không khổ.

Ái là do duyên sinh, ái là có thể thay đổi, không bất biến. Và Phật dạy *"ái biệt ly là khổ"*, ái nhiều thì biệt ly khổ nhiều, không ái thì biệt ly không khổ. Tuy vậy, do không biết rằng vì hội ngộ ái mới nên mới có lạc, cũng như vì hết ái cũ nên biệt ly ái cũ hết khổ nên có người hý luận *"ái biệt ly là lạc"*.[174] Họ không biết rằng nếu ái cũ không đổi thì biệt ly còn khổ, và do hết ái cũ nên biệt ly không khổ.

Tuy vậy, họ không hý luận biến sầu bi khổ ưu não là lạc. Họ có thể đánh tráo đối tượng như kiểu biến *"sinh là lạc"* để biến sầu bi khổ ưu não là lạc: *"vì có sự vui của kẻ thù trước sầu bi khổ ưu não của họ nên sầu bi khổ ưu não của họ là lạc"*.

---

[173] ***Cầu không được thì khổ*** *nhưng* ***cầu được cũng khổ như thường***. ***Sự thật này cũng không đúng lắm***. ***Cầu cái đó, được rồi thì mình cầu cái khác***. ***Thành ra cầu đắc cũng khổ*** *chứ không phải cầu bất đắc mới khổ.* ***Vấn đề ở chỗ cầu hay không cầu mà thôi***.

[174] *Ái biệt ly, khổ. Thương nhau mà không được ở gần nhau, khổ. Đây là sự thật nhưng* ***chỉ là một nữa của sự thật thôi***. *Ban đầu bị chúng gởi đi xóm khác, cũng hơi buồn. Ai ngờ đi xóm khác những vướng mắc kia tan đi, mình khỏe. Mình hạnh phúc hơn nhiều. Mình có những dây mơ rễ má, vướng mắc cái này, vướng mắc cái kia, tưởng rằng không gần nhau thì khổ lắm. Ai dè qua xóm kia ở một năm rồi, không muốn về nữa.* ***Thành ra ái biệt ly chưa hẳn là khổ. Nó có thể đem lại hạnh phúc***.

Thật ra, để vượt qua khổ tâm thì cần có trí biết sự thật và sự khéo tác ý. Cụ thể, tác ý đến sự thật bản chất thế gian là vô thường, khổ, vô ngã hoặc khéo tác ý đến nghiệp quả, sự vô thường và từ bi hỷ xả là cách người trí vượt qua khổ tâm.

Vì không biết *đạo Phật là của Phật*, không biết có vô minh, thất học, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai nên có kẻ gọi các hý luận trái với sự giác ngộ của bậc Thiên Nhân Sư là *"khoa học"*.[175]

Và Phật là không tế độ nổi kẻ ngu. Phật không ác thuyết,[9] thuyết cho kẻ ngu, *không bóp méo Pháp để thỏa mãn, chiều ý, thu hút kẻ ngu*. Phật không dạy cái gọi là *"khế cơ"* đáp ứng nhu cầu tham sân si của kẻ ngu.[176] Vì không biết có trí-ngu, không biết mình là ai, không biết trái với Phật là phàm phu nên có người đã đổi trắng thay đen, bài xích lời Phật, khiến tín đồ u mê si ái, rơi xuống khổ cảnh tăm tối, gây mạt pháp. Họ ngạo mạn nghĩ đối nghịch với Phật là có trí hơn Phật.[177]

[175] ***Phật học là một khoa học. Mình là một học giả***, *mình là một nhà khoa học, mình* ***phải khám phá càng ngày càng sâu thêm*** *chứ tại sao cứ ngồi đó mà lập đi lập lại những điều người xưa đã nói. Tổ Lâm Tế đã nói như vậy đó.* ***Đừng ê a lập lại những giáo điều của người xưa***. *Mình* ***đâu phải là cái máy record, mình đâu phải là cái máy cassette***.

[176] ***Phật pháp phải khế cơ***, *tức là nó* ***phải đáp ứng được những nhu yếu đang có thực của con người***.

[177] *Một cách hay nhất để biết ơn người xưa là* ***phải học cái hay của người xưa và làm cho hay hơn người xưa***. *Cha mẹ luôn luôn muốn cho con hay hơn mình, thầy luôn luôn muốn* ***học trò, đệ tử giỏi hơn mình*** *vì vậy cho nên mình phải đi tới.* ***Đạo phật càng ngày càng đẹp hơn càng rộng hơn, càng sáng hơn*** *chứ* ***đừng giữ lại cái đạo Phật của năm xưa***. *Vì vậy cho nên sau khi đã có đạo phật nguyên thủy, mình đã có đạo phật bộ phái rồi đạo phật Đại thừa, rồi đạo phật nhập thế.* ***Phải càng ngày càng đi lên***.

Do không biết 5 uẩn sinh diệt trong sát-na, không biết có sự khổ do tái sinh vào cõi *súc sinh*... nên có người có hý luận *"không phải đời là khổ"*,[178] họ có chân lý khác với đạo Phật. Họ không biết lạc thế gian do duyên sinh, là vô thường, phải chịu diệt, không biết có phiền não sinh lên vì lạc bị diệt, không biết lạc phải bị diệt có nghĩa là lạc bị khổ. Hơn thế, vì không biết các thực thể 5 uẩn là sinh diệt không ngừng nên họ nghĩ là có một cái ngã thường còn, không sinh diệt.[179]

Do thiếu học, có người nghĩ lạc tạm bợ, do duyên sinh là *Diệt Đế*: *"Vì vậy Diệt Đế là sự có mặt của hạnh phúc, của an vui"*. Họ ngỡ Khổ Diệt Đế là hữu vi,[180] do duyên ba Đế khác.[181] Họ

---

[178] ***Đời chỉ là khổ thôi chứ không là cái gì khác, đó không phải là sự thật toàn vẹn***. *Giảng sự thật thứ nhất đời là khổ, life is illbeing là chỉ đúng phân nữa sự thật* ***vì đời cũng có thể rất vui, có thể thoải mái, thông thoáng, nhẹ nhàng, không phải chỉ bế tắc sầu khổ*** *mà thôi.* ***Cho nên sự thật thứ nhất không phải đời là khổ***.

[179] ***Diệt là cái gì diệt mới được chứ! Sanh là cái gì sanh mới được chứ!*** *Diệt tức phiền não diệt. Mà phiền não diệt tức hạnh phúc sanh ra, an lạc sanh ra. Đó là đứng về phương diện hiện tượng mà nói, tướng mà nói.* ***Còn đi sâu vào làm gì có sanh mà có diệt?***

[180] *Ngày xưa có thầy nói rằng nếu phân tích bốn sự thật này ra thì sẽ có* ***một cái là vô vi và ba cái là hữu vi***. *Diệt đế là Niết Bàn là vô vi còn ba cái kia là hữu vi.* ***Nói như thế dễ khiến người hiểu nhầm lẫn***. *Làm sao hữu vi trộn lẫn với vô vi. Nó đứng một hàng, nếu vô vi thì vô vi hết, hữu vi thì hữu vi hết.* ***Làm sao một cái vô vi, còn những cái còn lại là hữu vi***.

[181] *Trong Tâm kinh, mình tụng hàng ngày, phần lớn mình tụng như con vẹt. Đã nói không có khổ, không có tập, không có diệt, không có đạo. Nó có nghĩa, tách rời ba cái kia thì không thể có cái này.* ***Khổ đế không có thực tại riêng biệt, nó được tạo bởi ba cái đế kia***. *Tập đế cũng vậy, nó không phải là sự thật riêng biệt, nó được làm bởi ba cái kia. Đạo đế cũng vậy và* ***Diệt đế cũng vậy thôi***.

không biết vô vi là sự đoạn tận tham sân si, đường đến vô vi là Đạo Đế,[182] *không biết Diệt Đế là sự đoạn tận tham*,[183] không biết cái gọi là *"Diệt Đế"* của họ chẳng liên can gì đến đạo Phật, không biết Niết-bàn là pháp xuất thế gian, không có chuyển vận,[184] là vô vi, không có sinh, trụ, diệt.[185] Họ không biết đến Đạo Trí đoạn tận tham và có đối tượng là Niết-bàn.

Thật ra, đạo Phật không phải chỉ biết nói khổ và dừng lại ở đó. Đạo Phật chỉ rõ sự diệt khổ và đường đến sự diệt khổ. Tùy căn tánh, ba-la-mật mà Phật tử chọn diệt khổ lâu dài hay vĩnh viễn. Họ có thể hành thiện pháp để có lạc lâu dài hay hành Giới Định Tuệ để giác ngộ Niết-bàn, đoạn tận mọi sự khổ trong sinh tử luân hồi. Tuy vậy, đạo Phật không có cái gọi là dùng ái để có lạc nhỏ trước mắt, để bị khổ lâu dài.

---

[182] *- Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là vô vi**? Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si**.*

*- Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Con đường Thánh đạo Tám ngành, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi. (S.iv,361)*

[183] *Này các Tỷ kheo, và **thế nào là Khổ diệt Thánh đế?** Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm. (D.22)*

[184] *"Này các Tỷ-kheo, có xứ này, tại đây **không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió**; không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố **không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh; không có an trú, không có chuyện vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau**." (Ud.80)*

[185] *Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi. Thế nào là ba? Sanh không được trình bày rõ, diệt không được trình bày rõ, sự biến dị khi đang trú không được trình bày rõ. (A.3.47)*

### *Chay - Mặn*

Theo Giới Luật, Tỷ-kheo *được phép dùng thịt* với điều kiện thịt đó *không có nguyên nhân vì họ mà giết*. Nếu thấy, nghe, nghi thịt vì mình mà giết thì không được phép thọ dụng.[186]

Với quy định ấy, đức Phật đã ngăn không cho các đệ tử có sự liên hệ đến sát sinh. Thực chất, các đồ tể sát sinh không phải để đem cho, không ai ép họ, mà *vì mình, vì lý do nuôi mạng, lý do kiếm tiền* mà họ sát sinh. Nếu không có sự bao thầu, chỉ định, đặt hàng trước hay mua theo định kỳ thì các cư sĩ cũng đã tránh được việc đồ tể sát sinh vì cá nhân cư sĩ. Như vậy, cư sĩ có trí tuệ thiện xảo còn không liên đới đến việc sát sinh, nói gì đến chư Tăng dùng thịt do họ mua.

Và việc diệt trừ sâu bọ cũng là vì lợi ích bản thân người nông dân không phải vì người mua. Nếu không phân biệt *người này với người kia*, xác chết với chúng sinh, có ý sát sinh với không có ý sát sinh thì không nên đi lại, ăn uống, dùng xà bông... để *"tránh sát sinh"*.

---

[186] *Này Jīvaka, những ai nói như sau: "Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama tuy biết thế vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình được làm cho mình", những người ấy* ***không nói chính lời của Ta, họ xuyên tạc Ta, không như chân, không như thật****.*

*Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp,* ***thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi vì mình mà giết****. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng.*

*Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp,* ***thịt được thọ dụng: không thấy, không nghe và không nghi vì mình mà giết****. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng. (M.55)*

Thật ra, giới không sát sanh bị vi phạm khi có đủ 5 chi:

1) Con vật ấy còn sống.

2) Biết con vật ấy còn sống.

3) Có ý muốn giết con vật ấy.

4) Nỗ lực giết con vật ấy.

5) Con vật chết bởi nỗ lực ấy.

Nếu không có ý sát sinh thì việc *cày cấy, nấu ăn, đi lại*... là *không phạm giới hay nghiệp sát sinh*. Nếu đó *là nhằm mục đích giết sâu bọ* thì có thể phạm giới. Cố ý sát sinh dù là để bố thí hay vì bất kỳ lý do gì thì cũng là ác nghiệp. Vì không quy y Pháp nên nhiều tông phái cứ đi lại,... mà chê tam tịnh nhục.

Khác với con người, nhiều tông phái mất trí phân biệt, bất phân biệt xác chết với chúng sinh, xem xác chết như là chúng sinh, ăn xác chết là ăn thịt chúng sinh, là ăn *"bản thể Phật tánh"*, là đứt giống từ bi. Họ xem dụ người có tà kiến chấp ngã, đi đến khổ cảnh mới là từ bi trí tuệ. Hơn nữa, tuy hô không có sinh tử nhưng họ lại đòi ăn và lên án sát sinh.

Đạo Phật bác bỏ ngã *"Phật tánh"*, biết xác chết là xác chết, *chúng sinh là chúng sinh*, *chúng sinh có danh-sắc mạng quyền*, còn xác chết vật chất vô tri không có danh-sắc mạng quyền.

Thật ra, ăn không phải là nhân giác ngộ. Ăn uống cũng không làm con người thanh tịnh. Đời không thiếu những kẻ ăn chay nhưng giả dối, tà mạng. Chính giới giúp thân-khẩu không có lỗi lầm và thiền định thì giúp tâm thanh tịnh.[187]

[187] *"Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh." (S.iii,151)*

Trí tuệ cao thượng thấy biết bản chất của thế gian là 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã, chứ không phải thấy thế gian là thanh tịnh. Phật chỉ trích tham sân si với thế gian. Chỉ có Niết-bàn, đối tượng của tâm Đạo-Quả là được Phật ca ngợi.

Nếu ăn thực vật là pháp môn tu hành thì trâu, bò, dê, ngựa... đã tu hành từ lúc chào đời! Nếu ăn chay là pháp tu giải thoát khổ thì loài bò... giải thoát từ lâu. Thật ra, chỉ có tu tập Giới Định Tuệ mới đưa đến giải thoát, còn nếu xem ăn chay là pháp tu giải thoát thì đó là chấp giới cấm thủ.

Thực tế, Devadatta đã từng thỉnh cầu đức Phật quy định không được phép dùng thịt cá nhưng đã bị Phật bác bỏ.[188]

Tuy vậy, đức Phật có cấm 10 loại thịt vì các lý do đạo đức, giữ niềm tin với người có đức tin, tôn trọng biểu tượng vương quyền, giúp các Tỷ-kheo được an toàn. Đó là các loại thịt người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và chó sói.

Thực tế, hằng ngày, chư Tăng cần phải quán tưởng tính vật chất, tính nhờm gớm và công dụng của *bốn loại vật dụng (y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc).* Giới Quán Tưởng vật dụng là một trong bốn giới thanh tịnh: Giới Bổn Patimokkha, Giới nuôi mạng thanh tịnh, Giới thu thúc lục căn và Giới quán tưởng các vật dụng.

Hơn nữa, đức Phật luôn dạy chư Tăng là phải biết ít dục, tri túc biết đủ. Người biết đủ sẽ không bị tham dục dày vò.

---

[188] *-Này Devadatta, ta cho phép chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng.* ***Cá thịt là thanh tịnh với ba điều kiện*** *là: "Không thấy, không nghe, và không nghi ngờ." (Tạng Luật - Phân Tích Giới Bổn - Điều Saṅghādisesa Thứ Mười)*

Và đức Phật đã dạy về thanh tịnh và bất tịnh. Thanh tịnh có được là do sự thực hành Chánh Pháp chứ không phải là do ăn thực vật như trâu, bò...

*Sát sanh và hành hình,*
*Đả thương và bắt trói,*
*Trộm cắp và nói láo,*
*Man trá và lừa đảo,*
*Giả bộ kẻ học thức,*
*Đi lại với vợ người,*
*Đây là đồ ăn thối,*
*Ăn thịt không phải thối.*

*Phẫn nộ và kiêu mạn,*
*Cứng đầu và chống đối*
*Man trá và tật đố,*
*Nói vô ích, huênh hoang,*
*Kiêu mạn và quá mạn,*
*Thân mật với kẻ ác,*
*Đây là ăn đồ thối,*
*Ăn thịt không phải thối*

*Không phải do cá thịt,*
*Cùng các loại nhịn ăn,*
*Không phải do lõa thể,*
*Đầu trọc và bện tóc,*
*Không do tro trét mình,*
*Mặc da thú khô cứng,*
*Không phải do săn sóc,*
*Nuôi dưỡng lửa tế tự,*
*Không do nhiều khổ hạnh,*
*Để được chứng bất tử,*
*Không bùa chú tế tự,*
*Các tế đàn thời tiết,*
*Làm con người trong sạch,*
*Nếu nghi hoặc chưa đoạn.*

*Do sống hộ trì căn,*
*Với các căn nhiếp phục,*
*Vững trú trên Chánh pháp,*
*Thích chân trực, hiền hòa,*
*Vượt khỏi các tham ái,*
*Đoạn tận mọi khổ đau,*
*Bậc trí không nhiễm dính,*
*Điều được thấy, được nghe.(Sn 42)*

### *Tổ Sư và Pháp Môn Đóng Tuồng Câm*

Đạo của Phật chỉ có một. Tuy vậy, có nhiều người dựa hơi Phật để tạo ra tôn giáo mới. Sở dĩ đó là tôn giáo mới vì nó có mục đích, giáo lý, giới luật, sự tu tập, y, cách sống trái với đạo Phật. Phật dạy thực hành Phạm hạnh Giới Định Tuệ chứ không dạy làm trái lời Phật, bác bỏ kinh điển, phá giới, chia rẽ, tạo tông phái không hành đúng Giới Định Tuệ, không quy y Tăng Bảo là các bậc Arahant. Vì còn phàm phu vô minh, không quy y Tam Bảo nên họ mới tạo ra tông phái với kinh - luật, tri kiến trái lời Phật và gọi đó là *"phát triển đạo Phật"*, rồi xem ai học và hành đúng lời Phật là bảo thủ.

Và thiền tông là tông phái tự nhận *"có nguồn gốc"* từ việc *"Phật" "truyền y bát"* cho *"sơ tổ"* MahāKassapa là một vị Arahant và dần *"truyền"* đến Bồ-đề-đạt-ma. Bồ-đề-đạt-ma là người mặc y ngoại đạo tự nhận là *"tổ y bát"* và cũng là *"sơ tổ"* của thiền tông Tàu. Trong khi Phật tôn trọng biểu tượng, sự kỷ luật, đặt nhiều điều luật chi tiết về y, cách may và đắp y thì có nhiều người chấp y ngoại đạo tự nhận là đệ tử Phật.

Do sự *"truyền thừa"* đó không được đề cập trong kinh điển nên nó bị nghi ngờ về tính trung thực. Và để chứng minh *"tính chính thống của Thiền tông"*, trong tác phẩm *"Thiền gia quy giám"* của *"Đại sư Tây Sơn"*, *"cao tăng thiền phái"* Tào Khê Hàn Quốc đưa ra 3 sự kiện *"trong kinh điển"* thể hiện *"Phật" "truyền tâm ấn"* cho *"tổ"* Ma-ha-ca-diếp:[189]

[189] *Gương Thiền (Thiền Gia Quy Giám)*

i) Truyền *"mật giáo" "niêm hoa vi tiếu"*.

ii) *"Phật"* cho *"tổ"* Ma-ha-ca-diếp nửa tòa thuyết pháp.

iii) Đại chúng muốn trà tỳ nhục thân Đức Thế Tôn nhưng không được, đến khi ngài Ca-diếp đến bên quan tài thì tự nhiên quan tài mở ra, để lộ bàn chân của Thế Tôn.

Thế gian là luôn có những kẻ lừa dối và người bị dối gạt. Chân lý không dành cho tất cả mọi người mà chỉ dành cho ai biết suy xét và có lòng tin đúng chỗ. Do đó để biết sự thật, chân lý thì cần tìm hiểu, đối chiếu với kinh điển gốc.

***"Mật Giáo", "Niêm Hoa Vi Tiếu" và "Tổ Y Bát"?***

Trước khi diệt độ, khi được hỏi, Phật tuyên bố không có *"mật giáo"* gì,[190] sau khi Phật tịch diệt thì Pháp và Luật là Đạo Sư.[191] Vì Phật đã chỉ định Pháp và Luật là bậc Đạo Sư cũng như đệ tử thì thiếu trí và tỷ lệ kém trí ngày càng tăng, Giáo Pháp là hướng đến vô thường, các vị Thượng Thủ Thanh văn và Đại Thanh văn là chỉ có ở thời đức Phật nên đạo Phật không cần có đệ tử là *"tổ y bát"* làm rối bậc Đạo Sư. Đệ tử là đệ tử, đệ tử cần quy y Tam Bảo, đệ tử không phải là đức Bổn Sư. Không có đệ tử nào hơn bậc Đạo Sư, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Thực chất, *"tổ y bát"* là kết quả của sự bất tuân bậc Đạo Sư là Pháp và Luật, không quy y Tam Bảo.

---

190 *- Này Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi gì nữa ở Ta! Này Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp,* ***không có phân biệt trong ngoài*** *(mật giáo và không phải mật giáo), vì này Ananda, đối với các Pháp, Như Lai* ***không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay*** *(còn giữ lại một ít mật giáo). (D.16)*

191 *- Này Ananda,* ***Pháp và Luật****, Ta* ***đã giảng dạy và trình bày****, sau khi Ta diệt độ,* ***chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi****. (D.16)*

Và để một tổ chức tồn tại lâu dài, không chia rẽ thì cần minh bạch người kế vị. Vì đóng tuồng câm là *"pháp môn"* mờ ám, gây chia rẽ, bất lợi nên người trí không bao giờ làm.

Đạo Phật không có cái gọi là *"niêm hoa vi tiếu", "truyền tâm ấn"*, Phật cấm diễn kịch câm như ngoại đạo[192]. Lời cuối của Phật là *"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật" (D.16)*. Tuy vậy, các văn sĩ ưa tuồng câm đã chế ra lời Phật *"suốt 49 năm ta chưa nói lời nào"*. Trái với đạo Phật, thiền tông *"bất lập văn tự"*, chấp thủ sở đắc tham sân si, thiếu học, trực chỉ vô minh, chấp có đại ngã *"Phật tánh"*, không thấy biết thế gian 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã trong từng sát-na, không có trí ly tham, giác ngộ Niết-bàn.

Các văn sĩ không biết rằng khác với Phật Toàn Giác và Phật Độc Giác không cần thầy hay Pháp của ai, đệ tử Phật cần nghe Phật Pháp, đệ tử Phật được gọi là Thanh văn là vì nghe theo lời Phật, không phải vì theo *"pháp môn"* câm. Các văn sĩ cho Thanh văn ngang với bậc Toàn Giác, tạo ra *"sơ tổ"* là Arahant còn *"hậu tổ" "kiến tánh thành Phật"* phàm phu, mù 5 uẩn, không có Tam Minh, không biết quá khứ, vị lai, căn cơ chúng sinh. Vì người thiếu trí hay nói lời sai trái nên câm là *"pháp môn"* mà họ nên dùng. Do có *"pháp môn"* câm nên họ không liên can gì đến Thanh Văn đệ tử Phật.

---

[192] - *Này các tỳ khưu,* ***vì sao những kẻ rồ dại này lại thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bắt chước kẻ câm****. Này các tỳ khưu,* ***không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bắt chước kẻ câm****; vị nào thọ trì thì* ***phạm tội dukkaṭa****. (Vin.Mv.4)*

Trước Thế Tôn, đệ tử chỉ là học trò cần lời chỉ dạy. Nhờ ngài Mahā Kassapa hỏi Phật mà đệ tử Phật biết kẻ ngu là kẻ không tôn kính Tam Bảo, Giới, Định và gây mạt pháp.[40]

Và trừ lúc trả lời thỉnh mời theo cách *"im lặng đồng ý"*, với Toàn Giác Trí, đức Phật có đủ trí tuệ nói và trả lời đúng các sự thật kể cả đó là về pháp siêu thế Niết-bàn cho những ai *có trí hiểu*. Lời Phật là để nghe hiểu chứ không phải để thấy, nếu muốn thấy thì phải tu tập. Lời Phật *cần được hiểu đúng*, từ đó cần tu tập để giác ngộ thấy biết sự thật. Nói ra sự thật và biết sự thật đều không làm sự thật ấy thay đổi, biến chất.

Thật ra, câm chỉ có nghĩa không có khẩu nghiệp lời nói, câm không phải là cách để thanh tịnh hay chứng Niết-bàn. Thực tế, kẻ ngu cũng biết câm khi không biết sự thật là gì. Trong khi đệ tử Phật được gọi là *Thanh Văn* vì cần nghe theo lời Phật thì các tông phái hý luận ra *"pháp môn"* cho *"Phật"* đóng tuồng câm, tạo hình tượng, để họ nói lời giải *"tâm ấn"*.

***"Phật" Chia Một Nửa Tòa Thuyết Pháp?***

Thực tế, có rất nhiều y vải được cúng dường đến Phật. Và dĩ nhiên, Phật không dùng hết số y đó mà là đem cho đệ tử. Tuy vậy, tài vật là tài vật, tài vật không phải là đạo lý, và không có đạo lý đệ tử ngang hàng với bậc Thiên Nhân Sư.

Thật ra, tất cả Tỷ-kheo đều không có Nhất Thiết Trí, đều đảnh lễ Phật, đều là học trò, đều không bình đẳng với Phật. Người trí thì không tin chuyện Phật mời vị MahāKassapa ngồi chung pháp tọa lẫn chuyện vị ấy tự ý đến ngồi chung.

Đạo Phật là có Giới Luật, có quy củ, không phải đạo vô chấp kỷ luật như một số loài vật. Do đó, chỉ có những Tỷ-kheo đồng đẳng, cách dưới 3 năm mới được ngồi chung ghế.[193]

Và những ai chấp đại ngã *"Phật tánh"* mới là thật có, chấp *"chúng sinh bình đẳng"* thì cần sống thật với *"sự thật"* ấy, cần thể hiện sự bình đẳng ăn ngủ ngồi nằm với loài vật. Họ cần được xem như loài vật, có *"tánh biết"* như loài vật.

Thật ra, do thấy biết bản chất thế gian là tập hợp 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên đạo Phật bác bỏ *"các pháp vốn thanh tịnh, không sinh diệt"*, bác bỏ có đại ngã *"tánh biết"* thường còn quyết định sự vận động của thế gian. Trái lại, do mù 5 uẩn mà các tông phái và tôn giáo khác tưởng có đại ngã *"tánh biết"*, *"đại ngã Phạm Thiên"*...

Ngoài việc là một trong số nhiều đệ tử Arahant lục thông của Phật, ngài MahāKassapa còn là Đại Thanh văn Đệ nhất về hạnh đầu đà.[194] Khác với trì giới, thiền định và trí tuệ,[195] đầu đà không quyết định sự giác ngộ. Thực tế, Phật bác bỏ thỉnh cầu buộc chư Tăng có hạnh đầu đà ngụ trong rừng... của Devadatta.[196] Vì muốn tán dương hạnh tinh tấn, ít dục-biết đủ mà Phật đã cho phép hành một số khổ hạnh đầu đà.

---

[193] *Này các tỳ khưu, ta cho phép ngồi với vị khoảng cách ba năm (trở lại). (Vin.Cv.1)*

[194] *Trong các vị đệ tử... thuyết về hạnh đầu đà, tối thắng là MahāKassapa. (A.1.14.4)*

[195] *Trong các vị đệ tử... đại trí tuệ, tối thắng là Sāriputta.(A.1.14.2)*

*Trong các vị đệ tử... tu Thiền, tối thắng là Kaṅkhā Revata.(A.1.14.7)*

*Trong các vị đệ tử... trì Luật, tối thắng là Upāli.(A.1.14.10)*

[196] *Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng; (Vin.Vi.I)*

Vì *"tổ y bát", "mật giáo", "niêm hoa vi tiếu", "truyền tâm ấn",* đóng tuồng câm là sai pháp và luật, xuất phát từ sự phá giới, chia rẽ Tăng, không thật quy y Tam Bảo, không thực hành Phạm hạnh Giới Định Tuệ, chấp thủ tham sân si, đại ngã, không theo lời Phật dạy nên đó là đạo Phật tự nhận và các tổ có quyền tự nhận là đã *"minh tâm kiến tánh", "thành Phật"*. Thực chất, do không thực hành Thánh Đạo Tám Ngành nên họ không là đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ sa-môn.[197] Hơn nữa, vì mù 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Khổ Tập Đế, chưa giác ngộ Bốn Thánh Đế nên họ vẫn là còn vô minh.[198]

Thế gian là luôn có người thiếu trí. Vậy nên hành động của người thiếu trí không nhất thiết sẽ bị tất cả mọi người chỉ trích, trái lại, điều đó có thể được nhiều người hâm hộ. Kẻ thiếu trí không chỉ biết nói lời phi pháp mà còn biết câm và hành động điên đảo. Họ không biết có trí-ngu, không biết rằng trái ngược với người đời còn có sự điên đảo, mất trí. Tuy vậy, có nhiều người tôn thờ hình tượng dụng công gánh dép, không biết nói hay viết lời có ý nghĩa. *"Hắn có thể trông như một thằng ngu và nói như một thằng ngu, nhưng đừng để điều đó lừa bạn. Hắn thực sự là thằng ngu đấy." (Groucho Marx)*. Tuy vậy, trí-ngu là vô thường chỉ cách nhau một ý niệm, bỏ ngu chính là trí và cố chấp ngu là chí ngu.

---

[197] *Này Subhadda,* ***trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo****, thời ở đây* ***không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn****.(D.16)*

[198] *"Này các Tỷ-kheo,* ***thế nào là vô minh****? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết* ***Khổ****, không rõ biết* ***Khổ tập****, không rõ biết* ***Khổ diệt****, không rõ biết* ***Con đường đưa đến Khổ diệt****." (S.ii,2)*

***"Các Pháp Phi Nhân Duyên, Phi Tự Nhiên"***

Thực chất, chúng sinh và thế giới tồn tại và vận động do nhiều duyên, không có thứ gì vô duyên hay chỉ do một duyên quyết định sự tồn tại hay vận động.

Và con người thì hay nhìn thế gian theo sự thật chế định hợp thành. Họ thấy con người được tạo nên từ các bộ phận. Các bộ phận ấy *không phải là con người* mà là duyên tạo nên con người. Không ai gọi tim gan hay xác vô tri là con người. Họ gọi đó là người vì các duyên vật chất - ý thức nhất định.

Và sự sinh ở thế gian là sự xuất hiện quả từ nhiều duyên nhất định kết hợp, không phải sự đẻ từ duy nhất một duyên. Lý do phân biệt *duyên* là vì có vô số thứ không tạo ra quả ấy.

Ai cũng biết cha mẹ *là duyên sinh* con, không ai nói một mình cha hay mẹ sinh con. Ai cũng biết rằng dù có duyên cha mẹ thì cũng chưa chắc có con. Họ biết sự sinh cần nhiều duyên chứ không phải chỉ một duyên. Vì để giao tiếp thuận lợi, không dông dài nên họ mới nói cha/mẹ sinh con.

Thật ra, vì đó không phải là con người mà khi kết hợp lại thì tạo ra con người nên *đó được gọi là duyên*. Vì không phải cái gì cũng tạo nên con người nên mới có sự phân biệt duyên và vô duyên. Và những gì có tham gia mới được coi là duyên, không có mặt thì không phải duyên. Do không biết đến sự sinh từ nhiều duyên kết hợp và đứa con được sinh từ các duyên có ở nơi người mẹ, không phải ở nơi khác nên dòng Huyền Giác hô *"đứa con không phải do người mẹ sinh"*.

Dòng Huyền Giác có định nghĩa kỳ dị về sự sinh, thế gian không có kiểu sinh đó. Trong khi sự sinh ở thế gian là do nhiều duyên kết hợp thì nó xem sinh là ***sự đẻ từ một duyên***, *quả có trước và chui ra từ duyên ấy*. Từ đó, nó có thế giới quan điên đảo về sinh, có cái gọi là *"vô sinh", "từ vô sinh mà sanh"*.

Vì khi áp dụng định nghĩa sự sinh quái đản ấy cho từng duyên riêng rẽ thì không có sự sinh nên dòng Huyền Giác chế ra *"**phi nhân duyên sinh**"*.[199] Dùng từ *"duyên sinh"* với định nghĩa sự sinh quái dị ấy thì nó có cái gọi là: *"**khái niệm duyên sinh** hiểu đến đây chính thật là **vô sinh vô diệt**"*.[200] Nó không biết sự xuất hiện chuối trên buồng là sự sinh do các duyên kết hợp. Nó chỉ biết riêng lẻ, *không biết đến sự kết hợp*.

Từ định nghĩa ấy, dòng Huyền Giác đã hý luận ra đủ thứ *lẫn lộn điên đảo: "sinh không từ đâu sinh", "vô sinh, vô bất sinh", "từ vô sinh mà sanh"*, biến *sinh diệt do duyên* là *"vô sinh vô diệt"*.

Sau khi lẫn lộn, hý luận ra *"phi nhân duyên sinh"*, thấy *"phi nhân duyên sinh"* đồng nghĩa với sự sai trái là vô duyên, tự nhiên sinh, thì thay vì từ bỏ *"phi nhân duyên sinh"*, dòng Huyền Giác cố chấp cái sai, hý luận ra mệnh đề mâu thuẫn

---

[199] *Trên cây chuối có buồng chuối, **trước khi có buồng chuối** thì **trong** cây chuối không có buồng chuối, tìm ở các duyên để sinh ra buồng chuối, như **trong** đất, **trong** phân bón, **trong** nước, **trong** không khí, ánh sáng và gió trời, tất cả đều không có buồng chuối, vậy **buồng chuối không phải do nhân duyên sanh**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[200] *Vậy buồng chuối **có mặt là phi nhân duyên**, **phi tự nhiên**. Không phải chỉ có buồng chuối mà **vạn pháp đều như vậy**: **vô sinh**, **vô bất sinh**. Vì vậy khái niệm **duyên sinh** hiểu đến đây chính thật là **vô sinh vô diệt**. (LL1DT)*

*"Nhà Phật nói: **các pháp phi nhân duyên, phi tự nhiên**".*[201]

Do mất trí phân biệt nên dòng Huyền Giác một mặt hô *lý duyên khởi,*[202] mặt khác phủ nhận duyên khởi, hý luận ra cái gọi là *"các pháp phi nhân duyên"*. Nó không biết rằng đại ngã *"tánh biết"* là trái với lý duyên khởi, nghiệp báo.

Do không biết chuối sinh nơi nhiều nhân duyên kết hợp, chỉ biết có tồn tại chuối và chuối không sinh từ một duyên, nên dòng Huyền Giác nghĩ *chuối "sinh không từ đâu sinh"*. Nó chỉ biết riêng rẽ một duyên, dùng một duyên làm cơ sở ra kết luận đối nghịch với thế giới tồn tại và vận động do nhiều nhân duyên kết hợp.

Tuy có lúc biết nước không phải là chuối,[203] nhưng có lúc dòng Huyền Giác mất trí phân biệt chuối với nước, nó chấp nước là chuối, sau khi ăn, chuối không mất đi mà chuối là nước đi khắp nơi, không về một nơi, chuối là vô diệt: *"chuối không có chỗ để về"*.[204] Nó không biết *chuối sinh*

---

[201] *Nếu những quả chuối này **không phải do nhân duyên sanh thì đương nhiên là tự nhiên sanh**, nhưng trong thế giới vạn hữu, chưa có cái gì tự nhiên sanh. Vậy là, những **quả chuối này từ vô sinh mà sanh**. **Nhà Phật nói: các pháp phi nhân duyên, phi tự nhiên**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[202] *"Nói đến đạo Phật **không thể không nói đến lý duyên khởi**, nó là nguồn cội của sự sống, nguồn cội sự vận động của thế giới, là thành phần không thể thiếu của giáo lý Phật giáo." (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[203] *"**Quả chuối hiện diện là do vô lượng vô biên những yếu tố không phải chuối mà có**, nó **không xuất phát từ một nơi nào**". (LL1DT)*

[204] *"Nếu bạn **ăn quả chuối vào trong bụng**, bạn thử coi **nó sẽ đi về đâu**, **nó là những đám hơi nước bốc lên trời**, nó **là những đám mây**, vậy trái chuối đi về đâu? Trái chuối **không có chỗ để về**. **Vạn pháp như lai**." (LL1DT)*

*diệt do duyên*, không biết rằng sau khi ăn chuối thì chuối diệt, chuối duyên sinh ra phân chứ *chuối không phải là nước hay phân*.

Do không biết phôi chỉ là sắc uẩn, không biết con người là 5 uẩn nên dòng Huyền Giác không biết khoảnh khắc xuất hiện 5 uẩn là sự sinh của con người.[205] Nó không biết ***sự sinh do nhiều duyên kết hợp***, thiếu duyên thì không sinh, không phải cứ có sắc trứng, tinh trùng vô tri thì có sự sinh.

Do thiếu học, không biết đến *sinh tử do các duyên hợp tan*, không biết con người là pháp vô ngã *tồn tại do duyên tập hợp 5 uẩn*, không biết xác chết chỉ là sắc uẩn không phải 5 uẩn nên dòng Huyền Giác không biết sự tan rã 5 uẩn là sự chết. Do *"trực chỉ vô minh"*, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, nên nó không thấy biết sự xuất hiện và tan biến 5 uẩn, không biết có sinh tử và khoảnh khắc sinh tử.[206]

---

[205] *Thiền tông cho rằng không có sinh tử, nếu có sinh thì phải có tử, nhưng với một con người, thì **sự sinh bắt đầu từ đâu**? Nếu tính từ khi ra khỏi bụng mẹ thì không đúng, vậy trước đó thì sao?, khi thai nhi nằm trong bụng mẹ đã là một cơ thể sống, vậy cơ thể sống này được sinh từ khi nào? nếu tính từ cái đêm cha mẹ ăn nằm với nhau cũng không đúng, nếu không có trứng và tinh trùng. Trứng và tinh trùng cũng là một thực thể sống và vận động, trước trứng và tinh trùng là cái gì? là cơm gạo, là nước, là ánh sáng, là gió trời, v.v... Vậy thời điểm sinh là thời điểm nào? Thời điểm sinh không xác định thì thời điểm tử cũng không xác định, **nên nói không có sinh tử**.(LL1DT)*

[206] *"Này các Tỷ kheo, **thế nào là sanh**? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, **sự xuất hiện các uẩn**, sự hoạch đắc các căn.*

*Này các Tỷ kheo, **thế nào là chết**? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng*

Như kẻ mất trí nghĩ phân là chuối, dòng Huyền Giác không phân biệt 5 uẩn với 1 uẩn, nó chấp con người bất tử, sau khi tắt thở thì con người 5 uẩn là sắc nước... đi khắp nơi, không về một nơi: *"không có chỗ để về. Vạn pháp như lai"*.

Không chỉ mất trí phân biệt *chuối với nước*, một duyên với nhiều duyên, 5 uẩn với 1 uẩn, dòng Huyền Giác còn mất trí phân biệt quá khứ-hiện tại, duyên-vô duyên, không gian và thời gian, không biết rằng quả xuất hiện là do những duyên ***có mặt ở hiện tại***, *không phải ở quá khứ, vị lai*. Duyên quá khứ đã làm xong phận sự cho quả ở quá khứ, duyên quá khứ không có vai trò cho quả ở hiện tại, ông bà sinh ra cha mẹ chứ ông bà không sinh ra cháu.

Do không biết đến sự sinh do các duyên có mặt kết hợp, không biết có duyên và vô duyên, ngỡ cục gạch quá khứ cũng sinh ra tổ nên dòng Huyền Giác hý luận về cái gọi là toàn pháp tái sinh.[207]

Vì không biết có *duyên và vô duyên*, không biết chuối sinh do duyên, không biết có vô số thứ vừa không phải là chuối vừa không phải là duyên sinh chuối như lửa, sắt... nên dòng Huyền Giác hý luận rằng *"Quả chuối hiện diện là do vô lượng vô biên những yếu tố không phải chuối mà có" (LL1DT)*.

---

*giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, **các uẩn đã tận diệt**, sự vất bỏ tử thi." (D.22)*

[207] *Vô ngã nên toàn pháp tái sanh, chúng sanh tái sanh, toàn pháp luân hồi. Một bông hoa nở là bởi toàn thể pháp giới trùng trùng duyên khởi để cho một bông hoa nở, một hạt bụi trần bay lên, cả địa cầu thâu nhận.(LL1DT)*

Ví như việc trộn cát vào cơm, cũng vậy, các tông phái đã tạo ra các tư tưởng trái với lời Phật và gọi đó là *"Phật Pháp"*. Cụ thể, dòng Huyền Giác cho *"tánh không"* vào đạo Phật.[208]

Thực tế, chẳng có cái gọi là *"tánh không"* trong toàn bộ kinh điển do chư Thánh Tăng Arahant kết tập. Thực chất, nguồn cội của *"tánh không"* là đến từ các tông phái.

Kinh điển chỉ có *"không tánh"*[209] nghĩa là không có cái tánh ngã, kinh điển bác bỏ các thứ ngã như *"tánh không"*. Chính các văn sĩ là đấng sáng tạo của cái gọi là *"tánh không"*.

Hô hào vô ngã, dòng Huyền Giác biến thế giới vận động do các duyên vô ngã thành thế giới có đại ngã *"tánh không"* là nguồn cội, quyết định sự vận động của thế giới.[210]

Do thiếu học, dù ở trong thế giới của các duyên nhưng dòng Huyền Giác không biết gì ngoài đại ngã *"tánh không"*,

---

[208] *Phật thuyết pháp càng **ngày càng thâm sâu**, **đến tột cùng Phật giảng vi diệu pháp ở cỏi trời Đao lợi**. **"Tánh không" là một trong những đỉnh cao của giáo lý Phật giáo**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[209] *Và **cái gì không có mặt ở đây**, vị ấy xem **cái ấy là không có**. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "**Cái kia có, cái này có**". Như vậy, này Ananda, **cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo**, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, **không tánh**. (M.121)*

[210] *"**tánh không**" là vô cùng thâm sâu, là đỉnh cao của giáo lý Phật giáo, để **giải thích nguồn gốc diễn ra thế giới vạn hữu, nguồn gốc diễn ra quy luật vận động của thế giới vạn hữu, nguồn gốc của tham, sân, si**, mạn nghi tà kiến, nguồn gốc của ai, lạc, hỉ, nộ, ái, ố, dục. Do đâu mà con người bị lôi cuốn vào những biến động mà con người không mong muốn. (LL1DT)*

không biết Phật đã chỉ duyên sinh tham sân si[211] lẫn duyên khiến tham sân si không sinh.[212] Tất cả đều chẳng liên can gì đến cái gọi là *"cội nguồn" "tánh không" "thâm sâu", "đỉnh cao"*.

Ví như Ngô Thừa Ân có thể lý giải mọi thứ trong thế giới Tây Du Ký của mình, cũng vậy, các văn sĩ có thể giải thích mọi điều trên thế gian, cội nguồn của thế gian bằng hý luận dựa trên đại ngã *"tánh không"* thường còn.

Ví như có người mê Tây Du Ký nhưng ghét Phong Thần và ngược lại, cũng vậy, có những kẻ ưa thích thế giới quan tham sân si chấp ngã của tôn giáo này hơn tôn giáo kia.

Sự thật là sự thật, cũng như 1+1=2, chân lý Bốn Thánh Đế không tùy thuộc thời gian. Và chân lý Bốn Thánh Đế là sự bác bỏ *"tánh không"*, thứ ảo tưởng có vai trò là đại ngã thường còn quyết định sự tồn tại và vận động của thế gian.

---

[211] *Tịnh tướng và không như lý tác ý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tham sanh khởi.*

*Chướng ngại tướng và không như lý tác ý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến sân sanh khởi.*

*Tiếng nói của người khác và không như lý tác ý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi. (A.2.11.7)*

[212] *Tướng bất tịnh, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, thời dục tham chưa sanh không sanh khởi, hay dục tham đã sanh được đoạn tận.*

*Từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, thời sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận.*

*Nếu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận.*

*Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi, hay chánh kiến đã sanh được tăng trưởng. (Tăng Chi-Phẩm Đoạn Triền Cái)*

## *"Mở Miệng là Sai"*

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác luôn có sự lẫn lộn, tự mâu thuẫn. Nó hay hý luận về *"thể tánh", "Phật tánh", "tánh không"*, rồi nhận sai khi hý luận về chúng.[213]

Trong khi đức Phật dạy *"tất cả pháp vô ngã" (PC.279)*, thì một mặt dòng Huyền Giác chấp nhận *"Phật đã khẳng định: Vạn pháp vô ngã" (LL1DT)*, mặt khác nó chấp cái ảo tưởng *"thể tánh"* là *"thật có"* rồi hô không biết đó là ngã hay vô ngã. Thật ra, cái *"thể tánh"...* đó có tính chất là đại ngã thường còn dù cho nó không xem đó là ngã. Thực chất, tri kiến đó là một trong các cánh cửa mở ra không gian tà kiến rộng lớn.

Ví như người thiếu trí biết cách làm những điều sai trái, cũng vậy, dòng Huyền Giác dù biết nói về *"thể tánh"* là sai thì nó vẫn không ngừng hý luận về *"thể tánh"*.

Trong khi ưa *hý luận, phiêu lưu* với cái *"thể tánh"* ảo tưởng, ưa tuồng câm, *sự sống lại, gánh dép về quê* của Bồ-đề-đạt-ma, điên đảo thấy chuối là nước, tổ bất tử, bác bỏ sinh-tử do các duyên hợp tan, đối nghịch trí tuệ con người và đạo Phật thì dòng Huyền Giác tự tâng bốc *"Thiền tông **không chủ trương phiêu lưu trong sự tưởng tượng**, thiền tông chỉ trình bày những gì mà **trí tuệ con người nhận thức được**, thiền tông không nói những chuyện huyền hoặc hay truyền thuyết"(LL1DT)*.

---

[213] *"**thể tánh, phật tánh, tánh không**, không thể nói nó là cái gì, **vì mở miệng thì đã sai rồi**, thì làm sao có thể luận về nó là có ngã hay vô ngã." (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Và ngôn ngữ là dùng để diễn đạt các ý niệm, tính chất của đối tượng, không phải để trải nghiệm đối tượng ấy, không thể tả vị ngọt cho kẻ *chưa từng nếm vị ngọt*, ngoại trừ nói ngọt không phải là đắng, chua, cay, mặn, chát, lợ, vô vị.

Thực tế, lời Phật dạy là để biết đúng sự thật chứ không phải trải nghiệm các sự thật mà Phật nói. Muốn thấy biết, trải nghiệm các sự thật ấy thì phải thực hành và giác ngộ. Không ai dùng ngôn ngữ để có được trải nghiệm Niết-bàn. Ngôn ngữ chỉ có thể nói về tính chất của Niết-bàn, do vậy mà đức Phật có thể nói lời chân thật về Niết-bàn.

Và Phật có dư trí tuệ nói lên sự thật về pháp hiệp thế lẫn pháp siêu thế Niết-bàn. Lời Phật dạy và sự hiểu biết đúng của đệ tử không làm sự thật thay đổi tính chất khiến đệ tử không thể giác ngộ. Lời Phật dạy giúp các đệ tử đóng khung trong trí tuệ, có trí nhận biết sự thật, phát hiện ra tà kiến. Nhờ đức Phật dạy Niết-bàn là pháp xuất thế gian, không có sinh diệt, vô sở duyên,[184] không y cứ 5 uẩn mà đệ tử Phật bác bỏ *"sinh tử tức Niết-bàn"* lẫn cái *"tánh biết"* y cứ 5 uẩn mà lại còn *"tánh biết và Niết bàn đồng nghĩa" (LL1DT)*. Ở đây, dòng Huyền Giác tưởng có *"tánh biết"* thường còn gắn chặt với sự hiện hữu 5 uẩn là Niết-bàn, pháp xuất thế gian 5 uẩn.

Do thiếu học, không biết Niết-bàn là gì, không biết điều Phật dạy về Niết-bàn,[184] do chỉ có thể nói sai Niết-bàn nên dòng Huyền Giác còn cho rằng *"khi mở miệng để nói Niết bàn thì đã sai rồi" (LL1DT)*. Điều này là đúng với riêng nó.

### *"Tánh Biết"*

Thực tế, trong khi các hiện tượng vật chất vận động theo quy luật tự nhiên thì người tiền sử ảo tưởng là có thần linh đứng sau các hiện tượng tự nhiên, từ đó họ tạo ra *thần sấm*... Nigantha thì ảo tưởng có *"linh hồn"* đằng sau sự vận động của chúng sinh, vạn vật. Dòng Huyền Giác thì có mô hình *"thể-tướng-dụng"*, với *"thể tánh"* là thứ có vai trò là *linh hồn, đại ngã, nguồn cội đằng sau sự vận động* của *chúng sinh, sự vật*. Nó *nhân cách hóa, cho sự vật "biết"* trong khi đó là hành động chỉ có ở ý thức, không có ở vật chất. Nó chấp vật chất vô tri như con người, chấp tổ vô sinh bất diệt, sau khi tắt thở, tổ là nước đi khắp nơi. Thực chất, thần sấm, linh hồn, thể tánh... là thứ có vai trò lý giải thế giới theo sự vô minh, mù 5 uẩn.

Và biết đọc là do có duyên quá trình học, không học thì không biết. Tuy vậy, dòng Huyền Giác tưởng có cái ngã *"tánh biết" quyết định mọi sự vận động, "như nhiên mà diễn"*,[214] nhân quả liền kề, *biết đọc tự nhiên có, không do duyên học*. Nó không biết là khác với vật chất vô tri vận động theo quy luật nhất định, ý thức có sự nhớ, tư duy, lựa chọn hành động. Vì chấp tất cả là do đại ngã *"tánh biết"* quyết định sự vận động *"như nhiên mà diễn"*, nó bác bỏ có tốt-xấu, đúng-sai, thiện-ác.

---

[214] ***"Tánh biết" và Niết bàn đồng nghĩa, vì như pháp mà tánh biết hiện diễn. Với "tánh biết", không có cái gì là tốt-xấu, đúng-sai, thiện-ác.*** *Mọi* ***phẩm cách tốt xấu thiện ác, là do con người chấp thủ sự dụng*** *tùy theo nghiệp cảm mà gán đặt, "tánh biết" chỉ như pháp yên nhiên* ***như nhiên mà diễn****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Thật ra, nhờ có học mà có biết đọc, không học thì không biết đọc, không cần tưởng có cái ngã quyết định sự biết đọc. Và khác với vật chất vô tri chỉ vận động theo duyên hiện tại, ý thức là có khả năng liên hệ đến các duyên quá khứ, tư duy nhờ duyên quá khứ. Không có duyên ý thức quá khứ học thì không biết đọc. ***Quá khứ không phải là hiện tại***. Không có cái gọi là thất học *"hiện diễn"* sự đọc. Chỉ có các duyên và quy luật tự nhiên quyết định sự vận động. Không cần tưởng có *"tánh biết" "thường còn" "như nhiên mà diễn"* khi bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na.

Thật ra, ý thức biết 1+1=2 có được là do duyên ý thức học ở quá khứ và các duyên hiện tại. Đó là *kết quả do các duyên*, không cần tưởng có đại ngã *"tánh biết" "hiện diễn ra cái biết"* ở hiện tại. Quá khứ do duyên và hiện tại cũng do duyên, không cần tưởng có đại ngã *"tánh biết" "hiện diễn"* ra cái gì.

Thực chất, cái gọi là *"Phật tánh", "tánh giác"...* là vô nghĩa, vô dụng, chẳng có gì ngoài giá trị ảo tưởng. Cái *"tánh giác"* chẳng thể *"giác"* hay làm gì nếu không có duyên. Do duyên học chữ mà có biết đọc, không có *"tánh biết"* nào có quyền quyết định kẻ mù chữ biết đọc. Do ba-la-mật, duyên rèn trí thấy biết, ly tham mà có sự diệt tận tham, giác ngộ Niết-bàn, không có *"tánh biết"* nào *"như nhiên mà diễn"* không tu mà giác ngộ. Cái *"tánh biết thường còn" "hiện diễn tất cả pháp"*,[215] thực chất là thứ ảo tưởng, có giá trị ảo tưởng.

[215] *Tánh biết hiện diễn tất cả các pháp mà cũng chính là các pháp đó.(LL1DT)*

Dòng Huyền Giác chỉ biết sự vận động như vật chất, dựa trên hiện tại, không biết đến quá khứ. Nó có thế giới quan là mô hình *"thể-tướng-dụng"*, với sự *"hiện diễn"* của *"tánh thể"*, Nó bất cần ba-la-mật *tu tập trí thấy biết, ly tham*. Nó dựa vào cái nhìn vô minh *"tự nhiên đại ngộ" "Niết-bàn"*, diệt tận tham.

Và dòng Huyền Giác có hý luận *"ngộ" "tánh biết"* giả tưởng là không còn lậu hoặc.[216] Thật ra, giác ngộ Tứ Diệu Đế mới là cách đoạn tận lậu hoặc.[217] Vì Bốn Thánh Đế là vô ngã nên không có liên can gì đến đại ngã *"tánh biết"* giả tưởng.

Tất cả gỗ đều cháy trong lửa *không có nghĩa là* ai cũng biết 1+1=2. Do đó, đừng ảo tưởng có đại ngã *"tánh biết", "bản thể"... "hiện diễn"*, quyết định sự vận động. Do bởi không thấy biết bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na mà các tôn giáo tưởng có cái ngã *"linh hồn", "tánh biết", "bản thể"...* thường còn đằng sau sự hiện hữu.

---

[216] ***Người đắc thánh chính là người ngộ được "tánh biết", là người không còn lậu hoặc**, đức Phật dạy: "Này các tỳ kheo! Ta nói **có sự đoạn trừ các lậu hoặc với người biết và thấy, chứ không phải với người không biết và không thấy**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[217] *Này các Tỷ-kheo, Ta **thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy**. Và này các Tỷ-kheo, **cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?***

*Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ tập"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là khổ diệt"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, **cho người biết, cho người thấy, "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt"**, là sự diệt tận các lậu hoặc. (It. 103)*

Và con người hơn vật chất vô tri ở chỗ là có ý thức. Ý thức là phần không thể tách rời của con người. Con người theo đạo Phật là vì ý thức biết đúng sự thật, vì lợi ích lâu dài. Họ theo Phật không phải để vô tri như vật chất hay ngu ác như loài vật. Và đại ngã *"tánh biết"* thì chỉ như vật chất vô tri *"không có cái gì là tốt-xấu, đúng-sai, thiện-ác" (LL1DT)*.

Với cái *"tánh biết"* mới là *"thật có"*, dòng Huyền Giác thấy đá tổ là do *"tánh biết hiện diễn"*, không phải do ác ý, ai thấy ác là do có ý thức khác loài vật và vật chất vô tri.

Nhờ mất trí phân biệt kiểu sau khi ăn thì chuối là phân mà có những người chấp có *"tánh biết" thường còn, "tánh biết"* mùi của chuối là một với *"tánh biết"* mùi của phân. Hơn nữa, do chấp đại ngã *"tánh biết"*, họ đề cao bình đẳng, phản đối phân biệt trí-ngu, thiện-ác, lẫn khen thiện, chê ác. Tuy vậy, họ có đủ tham sân si để không chịu bị làm ác. Do đó, họ có tiêu chuẩn kép, tuy phản đối chê trách kẻ ác nhưng họ sẽ không bỏ qua mà đánh những kẻ cướp vào nhà mình.

Những ai chấp có đại ngã *"tánh biết"*... thì đều nghĩ rằng mọi hành động của chúng sinh đều do *"tánh biết như nhiên mà diễn"*. Họ không biết đến ý thức học tập, kinh nghiệm quá khứ; không biết gốc rễ của hành động là các tâm tham, sân, si hoặc vô tham, vô sân, vô si; không biết tất cả tâm ấy đều do duyên sinh, do duyên học tập, kinh nghiệm quá khứ và sự khéo hay không khéo tác ý ở hiện tại. Do ảo tưởng có đại ngã *"tánh biết"* là nguồn cội của mọi hành động nên họ

thấy hành động của kẻ ác là tất yếu. Do đó, thay vì từ bi với nạn nhân, chê kẻ ác thì họ có thể *"từ bi"*, *"tỏ ra thấu đáo"*, xem kẻ ác là vô tội và đổ thừa *"tánh biết như nhiên mà diễn"* theo hoàn cảnh khách quan. Vì không phải là nạn nhân nên họ có thể kêu gọi tha lỗi, đừng trách IS, dù IS giết nhiều người, bất kể IS không thấy có tội, chả xin lỗi và chả cần ai tha lỗi. Họ không biết rằng trước cùng một hoàn cảnh, ý thiện và ác là có thể tráo đổi, không có cái gọi là *"như nhiên mà diễn"*.

| | |
|---|---|
| *Ý dẫn đầu các pháp,* | *Ý dẫn đầu các pháp,* |
| *Ý làm chủ, ý tạo;* | *Ý làm chủ, ý tạo,* |
| *Nếu với ý ô nhiễm,* | *Nếu với ý thanh tịnh,* |
| *Nói lên hay hành động,* | *Nói lên hay hành động,* |
| *Khổ não bước theo sau,* | *An lạc bước theo sau,* |
| *Như xe, chân vật kéo.(PC 1)* | *Như bóng, không rời hình.(PC 2)* |

Thật ra, thế gian không chỉ có vật chất mà còn có ý thức, cả hai là có tính chất khác nhau. Vật chất vô tri có thể duyên sinh ý thức nhưng nó không đồng đẳng với ý thức. Vật chất không có trí nhớ, không biết suy tư dựa trên duyên quá khứ và hiện tại mà chỉ có thể vận động theo các duyên hiện tại *theo quy luật tự nhiên nhất định*. Ý thức có khả năng nhớ biết, suy tư dựa trên kinh nghiệm quá khứ và duyên hiện tại. Hơn thế, ý thức còn duyên sinh ra sắc do tâm sinh nhờ đó mà có sự vận động của thân vật chất. Vì có khả năng suy nghĩ đúng/sai sự thật, lựa chọn hành động mà ý thức như ông chủ trí/ngu điều khiển cỗ máy thân vật chất vô tri.

Khác với vật chất vô tri, con người là có hành động nhờ duyên ý thức học tập, kinh nghiệm ở quá khứ. Do đó, đừng ảo tưởng có cái ngã hiện diễn hay có thứ hiện thực vật chất khách quan *quyết định sự vận động* của con người ở hiện tại.

Thật ra, nhờ có duyên học toán mà biết 1+1=2, không có duyên học toán thì không biết 1+1=2, không cần ảo tưởng có *"tánh biết" "hiện diễn"* ra sự biết 1+1=2, không cần ảo tưởng có *"hạt giống"* hay *"tiềm năng biết làm toán"* hay cái gọi là *"Toán tánh"* quyết định sự biết làm toán.

Phật chỉ rõ là do đi theo đạo lộ cũ là Đạo Đế *như chư Phật quá khứ*[87] mà *giác ngộ Tứ Diệu Đế, thành Phật*.[86] Do duyên tu Đạo Đế thì có duyên giác ngộ thành Phật, không có duyên tu Đạo Đế thì *không giác ngộ thành Phật*, không cần tưởng ra *"hạt giống"* hay *"tiềm năng giác ngộ"*, hay cái ngã, *"Phật tánh", "tánh giác"*, thứ nằm ngoài quy luật nhân quả, thứ không có nguồn cội, quyết định sự giác ngộ. Thực chất, chỉ có nghiệp tu tập Đạo Đế cùng với nghiệp lực quyết định quả giác ngộ. Nghiệp lực là mối liên kết giữa nghiệp thức đã diệt quá khứ và quả sinh sau đó, không cần ảo tưởng có cái ngã, *"dấu ấn"*, nguồn cội nào khác quyết định ra quả. Ảo tưởng có đại ngã *"Phật tánh"*[218] là tà kiến đi đến khổ, không đưa đến độ người. *"Phật tánh"*, *"tiềm năng giác ngộ"* đều là sự ảo tưởng. Không thể kiến *"Phật tánh", "giác ngộ" "tiềm năng giác ngộ"*. *"Giác ngộ"* và *"tiềm năng giác ngộ"* là hai thứ không thể cùng lúc có mặt.

[218] *Người dứt sạch phiền não vừa **thấy rõ Phật tánh**, đây được gọi Đại Niết bàn. Đại Niết bàn đầy đủ bốn đức **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh**. (truyện Đại Bát Niết Bàn)*

### *Không Thành Có và Có Thành Không*

Những gì có tồn tại thì cần được xem là có, bất kể chúng vô thường hay do duyên sinh.[209] Vô thường nghĩa là không thường còn. Vô ngã là không có quyền quyết định sự tồn tại. Vô thường và vô ngã không có nghĩa là giả dối, không có. Do bị sinh tử do duyên, không làm chủ sự tồn tại nên ông bà sơ vô thường vô ngã, là không còn chứ không phải là không có.

Thay vì ý thức sự thật là có pháp vô ngã, có duyên sinh tử, duyên phiền não, thoát khỏi ngã tưởng thì dòng Huyền Giác không từ bỏ chấp ngã mà chấp chỉ có ngã mới là thật có còn vô ngã là không thật có, chỉ có ngã mới sinh tử, phiền não, giác ngộ, coi vô ngã là không có sinh tử, phiền não, giác ngộ. Do chấp ngã nên nó nghĩ không có ngã là không còn gì cả. Nó không biết có pháp vô ngã và sinh tử của pháp vô ngã.[219] Vì không biết có pháp vô ngã nên nó biến *CÓ thành KHÔNG*. *Pháp môn đá đít* sẽ giúp thức tỉnh kẻ ngủ mê trong ảo tưởng.

Trong khi Phật giác ngộ *"Tất cả pháp vô ngã" (PC.279)* thì dòng Huyền Giác ảo tưởng CÓ đại ngã *"tánh thể"* quyết định sự tồn tại và vận động của thế gian, biến KHÔNG thành CÓ. Vì chấp có đại ngã thường còn nên nó bác bỏ sinh tử.

---

[219] *Khi chưa học Phật, phản ứng của thân vật lý này như thế nào thì sau khi học Phật rồi, phản ứng của thân vật lý này cũng vẫn thế, điều khác nhau căn bản của người đã giác ngộ giải thoát với người phàm là ở nhận thức, người giác ngộ thì* ***không còn lầm tưởng rằng thực có ta, thực có phiền não, thực có sanh tử để ta xa lìa, thực có niết bàn để ta chứng đắc****, chỉ vậy thôi. Tất cả lầm nhận nầy vì không biết rõ đường đi nẽo về của ý thức thêu dệt ra. (LL1DT)*

### *"A-lại-da Thức"*

Thực tế, vì vô minh, nhiều người chế ra nhiều điều lý giải về thế giới, các hiện tượng trong thế giới theo quan điểm suy diễn của họ. Nhờ đó mà thế gian có cái gọi là thần linh, linh hồn, đại ngã phạm thiên... Nigantha chế ra linh hồn, là những thực thể bất diệt, có trong con người, loài vật, cây cỏ. Với Sikh, linh hồn hay tự ngã của mỗi người là thành phần của linh hồn vũ trụ vĩnh hằng, của Thượng đế. Với Ấn giáo, linh hồn hay bản ngã, tự ngã là trường tồn, hòa đồng được với Đại ngã Phạm thiên. Và các tông phái thì tạo ra đại ngã là *"a-lại-da thức"*, thứ là *"thức căn bản của mọi hiện tượng", "gốc rễ của các pháp", "là hạt giống có khả năng ngậm chứa và sinh trưởng muôn vật"*. Tuy hô hào vô ngã, bác bỏ chấp ngã nhưng họ lại tạo ra *"a-lại-da thức"* có vai trò là một đại ngã.

Và Bốn Thánh Đế được Phật giác ngộ là bao gồm toàn bộ pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Từ đó, Phật dạy *"tất cả pháp vô ngã"(PC279)*. Năm uẩn Khổ Đế, *trong đó có thức uẩn,* tạo ra thế gian, tất cả đều là sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na, không có *thức thường còn* nào chứa hạt giống nghiệp. Phật không dạy có cái *"a-lại-da thức"*. Đạo Phật bác bỏ có cái đại ngã *"a-lại-da thức"* thường còn là *"gốc rễ của các pháp"*.[220]

---

[220] *- Với những bộ môn này, phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo,* ***sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường****. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã.* ***Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã****". (M.35)*

Và đức Phật dạy có 6 loại thức, tùy theo duyên mà có loại thức ấy.[221] Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. *"A-lại-da thức"* là thứ do sáng tác mà có.

Thời đức Phật, trong Tăng chúng từng có một Tỷ-kheo có tà kiến, ảo tưởng có cái thức thường còn, phi duyên sinh: *"có một cái thức dong duỗi nơi này, nơi kia, cảm thọ, thọ lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác".*[222] Do vậy mà Phật nhắc lại thức là do duyên sinh. Sau đó, Phật gọi kẻ có tà kiến ấy là *"kẻ mê mờ", "xuyên tạc", "tự chấp thủ sai lạc",* và tà kiến đó sẽ đưa vị ấy *"đến bất hạnh và đau khổ lâu dài".*[223]

---

[221] *Này các Tỷ-kheo,* ***do duyên mà thức sanh****, và* ***thức ấy có tên tùy theo duyên ấy****.* ***Do duyên mắt và các sắc, thức sanh****, và thức ấy có tên là nhãn thức.* ***Do duyên tai và các tiếng, thức sanh****, và thức ấy có tên là nhĩ thức.* ***Do duyên mũi và các mùi, thức sanh****, và thức ấy có tên là tỷ thức.* ***Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh****, và thức ấy có tên là thiệt thức.* ***Do duyên thân và các xúc, thức sanh*** *và thức ấy có tên là thân thức.* ***Do duyên ý và các pháp, thức sanh****, và thức ấy có tên là ý thức. (M.38)*

[222] *- Này Sati,* ***có thật chăng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau****: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì* ***thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác****"?*

*- Thật sư là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng,* ***thì thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác****.*

*- Này Sati, thế nào là thức ấy?*

*- Bạch Thế Tôn,* ***chính thức ấy nói cảm thọ, thọ lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác****. (M.38)*

[223] *- Này* ***kẻ mê mờ*** *kia, vì ai mà ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Này kẻ mê mờ kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là* ***thức do duyên khởi, không có duyên, thì thức không hiện khởi****? Và này kẻ mê mờ kia,* ***không những ông xuyên tạc Ta, vì ông đã tự chấp thủ sai lạc, ông còn tự phá hoại ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho ông****. (M.38)*

Và khác với vật chất vô tri có nhân quả liền kề, ý thức là có thể nhớ quá khứ, nghiệp thức là cho quả với cách đoạn thời gian. Nghiệp lực là cầu nối giữa nghiệp và quả. Và duyên chỉ là duyên, nghiệp thức là nhân sinh quả.

Khác với vật chất *chỉ có tác động ở hiện tại*, tâm có thể bắt đối tượng ở quá khứ, vị lai. Lại nữa, nghiệp thức sau khi diệt thì để lại sức mạnh,tức nghiệp lực,truyền đi trong dòng tâm sinh diệt sau đó. Nghiệp lực tồn tại cho tới khi gặp duyên cho quả hoặc tới khi 5 uẩn tịch diệt Niết-bàn, tức không có cái *"a-lại-da thức" "thường còn" "chứa" "hạt giống nghiệp"*. Và nghiệp lực là liên kết giữa tâm nghiệp là nhân quá khứ đã diệt và tâm quả sinh lên thời gian sau đó. Khi đủ duyên, nghiệp lực tạo quả, nghiệp lực ấy mất đi cùng với sự ra quả. Nghiệp lực sinh ra bởi nghiệp thức là khác nhau, tùy vào sức mạnh của nghiệp thức và đối tượng của nghiệp thức.

Ví như thiên nhãn thông tạo ra sắc do tâm sinh giúp thấy liền tức thì, không có độ trễ các thế giới hệ xa gần, cũng vậy, nghiệp lực là sức mạnh tâm nghiệp, *không phải lực vật chất*, không gian xa hay gần không ảnh hưởng đến nghiệp lực. Tùy nghiệp là thiện hay ác mà tái sinh ở cõi lành hay dữ, bất kể xa gần. Ví như dầu thì nổi, đá thì chìm, cũng vậy, nghiệp thiện cho quả lành, còn nghiệp ác cho quả khổ. Nghiệp và duyên quyết định quả là thức tái sinh và sắc do nghiệp sinh tức thời sinh ở nơi nào. Có bốn dạng sinh là *thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh*. Sự hóa sinh, sinh ra *tức thì có thân thể đầy đủ*, không có cha mẹ là phổ biến nhất.

Thực chất, 5 uẩn sinh diệt rất nhanh, không tồn tại lâu để có thể đi chỗ này chỗ kia. Do đó, chỉ có *"thức tái sinh"* mà không có cái gọi là *"thức đi tái sinh"*.

Mọi thức đều do duyên sinh, đều sinh diệt trong sát-na. Sở dĩ thức tái sinh có tên như vậy là để phân biệt đó là thức đầu tiên của sự sinh lên 5 uẩn kiếp sống mới. Ai thực hành thiền tuệ quán duyên khởi đều thấy biết thức tái sinh.

Như sữa duyên sinh ra bơ chứ *sữa không phải là bơ*, 5 uẩn sát-na trước *duyên sinh ra* 5 uẩn sát-na sau chứ 5 uẩn sát-na trước không phải 5 uẩn sát-na sau, cũng như 5 uẩn sát-na trước *không cùng tồn tại* với 5 uẩn sát-na sau. Đừng ảo tưởng có cái ngã *"tánh biết" "thường còn"* của 5 uẩn vô thường.

Tóm lại, chỉ có nghiệp lực truyền theo dòng tâm liên tục sinh diệt, không có cái gọi là *"a-lại-da thức"* thường còn chứa *"hạt giống nghiệp"*. Chỉ có thức tái sinh tức thời sinh diệt mà không có cái thức nào đi chỗ này, chỗ kia tìm chỗ tái sinh. Chính nghiệp chứ không phải đấng sáng tạo, thượng đế hay *"a-lại-da thức"* nào là cội nguồn chúng sinh.[224] Khổ Tập Đế, 12 nhân duyên là vòng tròn khép kín tồn tại nhờ vô minh, tham ái, đó không phải là đường xoắn có điểm bắt đầu.[225]

---

[224] - *Này Thanh niên, các loài hữu tình là **chủ nhân của nghiệp**, là **thừa tự của nghiệp**. **Nghiệp là thai tạng**, nghiệp là quyến thuộc, **nghiệp là điểm tựa**, **nghiệp phân chia các loài hữu tình**; nghĩa là **có liệt, có ưu**. (M.135).*

[225] *"**Vô thỉ là luân hồi** này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị **vô minh che đậy**, bị **tham ái trói buộc**." (S.ii,179)*

### *"Bình Đẳng"*

Ví như vì có các tính chất khác nhau mà vật chất vô tri như vàng, bạc không bình đẳng hay bằng giá trị, cũng vậy, *thân-khẩu-ý thiện với ác, trí với ngu, siêng với lười*, chúng sinh 5 uẩn sắc-thọ-tưởng-hành-thức với vật chất sắc uẩn vô tri là không bình đẳng. Và từ bi như nhau với chúng sinh, chúng sinh đều có 5 uẩn, đều vận động do duyên không có nghĩa là chúng sinh bình đẳng. Kẻ ngu si vu oan giá họa, giết người cướp của thì không có phẩm giá, bình đẳng với bậc có giới hạnh, từ bi, trí tuệ. Xem tất cả đều bình đẳng là hời hợt, *gây hỗn loạn, tai họa cho đời*. Mô hình hạ thấp ý thức sẽ có cái nhìn như loài vật, bóp méo sự thật. Do có ý thức trí-ngu, siêng-lười... nên đời là không bình đẳng. Vì *trí-ngu, siêng-lười* có ở mọi tầng lớp nên phân biệt *trí-ngu, siêng-lười* không có nghĩa là kỳ thị dòng dõi, chủng tộc, tầng lớp.

Thực tế, đạo Phật bác bỏ sự tồn tại cái ngã. Trái lại, các tông phái hô hào vì chúng sinh, vạn vật đều có cái *"thật có, không giả dối"* là *"tánh biết"*,... những thứ có vai trò là đại ngã quyết định sự vận động, giác ngộ của chúng sinh và vạn vật nên *"chúng sinh, vạn vật bình đẳng"*. Tuy vậy, họ lươn lẹo không theo *"chân lý bình đẳng"*, không chịu bình đẳng với đá dù đá cũng có cái *"thật có"* là *"tánh biết"*, *"thể tánh"* là thứ quyết định đá *"kiến tánh thành tổ"*. Đừng nghe họ nói *"vạn vật bình đẳng"* mà hãy nhìn họ bất bình đẳng với đá. Thực chất, họ cần tự xem họ là bình đẳng với loài vật và vật chất vô tri.

Và do khác biệt về giới hạnh, trí tuệ mà người già đảnh lễ các vị sư, cúng dường Phật có phước hơn cho phàm phu,[226] cố ý hại Phật chảy máu thì tội nặng hơn sát sinh.[227]

Thực chất, các vị Arahant đều bình đẳng với Phật về sự giải thoát,[228] đều có tham sân si=0, đều tịch diệt Niết-bàn nhưng điều đó không có nghĩa họ bình đẳng với Phật về các trí nằm ngoài sự giác ngộ. Và Phật dạy từ bi như nhau với con người và loài vật chứ Phật không dạy trí-ngu, thiện-ác là bình đẳng. Hơn nữa, vì bác bỏ mọi loại ngã nên đạo Phật không có lý do xem *"chúng sinh bình đẳng"*. Do vậy, áp đặt sự bình đẳng, cào bằng những sự khác biệt về tính chất vật lý, ý thức trí tuệ, đạo đức, siêng-lười là bất công, phản tự nhiên.

---

[226] *Tại đây, này Ananda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức.* ***Sau khi bố thí cho các phàm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức****. Sau khi bố thí cho các* ***phàm phu gìn giữ giới luật****, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức. Sau khi bố thí cho các người ngoại học đã* ***ly tham trong các dục****, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức. Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng* ***quả Dự lưu****? ...* ***quả Nhất lai****? ...* ***quả Bất lai****? ...* ***quả A-la-hán, đệ tử Như Lai****? Còn nói gì đến những vị* ***Độc Giác Phật****?* ***Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?*** *(M.142)*

[227] *Có* ***năm nghịch tội*** *này, này các Tỷ-kheo,* ***đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không có thể chữa trị****. Thế nào là năm?*

*Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm* ***làm Như Lai chảy máu****, phá hòa hợp Tăng. (A.5.129)*

[228] *Ở đây, này Sumanā, Ta nói* ***không có sự sai khác nào****, tức là* ***so sánh giải thoát với giải thoát****. (A.5.31)*

Và trí-ngu, sự hiện hữu và tịch diệt là không bình đẳng. Do đó, kẻ vô minh còn luân hồi sinh tử không bình đẳng với bậc Giác Ngộ đã diệt độ, không còn sinh tử hiện hữu. Tuy vậy, do không biết Phật đã tịch diệt, do không biết có sinh tử của pháp vô ngã nên dòng Huyền Giác ngỡ mình bình đẳng với Phật.[229] Nó không biết tuy không có ngã và sinh tử của ngã nhưng có pháp vô ngã và sinh tử của pháp vô ngã. Nó không biết rằng do bị sinh diệt trong sát-na lẫn sinh tử trong kiếp người, không có quyền làm chủ sự tồn tại mà con người là vô ngã.

Và dòng Huyền Giác đánh tráo bình đẳng với lẽ tự nhiên. Nó không biết bất bình đẳng là lẽ tự nhiên. Nó thấy mọi thứ tồn tại trên thế gian, bất kể chúng có tính chất trái ngược thì tất cả đều bình đẳng, trí-ngu, giàu-nghèo là bình đẳng. Nó không biết rằng áp đặt tất cả đều bình đẳng là bất công và phản tự nhiên. Hơn nữa, nó thấy mọi sự sai biệt đều là không có sai biệt.[230] Tuy vậy, đừng nghe nó hô vô sai biệt mà hãy nhìn nó phân biệt mình với gà, không chấp nhận mình bình đẳng với gà.

---

[229] *Ở nơi sanh tử, tôi và đức Phật cũng bình đẳng,* ***bình đẳng ở chỗ cũng chẳng ai sanh cũng chẳng ai tử****. Sau khi* ***nhắm mắt tắt thở, đức Phật đi về đâu thì tôi và chúng sanh cũng đi về đó****. Cũng là sự bình đẳng.(LL1DT)*

[230] *Giàu nghèo là lẽ tự nhiên của xã hội, cũng như nắng mưa là chuyện tự nhiên là của đất trời.*

*Có giàu có nghèo mới là bình đẳng.*

*Có khôn có dại mới là bình đẳng*

*Mỗi mỗi có sự sai biệt mới là vô sai biệt. (LL1DT)*

Ví như một tên cướp thì không gây hại bằng một tổ chức ca ngợi và đào tạo cướp, cũng vậy, một người bất phân biệt *thiện-ác, tốt-xấu, lợi-hại* thì không tai hại bằng một tôn giáo có giáo lý dẫn dắt tín đồ đến sự tổn hại cho mình và người.

Và Phật đã chỉ ra giáo lý tai hại nhất ở thời đức Phật.[231] Sở dĩ chủ thuyết *"Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn"* là tai hại nhất vì đó không chỉ là tri kiến sai trái, trái với sự thật 12 nhân duyên Khổ Tập Đế, khiến con người có ý nghiệp si bất thiện đưa đến quả khổ lâu dài mà nó còn khiến con người bất phân biệt thiện-ác, tích cực làm ác, dễ duôi trong thiện pháp, hại cho mình và người.

Vì không biết có pháp vô ngã sinh do duyên, không biết có cộng nghiệp và biệt nghiệp là các pháp vô ngã sinh do duyên 5 uẩn, không biết có duyên ba-la-mật, ý thức học tập, kinh nghiệm quá khứ, nghĩ có đại ngã *"tánh biết" "hiện diễn"* sự vận động nên dòng Huyền Giác bác bỏ sự tồn tại của pháp vô ngã là cộng nghiệp và biệt nghiệp[232]

---

[231] - *Này các Tỷ-kheo,* ***trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhất****. Này các Tỷ-kheo,* ***Makkhali, kẻ ngu si có thuyết như sau; có kiến như sau****: "****Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn****". Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời* ***như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình****. (A.3.135)*

[232] *Vì vô ngã nên vạn pháp như lai, muôn pháp vô sở bất tại,* ***không có biệt nghiệp, không có cộng nghiệp****, nghiệp chính là dòng sống đang hiện diễn. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Thật ra, Makkhali chỉ có tà kiến chứ không có điên đảo, đảo lộn có với không, thật với giả.

Và Phật dạy thứ có tồn tại thì xem là có, không tồn tại thì xem là không,[233] thật có 5 uẩn Khổ Đế *vô thường, khổ, vô ngã* ở từng sát-na. Phật không dạy *"vượt lên trên" "đối đãi" hữu-vô*.

Trái lại, vì ngủ mê trên giường *"tánh biết"*, chấp đại ngã *"tánh biết"* mới là thật có nên dòng Huyền Giác xem mọi sự hiện hữu, khổ-lạc, phước-tội chỉ là giấc mơ không thật.[234] Vì nghĩ khổ chỉ là giấc mơ, không có trí biết thật có khổ lẫn trí biết cần tránh khổ nên dòng Huyền Giác khi dễ mưu cầu hạnh phúc lâu dài, gây hại hơn Makkhali.

---

[233] *Và **cái gì không có mặt ở đây**, vị ấy xem **cái ấy là không có**. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "**Cái kia có, cái này có**". Như vậy, này Ananda, **cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo**, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, **không tánh**. (M.121)*

[234] *Có ba người cùng nằm trên một cái giường, **cái giường ấy có tên là tánh không, tánh biết, Phật tánh**. Người thứ nhất thì đang tỉnh thức, người thứ hai đang nằm mơ, thấy mình bị khổ cực, đoạ đày bị té sông, té suối khóc than. Người thứ ba cũng đang nằm mơ, được sung sướng, được hưởng phước báu, cười vui.*

*Người tỉnh nghe một người thì khóc than, người kia thì vui cười trong cơn mơ, liền lay bảo, chẳng khổ, chẳng vui gì đâu, hai anh đang trong cơn mơ, sự thật thì hai anh đang nằm trên giường cùng với tôi.*

*Trong cơn mơ, người khổ, người vui gặp nhau, anh vui bảo anh khổ: tao sướng, vì kiếp trước tao tạo nhiều phước báu.*

*Sự thật thì cả ba đều nằm chung trên một chiếc giường chẳng khổ, chẳng vui.*

*Nếu có tội, thì **tội cũng chỉ trong mơ**, nếu có **phước thì phước cũng chỉ trong mơ**. **Chẳng thật có tội, chẳng thật có phước**, "trong mộng lao xao bày sáu nẽo", "tỉnh ra (thì) bằng bặt chẳng ba ngàn" (LL1DT)*

Đừng nghe các tông phái nói *"không"* với thế gian 5 uẩn mà hãy nhìn họ sống trong giả dối với cái *"không thật có"* như dụng công làm ăn,... Như thuyết Địa Tâm, chủ thuyết đại ngã *"tánh biết"* được nhiều người say mê chấp nhận.

Vì chấp có cái đại ngã *"tánh biết" "trong sáng" "thường còn"* quyết định sự vận động, dòng Huyền Giác thấy chẳng có gì xấu xa, tội lỗi khi đạp tổ. Tất cả đều do *"tánh biết" "như nhiên hiện diễn"*, không có liên can gì đến ý thức sân si vô thường để có thể gọi đó là tội lỗi. Để thức tỉnh người ngủ mê về với thực tại thì cần áp dụng *"chân lý"* của họ lên họ, cần đá họ, giúp họ biết khổ đau là có thật.

Vì chấp ngã quyết định sự vận động, dòng Huyền Giác không biết có sự vận động theo *quy luật tự nhiên*, không biết hoa nở do duyên, có vô số duyên làm hoa không nở, nó ngỡ mây gió là có suy nghĩ, có mây gió vận động là có hoa nở.[235]

Những ai chấp thủ tà kiến thì không chỉ không thấy biết 5 uẩn, thức tục sinh, nghiệp quả, quá khứ-vị lai, các loài hóa sinh mà còn thường chỉ biết có con người. Họ hay nghĩ sau khi chết thì lại tái sinh là đứa bé. Thật ra, trừ khi có thiện nghiệp chấp nhận chánh kiến có nghiệp báo sinh tử luân hồi, ai chấp thủ tà kiến lúc cận tử sẽ *"có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh" (M.57).*

[235] *Cả thế giới vạn hữu chuyển động,* ***cả trời trăng mây nước chuyển động, chỉ để làm cho một bông hoa nở****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Vì nhìn đời bằng sự vô minh thiếu học, không biết đến sự tồn tại do duyên, vô thường trong sát-na, chấp chỉ đại ngã *"tánh biết"* mới thật có ý nghĩa nên dòng Huyền Giác bác bỏ sinh tử, khi dễ sự tồn tại các pháp vô thường.[236] Hơn nữa, vì thiếu học, dòng Huyền Giác không biết đến 5 uẩn Niết-bàn, 5 uẩn tịch diệt, chấm dứt sự hiện hữu sinh tử luân hồi nên nó ảo tưởng có cái gọi là *"dòng sống từ vô thủy đến vô chung"*.

Ví như kẻ mất trí *"ngộ"* phân là chuối, phân là do chuối nặn ra, chuối là thường còn đi khắp nơi không về một nơi, cũng vậy, do chấp chỉ có đại ngã là *"tánh biết"* thường còn mới là thật có, xem người 5 uẩn và xác chết sắc uẩn là một, không biết sinh diệt do duyên hợp tan và sinh diệt trong sát-na là sinh tử nên dòng Huyền Giác bác bỏ sinh tử.[237] Nó không biết bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt do duyên, do 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên không có đại ngã *"tánh biết" "thường còn", "cội nguồn"* thế gian.

---

[236] *Đời người như một lượn sóng, là kết quả từ sự vận động của đại dương. Đại dương mới là vĩnh cửu, lượn sóng có hay không có đâu có ý nghĩa gì. Ta chẳng là gì cả,* ***đâu có cái gì để gọi là sống, đâu có cái gì để gọi là chết****, vì sống chết chỉ như một khúc biến tấu trong một bản đại hợp xướng của* ***dòng sống từ vô thủy đến vô chung****, tất cả chỉ là trò đùa của "tánh biết",* ***là sự hiện diễn của thức tâm****, cũng như một lượn sóng tung lên là bởi sự ngẫu hứng của đại dương. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[237] *Và quan trọng nhất, do vô ngã nên không có ai sanh, không có ai tử, ví như ta có* ***một thau đất sét, nắn ra hình người, hình chó, hình mèo****, rồi nếu không thích ta vo tròn hình người thành quả bóng. Vậy người đó* ***đâu có sinh ra và chết, vì đất sét vẫn là đất sét, đất sét có mất đi đâu****. (LL1DT)*

Vì có sự chấp có đại ngã *"tánh biết" "thường còn"*, bác bỏ sinh tử vô thường nên dòng Huyền Giác có sự điên đảo.[238]

Và dòng Huyền Giác cố chấp thủ tâm hạ liệt, ngỡ hý luận trong sự mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, không thấy biết 5 uẩn sinh diệt vô ngã trong sát-na là *"thiền"*, là *"ngộ"* và ngỡ từ đó có thể *"không lầm nhận về thân phận tự ngã, không lầm nhận về hiện tượng sanh tử"*.[239] Nó không biết tâm cao thượng mới thấy biết đúng sự thật, còn tâm hạ liệt là nhìn sai sự thật.

Tuy không có trí biết ý nghĩa tổ y bát mặc y ngoại đạo nhưng dòng Huyền Giác có những hý luận về giác ngộ. Nó xem sự tu tập Đạo Đế để giác ngộ Niết-bàn, đạt cứu cánh diệt tận khổ đau của Phật và các vị Arahant là dối gạt.[240] Nó không biết có tà kiến, nó ngỡ hý luận ra thứ *"ngộ"* trái với sự giác ngộ của Phật có nghĩa là nó *"phát triển", "cao hơn"* Phật.

---

[238] ***Trong vô thường, nghĩ là thường,*** *này các Tỷ-kheo, đó là* ***tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo***. ***Trong khổ nghĩ là không khổ****, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.* ***Trong vô ngã, nghĩ là ngã****, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.* ***Trong không thanh tịnh, nghĩ là thanh tịnh****, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. (A.4.49)*

[239] *Nếu đến với dòng thiền này để mong đắc thánh, để chứng thoát tục,* ***để đạt cao siêu****, để có quyền năng và huyền năng khác người thường, để* ***sở đắc một trạng thái tâm thù thắng nào đó****, thì tôi e rằng bạn sẽ thất vọng. Đơn giản,* ***thiền là giác ngộ, không ngộ thì chẳng có thiền, giác ngộ là không lầm nhận về thân phận tự ngã, không lầm nhận về hiện tượng sanh tử****, đây là cốt tủy của thiền. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[240] *Ngộ rồi thì bạn có đủ sức sáng tỏ, không lầm lẫn không bị các tông phái tôn giáo dối gạt, hứa hẹn một cứu cánh hạnh phúc ở thì vị lai kèm theo phải đáp ứng những điều kiện gì đó. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Thật ra, vô ngã có nghĩa là không có quyền làm chủ[241]. *"Thân-tâm bất do kỷ"* là một cách hiểu về vô ngã. Vô ngã là không có ngã chứ không phải là không có gì. Tất cả các pháp đều vô ngã có nghĩa là chỉ có, chỉ tồn tại pháp vô ngã.

Và người có trí thì ý thức sự thật chỉ có pháp vô ngã, có con người là tập hợp do duyên 5 uẩn là pháp vô ngã.[242]

Và Khổ Đế là sinh-lão-bệnh-tử...[243] Do không có quyền làm chủ sinh tử, phải bị sinh tử mà *con người là pháp vô ngã*.

Vì tuy hô vô ngã nhưng chỉ biết cố chấp ngã, chấp chỉ có ngã mới sinh tử, không biết có pháp vô ngã và sinh tử của pháp vô ngã nên dòng Huyền Giác bác bỏ sinh tử *"do vô ngã nên không có ai sanh, không có ai tử"*.[237] Nó không biết tuy không có ngã, không có ngã sinh tử nhưng có pháp vô ngã là chúng sinh, có sinh tử của pháp vô ngã tồn tại do duyên.

Đừng nghe dòng Huyền Giác nói *"không", "không thật có"* về thế gian, *"không có ai sanh, chẳng có ai chết"* mà hãy nhìn nó sống trong giả dối, trái lời mình khi dụng công làm ăn...

---

[241] *"Như ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", ông **có quyền hành gì** đối với sắc ấy và **có nói được rằng**: "Sắc của tôi **phải như thế này**, sắc của tôi **không phải như thế này**" không?" (M.35)*

[242] ***Sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô thường; **cái gì vô thường là khổ**; **cái gì khổ là vô ngã**;...**Thọ**,...**Tưởng**,...**Hành**,...**Thức**... (S.iii,22)*

[243] *Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là Khổ Thánh đế**? **Sinh là khổ**, già là khổ, bệnh là khổ, **chết là khổ**, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. (A3.61)*

Thế gian không phải chỉ là vật chất. Và dòng Huyền Giác coi thế gian chỉ là vật chất, ưa có ví dụ từ vật chất để nói về thế gian. Nó dùng sự tồn tại vật chất để bác bỏ sự chết.[244] Nó không biết duyên hợp tan 5 uẩn là sinh tử,[245] không biết xác chết vô tri thì không phải là con người. Nó chỉ biết nhìn thế giới theo khía cạnh vật chất và kiểu vận động đơn giản chỉ theo duyên hiện tại của vật chất, không biết đến trí nhớ, kinh nghiệm, sự học hành, vận động phức tạp của ý thức.

Ví như kẻ mất trí ngỡ nước là chuối, cũng vậy, dòng Huyền Giác *ngỡ trứng, tinh trùng là con người*. Nó không biết sinh là sự xuất hiện 5 uẩn. Thay vì xác định thời điểm sinh là thời điểm xuất hiện 5 uẩn từ duyên phôi sắc vật chất thì nó đi tìm thời điểm sinh của trứng, tinh trùng. Ỷ mù 5 uẩn, không biết thời điểm hợp-tan 5 uẩn nên nó *bác bỏ sinh tử*.[246]

---

[244] *"**Trong tinh thần Phật giáo, không có cái gì bị chết**, **vì sự chết là sự hủy diệt**, mà nếu có sự hủy diệt, chỉ cần một điện tử hủy diệt thì cả vũ trụ sẽ thành tro bụi, mọi sự sống sẽ chấm dứt." (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[245] *"Này các Tỷ kheo, **thế nào là sanh**? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, **sự xuất hiện các uẩn**, sự hoạch đắc các căn.*

*Này các Tỷ kheo, **thế nào là chết**? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, **các uẩn đã tận diệt**, sự vất bỏ tử thi." (D.22)*

[246] *Thiền tông cho rằng không có sinh tử, nếu có sinh thì phải có tử, nhưng với một con người, thì **sự sinh bắt đầu từ đâu**? Nếu tính từ khi ra khỏi bụng mẹ thì không đúng, vậy trước đó thì sao?, khi thai nhi nằm trong bụng mẹ đã là một cơ thể sống, vậy cơ thể sống này được sinh từ khi nào? nếu tính từ cái đêm cha mẹ ăn nằm với nhau cũng không đúng, nếu không có trứng và tinh trùng. Trứng và tinh trùng cũng là một thực thể sống và vận động, trước trứng và tinh trùng là cái gì? là cơm gạo, là nước, là ánh sáng, là gió trời, v.v... Vậy thời điểm sinh là thời điểm nào? Thời điểm sinh không xác định thì thời điểm tử cũng không xác định, **nên nói không có sinh tử**.(LL1DT)*

Thực chất, *"trí vô phân biệt"* là sự đối nghịch với trí tuệ. Vì không biết có sự hiểu biết và thiếu hiểu biết, hiểu biết đúng và hiểu biết sai, những kẻ duy tâm dùng ý thức chủ quan để quyết định sự tồn tại của sự vật: *"Nếu không có nhận thức của con người, thì vật chất có cũng như không" (LL1DT)*.

Theo ý tưởng ấy thì vì kẻ duy tâm không có nhận thức gì về nguyên tử nên nguyên tử có cũng như không, vì không ai thấy được não nó nên não nó có cũng như không.

Khác với những kẻ duy tâm, con người tôn trọng sự thật khách quan hơn nhận thức chủ quan. Người trí không vì nhận thức ngu dốt của kẻ thiếu trí mà bác bỏ sự thật.

Với những kẻ duy tâm, các sự thật nằm ngoài hiểu biết của nó đều là hão huyền, có cũng như không. Với *"vạn pháp duy thức"*, càng ngu dốt thì càng loại bỏ được nhiều sự thật. Thực chất, *"vạn pháp duy thức"* được tạo ra là vì kẻ ngu, vẽ ra loại thế giới được vận động theo cách mà kẻ ngu là đấng Tạo Hóa. Hơn nữa, *"vạn pháp duy thức"* còn là tuyên ngôn *"chân lý thuộc về kẻ ngu"*, là thế giới quan thượng tôn sự ngu.

Do mất trí phân biệt tên gọi với sự vật, những kẻ duy tâm ngỡ tạo ra tên gọi có nghĩa là tạo ra sự vật, hiện tượng.[247] Ai tưởng tượng ra nhà cửa thì có nghĩa là đã tạo ra nhà cửa.

[247] *Nếu con người* ***không nhận thức và đặt ra tên cho trời đất trăng sao****, thì* ***không có cái gọi là khái niệm trời đất trăng sao****.* ***Mọi sự vật*** *đều* ***do tâm người kiến tạo****, nên* ***mọi sự mọi vật cũng là tâm****. (LL1DT)*

Cuối cùng nó biến mọi sự vật, hiện tượng đều là tâm. Với *"vạn pháp duy thức"* thì cát không do nhiều duyên sinh mà tâm là cái ngã độc lập kiến tạo ra cát và cát cũng là tâm.

Thật ra, trăng sao là do nhiều duyên tạo, là duyên sinh tâm, trăng sao không phải là tâm, trăng sao vốn tồn tại từ trước khi có tâm nhận thức. Tâm đặt tên và ý niệm được duyên sinh sau đó. Tâm, ý niệm tạo ra tên gọi trăng sao, nghĩ về trăng sao, chứ không tạo ra trăng sao. Do đó, cái gọi là *"Mọi sự vật đều do tâm người kiến tạo"* chỉ là sự điên đảo, mất trí, đảo lộn nhân quả, biến tâm thành đại ngã tạo hóa.

Thế giới có các duyên sinh thân tâm, và xen kẽ, thân tâm tác động lại thế giới. Và dòng Huyền Giác hý luận *"Thế giới quanh ta, trời đất trăng sao, núi non sông hồ khoáng vật, động vật, thực vật,* ***tất cả Duy tâm tạo***. ***Đó là nội dung chữ tâm trong Phật giáo****" (LL1DT).* Và đó là sự nghịch đảo nhân quả, không biết tâm là do duyên sinh, biến tâm được duyên sinh bởi giác quan, sự vật hiện tượng thành tâm là cái ngã tạo ra sự vật, hiện tượng. Nó không biết rằng dù có hay không có tâm nhận thức, dù tổ có chết thì hiện thực khách quan trăng sao... vẫn tồn tại. Do không phân biệt có thật-giả, đúng sự thật và sai sự thật nên nó nghĩ các hý luận trái với thực tế đều cùng là sự thật, chân lý.

Giáo lý dựa trên sự tự mâu thuẫn, trái với sự thật thực tế thì chỉ có giá trị như tiểu thuyết, là sự ảo tưởng, bịa đặt, thỏa mãn nhu cầu sở thích của những ai thiếu trí phân biệt.

### *"Tâm Vật Vốn Nhất Như"*

Nếu như Veda của bà-la-môn xem *"giải thoát"* có nghĩa là *con người hòa đồng vào bản thể của vũ trụ*, *"tiểu ngã"* hòa đồng với *"Đại Ngã vô biên"* thì dòng Huyền Giác dùng sự mất trí phân biệt để đồng nhất tâm với vật, tạo ra cái gọi là *"tâm vật vốn nhất như"*, từ đó có tri kiến tâm là một với vũ trụ.[248]

Thật ra, vật là duyên sinh cảnh, cảnh là duyên sinh tâm. Cảnh sắc, thanh, mùi, vị, xúc, ý không phải là vật hay tâm. Vài tia sáng rời mặt trời hơn 8 phút thì không phải mặt trời. Ngửi mùi cá không biến tâm có hình dáng cá. Và giác quan là duyên sinh tâm, không có giác quan thì không có tâm. Như con dao không thể tự gọt chuôi, 2 bàn tay vỗ thì mới có tiếng vỗ, vì cảnh không phải là tâm nên tâm mới biết cảnh.

Tâm biết cảnh chứ không biết bản thân nhất như là một với vật, chỉ có tâm suy xét ly trí mới nghĩ tâm là một với vật. Do mất trí phân biệt vật với cảnh, bỏ đi tuệ suy xét, lấy lý do không biết ranh giới giữa tâm và vật,[248] dòng Huyền Giác dùng tâm suy xét ly trí để thấy tâm nhất như là một với vật.

---

[248] *nếu không có bất cứ vật gì, thì tâm nhận thức cũng không có, vật đối tượng không thì* ***chủ thể Tâm nhận thức làm sao có****, đối vào đâu để nó có; chính ngay đang lúc nhận thức vật, thì* ***tâm vật vốn nhất như, không thể cho sự kiện đó là tâm hay là vật, vì nó không có ranh giới, phía nào là tâm nhận thức, phía nào là vật bị nhận thức****. Chữ tâm lúc này có nghĩa đích thực là cốt lỏi, là tâm điểm của sự sống là sự vận động của pháp giới,* ***"ngoài tâm không vật, ngoài vật không tâm"****, cho nên* ***tâm đó không phải là tâm, vật đó không phải là vật****. Nên,* ***nếu gọi có tâm, thì thế giới vạn hữu cũng là tâm, tâm tức thế giới vạn hữu. Nghĩa là trên đời này, không có cái gì ngoài tâm****.(LL1DT)*

Thật ra, biết cảnh là năng lực của tâm, nhưng *"đem"* tâm hợp nhất với vật là năng lực của người mất trí phân biệt.

Do mất trí phân biệt nên dòng Huyền Giác tự mâu thuẫn. Ban đầu thì xác định có chủ thể tâm thấy và khách thể vật được thấy nhưng sau lại tự phủ nhận. Với cái gọi là *"tâm vật vốn nhất như"* thì *hóa ra tâm tự nhận thức nó*, 1 bàn tay tự kêu. Với *"tâm vật vốn nhất như"*, tâm tổ nhất như là một với cát, không có chủ thể tâm tổ thấy và khách thể cát được tổ thấy. Nó ngỡ tâm phi vật chất có khối lượng... như vật chất, không biết rằng khác với nhãn nhĩ thức, ý thức có đối tượng trừu tượng, biết 1+1=2, không cần đối tượng cảnh dục trần.

Vật-cảnh-tâm không phải là 1, vật có trước là duyên sinh cảnh, xúc giữa cảnh và giác quan là duyên sinh tâm. Vì cảnh là duyên sinh nhãn-nhĩ thức, thức ấy không có quyền quyết định sự vận động của vật nên không có cái gọi là *"thức diễn"*. Vì thức không phải là các duyên sinh thức nên dù do nhiều duyên thì thức vô thường vẫn là chủ thể tư duy nhận thức. Vì vô minh nên thức thấy vật *có tính khối liên tục*, không biết vật chỉ là các tập hợp sắc sinh diệt rất nhanh.

Thực chất, dù không có nhãn thức thì mặt trời vẫn ở đó, chỉ là vì vô duyên hay đui mù ngu dốt mà có thể không biết. Trái với trí tuệ của con người, dòng Huyền Giác phủ nhận sự thật khách quan mà có cái gọi là *"ngoài tâm không vật, ngoài vật không tâm"*.

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác không biết rằng có suy xét đúng sự thật và suy xét sai sự thật, nó chấp những gì nó hý luận và *"nhận thức"* ra thì đều là *"chân lý"*.

Sự thật là không có sự vật, hiện tượng, chúng sinh nào tồn tại, vận động độc lập. Sự sinh ra, vận động và biến mất của chúng đều tùy thuộc vào nhiều duyên điều kiện.

*Tùy thuộc nhiều duyên* không có nghĩa *sự tồn tại, vận động* của một sự vật, chúng sinh là do duyên bởi toàn vũ trụ. Cát không phải tổ, *không liên can đến sự sinh tổ*. Do nhiều duyên không có nghĩa có đại ngã tổ *"là một với thế giới vạn hữu"*.[249]

Với dòng Huyền Giác, nếu gặp IS, tâm tổ nhất như với IS. Mạng sống của tổ là một với sát thủ IS. Và tâm tổ nhất như là một với sát thủ IS khi quyết định tự sát, khiến bị IS giết.

Lấy mất trí phân biệt làm đạo tràng, dòng Huyền Giác không biết đến sinh tử do duyên, không có trí suy xét, không biết tâm hữu tri khác với vật chất vô tri, không biết cảnh và giác quan là duyên sinh tâm chứ *không phải là tâm*. Trong khi con người xem *"tâm vật vốn nhất như"* là điên đảo, *"tánh biết"* là ảo tưởng thì nó tưởng là có trí tuệ con người.[250]

---

[249] ***"Trong mê lầm thì thấy mình là cá thể độc lập, sự sống của mình độc lập đối với các sự sống khác, mình với thế giới vạn hữu là riêng khác*** *mà không thấy rằng cảnh đối tượng chính* ***là tâm của mình, sự sống của người cũng chính là sự sống của mình, mình và thế giới vạn hữu không hai. Nếu thấy được vậy thì mê lầm sinh tử chấm dứt****." (LL1DT)*

[250] ***"thiền tông chỉ luận về những gì giác quan con người nắm bắt được, trí tuệ con người nhận thức được"****(LL1DT)*

## *"Trụ Xứ"*

Với dòng Huyền Giác, tất cả đều có linh hồn thường còn gọi là *"tánh biết"*. Tuy hô hào vô ngã, nhưng nó biến thế giới vô ngã vận động bởi duyên sinh diệt thành ra là thế giới có cái ngã *"tánh biết"* quyết định sự vận động. Và cái gọi là *"tánh biết"* ấy có trụ xứ là vật chất và tinh thần.[251]

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác tự mâu thuẫn khi xác định thứ *"tánh biết"* có trụ xứ là tinh thần và vật chất, tức 5 uẩn ấy là Niết-bàn không có trụ xứ.[252]

Thật ra, Niết-bàn là pháp xuất thế gian,[253] không liên can gì đến 5 uẩn, tức không có và không phải là tinh thần hay vật chất. Vì Niết-bàn không có trú, không có chuyển vận, không có sở duyên nên Niết-bàn chẳng có liên can gì đến thế gian lẫn cái gọi là *"tánh biết"* có trụ xứ là 5 uẩn.

---

[251] ***Ở đâu có cái biết, chắc chắn ở đó có sự tồn tại của vật chất, của tinh thần**, của những năng lực và ý niệm thiêng liêng. (LL1DT)*

[252] ***Niết bàn không là cõi để có thể đi về, niết bàn vô trụ xứ, niết bàn chính là Tánh Biết**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[253] *"Này các Tỷ-kheo, **có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ**; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố **không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh; không có an trú, không có chuyện vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau**." (Ud.80)*

Ví như người đời có thể bóp méo, tạo ra thứ đạo Phật của riêng mình, cũng vậy, dòng Huyền Giác đã hý luận ra thứ *"Niết-bàn"* có trụ xứ, tùy thuộc vào nhiều duyên,[254] khác với đạo Phật.[253]

Trong khi Phật dạy Niết-bàn là pháp xuất thế gian,[253] không tùy thuộc vào các duyên 5 uẩn, thì dòng Huyền Giác có thứ *"Niết-bàn"* là những sự tham ái, tùy thuộc vào duyên vật chất và tinh thần, phải chịu vô thường.

Cụ thể, dòng Huyền Giác vẽ ra thứ *"Niết-bàn"* tùy thuộc duyên sức khỏe tâm thần,có quả thiện được sinh làm người, có điều kiện về kinh tế, sức khỏe, chưa chịu quả ác nghiệp, đói rét, đòn roi, bệnh tật, nhờ vậy mà *"hoan hỷ thưởng thức cuộc sống với tâm thái bình an"*. Nó không biết rằng điều đó là tạm bợ, sẽ vô thường, không thể thoát khỏi khổ. Nó chỉ biết trước mắt, không biết rằng chừng nào còn tham sân si thì chừng đó còn luân hồi, chừng nào còn luân hồi thì chừng đó còn chịu quả khổ, còn có thể tái sinh vào cõi khổ như súc sinh... không đạt được thứ *"Niết-bàn"* tạm bợ đó.

[254] ***Niết bàn sẽ đến với bất kỳ ai*** *đang sống giữa cuộc đời này khi họ có một* ***sức khỏe tâm thần thật toàn hảo, nghiệp lực không còn chi phối tâm trí họ****, họ rõ* ***biết con đường sinh tử đi đâu, về đâu****. Họ* ***tự tại vô ngại sống giữa cuộc đời này****, họ vui vẻ,* ***hoan hỷ thưởng thức cuộc sống với tâm thái bình an*** *và trong sáng, thiện cảm và tử tế, hiểu biết và bao dung với mọi người, họ phục vụ người khác với tâm trong sạch không vụ lợi,* ***không mong cầu điều gì cho mình trong hiện tại và mai sau*** *và* ***đặc biệt họ không hề muốn mình trở nên, hay trở thành****. (LL1DT)*

Và dòng Huyền Giác lừa mình, gạt người khi hý luận *"không mong cầu điều gì cho mình trong hiện tại và mai sau"*. Tuy hô không mong cầu gì nhưng nó cố dụng công làm ăn, mong được ăn no hưởng lạc, có điều kiện kinh tế, sức khỏe.

Ví như để thức tỉnh kẻ ngủ mê thì cần đập vỗ, cũng vậy, để thức tỉnh những ai đầy tham sân si có ảo tưởng là đang *"tự tại, vô ngại"* thì cần cho những liều thuốc như đá đít,... Nhờ đó chúng sẽ biết mình còn tham sân si ngã mạn và hiểu rằng với tham sân si ngã mạn thì không thể *"an nhiên tự tại", "tự tại, vô ngại"* giữa dòng đời sôi động.

Ví như ISIS rõ biết đường lên thiên đàng với 72 trinh nữ, cũng vậy, dựa trên sự mù 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai, dòng Huyền Giác *"rõ biết con đường sinh tử đi đâu, về đâu"*.

Thật ra, chỉ khi thấy biết bản chất chúng sinh, vũ trụ chỉ là 5 uẩn cũng như thấy biết nghiệp quả, quá khứ-vị lai thì đó mới là thấy biết đúng sinh tử.

Sự thấy biết đúng sinh tử là không dành cho những ai tâm đắc với sự vô minh hạ liệt, tưởng hý luận về sinh tử là *"rõ biết con đường sinh tử đi đâu, về đâu"*. Sự thấy biết đúng sinh tử không dành cho những ai chưa có trí biết phân biệt nước với chuối, nghĩ chuối là nước đi khắp nơi, không về một nơi, *"vạn pháp Như Lai"*. Sự thấy biết đúng không dành cho những ai không có trí nhận biết và từ bỏ các thứ thầy lừa dối, *tự nhận là đệ tử Phật* nhưng ngạo mạn bài xích Phật.

### *"Thực Tính"*

Và do thiếu học, không thấy biết 5 uẩn do duyên sinh là những thực thể tột cùng có thực tính, dòng Huyền Giác đã cho rằng do duyên sinh thì không có thực tính.[255]

Thực ra, vô ngã chỉ có nghĩa là không có quyền làm chủ sự tồn tại và vận động.[256] Vô ngã được xác định không dựa trên việc do duyên sinh hay do không có thực tính. Cả pháp do duyên sinh là 5 uẩn lẫn pháp không do duyên sinh là Niết-bàn đều là pháp chân đế, đều là các thực thể tột cùng, không phải khái niệm, đều có thực tính và đều vô ngã.

Năm uẩn là do duyên sinh. Do không làm chủ sự tồn tại, phải chịu khổ sinh diệt vô thường nên 5 uẩn là vô ngã.[257] Thực tính 5 uẩn là đặc tính thực thể 5 uẩn, tồn tại cùng với sự tồn tại vô thường của 5 uẩn. Và thực thể Niết-bàn thì có thực tính thường còn, không chuyển vận, không do duyên, vì *không có quyền* làm chủ sự tồn tại và vận động nên vô ngã.

---

[255] *Khi Phật dạy một điều gì đó thì hàm ý rất sâu xa, mà người học phật phải tinh ý mới nhận ra. Ví dụ Phật dạy: các pháp do duyên mà sanh, các pháp do duyên mà diệt. Ta nên hiểu Phật dạy về pháp duyên sanh, nhưng sâu xa hơn, Phật muốn dạy:* ***nếu các pháp do duyên sanh thì các pháp là không có thực tánh, nếu các pháp là không có thực tánh thì các pháp là vô ngã****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[256] *"Như ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", ông* ***có quyền hành gì*** *đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?" (M.35)*

[257] *Sắc, này các Tỷ-kheo,* ***là vô thường****;* ***cái gì vô thường là khổ****;* ***cái gì khổ là vô ngã****; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Thọ... tưởng... hành... thức... (S.iii,22)*

### *Tâm Được Tu Tập*

Thực chất, cả tâm và vật đều do duyên sinh. Tuy vậy, khác với vật chất, tâm có nhiều năng lực hơn, tâm quá khứ có thể duyên sinh tâm vị lai không liền kề. Quyết tâm hành thiền từ quá khứ có thể là duyên nỗ lực thiền hiện tại. Tâm là có thể rèn luyện. Người mới bắt đầu không thể định tâm trên hơi thở liên tục 3 giờ nhưng họ có thể quyết định ngồi 1 giờ, 2 giờ, tuần tự định tâm tốt trên 1, 2,... hơi thở rồi 1 giờ, 2 giờ... Với loài vật thì có thể huấn luyện một số kỹ năng. Và dòng Huyền Giác thì không biết rằng có thể tu tập tâm.[258]

Tâm là do duyên sinh. Phật dạy tâm không được tu tập thì khó sử dụng và tâm được tu tập thì dễ sử dụng.[259] Với ai đã khéo tu tập thì dễ dàng định tâm trên đề mục thiền. Nhưng với những ai trôi theo dòng đời tham sân si, tâm đắc với tham sân si thì đó là điều không thể.

---

[258] *Bây giờ ta ra lệnh cho ý thức trong 10 phút sắp tới đừng khởi niệm. Nhưng không phải là 10 phút mà chỉ sau 1 - 2 phút, ý thức ào ào khởi niệm.*

*Vậy, ý thức đâu tuỳ thuộc ta, vâng lời ta.*

*Ta muốn biết 5 phút tới, ý thức khởi niệm gì, ta sẽ bất lực, vì ta không kiểm soát được ý thức. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[259] *Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, **lại khó sử dụng**, này các Tỷ-kheo, **như tâm không được tu tập**.*

*Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, **lại dễ sử dụng**, này các Tỷ-kheo, **như tâm được tu tập**.*

*Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập.*

*Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập. (Tăng Chi - Tâm Không Tu Tập)*

### *"Thường Còn" và "Vô Thường"*

Thật ra, sự thường còn hay vô thường là dùng để nói lên sự tồn tại vĩnh viễn hay không vĩnh viễn của một thực thể. Chữ *"thường"* là để chỉ sự thường còn của một thực thể chứ không có nghĩa là *"thường gặp"* loại thực thể nào. *"Vô thường"* nghĩa là không thường còn, chứ không phải là *"phi thường"*.

Và cái gì đặc biệt thì có thể gọi đó là phi thường chứ *không thể gọi đó là vô thường*. Tuy vậy, thay vì gọi thứ đặc biệt, thứ thường còn là phi thường thì dòng Huyền Giác gọi thứ thường còn là vô thường. Tức từ sự ngụy biện đánh tráo khái niệm, thay *"phi thường"* bằng *"vô thường"*, nó hý luận ra cái gọi là chân nghĩa của thường là vô thường.[260]

Và dòng Huyền Giác chấp các thực thể khác nhau là một, biến sự thường có các thực thể 5 uẩn sinh diệt khác nhau thành sự thường còn. Thay vì thấy thế gian 5 uẩn sinh diệt vô thường trong sát-na thì nó thấy thế gian là thường còn và hý luận ra cái gọi là chân nghĩa của vô thường là thường.

Ví như người ly trí xem *"vô giá"* đồng nghĩa với *"vô giá trị"*, cũng vậy, dòng Huyền Giác xem *"thường còn"* đồng nghĩa với *"vô thường"*. Bất phân biệt các thực thể khác nhau, nó xem sự thường gặp các thực thể sinh diệt khác nhau là thường còn.

---

[260] *Nếu trên đời có cái gì đó* ***không vô thường, nghĩa là thường****, nghĩa là* ***vô cùng đặc biệt****, trong trường hợp này,* ***nên gọi nó là vô thường****, còn cái* ***vô thường luôn luôn hiện diện quanh ta****, nó là một phần cuộc sống của ta thì cái vô thường ấy,* ***nên gọi là thường****, có một vị thiền sư đã phát biểu: Chân như,* ***chân nghĩa của vô thường, vô thường thị thường****. (LL1DT)*

Và 5 uẩn là vô thường, tâm tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si và tâm vị Arahant đã đoạn tận tham đều sinh diệt. Chỉ Niết-bàn, pháp siêu thế, đối tượng của tâm Đạo-tâm Quả, là thường còn. Do không biết 5 uẩn sinh diệt trong sát-na nên ngoài việc chấp *"tánh biết thường còn"*, dòng Huyền Giác còn chế ra pháp vô tham thuộc thế gian 5 uẩn là thường còn.[261]

### *"Tự Tịnh - Tự Định"*

Trong khi người trí đến với Phật vì Phật là bậc Giác Ngộ, vì để thoát khổ thì nhiều người chế ra các *"pháp môn"* như diệt ngã, diệt động-loạn... vô nghĩa và cho đó là Phật Pháp.

Đạo Phật chỉ có hai loại thiền là thiền Định và thiền Tuệ. Thiền Định là để các tâm liên tục bắt 1 đối tượng thiền, giúp tâm thanh tịnh khỏi 5 triền cái, làm nhân gần cho sự hành thiền Tuệ. Mục đích của thiền Định là để thanh tịnh tâm, không phải để ngăn chặn sự động-loạn. Thiền Tuệ là dựa trên nhân gần thiền Định, thấy biết những sự thật tột cùng của thế gian, trong đó có cả sự thực hành thiền của họ, quán sự vô thường, khổ, vô ngã của chúng để viên mãn trí ly tham, chứng đạt Lậu Tận Trí, đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn, chấm dứt khổ luân hồi. Mục đích của thiền Tuệ là đoạn tận phiền não, không phải để giải quyết *"loạn-động"*.

[261] *Nếu bạn là người dị thường, pháp tham sân là từ tâm ý hiện khởi, nếu bạn diệt tận được tham sân nơi bạn thành công, lúc này* ***pháp vô tham vô sân*** *trở nên pháp có tự tính* ***là thường hằng*** *thường kiến. Vậy nó có* ***mâu thuẫn*** *với* ***chân lý vô thường*** *mà Đức Phật đã khai thị cho chúng sanh? (LL1DT)*

Và dòng Huyền Giác nghĩ thiền là sự hý luận. Nó bày ra *"loạn-động"* và nghĩ mục đích thiền Định là *"vĩnh viễn một bề tịnh định"*.

Thật ra, trừ bậc Bất Lai khi nhập thiền Diệt chỉ còn sắc do nghiệp, nhiệt, vật thực sinh, không còn danh và sắc do tâm sinh, thì còn lại, dù bất tỉnh hay chìm giấc ngủ sâu thì danh và sắc vẫn luôn sinh diệt tức thời. Do vậy, bản chất thế gian 5 uẩn là ***động trong từng sát-na***.

Và dòng Huyền Giác chế ra cái gọi là *"tự định, tự tịnh"*.[262] Hý luận ấy là nhằm thỏa mãn cái tôi muốn có tịnh, định, tâm đắc, không muốn lìa ô nhiễm tham sân si ngã mạn.[263]

Do thấy biết sự khổ vô thường trong sát-na lẫn sự khổ trong cõi khổ nên đức Phật không ca ngợi sự hiện hữu dù chỉ sát-na.[159] Trái lại, nhờ mù 5 uẩn và các cõi khổ, dòng Huyền Giác mê sự hiện hữu, muốn cảm ơn sự vô thường.[264]

---

[262] ***vô thường là bản chất của thế giới, vì vậy chân nghĩa của nó là thường cũng có nghĩa là tự tịnh, tự định***. *(Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[263] *Thiền là để phá mê lầm,* ***nếu cho rằng tự thân mình là pháp sinh diệt động loạn****, rồi mình lui vào am thất, dụng công để tịnh, để định, đó là mê lầm, đã mê lầm thì không bao giờ thấy được sự thật, sự thật là các pháp "có động có tịnh" ấy, vốn tự tịnh - tự định;* ***tự tịnh - tự định là bản lai****. Dụng công để định là định nhập xuất, đem thực hành cái công phu tái lập đi lập lại "hết tịnh tới động, hết động tới tịnh" để cầu cái "****vĩnh viễn một bề tịnh định****", rồi* ***duy trì cho hằng hữu là sai lầm****, giống như cố mài cục gạch để làm gương soi, uổng phí và hoang phí vài mươi năm cuộc đời, đau đớn thay! Vậy mà cứ ngở là dụng công tinh tấn đúng đắn, lấy làm* ***tâm đắc lắm lắm****.*

[264] *Nếu muốn nói lời cảm ơn thì* ***ta phải cảm ơn vô thường****, cảm ơn sự bất bình đẳng, cảm ơn sự sai biệt,* ***vì nó là những yếu tố bảo toàn sự vận hành của thế giới****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

### *"Niệm Sau Tu Niệm Trước"*

Và đạo Phật có hai loại thiền là thiền Định và thiền Tuệ. Thiền Định là để thanh tịnh tâm, và chỉ có đối tượng là ở hiện tại. Còn thiền Tuệ là sự quán vô thường, khổ, vô ngã của 5 uẩn và nghiệp quả ở cả kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai. Thiền Tuệ quán 5 uẩn quá khứ là vô thường, khổ, vô ngã để duyên sinh trí ly tham quá khứ, thấy biết quá khứ không có cái ngã hay linh hồn thường còn nào chứ không phải tu sửa quá khứ. Thiền Tuệ thấy 5 uẩn của tiến trình tâm thiền Tuệ vừa xảy ra sinh diệt trong từng sát-na để sáng tỏ chúng là vô thường, khổ, vô ngã, không có cái ngã, linh hồn nào quyết định sự hành thiền. Thấy biết 5 uẩn ở mọi thời là để duyên sinh trí ly tham sân tà kiến, không phải tu sửa cái gì.

Do không biết mục đích hành thiền, dòng Huyền Giác có định nghĩa: *"Tu tâm có nghĩa là lấy niệm sau tu niệm trước",*[265] từ đó bác bỏ sự tu tâm: *"niệm sau làm sao tu được niệm trước khi mà niệm trước không còn"*. Cái *"tu tâm"* ấy là do nó tạo ra và bác bỏ, nó chẳng liên can gì đến sự tu tập trong đạo Phật.

Và đạo Phật là có Pháp học, Pháp hành và Pháp thành. Phận sự Tỷ-kheo là học Pháp học, hành Pháp hành để đạt Pháp thành. Đạo Phật chỉ có sự tu tập với ý nghĩa hành theo lời Phật dạy, có hành đúng, hành sai chứ không có cái gọi là tu sửa. Hơn ai hết, đạo Phật biết rất rõ 5 uẩn là vô thường,

[265]*Tu tâm có nghĩa là lấy niệm sau tu niệm trước. Nhưng niệm trước là niệm trước, niệm sau là niệm sau, khi niệm trước lặn thì niệm sau mới khởi, vậy niệm sau làm sao tu được niệm trước khi mà niệm trước không còn. (LL1DT)*

sau khi sinh là liền diệt, *không có cái gọi là 5 uẩn thường còn để mà sửa đổi*. Nếu quá khứ hành sai thì hiện tại cần hành cho đúng, không có cái gọi là sửa tâm quá khứ lại cho đúng.

Thật ra, tâm là do duyên sinh. Do duyên học Phật Pháp mà có tâm tu tập Đạo Đế Giới Định Tuệ, do có tâm tu tập Đạo Đế mà có tâm giác ngộ. Tâm trước duyên sinh tâm sau, chúng khác nhau, không phải là một và không cùng tồn tại. Do chấp vào đại ngã *"tánh biết" "như nhiên mà diễn"*, nên dòng Huyền Giác không biết đến sự tu tập lẫn không biết có tâm được tu tập như Phật đã dạy. Nó không biết tâm được tu tập có thể quyết định thời gian nhập thiền hay sử dụng thần thông như ý muốn. Do nghĩ chỉ có một tâm duy nhất tự thấy, tự sửa tâm nên nó có hý luận *"lấy tâm tu tâm" như "con dao tự gọt con dao", "tự bồng tự bế"*.[266] Thực tế có vô số tổ và có tổ chủ trương mù 5 uẩn, chỉ cần hý luận, bác bỏ sự thấy biết tâm, xem sự điên đảo là trí tuệ hơn người.

Với đạo Phật, tu không phải là sự hý luận hay rèn luyện sức khỏe thể lực mà là sự học tập Phật Pháp và thực hành Giới Định Tuệ để có trí tuệ thấy biết giác ngộ giải thoát khổ. Tuy vậy, dòng Huyền Giác chấp thủ ngã tánh, sự vô minh, thiếu học, trái lời Phật, không hành Đạo Đế Giới Định Tuệ, không thấy 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai *"Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ vô minh, kiến tánh thành tổ"*.

[266] ***Lấy tâm tu tâm là nói chơi cho vui vậy thôi, chuyện đó không bao giờ có**, giống như **lưỡi dao không thể gọt lại cán của nó, tự mình bồng bế mình đi dạo chơi**, chuyện đó không thể làm được. (LL1DT)*

Thực chất, chừng nào còn có thân 5 uẩn thì chừng đó còn tiếp xúc 5 cảnh trần sắc-thanh-mùi-vị-xúc, chừng nào còn tiếp xúc 5 cảnh trần, còn suy tư, còn nhu cầu, sở thích ăn mặc, nhà cửa thì chừng đó còn có duyên sinh tham sân, bất kể đó là ở rừng hay đô thị. Rừng rậm với những sự khổ đói, rét, nóng nực, muỗi mòng,... là nơi đày đọa những ai nặng tính tham sân. Tuy vậy, do bởi có ít đối tượng dục lạc, ồn ào nên nơi đó thuận lợi cho sự hành thiền. Không có cái gọi là ở rừng từ lúc nhỏ như loài vật thì sẽ đoạn tận tham. Chỉ có hạnh kham nhẫn, biết khéo tác ý, ít dục biết đủ với sự tu tập thấy biết và quán bản chất thế gian chỉ là năm uẩn vô thường, khổ, vô ngã mới đưa đến sự viên mãn trí ly tham.

Do không biết đến bậc Arahant chứng đạt Lậu Tận Trí, đoạn tận tham nên dòng Huyền Giác có hý luận không thể diệt tham.[267] Hơn thế, vì không biết rời chấp ngã, nó ngỡ phải có ngã thì mới có diệt tham. Nó không biết tham sinh do duyên, không biết đến sự sống theo Pháp, tác ý thiện, tránh bất thiện là sự cắt duyên sinh tham, không biết thiện và bất thiện không thể đồng thời tồn tại, không biết nghiệp làm vắng mặt tham sân si là sự diệt tham sân si.[268]

---

[267] *Xét cho cùng, có thể hạn chế tham sân, nhưng diệt tận tham sân là điều không thể, vì* ***tham sân là pháp duyên hợp, vì khi nó chưa đến, thì ta biết đâu mà diệt, khi nó đến thì đã đến, nó qua rồi thì đã diễn ra. Cả ba thời đều không thể diệt****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[268] *Suy cho cùng, mình là ai để tận diệt được tham sân, ngay đương xứ đây, mình không có, vạn pháp vô ngã, vậy lấy ai và cái gì để diệt tận tham sân.*

Dòng Huyền Giác không biết rằng *chỉ có bậc Arahant* mới không còn tham sân si. Nó ngỡ là ai cũng có thể không còn tham sân như bậc Arahant. Vì không biết các vị Arahant không còn tham hiện hữu, chỉ chờ tịch diệt nên nó lo là các vị ấy không có chất lượng sống tốt vì không biết tham.[269] Trong khi nhiều bộ lạc còn tham sân ở châu Phi chống đối đời sống hiện đại, chỉ ưa đời sống hoang dã thì nó ngỡ ai cũng có nhu cầu hiện đại để chứng minh lợi ích tham sân.

Và dòng Huyền Giác không có trí biết làm điều nên làm, tránh điều không nên. Nó chỉ biết hành động theo động cơ tham sân si chấp ngã,[270] không biết đến trí tuệ, hành động mà không cần tham sân si. Nó chỉ biết tham sân, thiển cận ngỡ chỉ tham sân mới đưa đến lợi ích, không biết tham sân là nhân đưa đến *khổ cảnh súc sinh*... và khổ luân hồi lâu dài.

---

[269] ***Nếu không có tính tham sân***, *con người mãi mãi ăn lông ở lỗ, sinh sống bằng hái lượm.* ***Nhờ tham sân***, *nhờ không bằng lòng với những gì đang có, vì khát khao một cuộc sống tốt đẹp hơn, no đủ hơn, tiện nghi hơn, đầy đủ hơn, mà nhân loại mới có ngày hôm nay, với* ***chất lượng cuộc sống*** *khác xa, rất xa so với chất lượng cuộc sống của con người thời hồng hoang nguyên thủy. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[270] *Nhưng nếu tham chỉ là lòng mong muốn, đói muốn ăn, khát muốn uống, muốn thoả mãn những nhu cầu vật chất cần thiết,* ***muốn cuộc sống tốt đẹp hơn, muốn sáng kiến phát minh*** *để cải thiện điều kiện lao động, muốn thành công để giúp ích cho cộng đồng, muốn giàu có bằng con đường lao động chân chính, muốn cuộc sống an lành, muốn xã hội ngày một tốt hơn. Nếu tham dục như thế thì chính lòng tham dục đang thúc đẩy cho xã hội phát triển và ngày một tốt hơn, để con người được hạnh phúc.*

*Nếu sân có nghĩa là không bằng lòng, không ưng ý, là nghịch lòng thì sự sân này có thể dẫn đến sự tốt đẹp hơn. Ví dụ: nhà bị dột, bực mình (sân) trèo lên lợp lại cho kín (tốt đẹp), sáng dậy mở cửa nhà,* ***thấy bãi cứt chó, bực mình (sân) dọn sạch, nhờ bực mình mà nhà cửa sạch sẽ****. (LL1DT)*

Nó không biết người ưa sống trong Pháp, ưa tác ý đến thiện, hành động mà không cần tham sân. Nó không biết người có tánh từ bi thì biết vì người mà làm những điều tốt đẹp, tức làm các thiện pháp bố thí, giữ giới, phục vụ, có thể vì người mà dọn rác, không cần tham sân si, vì mình thì mới dọn.

Thật ra, tham sân có thể là duyên cho thiện pháp. Ví dụ, do yêu đứa bé mà cho kẹo, nghiệp bố thí ấy tuy bị ô nhiễm bởi tham nhưng đó vẫn là thiện, vẫn hơn chỉ dừng ở thương nhưng không cho hay giúp gì. Vì ghét A nên cho đồ người mà A ghét, nghiệp bố thí ấy *tuy bị ô nhiễm bởi sân* nhưng vẫn tốt hơn chỉ dừng ở sân. Ở đây, việc cho vũ khí, ma túy... thì không phải là thiện. Và người vì mình mà làm thiện tốt hơn kẻ vì ích kỷ mà không làm thiện. Kẻ làm thiện ngã mạn tuy thua người không ngã mạn nhưng tốt hơn kẻ ích kỷ ác giới. Và kẻ thiếu trí thì chê ai vì mình mà làm thiện pháp chứ không chê ai vì mình mà dụng công làm ăn, ích kỷ, ác giới.

Đạo Phật có mục đích là thoát khổ. Phật không dạy lạc ngắn ngủi tốt hơn lạc lâu dài hay khổ lớn tốt hơn khổ nhỏ.

Thực chất, thiện pháp có nhiều loại và chỉ có Đạo Đế Giới Định Tuệ mới có thể đưa đến chứng đạt Lậu Tận Trí. Giữa các hành động thiện, làm thiện vì mục đích đầu tư cho duyên lành chấm dứt sinh tử thì trí tuệ hơn là vì các lạc trong luân hồi hay si, ly trí, không biết gì đến nghiệp quả. Riêng các bậc Arahant thì có cả phàm trí lẫn Thánh Trí, không còn tham sân si để hành động vì tham sân si.

Thực chất, *"bậc tu hành chân chính"* của dòng Huyền Giác chỉ biết hý luận, làm thơ khoe mình *"chứng đạo", "an nhiên tự tại"*, chứ chưa hề đoạn tận lậu hoặc tham sân si, giác ngộ Niết-bàn. Tuy hô vô ngã, có *"nhận thức đúng"* về *"không"*,[271] *"chẳng có ai chết"*,[272] mạng mình là mạng người nhưng họ sân si, không biết làm gì ngoài sân si bạo lực, không có từ bi trí tuệ, không có trí biết lợi - hại, điều nên làm.[273]

Do thiếu học, dòng Huyền Giác không biết có bồ-tát và các bậc Thánh cư sĩ. Bồ-tát đã vô số lần bố thí trong vô số kiếp quá khứ, không chỉ bố thí tất cả tài sản mà còn bố thí cả vợ con, chi phần cơ thể và mạng sống. Cụ thể, tiền thân Vessantara là kiếp mà bồ-tát đã bố thí vợ con. Nó không biết rằng các bậc Thánh cư sĩ dù có chết cũng không bao giờ phạm giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, dùng chất say.

---

[271] *"Với thiền tông, ngay khi đang sống đây, khi đang đi đứng nói cười đây mà cũng là không,* ***đương xứ tức không****, vốn dĩ* ***xưa nay là không****". (LL1DT)*

[272] ***Một vị thầy thiền tông giảng****:* ***vì vô ngã****, nên* ***không có ai sanh****,* ***chẳng có ai chết****, sau khi thân ngũ uẩn tứ đại này nhắm mắt tắt thở, thì không có ai là người tái sanh, đó là sự thật. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[273] *Vì cho rằng sân là xấu, là cái cần phải đoạn tận, nên khi chứng kiến ăn cướp vô nhà, đánh đập vợ con, ông chồng vẫn thản nhiên ngồi nhìn, vì cho rằng* ***nếu chống lại kẻ ác là còn tham sân, là không phải Phật tử chân chánh không nên khởi ý sân****. Cái không sân ấy là đáng ca ngợi hay đáng bị khiển trách?*

***Ở đời chuyện đó, không bao giờ có, ngay cả với bậc tu hành chân chính****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Và dòng Huyền Giác không biết điều kiện làm Phật tử là phải có lòng tin, nương tựa Tam Bảo và giữ ít nhất 5 giới. Nó ngỡ vô sân là điều kiện để là Phật tử chân chính.[273]

Do thiếu học nên dòng Huyền Giác không biết vô sân là phẩm chất chỉ có *ở bậc Thánh Bất Lai và Arahant*, không biết rằng sự suy xét tránh tham sân si không phải là pháp môn. Chỉ có những thiện pháp như từ bi hỷ xả, bố thí, giữ giới, nhập thiền, quán vô thường, khổ, vô ngã... mới là pháp môn tránh tham sân si. Sát-na tác ý thực hành thiện pháp chính là sát-na vô tham, vô sân. Theo quy luật của tâm, trong một sát-na thì chỉ có một tâm, một tâm chỉ biết một cảnh và tâm là sinh diệt vô thường, các tâm thiện và tâm bất thiện tồn tại xen kẽ nhau chứ không cùng tồn tại. Tác ý làm thiện dựa trên hiểu biết nghiệp quả là thiện nghiệp hợp trí, vô si, nếu không biết đến nghiệp quả thì đó là thiện ly trí, có si. Hành thiện vì duyên giải thoát luân hồi thì đó là ba-la-mật.

Thật ra, kẻ thiếu trí mới ưa giải quyết vấn đề bằng nói láo hay giết chóc. Người trí biết nghiệp quả khi gặp cướp thì có nhiều điều nên làm, không cần phải thản nhiên hay đòi giết cướp hay để bị giết hết. Họ nghĩ điều nên làm, tìm cách ít khổ nhất, họ không cần ngăn cái ác này bằng cái ác khác tệ hơn. Họ sẽ không tiếc của, họ có thể ngăn cản, đỡ đòn, giục mọi người *"tẩu vi thượng sách"*, hô hoán tìm người giúp, cuối cùng là xác định có duyên sinh tử, có quả khổ rồi thì không cần tạo ác nghiệp gây khổ lâu dài cho mình và người.

Thực chất, đặc tính của giới là sự phối hợp, là nền tảng cho các thiện pháp, có nhiệm vụ là chặn đứng tà hạnh, có thành tựu là không lỗi, có nhân gần là hổ thẹn tội lỗi (tàm) và ghê sợ tội lỗi (úy) (Thanh Tịnh Đạo).

Thật ra, giới dành cho đạo làm người cơ bản chỉ là 5 giới. Và do là một tôn giáo hướng đến sự giải thoát, nương nhờ các thí chủ, đạo Phật có các quy định về hành vi, lối sống, quan hệ trong nội bộ, với thí chủ và mọi người. Nhờ đó, các tỷ-kheo thành tựu sự không lỗi, không bị người trí chỉ trích, có sự an lạc làm nền tảng cho thiền Định, thiền Tuệ, là ruộng phước cho những ai cần phước. Và Phật chế giới là vì 10 điều lợi ích.[274] Thực chất, giữ giới là cơ sở để Giáo Pháp tồn tại lâu dài. Giới Luật đức Phật thì được người trí ca ngợi, nhưng lại bị người thiếu trí, tham dục chê bai bài xích.

Thật ra, vì ác giới đem lại lợi ích nên nhiều người ác giới. Tuy vậy, đó là lợi nhỏ ngắn ngủi trước mắt so với quả khổ lâu dài do sự ác giới. Trái lại, giữ giới đem lại lợi ích lâu dài nhưng tùy theo căn tánh, mức độ tham sân si, từ bi, trí tuệ mà sự giữ giới của một người là khổ hay lạc.

[274] *Này các tỳ khưu, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. (Vin.Vi.1.1)*

Hơn nữa, Giới chỉ giúp ngăn cản sự vi phạm bất thiện thô thể hiện qua thân và lời nói. Giới không thể ngăn suy nghĩ tham sân, tà kiến. Chỉ có sự nhập định mới có thể ngăn cản 5 triền cái là *tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi* khởi lên trong tâm. Và sự thực hành thiền Tuệ thì diệt trừ tà kiến, hoài nghi về quá khứ-hiện tại-vị lai. Tham sân si là ngủ ngầm khi đang hành thiện, nó sẽ khởi lên khi có duyên. Chỉ Lậu Tận Trí mới vô hiệu hóa duyên sinh chúng.

Do người xuất gia hướng đến ly tham, giải thoát thì phải khác với người tại gia hưởng dục nên Phật dạy mười điều quán tưởng của bậc xuất gia.[275] Bậc trí thì kham nhẫn trong thiện pháp, kẻ ly trí *"kham nhẫn"* với sự dễ duôi tham sân si.

---

[275] *Mười điều quán tưởng của bậc xuất gia:*

*Bậc xuất gia **nên thường quán tưởng**: "Ta có **tướng mạo khác kẻ thế**".*

*...quán tưởng: "**Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác**".*

*...quán tưởng: "**Hành vi của ta phải khác kẻ thế**".*

*...quán tưởng: "Phải chăng ta không tự trách giới hạnh của mình được chứ?"*

*...quán tưởng: "Phải chăng các bạn đồng phạm hạnh trí thức khi xét đến ta, sẽ không chê trách ta về giới hạnh chứ?"*

*...quán tưởng: "Ta cũng phải biệt ly với tất cả những người thân kẻ mến".*

*...quán tưởng: "Ta có nghiệp là sở hữu, ta thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là chỗ nương, ta tạo nghiệp tốt hay xấu gì thì sẽ hưởng quả của nghiệp ấy".*

*...quán tưởng: "Ngày và đêm trôi qua, ta **đã làm gì**?"*

*...quán tưởng: "Ta có **ưa thích ở nơi thanh vắng** chăng?".*

*...quán tưởng: "Ta có chứng được **pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng** của bậc thánh hay chưa? để lúc lâm chung các bạn đồng phạm hạnh hỏi đến, ta sẽ không hổ thẹn".(A.10.48)*

Đức Phật chế định Giới Luật còn là vì từ bi, để ngăn đệ tử hưởng dục, tạo bất thiện nghiệp chứ không phải để làm hại đệ tử. Cụ thể, Luật thường có ngoại lệ cho các vị bị bệnh hay gặp tình huống bất trắc, tai nạn, nguy hiểm.

Vì đời luôn có kẻ ngu nên không chỉ Phật bị vu khống,[276] mà Giới Luật cũng hay bị xuyên tạc, chỉ trích. Cụ thể, các Tỷ-kheo hành Thu Thúc Lục Căn, một trong 4 Thanh Tịnh Giới[277], không để các căn phóng dật theo ngoại cảnh, có thể bị chỉ trích bởi những kẻ không biết Sa-môn hạnh, *bất phân thiện, bất thiện*.[278] Kẻ ngu *phân biệt đúng-sai, tốt-xấu* dựa trên tham sân si, ngã mạn, nhu cầu sở thích. Người trí phân biệt đúng-sai, tốt-xấu dựa trên sự thật, lời Phật và lợi ích lâu dài.

Và dòng Huyền Giác thì mất trí phân biệt đạo Phật với Khất sĩ, không biết giới Khất sĩ thì không phải giới đạo Phật. Cụ thể, nó có câu chuyện vì giữ giới mà chùa Khất sĩ không giúp dập lửa, khiến cả xóm bị cháy, trừ chùa không cháy.[279]

[276] *Nữ ngoại đạo Sundarī bịa đặt quan hệ với đức Phật, rồi bị ngoại đạo thuê cướp giết để vu khống Phật, đám cướp bị bại lộ khi say rượu.(DhpA306)*

[277] *Gồm các Giới là Giới Nuôi Mạng Chân Chính, Giới Thu Thúc Lục Căn, Giới Quán Tưởng Các Vật Dụng và Giới Bổn Patimokkha.*

[278] *Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khưu ấy đã mặc y, cầm y bát, và đi vào vùng Kiṭāgiri để khất thực. Vị ấy* ***có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi****. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đã nói như vầy:*

*- Người này là ai mà trông giống như kẻ ngu trong nhóm người ngu, giống như kẻ khờ trong nhóm người khờ, giống như kẻ ngớ ngẩn trong nhóm người ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bố thí đồ ăn đây? (VinVi.S13)*

[279] *Người có giới luật đương nhiên là tốt hơn người phóng túng. Nhưng người bị giới luật trói buộc thì có thể tệ hơn người không có giới luật.*

Thật ra, đạo Phật không phải là đạo của ngu dốt, ích kỷ, nhà hàng xóm cháy thì nhìn, đợi chùa bị cháy lan thì mới chữa lửa. Quả thật là đức Phật có quy định các Tỷ-kheo cần phải chỉnh tề khi vào làng nhưng vẫn là có ngoại lệ trong các sự cố như lũ lụt, hỏa hoạn, gặp thú dữ...[280]

Và ai ưa bài xích Giới thường không biết có điều ngoại lệ. Họ ưa tham dục, dùng sự cố để chỉ trích giới, trong đó, giới tăng tàng chạm người nữ dễ là đối tượng bị họ chỉ trích.[281]

---

*Chuyện thứ nhất xảy ra tại tỉnh Bạc Liêu. Chuyện như sau:* ***trước mặt ngôi chùa khất sĩ có một xóm nhà dân ở đối diện, tối hôm ấy, đột nhiên bị hoả hoạn****, các gia đình nạn nhân bận bưng bê đồ đạc ra khỏi nhà, các vị sư trong chùa tay xô, tay thùng, xách nước dập lửa,* ***vì thế mà y áo không trang nghiêm****. Bỗng vị sư trụ trì xuất hiện, bắt tất cả các sư phải trở về chùa và khiển trách:* ***tăng tướng oai nghi như vậy mà coi được à? giới luật để đâu? phải trở về chùa ngay! Các sư trở về chùa, ngọn lửa cháy to hơn, thiêu rụi cả xóm. Về sau, dân quanh vùng đó từ mặt nhà chùa, không ai dến viếng, các sư chán nản cũng bỏ chùa ra đi, ngôi chùa trở nên vắng vẻ, đìu hiu****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[280] *Và này các tỳ khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Ta sẽ quấn y (nội) tròn đều" là việc học tập nên được thực hành. Nên quấn y (nội) cho tròn đều với việc che kín vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị nào quấn y (nội) để lòng thòng ở phía trước hoặc phía sau* ***do không có sự tôn trọng*** *thì phạm tội dukkaṭa (tác ác).*

***Không cố ý****, khi* ***thất niệm****, vị* ***không biết****, vị* ***bị bệnh****, trong những lúc* ***có sự cố****, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên* ***thì vô tội****. (Tạng Luật-Chương Ưng Học)*

[281] *Và này các tỳ khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy: "Vị tỳ khưu nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ là sự nắm lấy tay, hoặc nắm lấy búi tóc, hoặc sự vuốt ve bất cứ bộ phận nào thì tội saṅghādisesa."*

***Vị không cố ý, khi tâm không ghi nhận (asatiyā), vị không biết, vị không thích thú, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội****. (Điều Tăng tàng thứ 2)*

Thật ra, nếu chạm người nữ mà không có tâm thích thú thì là vô tội. Nếu có tâm dục nhưng không chạm trực tiếp, mà gián tiếp qua dây, gậy... thì sẽ phạm giới nhẹ hơn.

Và dòng Huyền Giác còn có câu chuyện khó tin khác về giới không chạm người nữ. Câu chuyện kể giữa công trường xây dựng vắng vẻ thì có một cô gái không rõ vì sao chới với kêu cứu trong một cái hồ và được một *"vị sư"* phát hiện. Và vị ấy đã dùng *"pháp môn" "câm"*, không hô hoán cũng như không có tâm bi *quăng dây, cây gỗ ở công trường* để kéo người mà lại chạy đi tìm người biết bơi nhảy xuống cứu.[282] Ở đây, nó nghĩ là cứ biết bơi thì sẽ cứu được người đuối nước mà không biết rằng có nhiều trường hợp nạn nhân hoảng loạn ôm kéo người cứu khiến cả hai đều chết. Nó chỉ biết nghĩ ra điều ngu dốt là cứu người vì tham dục, cần nhảy xuống hồ.

Thực chất, do bị từ bi, trí tuệ, lợi ích lâu dài trói buộc mà người trí giữ giới. Do chấp tham sân si, lợi ích trước mắt, bị phiền não tham sân trói buộc mà nhiều người bài xích giới.

Thật ra, với cái gọi là *"vì vô ngã, nên không có ai sanh, chẳng có ai chết"*, dòng Huyền Giác không nên bận tâm đến cái chết và không có tư cách chê ai không cứu được người.

---

[282] *Chuyện thứ hai;* ***cũng ở miền tây****, một vị sư đi qua một công trường đang xây dựng, vì đang nghỉ lễ,* ***công trường rất vắng vẻ****, bỗng sư nghe* ***tiếng kêu cứu****, chạy lại, sư thấy một phụ nữ đang* ***chới với trong hồ nước*** *đầy. Vị sư* ***chạy đi tìm người đến cứu****, tìm được đến nơi, người phụ nữ ấy đã chết. Vị sư rất đau khổ, thốt lên: "Nếu tôi* ***nhẩy xuống cứu ngay thì đâu đến nỗi*** *..." Có người vặn hỏi: Sao sư không nhẩy xuống cứu, sư trả lời: vì sư không được phép chạm vào thân thể người phụ nữ. (LL1DT)*

Với hý luận xem sự hiện hữu là *"không", "không thật có"*, bác bỏ sự thật có sinh tử, chấp chỉ *"tánh biết"* là *"thật có"*, thấy tất cả là do *"tánh biết như nhiên mà diễn"*, không biết có nghiệp quả, ý thức học hành, trí-ngu thì dòng Huyền Giác chớ nên phàn nàn về cái chết hay về cách cứu người. Với nó thì đập nát tổ cũng chỉ là *"như nhiên mà diễn"*, không có gì là sai trái, tội lỗi. Nó không biết rằng chấp đại ngã là điên đảo.

Con người không ai tránh khỏi chết, nhưng đó không có nghĩa là ai cũng phải tái sinh vào khổ cảnh. Với tri kiến chấp ngã *"tánh biết"*, dòng Huyền Giác bác bỏ nghiệp quả, sinh tử, tức nó hại tín đồ có nghiệp tà kiến, đi đến khổ cảnh.

***Ước Mơ***

Đời không cấm ước mơ. Tuy vậy, có nhiều người dùng ước mơ để nghĩ mình hơn người. Và tông phái của những người chia rẽ Tăng có ước mơ *"thành Phật cứu độ chúng sinh"*, và hay dùng ước mơ ấy khi dễ người hành theo lời Phật.

Thật ra, các tông phái chỉ có ước mơ, tri kiến trái lời Phật chứ chẳng có gì là *"cứu độ chúng sinh"*. Tuy hô *"từ bi", "cứu độ chúng sinh"* nhưng thực tế là họ tham ky cóp, tích trữ, ích kỷ không dám xả tài sản cho chúng sinh. Họ không có tư cách chê những ai học, hành, giúp mình và người giải thoát khổ luân hồi. Họ không biết là họ có tri kiến mâu thuẫn, dùng ước mơ để phân hơn thua. Đừng nghe họ nói điều hay ho mà hãy nhìn họ chấp thủ sự mâu thuẫn, vô minh tham ái, trái điều Phật giác ngộ, chỉ dạy, tự huyễn đó là *"phát triển"*.

Và dòng Huyền Giác chỉ biết có vật chất vô tri, không biết có ý thức và năng lực học tập, ghi nhớ, rút kinh nghiệm của ý thức. Nó chỉ có tầm nhìn cực đoan một duyên vật chất trong khi con người không phải chỉ là vật chất. Cụ thể, nó cho rằng *“phẩm chất con người”* được định hình bởi vật chất trứng và tinh trùng.[283] Ở đây, nó ngỡ rượu có thể tức thời cắt đuôi tinh trùng, tinh trùng *đứt đuôi* vẫn có thể di chuyển thụ thai, khiến *“phẩm chất con người”* bị dị tật.

Con người hơn con vật là ở chỗ biết ý thức, không phải ở sức mạnh. Người to không có nghĩa là người tốt nhưng gà to lại được xem là gà tốt. Phẩm chất con người là nằm ở trí tuệ và đạo đức. Trứng, tinh trùng chỉ đảm bảo phần *“con”* trong *“con người”*, nó không thể định hình phẩm chất con người, không đảm bảo đó là người tử tế hay vô lại, không khiến ai biết đọc viết, có trí tuệ, đạo đức. Chỉ có ý thức học tập, ý chí nỗ lực mới định hình phẩm chất con người. Không có trứng,

---

[283] ***Phẩm chất của một con người*** *sắp ra đời sẽ được định hình trước cái đêm bố mẹ gặp nhau. Phẩm chất ông bố như thế nào sẽ có con tinh trùng tương ứng. Nếu ông bố là người có sức khỏe về thể chất và tinh thần, nếu ông bố là người sống đạo đức, điềm đạm, vị tha sẽ ảnh hưởng vào phẩm chất con tinh trùng. Đối với trứng của bà mẹ cũng tương tự. Nếu bố mẹ như thế thì đứa con sinh ra cũng hao hao với bố mẹ. Nếu ông bố là người nhậu nhẹt say sưa,* ***trong cơn say xỉn*** *lại đòi gần mẹ, trong trường hợp này, con* ***tinh trùng bị đứt đuôi****, đứa bé sinh ra chắc chắn sẽ có dị tật. “Tánh biết” chỉ như pháp mà hiện diễn,* ***hình tướng như thế nào thì “tánh biết” hiện diễn ra cái dụng như thế ấy****. Tướng người du côn thì “tánh biết” hiện diễn ra cái dụng du côn.* ***Thế gọi là như pháp****.* ***Tướng người du côn****, bản chất con người ấy du côn, mà* ***tánh biết diễn ra cái dụng đạo đức cao cả, hành vi thánh thiện, như thế là không như pháp. Chuyện đó chắc là không có****. (LL1DT)*

tinh trùng, vật chất, *"tánh biết"* nào quyết định sự biết 1+1=2.

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác có thế giới quan đơn giản, không bận tâm bản chất phức tạp của thế giới. Nó nhìn đời đơn giản theo khía cạnh vật chất, theo cách hợp với *"trí tuệ"* của nó. Nó không biết con người là phức tạp, hơn loài vật và vật chất ở chỗ có ý thức. Thực tế, thế gian có nhiều người vẽ ra thế giới quan, mô hình lịch sử xã hội theo chủ quan méo mó, đảo lộn nhân quả, chỉ dựa trên yếu tố vật chất, bỏ qua yếu tố phi vật chất như *trí-ngu, sự học tập, giáo dục, kinh nghiệm, nhu cầu, sở thích, thời gian, nơi chốn...*

Vì con người có ý thức, không phải là vật chất vô tri nên dù tướng người là hiền hay dữ thì ý thức vẫn do duyên mà làm thiện-ác, không có ai ở đời chưa từng làm thiện và ác. Do vậy, không có cái gọi là *"hình tướng như thế nào thì "tánh biết" hiện diễn ra cái dụng như thế ấy. Tướng người du côn thì "tánh biết" hiện diễn ra cái dụng du côn.* ***Thế gọi là như pháp***". Thực tế, vị Aṅgulimāla là *có hảo tướng*, xuất thân từ gia đình Bà-la-môn danh giá, nhưng vì bị thầy lừa hại mà trở thành tên cướp giết cả ngàn người. Tuy vậy, sau khi được đức Phật tế độ thì đã tu tập và chứng quả Arahant. Kẻ nông cạn mới đánh giá con người *qua diện mạo, lý lịch, nguồn gốc xuất thân*.

Thực tế, *ý thức là có thể thay đổi 180°*. Khoảnh khắc trước có thể có suy nghĩ, hành động xấu ác, nhưng liền sau đó lại là thiện, hoặc ngược lại. Điều đó chẳng có can hệ gì tới tướng người lẫn phẩm chất trứng, tinh trùng.

Phần lớn, tâm thế nào thì có hành động, lời nói thế ấy. Tuy vậy, kẻ gian có thể ẩn giấu hoặc bộc lộ sự gian ác trong tướng người tử tế lẫn du côn. Do đó mà đời có câu ca dao, tục ngữ *"tốt gỗ hơn tốt nước sơn", "dò sông dò biển dễ dò, nào ai lấy thước mà đo lòng người"*.

Như trẻ nhỏ, dòng Huyền Giác *nhìn mặt mà bắt hình dong*, có kết luận mau lẹ dựa vào dáng vẻ, hình thức bên ngoài, chỉ biết nhìn tướng mà không biết suy xét đời có sự lừa dối, hào nhoáng, không biết đời có nhiều kẻ dối trá, đạo đức giả, giỏi đóng kịch, làm thơ văn ca ngợi bản thân nhưng thật ra là tay sai ngoại bang, vu oan giá họa, giết người cướp của, bất kể đó là ân nhân. Và bất kể tướng người là xấu hay đẹp thì chỉ có những người thiếu trí mới lừa dối, làm và tin vào những điều ngu ngốc như câm, gánh dép... Người thiếu trí thì ít để tâm phân biệt cốt lõi đúng - sai, thật - giả, tốt - xấu. Họ thường chỉ biết đánh giá nông cạn hình thức bề ngoài.

Thực chất, trí tuệ, đạo đức, thể chất cha mẹ chỉ là một số duyên ảnh hưởng đến đứa con. Thế gian vẫn có câu *"cha mẹ sinh con, trời sinh tính", "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*. Không phải vô cớ Phật dạy *"Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc trí"*. Thực tế, sau khi nghe lời Phật, vô số người có hình tướng, tính cách khác nhau đã nỗ lực làm thiện, tránh ác. Do đó, không nên đánh giá phẩm chất con người hay có thế giới quan hời hợt, nông cạn chỉ biết nhìn vào hình thức bề ngoài hay vật chất trứng, tinh trùng.

Và dòng Huyền Giác ngỡ *"theo cuộc đời mà sống"* là hay ho mà không biết rằng theo cuộc đời là đấu đá, tham sân si, ngã mạn,[284] và như vậy thì không có cái *"tâm thái an dùng vô ngại"*[285]. Đừng nghe nó nói *"không",*[286] mà hãy nhìn nó *"an nhiên"* chấp tham sân si, dụng công làm ăn..., chứ không chấp giới. Vì đạo Phật là *"Đi ngược dòng, thâm diệu" (M.85)* nên thứ *"đạo sống"* ấy chẳng liên can gì đến đạo Phật.

Trong khi người trí biết sợ khổ, nhất là khổ lâu dài và bậc Lậu Tận không còn tham sân si, khổ tâm thì kẻ có nhiều si có thể không sợ khổ, nhất là khổ lâu dài, cần được thức tỉnh.

Đức Phật không buộc ai phải theo Phật. Lòng tin, trí tuệ, lợi ích lâu dài và đạo làm người đã ràng buộc người trí nghe theo Phật, làm thiện, tránh ác. Họ biết xấu hổ, sợ hãi khi bị tham sân si chế ngự mà ác giới. Họ không dùng miệng lưỡi để lộng giả thành chân, bào chữa, ca ngợi tham dục sân si để có thể ung dung làm ngược đạo lý con người và lời Phật.

---

[284] *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hạng người đi thuận dòng**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thọ hưởng các dục và làm các nghiệp ác.(A.iv.5)*

[285] *Đã có mặt trong đời **thì theo cuộc đời mà sống**, ai cũng vậy thôi, cũng phải làm ăn, cũng phải cố gắng để cải thiện cuộc sống, cũng gánh vác bao nhiêu sự việc cần thiết phải làm mà thế nhân gọi là trách nhiệm: với vợ con, với cha mẹ, với họ hàng, **khi tổ quốc lâm nguy cũng có thể xông pha vì sự sống còn của đồng bào tổ quốc**. Trong bộn bề sự việc mà **tâm thái an dùng vô ngại** ấy **là Đạo sống**. Cũng biết làm giàu, cũng cầu học hỏi, cũng sáng kiến, phát minh, **cũng lăn lộn giữa dòng đời được mất**, hơn thua, xấu tốt mà **tự tại vô ngại** thì **đó là đạo sống**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[286] *Với thiền tông, ngay khi đang sống đây, khi đang đi đứng nói cười đây mà cũng là không, **đương xứ tức không, vốn dĩ xưa nay là không**.(LL1DT)*

Và do không bị trí tuệ ràng buộc nên dòng Huyền Giác không theo Phật, mà làm ngược, làm xuôi, không phân biệt đúng-sai, bất cần sự thật, lẽ phải, thuận theo cuộc sống tham sân si, để sự kiêu mạn, phi pháp ràng buộc, trôi theo cuộc sống tham sân si mà nghĩ mình là chính mình.[287]

Thực tế, Phật mất vô số kiếp để tự mình giác ngộ, rồi dạy Bốn Sự Thật Cao Thượng như đầu bếp tối thượng tốn công bày ra các món ngon bổ dưỡng. Tuy vậy, dòng Huyền Giác xem sự học theo lời Phật như là ăn đờm giãi của Phật.[288] Đừng nghe nó nói *"kính yêu Phật", "hành theo lời Phật"*[289] mà hãy nhìn nó không tu tập Giới Định Tuệ theo lời Phật. Nó ngỡ hý luận đảo nghịch những điều Phật dạy là *"trí tuệ"*, ngỡ lòe hý luận, tạo đờm giãi của riêng mình thì tốt hơn là học, hành, giác ngộ những điều Phật đã giác ngộ và chỉ dạy.

---

[287] *"Phật là Phật, tổ là tổ, chân lý là chân lý, mình là mình,* ***đừng đặt chân mình lên dấu chân Phật****. Mình* ***lĩnh hội cái tinh túy****, mình* ***sống và hành động theo nhận thức của mình****, mình* ***có thể làm ngược****, mình* ***có thể làm xuôi****, mình có thể "ung dung trong ràng buộc" (Viên Minh), mình sống* ***thuận theo cuộc sống chứ không theo đúng sai****.* ***Mình phải luôn luôn là chính mình****." (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[288] *Ý câu chuyện khuyên những người học Phật phải biết tiêu hoá những lời Phật dạy,* ***biến những lời Phật dạy thành trí tuệ****, bằng không, học chỉ để thuộc lòng,* ***chỉ để trích dẫn khi viết hay nói cho ai đó cho oai****,* ***để loè người khác về sự học vấn của mình****, học như thế theo thuật ngữ ví von của Thiền gọi là* ***nuốt đờm giãi của Phật****, Tổ,* ***học như thế không khác gì nhân viên ngân hàng suốt ngày ngồi đếm tiền, mà trong số tiền đó, chẳng có đồng xu cắc bạc nào là của mình****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

[289] *"****Kính yêu Phật****, mong cho* ***Phật giáo trường tồn****, không khác gì hơn là* ***cố công học hiểu và hành những điều Phật dạy****." (LL1DT)*

Đức Phật thuyết dạy là để giúp đệ tử có sự hiểu biết các sự thật, biết cả điều lợi ích lẫn điều khổ đau lâu dài. Với hiểu biết ấy, đệ tử của Phật khác với kẻ ngu và loài vật. Họ có nghề nuôi mạng vô hại, làm phước thiện[290], có hiểu biết nghiệp quả, duyên sinh, không có cái ngã nào làm chủ sự tồn tại, biết vì lợi ích lâu dài, tránh ích kỷ, chấp ngã, ác giới.

*Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,*
*Khéo huấn luyện học tập,*
*Nói những lời khéo nói*
*Là điềm lành tối thượng.*

*Bố thí, hành đúng pháp,*
*Săn sóc các bà con,*
*Làm nghiệp không lỗi lầm*
*Là điềm lành tối thượng.*

*Hiếu dưỡng mẹ và cha,*
*Nuôi dưỡng vợ và con,*
*Làm nghề không rắc rối*
*Là điềm lành tối thượng.*

*Chấm dứt, từ bỏ ác,*
*Chế ngự đam mê rượu,*
*Trong pháp, không phóng dật*
*Là điềm lành tối thượng.(Sn 46)*

Thật ra, người trí là người biết thiện xảo trong tác ý, tùy đối tượng mà có sự tác ý để đạt thiện pháp. Và sự tác ý đúng là dựa trên hiểu biết về nghiệp quả, thiện-ác, biết bản chất thế gian là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Hơn nữa, họ biết thường suy tư đến các thiện pháp với tâm từ bi hỷ xả. Với tâm từ bi hỷ xả và hiểu biết nghiệp quả, họ sẽ dễ bố thí, giữ giới, làm thiện, tránh ác, *không sân si với đời hay quả khổ mà họ đang chịu*. Với sự khéo tác ý hoan hỷ các thiện nghiệp đã làm, lợi ích mà các chúng sinh khác đã nhận, cũng như

[290] *Bố thí, giữ giới, hành thiền, cung kính bậc thiện trí,* ***phục vụ*** *(giúp đời), chia phước, hoan hỷ phước, nghe Pháp, thuyết Pháp, làm thẳng tri kiến.*

biết nguyện tránh phạm lại bất thiện nghiệp quá khứ, người trí tạo ra thiện nghiệp mới, thoát sự hối tiếc sai pháp. Đạo sống của Phật tử là sự khéo tác ý thực hành thiện pháp theo lời Phật dạy. Nhờ hiểu biết nghiệp quả thiện-ác mà các Phật tử nhìn thế gian bằng con mắt trí tuệ, khác với kẻ ngu.

*Nghiệp ác đã được làm,*
*Như sữa, không đông ngay,*
*Cháy ngầm theo kẻ ngu,*
*Như lửa tro che đậy. (PC71)*

*Người hiền thấy là ác,*
*Khi thiện chưa chín muồi.*
*Khi thiện được chín muồi,*
*Người hiền thấy là thiện.(PC120)*

Thực tế, Phật tử phàm phu là có thể bị khuất phục trước tham sân si mà làm các bất thiện pháp. Tuy vậy, chừng nào còn kính trọng Tam Bảo, còn tôn trọng sự thật thì chừng đó họ còn nhận biết họ là sai, còn không nhào nặn Giáo Pháp thành thứ hợp với danh lợi, thỏa mãn tham sân si, ngã mạn.

*Không đáng hổ, lại hổ.*
*Việc đáng hổ, lại không.*
*Do chấp nhận tà kiến,*
*Chúng sanh đi ác thú.(PC 316)*

*Không lỗi, lại thấy lỗi,*
*Có lỗi, lại thấy không,*
*Do chấp nhận tà kiến,*
*Chúng sanh đi ác thú.(PC 318)*

*Không đáng sợ, lại sợ,*
*Đáng sợ, lại thấy không,*
*Do chấp nhận tà kiến.*
*Chúng sanh đi ác thú.(PC 317)*

*Có lỗi, biết có lỗi,*
*Không lỗi, biết là không,*
*Do chấp nhận chánh kiến,*
*Chúng sanh đi cõi lành.(PC319)*

Ở đời thì không có ai chưa từng phạm sai lầm. Do vậy, vấn đề là biết chọn theo lý trí, lẽ phải, sự thật, có bản lĩnh nhận biết sai, không vì cái tôi mà cố chấp sự sai trái, giả dối.

### *"Tham Phước"*

Thật ra, mục đích của Phật là giúp chúng sinh biết về khổ và diệt khổ.[291] Trong đó, tuy Phật không nói đến cần duy trì Giáo Pháp nhưng chừng nào các đệ tử còn nỗ lực hành theo lời Phật dạy thì chừng đó Giáo Pháp còn tồn tại.

*"Dầu lợi người bao nhiêu,*
*Chớ quên phần tư lợi,*
*Nhờ thắng trí tư lợi.*
*Hãy chuyên tâm lợi mình." (PC 166)*

Câu kệ Pháp Cú trên được Phật thuyết từ sự kiện một vị Tỷ-kheo khi biết Phật sắp diệt độ đã không ở bên Phật mà nỗ lực tu tập để chứng quả Arahant trước khi Phật diệt độ.

Tuy muốn các đệ tử triệt để *giải thoát khổ luân hồi* nhưng *"tất cả pháp vô ngã"*, Phật *không thể* quyết định được điều đó. Tùy theo mức độ phiền não tham sân si và căn tánh mà các đệ tử của Phật có mong muốn và sự thực hành khác nhau.

Và con người ngày nay thì có nhiều tham sân si hơn thời đức Phật. Do đó, lẽ tự nhiên là chỉ số ít tu tập Giới Định Tuệ để giải thoát sinh tử luân hồi, còn phần lớn là làm thiện với chú nguyện đó là duyên lành, ba-la-mật cho sự giải thoát hoặc chỉ muốn đó là duyên lành để có lạc trong luân hồi. Và ai có lòng tin vào Tam Bảo, biết giữ giới, biết có thiện-ác, nghiệp quả Khổ Tập Đế, biết làm thiện, tránh ác, kính trọng Giới Định Tuệ thì đó là người đang hộ trì Giáo Pháp.

[291] *Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ. (M.22)*

Và Phật tử làm thiện pháp đến chư Tăng bất kể vì mình, vì Tăng hay vì Giáo Pháp, có nguyện gì hay không thì đều là đang hộ độ, hộ trì chư Tăng và Giáo Pháp. Điều quan trọng là *chư Tăng có tiếp nhận thiện pháp và đạt lợi ích từ thiện pháp*. Chừng nào Phật tử không làm thiện pháp đến chư Tăng thì chừng đó chư Tăng và Giáo Pháp không được hộ độ, hộ trì.

Tuy vậy, dòng Huyền Giác xem bố thí chỉ vì phước thì không giúp Giáo Pháp. Nó ngỡ bố thí vì phước thì chư Tăng không dùng được và không giúp Giáo Pháp, để giúp được Giáo Pháp và chư Tăng thì phải có nguyện cầu chúc.[292] Nó không biết bố thí, giữ giới, hành thiền là thứ giúp Giáo Pháp chứ không phải nguyện cầu là thứ giúp Giáo Pháp tồn tại.

Thật ra, *làm thiện vì phước* không có nghĩa là không có lợi cho người nhận. *Trừ khi bố thí thứ vô ích* thì tự thân sự nhận đã giúp người nhận có lợi, bất kể đó là làm thiện vì ai, có nguyện gì hay không. Nhờ sự bố thí Pháp của chư Tăng và bố thí tài vật bất kể vì ai của thí chủ mà Giáo Pháp tồn tại.

Và sau khi cúng dường cho một vị sư thì việc vị ấy dùng hay cúng dường lại cho vị khác, có đạt nhiều lợi ích từ việc sử dụng hay không là tùy vào *ý định* và *sự thừa tự nghiệp* của vị ấy. Dù bố thí với lời nguyện cầu vì vị sư thì thí chủ cũng không thể quyết định được điều gì với vị sư. Trái lại, do nghiệp quả, thí chủ có thể nguyện đó là duyên lành cho quả trí tuệ, cõi trời... hay là ba-la-mật cho sự giải thoát ở vị lai.

---

[292] *Làm phước cúng dường cũng cần thiết,* ***nhưng nó chỉ vì mình, vì lợi ích của chính mình trong kiếp này và các kiếp sống vị lai, cúng dường như vậy chẳng làm cho Phật giáo trường tồn****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Và thay vì động viên từ bi bố thí, dòng Huyền Giác chê sự bố thí rộng lớn, xem bố thí chỉ như chuyện ngoại đạo.[293] Nó không biết *keo kiết ích kỷ* là sai trái, chê pháp bố thí mà Phật ca ngợi là phi pháp, là xây lên cái ngã kiêu mạn với Phật.

Người trí làm phước không cần hồi báo không có nghĩa là không cần quả lành. Hơn ai hết, bồ-tát luôn làm thiện với tác ý đó là ba-la-mật giác ngộ thành Phật. Kẻ thiếu trí thì dụng công làm ăn vì lợi trước mắt nhưng lại chê làm phước vì duyên lợi ích lâu dài. Họ ky bo nhưng lại ngỡ làm thiện là không cần quả lành, không biết chừng nào còn luân hồi thì chừng đó còn cần quả lành, còn cần hành thiện pháp. Họ ích kỷ chấp ngã, vì lợi trước mắt, không biết sợ khổ lâu dài.

Thực chất, thiện pháp có nhiều cấp bậc và đem lại lợi ích khác nhau. Thiện pháp vì từ bi và ba-la-mật, tức có thêm thiện nghiệp từ bi và ba-la-mật thì tốt hơn là chỉ vì phước.

Thực tế, vì đệ tử *có căn tánh từ bi* thì luôn ít và không cần nhiều sự sách tấn nên Phật thường nhấn mạnh đến lợi ích quả thiện để sách tấn đệ tử. Và Phật có tỷ dụ thiện nghiệp như kho báu không thể bị vua chúa, trộm cướp, tai họa nào xâm hại. Kho báu ấy đi cùng đến các cõi lành và đưa đến cả sự đoạn tận sinh tử luân hồi. Theo ngôn ngữ hiện đại thì thiện nghiệp là khoản đầu tư dài hại vững chắc đúng theo mong muốn: quả lạc trong luân hồi hoặc đoạn tận luân hồi.

---

[293] *bên Thiên Chúa, họ cũng làm phước bố thí rất rầm rộ và hoành tráng. Ở khía cạnh này, Phật tử và các tín đồ Thiên Chúa giáo có khác gì nhau?(LLIDT)*

*Những khi người nam, nữ*
*Có bố thí, trì giới*
*Hoặc thiền định, trí tuệ,*
*Kho báu khéo để dành.*
*Kho này khéo để dành,*
*Đi theo người, không mất,*
*Giữa mọi vật phải rời,*
*Người cùng đi với nó.*
*Không ai khác chia phần,*
*Không cướp nào lấy được.*
*Vậy những kẻ tinh cần,*
*Hãy làm việc phước đức,*
*Kho báu ấy theo người,*
*Sẽ không bao giờ mất.*

*Đây là một kho báu,*
*Có thể làm thỏa mãn,*
*Mọi ước vọng thiên, nhân,*
*Dù họ mong muốn gì,*
*Đều đạt được tất cả,*
*Nhờ công đức phước nghiệp.*

***Tứ vô ngại giải đạo,***
***Tám cấp độ giải thoát,***
***Viên mãn trí Thanh văn,***
***Cả hai cách giác ngộ:***
***Độc giác, Chánh Đẳng giác,***
***Tất cả đều đạt được,***
***Nhờ phước nghiệp công đức**.(TT8)*

Vì thế gian ngày càng nhiều ô nhiễm nên lẽ tự nhiên là Phật tử ưa làm thiện vì phước, *ít thiện xảo về từ bi, ba-la-mật*. Dù sẽ tốt hơn nếu biết *tác ý đến từ bi, ba-la-mật* thì làm thiện vì mình vẫn là thiện, vẫn có lợi cho đời, hơn là không làm. Và kẻ ích kỷ, đố kỵ, ghét làm thiện sẽ chê giúp đời vì phước. Họ không giúp đời, không biết làm lợi mà vẫn tìm cách chê.

Thực tế, có nhiều người không tu tập Giới Định Tuệ theo lời Phật để thoát khổ sinh tử, cũng không làm thiện pháp theo lời Phật để giúp đời và có quả lạc lâu dài. Họ có cái ngã ngày càng to khi ưa bác bỏ, làm trái lời Phật. Họ vì mình, vì tham lợi mà dụng công làm ăn và chê ai làm thiện vì mình.

Như người thiển cận không ưa đầu tư dài hạn, họ bài xích những ai vì mình, vì tham lợi lâu dài mà tích cực làm thiện. Trong khi người trí không dừng lại ở tham mà còn có trí biết nghiệp quả, làm thiện giúp đời, đạt lợi ích lâu dài thì họ dừng lại ở tham ích kỷ. Trong khi Phật tử có thể ngã mạn về làm thiện thì họ ngã mạn vì ích kỷ, không làm thiện. Họ thấy vì ích kỷ, tham lợi trước mắt mà không làm thiện thì tốt hơn vì tham lợi ích lâu dài mà phải làm thiện, giúp đời.

Do nhìn xa trông rộng, hiểu biết nghiệp quả, biết còn luân hồi, người trí hay nghĩ đến sự hành thiện pháp bất kể họ gặp hoàn cảnh tốt hay xấu. Họ không ích kỷ chấp ngã vì lợi trước mắt mà khéo tác ý đến từ-bi-hỷ-xả để thực hành thiện pháp, xem thiện pháp như sự đầu tư cho duyên lành. Nhờ tâm từ, họ không sân si trước đống rác mà nghĩ đó là *cơ hội làm phước phục vụ* dọn dẹp. Với tâm bi, họ *bố thí, tránh sát sinh*. Với tâm hỷ, *thay vì ganh ghét, đố kỵ*, họ hoan hỷ với thành công và lợi ích của người khác. Với tâm xả, họ biết chấp nhận sự vô ngã, sự bất toại nguyện và quả của nghiệp bất thiện. Với trí tuệ, họ *biết làm điều nên làm* mà không cần có tham sân như *biết đói mà ăn* chứ *không cần vì tham mà ăn*.

Và người ít từ bi thì cùng với tu tập tác ý đến từ bi thì cần tác ý đến lợi ích lâu dài để có thể tích cực bố thí, giữ giới, giúp đời. Vì có thiện pháp, họ hơn những ai chỉ dụng công làm ăn, không tu tập Đạo Đế để giải thoát sinh tử luân hồi, cũng không bố thí, giữ giới giúp đời để có lạc trong luân hồi.

## *"Lợi Ích" Của Tà Kiến*

Đời là có trí-ngu. Bậc trí có lạc và ý nghĩ khác với kẻ ngu.

Bậc trí vượt khổ, phiền não bằng trí biết Pháp và sự thật. Họ có thể đạt cận định bằng niệm chết, vượt ái bằng niệm bất tịnh, vượt sân bằng tâm từ. Trí biết đời vô thường, khổ, vô ngã giúp họ *vượt phiền não tham sân si, thoát khổ*. Họ biết vì *không có quyền làm chủ sự tồn tại, bị sinh tử* nên con người là vô ngã. Vì biết 5 uẩn sinh diệt do duyên trong sát-na nên họ *không chấp có đại ngã thường còn* quyết định sự vận động.

Và kẻ thiếu trí ưa bóp méo sự thật để có lạc trong ảo giác, ảo tưởng. Con nghiện thuốc lắc thì có lạc nhờ ảo giác, lạc ấy ngắn ngủi, lạc ít trước mắt, khổ nhiều lâu dài. Kẻ tà kiến thì thoát sợ hãi, có lạc nhờ ảo tưởng. Bản chất nó là mâu thuẫn, lòe người. Đừng nghe nó nói *"không"*, vô ngã, hãy nhìn nó chấp thủ hiện hữu, chấp chuối là nước, dụng công làm ăn, bác bỏ sinh tử, chấp có đại ngã. Vì chấp có *đại ngã "tánh biết"* quyết định sự vận động nên nó tự tại vô ngại trong ác giới, bị cuốn theo dòng đời tham sân si nhưng cao cao tại thượng *coi đời như mộng*, bác bỏ quả báo thiện-ác mà Phật giác ngộ.

Như thuốc lắc, *tà kiến có thể đem lại tự tin, dễ chịu,* ***điếc thì không sợ súng***. Niệm A-di-đà hay tự kỷ ám thị *"không có chết"* đều có thể tạo cảm giác dễ chịu, không sợ chết. Tuy vậy, ai có tà kiến chấp có kẻ dẫn dắt tái sinh hay bác bỏ nghiệp quả sinh tử luân hồi vào lúc cận tử thì sẽ tái sinh vào khổ cảnh. Trái lại, ai biết có nghiệp quả luân hồi thì tái sinh cõi lành.

Thực tế, nhiều tôn giáo có câu trả lời về thế gian, sinh tử. Tùy lòng tin và mức độ tham dục sân si mà con người chọn tôn giáo hay thích câu trả lời nào. Những ai ưa sự ngã mạn, tự do không giữ giới, sợ sinh tử, cõi khổ, tâm đắc các pháp tham sân si, không ưa phân biệt thật-giả, đúng-sai, tốt-xấu, phải-trái thì sẽ thích chọn dòng Huyền Giác vì ở đó chấp có đại ngã, bác bỏ sinh tử nghiệp báo, không theo lời Phật và sự tu tập trí thấy biết bản chất tột cùng của thế gian 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai, có được cái ngã ngày càng to khi bác bỏ và làm trái lời Phật, xem đó là *"phát triển"* hơn Phật.

Dòng Huyền Giác tự nhận là đạo Phật khi có *"tổ y bát"* mặc y ngoại đạo, dựa vào sự thiếu học, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai để tạo ra đại ngã, bác bỏ nghiệp quả do Phật giác ngộ. *"Chân lý"* của nó ngược với đạo Phật và con người. Nó chấp chuối là nước, xác chết vẫn là con người và bác bỏ sinh tử. Nó không biết có sinh diệt trong sát-na và sinh tử do duyên. Nó sống trái *"chân lý"* của mình. Tuy hô *"không"*[294] nhưng dụng công làm ăn,... Tuy hô *"bình đẳng"* nhưng không chịu bình đẳng với loài vật mà chỉ muốn bình đẳng với Phật.

Ai cũng từng có sai lầm. Trí-ngu là vô thường, cách nhau một ý niệm, bỏ ngu là trí, vấn đề là có bản lĩnh hay không. Người trí trung thành với *lý trí, sự thật, đạo lý, lẽ phải*, người thiếu trí trung thành với *tình cảm tham ái sân si ngã mạn*.

---

[294] *Với thiền tông, ngay khi đang sống đây, khi đang đi đứng nói cười đây mà cũng là không,* ***đương xứ tức không, vốn dĩ xưa nay là không****.(LL1DT)*

### *Không - Vô tướng - Vô tác*

Thật ra, con người đến với Phật vì Phật là bậc Giác Ngộ các Sự Thật Cao Thượng, vì để biết các sự thật cao thượng, không phải để không thấy biết, không khẳng chắc điều gì. Tuy vậy, có tông phái kiêu ngạo về sự thiếu hiểu biết và hoài nghi. Một mặt, cậy vô minh, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai nó hý luận bác bỏ và làm trái những điều Phật đã giác ngộ và chỉ dạy, mặt khác nó không khẳng chắc điều gì. Nó ngỡ không khẳng chắc điều gì là hay ho vì tránh có cơ sở để bị chỉ lỗi. Tuy vậy, bản thân sự không biết, không khẳng chắc điều gì đã là thiếu hiểu biết. Do không biết thiếu hiểu biết là tệ hại nên nó kiêu ngạo về sự thiếu hiểu biết. Quả thật, không ai đi tranh cãi với kẻ kiêu ngạo về sự thiếu hiểu biết, dùng sự thiếu hiểu biết làm *"pháp môn"*. Ví như không ai đi luận chiến với những kẻ IS cuồng tín, cũng vậy, không ai đi luận chiến với những kẻ cuồng tín, không có trí biết tổ y bát mặc y ngoại đạo là tổ tự nhận, không có trí từ bỏ kẻ lừa dối nhưng lại ưa hô hào *"trí tuệ"*, *"thấy biết"*, *"giác ngộ sự thật"*. Nó nghĩ thiền là hý luận, nghĩ hý luận là thấy biết. Quả thật là không ai đi luận chiến với đạo trọc lóc sự hiểu biết.[295]

[295] *Thiền tông, nhất là Thiền tông Đông độ,* ***dòng thiền Ngài Huyền Giác****, dòng thiền này* ***không khẳng chắc bất kỳ điều gì, không có phương pháp hành trì, không có pháp môn, không sở cầu, sở chứng, sở đắc****, đức tin chỉ dùng khi còn sơ cơ,* ***chủ yếu ở sự thấy biết****.* ***Lấy: Không - Vô tướng - Vô tác để kiểm chứng nhận thức của mình****. Các học giả không chuyên của Phật giáo Nguyên thuỷ* ***muốn luận chiến với thiền tông****, không khác gì* ***muốn nắm tóc người trọc đầu****. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Đặc trưng của đạo mất trí phân biệt là nói lời sai trái và mâu thuẫn. Có sự tự mâu thuẫn là cách nó *tránh bị chỉ trích*. Tùy theo tình hình và cảm hứng mà nó chọn lật chiều nào.

Thực chất, sự tự mâu thuẫn là vô lý, sai trái. Và dòng Huyền Giác một mặt tuyên bố không khẳng chắc điều gì, đây cũng là cơ sở để tránh bị chỉ lỗi, mặt khác lại bảo *"Lấy: Không-Vô tướng-Vô tác để kiểm chứng nhận thức của mình"*. Đã không khẳng chắc điều gì thì sao có thể khẳng chắc *"Không-Vô Tướng-Vô Tác"* là chân lý mà dùng? Dùng thứ không đảm bảo thì dùng làm gì? Nó đề cao *"thấy biết"* nhưng lại không thấy biết gì mà cần dùng *"Không-Vô tướng-Vô tác để kiểm chứng nhận thức"*. Kiểm chứng như thế thì đâu có biến nhận thức ấy là thấy biết đúng sự thật. Đã không thấy biết thì sao có thể đảm bảo nhận thức đó là đúng sự thật. Thực chất, đó là *"pháp môn"* ngụy biện hý luận lòng vòng sai trái.

Và để thức tỉnh kẻ ngủ mê trong hý luận điên đảo thì cần vận dụng *"chân lý"* của nó lên nó. Cụ thể, cần phải dùng *"pháp môn"* gõ vào *"hư không"* trong thứ *"chưa từng là đầu tổ"* bằng thứ *"chưa từng là cây gậy"* để tổ trực tiếp biết thế nào là *"Không-Vô Tướng-Vô Tác", "bổn lai vô nhất vật"*.

Thật ra, tỉnh hay mê đều do duyên. Cái nhìn nhân duyên là chừng nào còn chấp thủ sự thiếu học, ngã mạn, điên đảo thì chừng đó còn điên đảo. Trái lại, chừng nào biết từ bỏ, phản bác sự điên đảo thì chừng đó có chánh trí.

### *Tinh Thần AQ "Thành Phật"*

Thực tế, có nhiều tông phái tạo ra các pháp môn vớ vẩn, vô lý cho đạo Phật để từ đó ca ngợi *"pháp môn" "có lý"* của nó hoặc *"khai sáng"* ra *"pháp môn" "hay ho"*. Chừng nào còn có tín đồ u mê, cuồng tín, bỏ lý trí phản biện thì chừng đó các *"pháp môn"* ấy còn có đất dụng võ. Thực tế, ngoài *"tổ y bát"*, thế gian là còn có Bổn Sư Thích Thông Lạc.

Thật ra, Phật được kính trọng vì *là bậc có trí tuệ, đức hạnh đáng được kính trọng* chứ không phải vì kính trọng Phật là pháp tu thành Phật. Nhờ duyên thấy Phật đáng kính trọng mà có nhiều người đã phát nguyện thành Phật, nỗ lực theo lời Phật dạy. Tuy vậy, kẻ thiếu giáo dục thì không biết đến sự kính trọng những người đáng được kính trọng.

Và do ngã mạn, thiếu học, tổ thứ 40 của một dòng thiền quy chụp kính trọng Phật là pháp môn tu thành Phật. Vì không có ai hành *"pháp môn"* kính Phật mà thành Phật nên tổ bày ra pháp môn phỉ báng Phật để thành Phật, hơn Phật. Ví như 1+1=1 là sai không có nghĩa 1+1=-1 là đúng, cũng vậy, kính trọng đức Phật không phải là pháp tu thành Phật không có nghĩa phỉ báng Phật là pháp môn tu thành Phật. Miệng lưỡi kẻ thiếu trí xem thường bậc trí chỉ chứng tỏ là nó ngu phi thường chứ không có nghĩa nó có trí hơn người. Ai khi dễ tổ thì sẽ bị thành tổ? Tổ được phong tổ là vì tổ đã phỉ báng *"tổ y bát"*? Nếu phỉ báng Phật mà *"thành Phật"* thì nhiều người ngoại đạo đều là *"Phật"*.

Đức Phật chỉ rõ ai phỉ báng bậc giới hạnh thì sẽ định cư ở cõi khổ, không có chuyện phỉ báng Phật mà *"thành Phật"*.[88] Ví như không ai tin trí toán học của kẻ giải 1+1=5, cũng vậy, trừ những tín đồ mù quáng, điên đảo, u mê, ngu muội, không ai tin vào trí tuệ, đạo đức làm người của thứ đệ tử ấy.

Với Phật tử, chín ân đức Phật là sự thật hiển nhiên, không ai so mình với bậc Toàn Giác. Tuy vậy, do thiếu học, sân si ngã mạn, tổ thứ 40 của một dòng thiền phản đối sự độc quyền. Với *"vô sai biệt trí"*, nó không biết có trí-ngu. Nó không chịu thua Phật, nó không biết nó là độc quyền về tối ngu si, không biết nó tham sân si, không có Nhất Thiết Trí. Nó muốn hơn bậc Toàn Giác, nó ưa tâng bốc ví nó như là đứng trên vai người khổng lồ. Quả thật, nó chỉ là đứng trên đống phân vô minh, không có trí tuệ thấy biết điều Phật giác ngộ. Ví như có học trò muốn *"phát triển"* lời thầy 1+1=2 thành 1+1=-2, 1+1=5... cũng vậy, dựa vào vô minh thiếu học, nó hý luận ra những thứ *"chân lý"* mà Phật gọi là tà kiến. Nó dùng tinh thần AQ tự sướng xem hý luận phi pháp của nó là *"chân lý phát triển"*, là *"cao hơn"* sự thật mà Phật giác ngộ.

Thật ra, Phật ra đời chỉ đem lại lợi ích cho những ai biết kính trọng, học và hành theo lời Phật. Những ai xuyên tạc, phỉ báng, làm trái lời Phật thì sẽ phải chịu quả khổ lâu dài. Ở đời, vì đấu tranh cho bình đẳng mà con người lầm than. Và tổ không chịu bình đẳng với gà,... tổ muốn hơn Phật. Tuy chấp có đại ngã *"tánh biết"* nhưng tổ thấy cần phỉ báng Phật.

# Đạo Phật và Con Đường Diệt Khổ

### *Mục Đích Của Đạo Phật*

*Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ. (M.22)*

Mục đích của đạo Phật là diệt khổ, giải quyết vấn đề muốn hạnh phúc của con người theo khía cạnh lâu dài, không phải ngắn hạn trước mắt. Lâu dài là vĩnh viễn hoặc có giới hạn. Hạnh phúc nào rồi cũng sẽ vô thường, tức rồi cũng là khổ nên chỉ có chấm dứt luân hồi thì mới thật sự dứt vĩnh viễn mọi sự khổ. Mục đích tối hậu của đạo Phật là giải thoát triệt để khổ sinh già bệnh chết, sầu bi khổ ưu não, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán hội ngộ, mọi sự khổ trong sinh tử luân hồi chứ không phải diệt hữu. Vì sự hiện hữu là khổ ở từng sát-na nên Phật không tán thán sự hiện hữu và có sự diệt độ, khác với sự hô *"không"* nhưng có thọ mạng vô lượng trong những kinh ra đời về sau. Mất trí phân biệt thật-giả, tốt-xấu, trí-ngu, nhập-xuất, ngộ đại ngã *"bản thể", "thể tánh", "tánh biết"... "thường còn"* không phải mục đích của đạo Phật.

Thực chất, Giáo Pháp chỉ có một vị là vị giải thoát khổ.[296] Phật luôn mong các đệ tử hướng đến chấm dứt khổ sinh tử luân hồi nhưng do duyên căn cơ trí tuệ, mức độ phiền não mà đệ tử Phật chọn nỗ lực thoát khổ vĩnh viễn hay tạm bợ hay tạo ba-la-mật, duyên lành cho sự giải thoát khổ ở vị lai.

[296]*Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,* ***pháp này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát****. (Ud 51)*

Và để giúp hình dung nước mắt khổ đau đã đổ trong vòng luân hồi, Phật so sánh chúng với nước trong bốn biển.

> ***Cái này là nhiều hơn**, này các Tỷ-kheo, tức là **dòng nước mắt tuôn chảy** do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông **phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này** chớ **không phải nước trong bốn biển lớn**.*
>
> *Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các Ông **chịu đựng mẹ chết**.*
>
> *... các Ông chịu đựng **con trai chết**...*
>
> *... các Ông chịu đựng **con gái chết**...*
>
> *... các Ông chịu đựng **tai họa về bà con**...*
>
> *... các Ông chịu đựng **tai họa về tiền của**...*
>
> *... các Ông chịu đựng **tai họa của bệnh tật**.*
>
> *Vì sao? **Vô thỉ là luân hồi**, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sinh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.*
>
> *Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên.*
>
> *Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông **từ bỏ**, là vừa đủ để các Ông **giải thoát đối với tất cả các hành**.(S.ii,179)*

### *Đức Phật Thuyết Giảng Những Gì?*

Để cứu độ chúng sinh, suốt 45 năm chuyển Pháp luân, Phật chỉ giảng Bốn Sự Thật Cao Thượng, tức Bốn Thánh Đế:

*- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Siṃsapā mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Siṃsapā?*

*- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Siṃsapā mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Siṃsapā.*

*- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!*

*Nhưng **tại sao**, này các Tỷ-kheo, Ta **lại không nói ra những điều ấy?** Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy **không liên hệ đến mục đích**, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.*

*Và này các Tỷ-kheo, **điều gì mà Ta nói?***

*"**Đây là Khổ**", này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói.*

*"**Đây là Khổ tập**", là điều Ta nói.*

*"**Đây là Khổ diệt**", là điều Ta nói.*

*"**Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt**", là điều Ta nói.*

*Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy* ***liên hệ đến mục đích****, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ,* ***Niết-bàn****. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.*

*Do vậy, này các Tỷ-kheo, một* ***cố gắng cần phải làm để rõ biết****: "Đây là Khổ"... một* ***cố gắng cần phải làm để rõ biết****: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". (S.v,437)*

Do vậy, những gì mà các đệ tử Phật giảng thì cần phải tương ưng với Bốn Thánh Đế.

Vì cốt lõi giáo lý các tông phái là trái với Bốn Thánh Đế nên đó không phải điều Phật biết nhưng không nói.

Thật ra, nhờ có các đệ tử Phật mà đời biết đến đạo Phật. Nhờ có các tổ và các văn sĩ tạo kinh điển chấp ngã, trái với Bốn Thánh Đế mà thế gian có thêm tri kiến trái lời Phật.

### *Nguồn Gốc Của Sinh Tử Luân Hồi*

Và đức Phật đã giảng nguyên nhân của sinh tử luân hồi:

*Này các Tỷ–kheo, do không giác ngộ, do không thông đạt bốn Thánh đế mà Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này. Thế nào là bốn?*

***Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ****, này các Tỷ–kheo, nên Ta và các Ông* ***lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này****.*

*...Thánh đế về Khổ tập...*

*...Thánh đế về Khổ diệt...*

*Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này. (S.v,431)*

Như vậy, chỉ cần không giác ngộ một Thánh Đế là vừa đủ để chúng sinh phải trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi.

Vì không hành Đạo Đế, không giác ngộ Tứ Thánh Đế nên các tông phái còn vô minh,[297] luẩn quẩn trong luân hồi, không thoát khỏi khổ sinh tử. Tuy vậy, do không biết 5 uẩn sinh diệt trong từng sát-na, không biết đến sự tồn tại và sinh diệt do duyên nên họ có thể có tà kiến bác bỏ sinh tử.

### *Sự Chấm Dứt Sinh Tử Luân Hồi*

Và chỉ khi giác ngộ toàn bộ cả Bốn Thánh Đế thì mới là giải thoát khỏi khổ sinh tử luân hồi:

*Này các Tỷ-kheo khi **Khổ Thánh đế** này được giác ngộ, được thông hiểu; khi **Khổ Tập Thánh đế** này được giác ngộ, được thông hiểu; khi **Khổ Diệt Thánh đế** này được giác ngộ, được thông hiểu; khi **Khổ Diệt Đạo Thánh đế** này **được giác ngộ**, được thông hiểu, thời **hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, không còn hậu hữu nữa**. (D.16)*

Do đó, nếu chỉ giác ngộ 12 nhân duyên Tập Đế thì đó còn là phàm phu. Do vậy, Phật Duyên Giác là do sáng tác mà có.

[297] *"Này các Tỷ-kheo, **thế nào là vô minh**? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết **Khổ**, không rõ biết **Khổ tập**, không rõ biết **Khổ diệt**, không rõ biết **Con đường đưa đến Khổ diệt**." (S.ii,2)*

Và 12 nhân duyên là vòng tròn do duyên, do nhân/duyên mà có quả, luân phiên nhau, với vô minh, hành, tham, thủ, (nghiệp) hữu thuộc về nhân, tạo nên vòng sinh tử luân hồi.

***Bốn Thánh Đế***

*- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?*

*Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại,* ***năm thủ uẩn là khổ****.*

*-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?*

*Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vầy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.*

*-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?*

*Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này.*

*-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt****?*

*Đây là **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt. (A.3.61)*

### *Khổ Diệt Đạo Thánh Đế (Đạo Đế)*

Đức Phật chỉ thuyết dạy Bốn Thánh Đế và để diệt khổ thì phải thực hành Con Đường đưa đến Khổ diệt, tức Đạo Đế là Thánh đạo Tám ngành. Đạo Phật chỉ có một pháp môn là Đạo Đế, đạo Phật không có cái gọi là 84000 pháp môn. Số tông phái cùng với số *"pháp môn"* được tạo ra sau khi Phật tịch diệt vẫn ở xa con số 84000. Thật ra, một nhóm lời Phật tạo nên một ý nghĩa thì được xem là một pháp. Phật Pháp có 84000 *nhóm pháp (pháp uẩn)* chứ *không có 84000 pháp môn*.

*Này các Tỷ kheo, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là bát chi Thánh đạo, tức là **Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định**.*

*Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tri kiến? Này các Tỷ kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.*

*Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này các tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy.*

*Này các Tỷ kheo thế nào là Chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ.*

*Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cướp, tự chế không tà dâm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp.*

*Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh mạng? Này các Tỷ kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh mạng.*

*Này các Tỷ kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn? Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn. Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.*

*Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh niệm? Này các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời; trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, tinh cần tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh niệm.*

*Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh định? Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp,* ***chứng và trú Thiền thứ nhất****, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ,* ***chứng và trú Thiền thứ hai****, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú,* ***chứng và trú Thiền thứ ba****. Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước,* ***chứng và trú Thiền thứ tư****, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. (D.22)*

Và Đạo Đế là pháp tuần tự mà tùy theo duyên ba-la-mật mà có sự tu tập, giác ngộ là dễ hay khó, nhanh hay chậm.[298] Đạo Phật không có *"pháp môn" "đốn ngộ"* nhưng mù 5 uẩn. Đó chỉ là sáng tác của người tự nhận là đệ tử Phật. Đạo Đế

[298] *Này Pahàràda, vì rằng trong pháp và luật này,* ***các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình****, nên này Pahàràda, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. (A.8.19)*

là những bước đi có sự liên kết nhau mà bỏ bước thì sẽ không đi được, không đến được mục đích tận diệt khổ đau.

Và để thu hút đồ chúng, nhiều thầy biến Đạo Đế đưa đến ly tham, chấm dứt khổ sanh tử luân hồi thành cái gọi là *"Bát Thánh Đạo"* cho người mê làm giàu, gắn bó với luân hồi.

### *Phạm Hạnh và Mục Đích Của Phạm Hạnh*

Con Đường đưa đến Khổ diệt cũng chính là Phạm hạnh. Đoạn tận tham sân si là mục đích tột cùng của Phạm hạnh.

> *Này Tỷ-kheo,* ***con đường Thánh đạo Tám ngành này là Phạm hạnh****, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*
>
> *Này Tỷ-kheo, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là cứu cánh Phạm hạnh. (S.iv,7)*

Và Phạm hạnh ấy là con đường trung đạo, đó không phải là lối hành xác làm khổ mình hay say mê hưởng dục, những thứ không liên hệ đến mục đích giải thoát khổ.

> *Có hai cực đoan, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành. Thế nào là hai?*
>
> *Một là* ***đắm say trong các dục****, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.*
>
> *Hai là* ***tự hành khổ mình, khổ đau****, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.*

*Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là **con đường Trung đạo**, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.*

*Và thế nào là **con đường Trung đạo**, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?*

*Chính là **con đường Thánh đạo Tám ngành**, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. (S.v,420)*

Con đường giác ngộ Niết-bàn là con đường cao thượng:

*Này các Tỷ-kheo, không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng. Này các Tỷ-kheo, **phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng**. (S.ii,27)*

Với người trí, con đường cao thượng này là của lạc và hỷ. Hỷ lạc liên hệ đến thiền và giới thanh tịnh khác với dục lạc.

*Vô thỉ, này các Tỷ-kheo, là sự luân chuyển, khởi điểm không thể nêu rõ, đối với (những đau khổ) do bị thương đâm, do bị kiếm chém, do bị búa chặt. Dầu vậy đi chăng nữa, này các Tỷ-kheo, Ta cũng **không tuyên bố rằng nhờ khổ và ưu mà bốn Thánh đế được chứng ngộ**. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng **nhờ lạc và hỷ mà bốn Thánh đế được chứng ngộ**. (S.v,440)*

Nhờ hỷ lạc với giới thanh tịnh, với thiền niệm giới, các bậc trí có thể đạt cận định dù khi đó sắp chết vì giữ giới. Khác với kẻ thiển cận chấp ngã, họ biết ai rồi cũng chết, chết do giữ giới thì tốt hơn là ác giới, tạo duyên khổ lâu dài.

Khổ Diệt Đế còn được gọi là vô vi và Đạo Đế là con đường đưa đến vô vi. Dĩ nhiên, ngoại đạo cũng có thể có thứ *"vô vi"* của riêng mình, và đó chỉ là thứ liên hệ đến tham hiện hữu, không liên can gì đến đạo Phật.

*- Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là vô vi?** Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si**; này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.*

*- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? **Con đường Thánh đạo Tám ngành**, này các Tỷ-kheo, đây **là con đường đưa đến vô vi**. (S.iv,361)*

### *Đạo Đế là Tam Học Giới - Định - Tuệ*

Thánh đạo Tám ngành tạo nên Tam học Giới-Định-Tuệ.

*Hiền giả Visakha, Thánh đạo Tám ngành bị ba uẩn thâu nhiếp.*

*Hiền giả Visakha, chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, những pháp này được thâu nhiếp trong giới uẩn.*

*Chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, những pháp này được thâu nhiếp trong định uẩn.*

*Chánh tri kiến và chánh tư duy, những pháp này được thâu nhiếp trong tuệ uẩn. (M.44)*

### *Chánh Định Là Định Học*

Và Chánh Định là định bậc thiền và đó cũng là Định học, là một trong Tam Học Giới Định Tuệ:

*Có ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học.*

*Thế nào là **tăng thượng giới học**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng giới học.*

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tăng thượng định học**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng định học.*

*Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là tăng thượng tuệ học**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **như thật rõ biết: "Đây là khổ"**... **như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"**,... **như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"**,... **như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"**.(A.3.88)*

### *Định Học là Duyên Của Tuệ Học*

*Này các Tỷ-kheo, **hãy tu tập định**. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết**. Và như thật rõ biết gì?*

***Như thật rõ biết: "Đây là Khổ".***

***Như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập".***

***Như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt".***

***Như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt"**. (S.v,414)*

### *Khổ Đế - Năm Thủ Uẩn*

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thủ uẩn?*

*Này các Tỷ-kheo, phàm có **sắc** gì **quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần**, có lậu hoặc, được chấp thủ; đây gọi là sắc thủ uẩn.*

*Này các Tỷ-kheo, phàm có **thọ** gì... phàm có **tưởng** gì... phàm có các **hành** gì... phàm có **thức** gì... (S.iii,47)*

Thực chất, 5 uẩn *là các thực thể tột cùng có thực tính riêng*, do chịu sự sinh diệt, không có quyền làm chủ sự tồn tại nên chúng là vô ngã. Vì 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên không có cái ngã *"tánh biết"* hay *"linh hồn"* thường còn nào quyết định sự tồn tại, vận động của 5 uẩn.

Vì 5 uẩn bao gồm cả quá khứ, vị lai, trong, ngoài nên cần phải có chánh định để tuệ tri Khổ Đế, quá khứ, vị lai.

*Ví như, này Sāḷha, người chiến sĩ bắn xa, cũng vậy, này Sāḷha, là Thánh đệ tử **có chánh định**; phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, **cần phải như thật thấy với trí tuệ** rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi".*

*Phàm có thọ gì ... phàm có tưởng gì ... phàm có hành gì ... phàm có thức gì...". (A.4.196)*

Và mối liên hệ giữa danh-sắc và năm *uẩn (nhóm)* là:

*Như vậy, vị ấy định nghĩa 27 **sắc** pháp này là "sắc uẩn". Vị ấy định nghĩa **thọ** khởi lên theo 81 loại tâm là "thọ uẩn", **tưởng** tương ưng với chúng là "tưởng uẩn", **hành** tương ưng là "hành uẩn", và **tâm** là "thức uẩn".*

*Như vậy, bằng cách định nghĩa **sắc uẩn là sắc** và **bốn vô sắc uẩn là danh**, hành giả định nghĩa danh-sắc nhờ năm uẩn. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)*

Và trong quá trình Tuệ quán quan hệ nghiệp quả Khổ Tập Đế ở các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, hành giả có thể thấy hình ảnh quá khứ, vị lai. Và vị ấy sẽ gặp chướng ngại nếu có dính mắc với kiếp sống ấy, nhất là khi thấy các kiếp thiên nhân, phạm thiên. Do đó, Phật dạy tuệ quán với tâm không tham ái, không hân hoan cũng như không truy tìm sự hân hoan.

*Quá khứ không truy tìm*
*Tương lai không ước vọng.*
*Quá khứ đã đoạn tận,*
*Tương lai lại chưa đến,*
*Chỉ có pháp hiện tại*
*Tuệ quán chính ở đây.*
*Không động, không rung chuyển*
*Biết vậy, nên tu tập,*
*Hôm nay nhiệt tâm làm,*
*Ai biết chết ngày mai?*
*Không ai điều đình được,*
*Với đại quân thần chết,*
*Trú như vậy nhiệt tâm,*
*Đêm ngày không mệt mỏi,*
*Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,*
*Bậc an tịnh, trầm lặng.*

*(M.131)*

Vì không biết 5 uẩn là một tập hợp 11 loại gồm quá khứ-hiện tại-vị lai,... của sắc-thọ-tưởng-hành-thức, vì không biết giác ngộ Khổ Đế là để thấy biết và đoạn trừ tham ái, tà kiến, hoài nghi 5 uẩn ở quá khứ-vị lai, vì không biết đến lời Phật giải thích *"quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng"*, nên có nhiều người hiểu sai mà bác bỏ Tuệ quán quá khứ-vị lai. Thật ra, Phật đã giải thích đó là sự thấy biết 5 uẩn quá khứ-vị lai theo cách không tham truy tìm sự hân hoan.

> *Và này các Tỷ-kheo,* ***thế nào là không truy tìm quá khứ?*** *Vị ấy biết: "****Như vậy là sắc trong quá khứ****", và* ***không truy tìm sự hân hoan trong ấy****; ...thọ...; ...tưởng...; ...hành...; ...thức...*
>
> *Và này các Tỷ-kheo,* ***thế nào là không ước vọng trong tương lai?*** *Vị ấy biết: "Như vậy là sắc trong tương lai", và* ***không truy tìm sự hân hoan trong ấy****; ...thọ...; ...tưởng...; ...hành...; ...thức... (M.131)*

Thật ra, thiền Tuệ là sự quán bản chất thế gian, tức 5 uẩn Khổ Đế và 12 nhân duyên Tập Đế là vô thường, khổ, vô ngã để từ đó viên mãn dần trí ly tham, chứng đạt Lậu Tận Trí, giác ngộ Niết-bàn. Vì vậy, đầu tiên cần thấy biết bằng trí tuệ sự thật thế gian chỉ là các tập hợp 5 uẩn, thấy biết *đặc tính, chức năng, biểu hiện, nhân gần* 5 uẩn, thấy biết *12 nhân duyên*. Nếu quán danh trước thì cần dựa vào định tầng thiền[299]. Nếu quán sắc trước thì cần dựa vào *cận định* thiền tứ đại.[300]

---

[299] *Một người muốn hoàn tất việc này, trước hết nếu vị ấy **tu theo chỉ thừa** (cỗ xe tịnh chỉ), thì hãy xuất định từ một thiền thuộc sắc hay vô sắc nào cũng được, trừ phi tưởng phi phi tưởng xứ,*

*[Chú thích: người khởi sự làm công việc này thường gặp khó khăn khi phân biệt hình thức hữu cao nhất, tức phi tưởng phi phi tưởng xứ"-- Pm. 744. Sở dĩ như vậy là vì tưởng giảm tới độ vi tế (xem M. iii, 28)] và vị ấy nên phân biệt theo đặc tính, nhiệm vụ, v.v... những thiền chi tầm, tứ, ... cùng các pháp tương ưng với chúng (nghĩa là thọ, tưởng, v.v... ). Khi vị ấy đã làm như vậy, tất cả các pháp ấy cần được định nghĩa là danh (nama) theo định nghĩa nghiêng về (namana), vì nó nghiêng về phía đối tượng. Nghiêng về phía một đối tượng có nghĩa rằng không có sự sanh khởi nếu không có một đối tượng hoặc có nghĩa là đặt tên cho đối tượng - Pm. 744)].*

*Rồi, cũng như một người, nhờ theo dấu một con rắn đã bắt gặp trong nhà, tìm ra được hang ổ của nó, cũng vậy, hành giả dò xét cái danh ấy, tìm cho ra sự sanh khởi của nó nương vào cái gì, và thấy rằng, nó y cứ vào sắc chất của trái tim. Sau đó, vị ấy phân biệt là "sắc" các đại chủng làm chỗ nương cho tim, và các loại sở tạo sắc khác có tứ đại làm chỗ tựa. Vị ấy định nghĩa tất cả đó là sắc (rùpa) vì nó bị quấy nhiễu (ruppana) bởi lạnh nóng. Rồi vị ấy định nghĩa vắn tắt là danh sắc cái danh có đặc tính nghiêng về, và cái sắc có đặc tính bị quấy nhiễu. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)*

[300] *Nhưng một người theo quán thừa, **cỗ xe trí tuệ thuần túy**, hay cũng người theo chỉ thừa nói trên, phân biệt bốn đại vắn tắt và chi tiết, theo một trong nhiều cách đã nói trong chương Phân biệt Giới (Ch. XI, đ. 27). Khi các giới đã rõ rệt trong đặc tính chính xác của chúng, thì trước hết, trong*

Và ai dùng cận định thiền tứ đại làm nền tảng tu tập minh sát thì đó là người theo cỗ xe thuần quán. Ngược lại, ai dùng các loại định bậc thiền làm nền tảng thì vị ấy là người hành theo cỗ xe Tịnh Chỉ.

---

*trường hợp tóc do nghiệp sanh, hiện rõ mười loại sắc thuộc thân thập pháp là:bốn đại, màu, mùi, vị, thực tố, mạng và thân-tịnh-sắc. Và vì tánh thập pháp cũng hiện diện ở đấy, nên có thêm mười sắc pháp nữa (tức chín thứ trước thêm tánh thay vì thân tịnh sắc). Và vì ba nhóm 8 pháp (với thực tố thứ tám, nghĩa là 4 đại, màu, mùi, vị và thực tố) thực sanh, thời sanh và tâm sanh cũng hiện diện nên còn có 24 sắc pháp khác. Như vậy có tất cả 44 sắc pháp trong mỗi phần thuộc 24 thân phần do cả bốn nguồn gốc sanh (nghiệp, tâm, thời, thực). Còn bốn thứ: mồ hôi, nước mắt, đờm, nước mũi do thời sanh và tâm sanh, thì có 16 sắc pháp từ hai nhóm tám (thực tố thứ tám trong mỗi nhóm). Bốn món gồm bao tử (tức đồ ăn chứa trong đó), phân, mủ, nước tiểu, do thời sanh, thì chỉ có tám sắc pháp (thực tố là thứ tám) do thời sanh mà thôi. Đất là phương pháp, trong trường hợp 32 khía cạnh của thân thể.*

*Nhưng có mười khía cạnh khác trở nên rõ rệt khi 32 khía cạnh này đã rõ. [Chú thích: 4 khía cạnh thuộc hỏa đại: cái gì làm nóng, tiêu hủy, đốt cháy, tiêu hóa và 6 thuộc phong đại: gió (hay năng lực) đi lên, gió đi xuống, gió trong bụng, gió trong ruột, gió trong tứ chi, hơi thở]. Và về những thứ này, trước hết 9 sắc pháp mạng căn (nhóm tám với thực tố thứ tám, thêm mạng), cũng trở nên rõ rệt trong cái phần hỏa do nghiệp sanh, làm tiêu hóa thực phẩm được ăn vào, v.v... Cũng rõ rệt thanh cửu pháp (nhóm tám như trên thêm âm thanh) trong cái phần phong đại do tâm sinh, là hơi thở, và 33 sắc pháp gồm mạng-cửu-pháp do nghiệp sanh, và ba nhóm 8 với thực tố thứ tám, trong trường hợp mỗi phần còn lại trong tám (phần) thuộc bốn nguồn gốc sanh.*

*Khi những sở-tạo-sắc (do chấp thủ) này đã trở nên rõ rệt trong 42 cạnh nói trên nghĩa là, 32 thân phần, 4 kiểu hỏa và 6 kiểu phong), thì 60 sắc pháp khác cũng trở nên rõ rệt với thập pháp tâm-cơ hay sắc căn, và năm căn môn mỗi thứ 10: thập pháp mắt, tai, v.v... Gom tất cả lại dưới đặc tính "bị bức não", hành giả xem chúng là sắc.*

Và tâm thanh tịnh cũng chính là Chánh Định:

> *Ở đây, này các Vyagghapajjà, vị Tỷ-kheo ly các dục ... chứng và trú **Thiền thứ nhất**... **Thiền thứ hai**... **Thiền thứ ba** ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**. Này các Vyagghapajjà, đây gọi **là tâm thanh tịnh**. (A.4.194)*

Và Thanh Tịnh Đạo giải thích thêm:

> ***Tâm thanh tịnh** là **tám thiền chứng** cùng với **định cận hành**. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)*

Xét theo thiền chi thì bốn thiền vô sắc có thể được xếp vào tứ thiền vì đều chỉ có hai thiền chi là định và xả. Chúng khác nhau ở đối tượng là vô sắc hay sắc giới.

Sở dĩ *định cận hành (cận định)* và *định an chỉ (bậc thiền)* được xem là tâm thanh tịnh là vì đều đã từ bỏ 5 triền cái.

> *Định có 2 thứ là **định cận hành** (upacàra) và **định an chỉ** (appanà): tâm trở nên định tỉnh theo 2 cách,*

---

*Khi vị ấy đã phân biệt sắc như thế, thì các pháp vô sắc trở nên rõ rệt theo căn môn, nghĩa là: - 81 loại tâm thế gian gồm hai bộ năm (34-38 và 50-54 xem đồ biểu), ba loại ý giới (39, 55 và 70), và 68 ý thức giới; - và 7 tâm sở (biến hành): xúc, thọ, tưởng, tư, mạng căn (7), nhất tâm (8) và tác ý (30). Bảy tâm sở này luôn luôn câu sanh với 81 loại trên. Nhưng các loại tâm siêu thế thì không thể được biết rõ bởi một người thực hành càn tuệ hay một người thuộc chỉ thừa (cỗ xe tịnh chỉ), vì những loại tâm ấy vượt ngoài tầm họ. Gom tất cả vô sắc pháp này lại dưới đặc tính "nghiêng về", hành giả xem chúng là danh.*

*Đấy là cách một thiền giả phân biệt danh-sắc một cách chi tiết, qua phương pháp phân biệt bốn đại chủng. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)*

*trên bình diện cận hành và trên bình diện an chỉ.* ***Cận hành là do từ bỏ những triền cái*** *và* ***an chỉ là do sự xuất hiện các thiền chi****.*

*Hai loại khác nhau chỗ này:* ***các thiền chi*** *(tầm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm)* ***không được mạnh trong định cận hành****, nên ở trong giai đoạn này,* ***tâm khi thì lấy tướng làm đối tượng****,* ***khi thì nhập trở lại hữu phần****, giống như một đứa trẻ được nâng lên, đứng trên hai chân, sẽ té xuống lại. Còn những thiền chi ở định an chỉ thì rất mạnh và vì thế, khi định này phát sinh thì lúc hữu phần dừng lại tâm có thể tiếp tục với một dòng tốc hành tâm suốt cả đêm ngày, giống như một người khỏe có thể đứng suốt ngày. (Thanh Tịnh Đạo-Kasina Đất)*

Và 5 triền cái là các pháp chướng ngại bất thiện, khiến tâm không thể thấy được các pháp chân đế.

*Tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi.* ***Có năm uế nhiễm này của tâm****, này các Tỷ-kheo, do năm uế nhiễm ấy, tâm bị uế nhiễm không được nhu nhuyến, không dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn, không chơn chánh, định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.*

*Và* ***khi nào****, này các Tỷ-kheo,* ***tâm được giải thoát khỏi năm uế nhiễm ấy****; khi ấy* ***tâm ấy được nhu nhuyến, dễ sử dụng, sáng chói****, không bể vụn,* ***chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc****. (A.5.23)*

Để hành thiền Tuệ, cần xuất khỏi cận định hay an chỉ định để quán chiếu sự vô thường, khổ, vô ngã của 5 uẩn. Và loại định lúc thực hành thiền tuệ được gọi là *sát-na định (định trong khoảnh khắc trên đặc tính vô thường, khổ, vô ngã):*

> *"sau khi đã nhập và xuất từ những thiền này, hành giả thấy với tuệ rằng cái định câu hữu với thiền ấy là dễ hoại diệt, khi ấy vào lúc thật sự đắc tuệ quán (at the actual time of insight), sự nhất tâm trong một sát na (momentary) (sát-na định) khởi lên nhờ thâm nhập (đi sâu vào) (những đặc tính vô thường,v.v...) (Thanh Tịnh Đạo - Niệm Hơi Thở)*

Như vậy, sát-na định của thiền Tuệ chỉ đạt được sau khi *nhập và xuất khỏi cận định hoặc an chỉ định*, là sự nhất tâm trong sát-na *trên bản chất của 5 uẩn* vốn sinh diệt rất nhanh.

### *Cỗ Xe Tịnh Chỉ & Cỗ Xe Thuần Quán*

Thực tế, vì thế gian là có trí-ngu, thiện-ác nên Giáo Pháp có điểm *tương đồng với người trí*, khác với kẻ ngu và loài vật. Tuy vậy, kẻ ngu có thể *đòi đạo Phật phải khác với các tôn giáo khác* thì nó mới xem đó là đạo Phật, nó có thể đòi đạo Phật không được làm một số điều hay, lẽ phải như tôn giáo khác, mà cần ác giới, không bố thí, thiền định như nó và loài vật.

Thật ra, thiện pháp *bố thí, giữ giới, thiền định* không chỉ có trong đạo Phật mà *còn có ở ngoài đạo Phật*. Chỉ là thiện pháp do bậc Toàn Giác chỉ dạy thì đầy đủ và sâu sắc hơn thế gian. Thế gian khó biết đến đề mục thiền bất tịnh, niệm sự chết... Và thiền Tuệ của đức Phật thì vi diệu, khó hơn thiền Định.

Và để dễ dàng hành thiền Tuệ thì cần có nhiều ba-la-mật hành thiền Tuệ trong kiếp quá khứ. Nếu không thì phải vun đắp nền tảng, nhân gần của Tuệ là Định.

*Gì là đặc tính, nhiệm vụ, thể hiện và nhân gần của tuệ?*

*Tuệ có đặc tính là đi sâu vào bản chất của sự vật.*

*Nhiệm vụ nó là từ bỏ bóng tối của si che đậy tự tính của sự vật.*

*Tuệ có biểu hiện là vô si.*

*Do câu "Một người tâm định tĩnh thì biết và thấy đúng" (A.v,3),* ***nhân gần của tuệ là định****. (VisM.18)*

Thật ra, mối liên hệ từ Giới đến tri kiến giải thoát là:

*Này các Tỷ- kheo, với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có nhân gần.*

*Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ, hân hoan có nhân gần.*

*Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy đủ, hoan hỷ có nhân gần.*

*Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ, khinh an có nhân gần.*

*Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ, an lạc có nhân gần.*

*Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy đủ, chánh định có nhân gần.*

*Với chánh định có mặt,* ***với chánh định có đầy đủ, như thật tri kiến có nhân gần****.*

*Với như thật tri kiến có mặt,* ***với như thật tri kiến có đầy đủ, nhàm chán, ly tham có nhân gần****.*

*Với nhàm chán, ly tham có mặt, với nhàm chán, ly tham có đầy đủ, giải thoát tri kiến có nhân gần.(A.10.3)*

Vì Định là nhân gần của Tuệ nên người có tuệ căn yếu, ít ba-la-mật thiền Tuệ cần dựa vào định lực định an chỉ *mới có thể hành thiền tuệ, thấy biết 5 uẩn và duyên sinh* của chúng.

Pháp hành thiền tuệ theo cách thuần quán, tức quán dựa trên nền tảng cận định của thiền tứ đại, chỉ hợp với ai có nhiều ba-la-mật thiền Tuệ quá khứ, có tuệ căn giác ngộ cao.

Thật ra, trình độ học vấn không liên can gì đến tuệ giác. Tuệ căn giác ngộ là *do duyên sinh*, do *nỗ lực quá khứ-hiện tại*, không phải lối sống vội, muốn mau giải thoát là có tuệ cao. Thực chất, người thời nay hầu hết có tham sân si nhiều hơn nhưng tuệ căn giác ngộ thấp hơn phần lớn người thời xưa nên hầu như không thể giải thoát bằng cỗ xe thuần quán.

Thật ra, người có tuệ giác cao như là kẻ nhà giàu, vốn dĩ họ đã tu tập cả nhân gần của tuệ là thiền định lẫn thiền tuệ lâu dài trong các kiếp quá khứ. Vì vậy, họ có thể mau chóng giác ngộ cả *theo cách mau chóng đắc định* để hành theo cỗ xe tịnh chỉ lẫn cách trực tiếp hành theo cỗ xe thuần quán.

Người có tuệ căn và ba-la-mật ít chỉ có thể thành công hay dễ dàng mau hơn nhờ hành thiền Tuệ dựa trên lực định an chỉ. Phật động viên các đệ tử thực hành thiền Định không phải là để làm khó, làm hại sự giải thoát của đệ tử.

Người có *ít ba-la-mật thiền tuệ* thì *không thể đi tắt đón đầu* bằng *con đường thuần quán*. Ngỡ trực tiếp thuần quán thì sẽ mau chóng nhưng thật ra nó là *lâu dài, chông gai, bất khả thi* so với quán trên nền tảng định lực an chỉ. Ví như chèo bè qua sông thì tuy phải dùng bè nhưng lại nhanh chóng, thoải mái, không bị đứt hơi, nghỉ bơi giữa đường hơn khi bơi thẳng, cũng vậy, người có tuệ căn yếu thì hành thiền tuệ trên nền tảng định an chỉ thì sẽ dễ dàng, mau chóng hơn. Định lực không đủ thì không đủ sức Tuệ quán đúng 5 uẩn.

Sau khi thấy biết thế gian là các tập hợp 5 uẩn, thấy biết *đặc tính, chức năng, biểu hiện, nhân gần* của 5 uẩn cũng như các *duyên sinh của chúng* thì cần quán bản chất chung của chúng là *vô thường (do sinh-diệt), khổ (vì phải chịu sinh-diệt), vô ngã (không có quyền chấm dứt sự khổ)*. Đây gọi là thiền Tuệ.

> *Sắc, này các Tỷ-kheo,* ***là vô thường****;* ***cái gì vô thường là khổ****;* ***cái gì khổ là vô ngã****; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".*
>
> *Thọ...tưởng...hành...thức... (S.iii,22)*

Do duyên quán bản chất của 5 uẩn và 12 nhân duyên là vô thường, khổ, vô ngã mà các đệ tử Phật đi đến viên mãn trí nhàm chán ly tham, đoạn tận tham sân si đối với 5 uẩn cả ở trong-ngoài và 3 thời quá khứ, vị lai, hiện tại... đạt được tri kiến giải thoát.

*Với người có giới, này các Tỷ-kheo, với người gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ.*

*Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu.*

*Do như thật tri kiến có mặt,* ***với người như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu****.*

*Do nhàm chán, ly tham có mặt,* ***với người nhàm chán ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu****. (A.5.24)*

Thật ra, ai có thể từ bỏ được 5 triền cái để đắc thiền Định thì cũng có thể xuất định để hành thiền Tuệ. Tuy vậy, những ai mê danh tu tập thiền Tuệ thì sợ lạc của pháp thượng nhân thiền định chứ không sợ tham dục, 5 triền cái hạ liệt. Họ chỉ thích dùng tâm hạ liệt bị 5 triền cái chế ngự để tuệ tri các sự thật cao thượng, trái với lời Phật *"phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng" (S.ii,27)*. Thật ra, thứ thiền gắn với các uế nhiễm 5 triền cái, không thấy biết pháp chân đế thì *chẳng liên can gì đến thiền Tuệ*. Thực chất, đó là thứ giới cấm thủ, không đưa đến mục đích giác ngộ, giải thoát khổ. Do nghĩ hành thiền Tuệ thì dễ hơn và mau giác ngộ hơn thiền Định, nghĩ có thể hành thiền Tuệ mà không cần Chánh Định nên có nhiều người bỏ thiền Định, trực tiếp hành *"thiền Tuệ"* dựa trên sát-na định 5 triền cái có đối tượng là tục đế. Họ không biết rằng không có móng thì không có nhà, không có Giới Định thì không có Tuệ.

*- Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất**. Này Kassapa, có năm thối pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?*

*Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp, sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng, **sống không tôn kính, không tùy thuận học giới, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiền định**. (S.ii,223)*

Xác định đạo Phật là đạo trí tuệ, nhiều người cho rằng đức Phật là người có trí tuệ, họ cũng là người có trí tuệ, Phật không thầy, tự mình tìm ra con đường giải thoát sinh tử, họ cũng có thể tìm ra con đường mới giải thoát sinh tử, Phật đã thực chứng và tuyên thuyết sự giải thoát khỏi sinh tử và con đường đi đến sự giải thoát sinh tử, thì họ cũng đang giải thoát sinh tử và đang tuyên thuyết con đường giải thoát sinh tử của riêng mình. Không biết mình vô minh, đối lập với bậc Giác Ngộ, không quan tâm đến kinh điển, đức Phật dạy gì, không cần Giới Định Tuệ, họ tin mình sẽ giải thoát, giác ngộ Niết-bàn. Người trí thì tin họ đã thoát khỏi trí tuệ, sẽ nhanh chóng giác ngộ *"Niết-bàn"*. Dĩ nhiên thứ Niết-bàn tân thời của họ không có liên can gì đến Niết-bàn đoạn tận tham sân si, chấm dứt khổ sinh tử luân hồi của đạo Phật.

# Danh Sách Chữ Viết Tắt

A. Tăng Chi Bộ (Aṅguttara Nikāya )

D. Trường Bộ (Dīgha Nikāya)

M. Trung Bộ (Majjhima Nikāya)

S. Tương Ưng Bộ (Saṃyutta Nikāya)

TT. Tiểu Bộ - Tiểu Tụng (Khuddakapātha)

PC. Tiểu Bộ - Kinh Pháp Cú (Dhammapada)

DhpA. Tiểu Bộ - Chú Giải Kinh Pháp Cú

Sn. Tiểu Bộ - Kinh Tập (Sutta Nipāta)

Ud. Tiểu Bộ - Cảm Hứng Ngữ (Udāna)

Thera. Tiểu Bộ - Trưởng Lão Kệ (Theragathā)

VsM. Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga)

Vin.Vi. Tạng Luật - Phân Tích Giới Tỷ-kheo (Bhikkhuvibhanga)

Vin.Mv. Tạng Luật - Đại Phẩm (Mahāvagga)

Vin.Cv. Tạng Luật - Tiểu Phẩm (Cullavagga)

Vin.Par. Tạng Luật - Bộ Tập Yếu (Parivāra)